NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 168 • APRIL 2003

THẾ KỶ 21

14771 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky21@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 839-8746

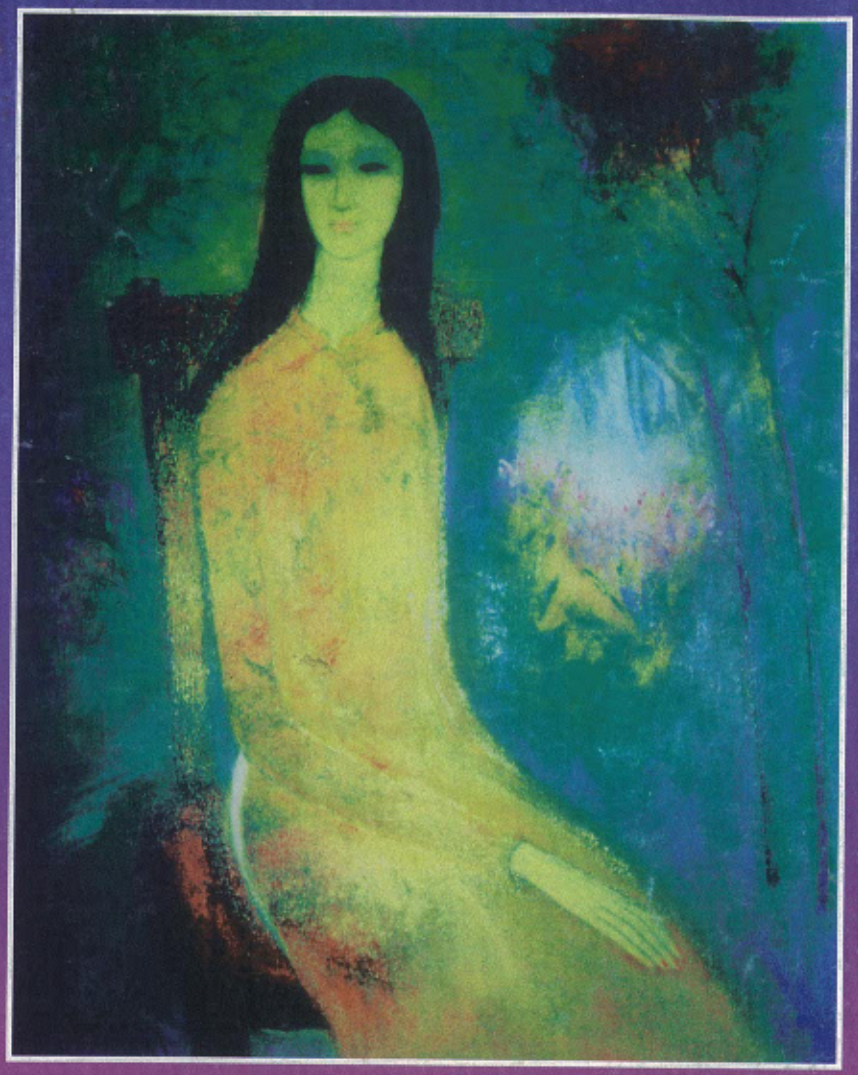

THÁNH CHIẾN CHỐNG LẠI ĐỒNG HÓA THẾ GIỚI
CỔ LŨY

CHIẾN TRANH IRAQ

TRUYỆN MỘT NGƯỜI LÍNH GƯƠNG MẪU
HOÀNG KHỞI PHONG

Đài Phát Thanh VNCR 106.3 FM

Viet Nam California Radio

Vùng thẩm âm rộng ra ngoài Orange County:
Los Angeles, Pasadena, Riverside, Capistrano đều nghe được.
Với Tin Tức, Thời Sự mỗi ngày phối hợp giữa VNCR và Saigon Houston (Texas)

14781 Moran Street, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 891-8142 * (714) 891-8152 * (714) 891-8162 * (714) 891-8172
Fax: (714) 891-8190

Thúy Nga

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

HƠN 4,000 KHÁN GIẢ DỰ KIẾN MỘT SHOW

CA - VŨ - NHẠC - KỊCH VĨ ĐẠI TẠI

KNOTT'S BERRY FARM

PHÁT HÀNH DƯỚI 2 DẠNG: VIDEO & DVD

PARIS BY NIGHT 68

CHỦ ĐỀ: NỬA VẦNG TRĂNG

SẼ PHÁT HÀNH TRƯỚC LỄ PHỤC SINH 22-03-03

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

VỚI SỰ GÓP MẶT CỦA CÁC CA SĨ NỔI TIẾNG

KHÁNH LY, KHÁNH HÀ, NHƯ QUỲNH, LƯU BÍCH, PHI NHUNG,
BẢO HÂN, MINH TUYẾT, TÚ QUYÊN, NHƯ LOAN, LOAN CHÂU,
LYNDA TRANG ĐÀI, PHƯƠNG DIỄM HẠNH,
NGỌC HẠ, THÚY TIỄN, LA SƯƠNG SƯƠNG
NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TOMMY NGÔ, ĐAN HỒ, NHẬT TRUNG
MẠNH QUỲNH, TRƯỜNG VŨ, LÂM NHẬT TIẾN, QUANG LÊ
LƯƠNG TÙNG QUANG, TRẦN THÁI HÒA, TƯỜNG NGUYÊN
BAN NHẠC LIBERTY & VŨ ĐOÀN PARIS BY NIGHT

HÀI KỊCH "TIẾNG HÁT ĐIÊU THUYỀN"

CHÍ TÀI, HỒNG ĐÀO, QUANG MINH, KIỀU LINH, CALVIN HIỆP

LIÊN LẠC TRUNG TÂM THÚY NGA

714-894-5811

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : **Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa**

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ Giá trả tiền trước (prepaid)				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/$15	$50/$30	$100/$60	$180/$100	5x9cm
1/4 page	$35/$30	$100/$85	$180/$155	$355/$290	11x7cm
1/2 page	$70/$60	$180/$150	$350/$280	$600/$500	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/$80	$250/$200	$450/$370	$850/$700	15x14.5cm
1 page	$130/$100	$320/$270	$600/$500	$1000/$900	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

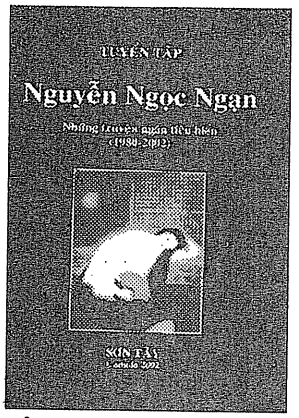

TUYỂN TẬP NGUYỄN NGỌC NGẠN
Gồm những truyện ngắn tiêu biểu viết từ 1980 đến 2002 của nhà văn **Nguyễn Ngọc Ngạn,** người có tài kể chuyện bằng cái nhìn sâu sắc và tinh tế, cộng thêm lối hành văn giản dị, dí dỏm và trong sáng. Sách dày 814 trang, bìa cứng, in ấn mỹ thuật. **Giá 37 Mỹ kim.**

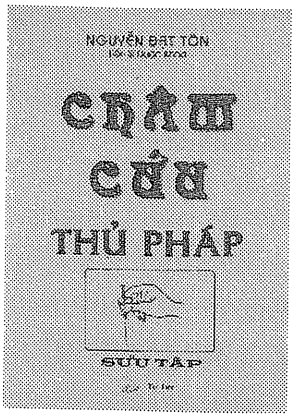

CHÂM CỨU THỦ PHÁP
Biên khảo của Tiến sĩ Dược khoa **NGUYỄN ĐẠT TÔN** - Sách dày trên 500 trang khổ lớn, chỉ dẫn cặn kẽ về lý thuyết châm cứu, về các huyệt trên cơ thể với hình vẽ rõ ràng, về phương pháp định huyệt và sử dụng huyệt v.v... sẽ giúp ích hữu hiệu cho những ai muốn tự học hay tìm hiểu về khoa châm cứu. **Giá 30 Mỹ kim.**

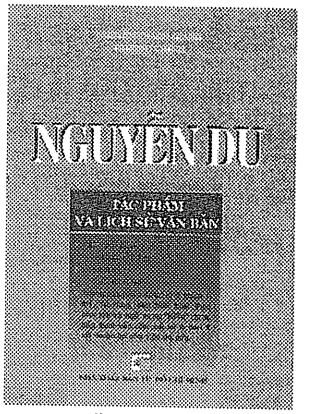

NGUYỄN DU, TÁC PHẨM VÀ LỊCH SỬ VĂN BẢN
Biên khảo của **NGUYỄN THẠCH GIANG và TRƯƠNG CHÍNH** - Gồm hai phần thơ quốc âm và thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Có phần chú thích tỉ mỉ rõ ràng, kèm theo phụ lục và ngữ vựng "Kiều" được xếp theo vần ABC, rất thuận lợi cho việc tra cứu. **Giá 26 Mỹ kim**

LUẬN VỀ QUỐC HỌC
Nghiên cứu khảo luận của nhiều tác giả viết từ đầu thế kỷ 20 đến năm 1945. Đây là những bài viết có giá trị về nhiều mặt của một số cây bút nổi tiếng thời đó như Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Khôi, Hoàng Đạo v.v.. **Giá 16 Mỹ kim.**

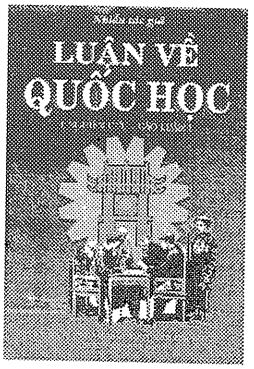

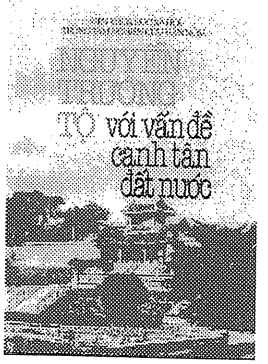

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VỚI VẤN ĐỀ CANH TÂN ĐẤT NƯỚC
Gồm bài của nhiều tác giả nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ, một trí thức đầy tâm huyết với dân tộc và đất nước, có một cấp độ tư duy hết sức sâu sắc, toàn diện và mới lạ của con người Việt Nam ở thế kỷ 19. **Giá 13 Mỹ kim.**

NƯỚC ĐỤC
Truyện dài của **NGUYỄN NGỌC NGẠN**
Một tác phẩm tiêu biểu, được viết từ năm 1984 đến 1986, và đây là lần tái bản thứ 5 tại Hoa Kỳ. Truyện mô tả nhiều thực trạng sống động trong cộng đồng tị nạn Việt Nam tại nước ngoài. **Giá 22 Mỹ kim.**

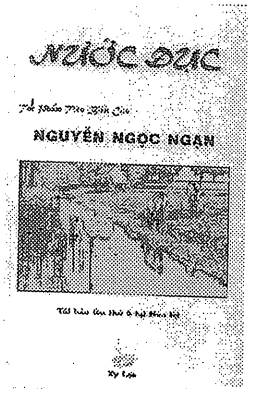

BÀN TAY VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI
Biên khảo của **TRANG CHẤN TÂY,** người dịch: **NGUYỄN AN**
Quyển sách giúp bạn có thể từ hai bàn tay nhận biết được những thông tin của trạng thái sức khỏe của mình hoặc của người khác, qua đường chỉ tay và hình thái khí sắc của các khu vực trên bàn tay.
Giá: Bìa cứng 20 Mỹ kim; bìa mềm 16 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding & Real Estate
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Tri sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: tranh của họa sĩ **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm** - Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành**, Nguyễn Trung Tín, tư liệu

MỤC LỤC

Số 168 – Tháng Tư 2003

CHIẾN TRANH IRAQ
10. Nước Mỹ trong thế giới đang thay đổi – **Ngô Nhân Dụng**
15. Nhìn về cuộc chiến ở Iraq – **Vũ Ánh**
19. Khía cạnh pháp lý của việc Mỹ đánh Iraq – **Xuân Quang**
22. Xem chiến tranh Iraq như ở ngay sát mặt trận – **Vũ Thụy Hoàng**
25. Vấn đề Iraq và thế cân bằng mới trên chính trường thế giới – **Hoàng Quế**
THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
29. Chấm dứt tình trạng nô lệ kéo dài trong xã hội VN – **Tôn Thất Thiện**
36. Việt Nam trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ ở Á châu – **Nguyễn Mạnh Hùng**
40. Xem lại vụ kiện cá tra – **Phạm Đỗ Chí** và **Nguyễn Tiến Triển**
43. Thánh chiến chống lại đồng hóa thế giới – **Cổ Lũy**
VĂN HÓA – NGHỆ THUẬT
58. Lý thuyết giáo huấn và chính sách "trồng người" – **Nguyễn Hữu Chi**
64. Cô gái Huế với tranh thiếu nữ của họa sĩ Đinh Cường – **Phạm Thành Châu**
92. Gốc rễ văn hóa Phật Khổng Lão... – **Lưu Văn Vịnh**
KHOA HỌC – NHÂN VẬT
72. Rosalind – **Nguyễn Đức Tường**
80. Một mảnh sao băng – **Vũ Thư Hiên**
102. Vài khía cạnh về y học trong xóm Bình Khang... – **Lê Văn Lân**
VĂN
69. Nhật ký du hành – **Nguyễn Doãn Vượng**
83. Truyện một người lính gương mẫu – **Hoàng Khởi Phong**
97. Tôi vượt biên – **Tô Hồng Đức**
106. Chung cư – **Nguyễn Đức Tường**
111. Rơi trái ấu thơ – **An Phú Vang**
THƠ
77. Người ơi – **Khánh Hà**. 81. Mẹ tôi – **Huỳnh Liễu Ngạn**. 87. Mây ơi đừng nhớ mong – **Nguyễn Hà Tuệ**. 100. Chữ nghĩa – **Nguyệt Thư**. 108. Con diều, em – **Sương Mai**. 110. Yêu em - **Lý Nguyễn Thiên Quý**. 112. Người lính thiên thu – **Trương Nghĩa Kỳ**. 117. Khúc cuối – **Trần Công Nghị**
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư Trị sự
52. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
56. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo**
114. Sách báo: - Đọc 'Con Nữ' của Đỗ Quỳnh Dao – **Bùi Bích Hà**
116. — - Hành trình của một kinh tế gia – **Bùi Văn Phú**
118. Chân trời Văn học Nghệ thuật – **Anh Thành, XS**

Khi nhà nhiếp ảnh viết văn

Có lẽ không ít độc giả đã biết đến tên Tôn Nữ Thu Nga qua bức ảnh 'Rừng Thu' mà Tạp chí Thế Kỷ 21 đã dùng làm bìa cho số báo tháng 10/1999 (số 126). Chị là một nhiếp ảnh gia và còn là một người viết lách. Thỉnh thoảng tên chị lại xuất hiện trên TK 21 với truyện ngắn hoặc các bài thể loại khác.

Trong Thế Kỷ 21 số tháng 3/ 2003 (số 167) tôi lại được đọc một bài ký sự du lịch của nhà nhiếp ảnh này, "Sương Khói Sapa." Rất thích. Ngoài cái "lợi ích" được biết đôi điều về một nơi chốn mình chưa đặt chân đến, đọc "Sương Khói Sapa" tôi khám phá ra cái tương quan và gần gũi của hai việc dùng máy ảnh và dùng ngòi bút! Tôi nghĩ, để có một bức ảnh nghệ thuật, người chụp ảnh phải lựa một góc nhìn, phải trừu tượng hóa một tổng thể, v.v. ; trí tưởng tượng, óc sáng tạo đều dự phần. Trong "Sương Khói Sapa," để mô tả cái cảnh sương khói chợt đến chợt đi trên các điểm cao, Tôn Nữ Thu Nga viết, "...chỉ khoảng mười lăm phút sau sương lại tan dần như có bàn tay bí mật nào đó vén giùm tôi tấm màn voan mỏng phủ che thành phố." Rồi sắp rời một nơi còn nhiều lưu luyến, nhìn những tấm vải người ta phơi nhà nhiếp ảnh này hạ bút viết một câu thật tượng hình, "...các tấm vải phơi phới bay như các bàn tay vẫy chào tạm biệt."

Tôi nghĩ để viết các đoạn văn trên có lẽ tác giả đã áp dụng một bút pháp riêng, tạm gọi là "bút pháp chụp hình."

Hà Kỳ Lam
(Pennsauken, New Jersey)

Bàn thêm chuyện "ăn chắc"

Nói là bàn thêm, vì câu «tứ thập nhi bất hoặc» của cụ Khổng, tôi, Nguyễn Văn Thực, dịch là «40 tuổi làm chuyện gì *ăn chắc* chuyện đó» , dịch như thế, ông Lưu Văn Vịnh, trong TK21, số xuân Quí Mùi, cho là e đi hơi xa nghĩa gốc. Và để chứng minh cho chuyện «e đi hơi xa» đó, tiên sinh họ Lưu dẫn lời giảng của cụ Phan Bội Châu về câu «tứ thập...» : « *(Cụ Khổng) đến 40 mươi tuổi mới thông hết sự lý trong thiên hạ, việc gì phải hay trái, người nào tốt hay xấu, thảy xem xét biện biệt được rành rõi, không đến nỗi sai lầm.*» Khi dùng mệnh đề «không đến nỗi sai lầm», chính cụ Phan đã tự mâu thuẫn với cường độ khẳng định của những mệnh đề trước, là những mệnh đề có những từ «thông hết» , «rành rõi» . Theo luận lý học, câu giảng của cụ Phan là vô giá trị. Tuy nhiên, nếu chúng ta giả sử cụ Phan vì khiêm cung nề nếp nho phong, nên viết sẩy ra như thế, chúng ta thử gạch mệnh đề mang tính mâu thuẫn «không đến nỗi sai lầm» đi . Gạch rồi, nhìn vào những mệnh đề còn lại, sẽ thấy lời bàn của cụ Phan rõ ràng là đi quá xa, xa hơn câu dịch của NVT, về chuyện «ăn chắc», vì mệnh đề «Làm chuyện gì ăn chắc chuyện đó» dịch bởi NVT yếu hơn mệnh đề «Thông hết mọi sự lý trong thiên hạ...» của cụ Phan rất nhiều.

Rồi nữa: Mãi tới lúc 60 tuổi *«lúc bấy giờ sức tri với sức hành, học vấn với kinh nghiệm thảy đều thập phần chu đáo, nên đối với sự lý nhân vật trong thiên hạ, hễ vật nào lọt vào tai phán đoán được ngay, không một điều gì chướng ngại bên tai nữa»* thì rõ ràng tiên sinh họ Lưu, dùng lời cụ Phan, cho là cụ Khổng, không phải vào 40, nhưng mãi tới 60 mới «ăn chắc,» thế thì tại sao ông Lưu lại còn viết: «Cả đời cụ Khổng cũng không 'ăn chắc' mọi chuyện, nên 68 tuổi cụ và môn đệ quay về nước Lỗ soạn sách dậy học...» Sao lại lạ vậy? Cả đời đã không ăn chắc mọi chuyện, sao tuổi 60 lại ăn chắc? Tuổi 60 không thuộc về cả đời hay sao?

Ngoài ra, nếu cụ Khổng không ăn chắc mọi chuyện, như ông Lưu đã tìm ra, thế thì kiến thức trị nước của cụ Khổng có chắc ăn không? Và nếu không, sao cụ lại vất vả đi đây đi đó để mong thực hiện kiến thức trị nước của mình? Như thế, cụ Khổng có phải là một nhà chính trị tài tử? Mà: «Người làm chính trị tài tử, họ có ý định tốt, nhưng những lối hành xử vụng về, không chuyên của kẻ này có thể làm tổn hại những quyền lợi người dân mà kẻ đó ước ao làm cho tốt đẹp hơn.» - Aleksander Kwasniewski, đương kim tổng thống Ba Lan, đã phát biểu như vậy, và ông, một cách lịch sự, gọi những người làm chính trị tài tử như thế là loại người làm chính trị không thành thật. (Từ «không thành thật» người bình dân gọi là «đồ ba xạo».) Vậy, cụ Khổng là cái «đồ ba xạo» hay sao? Thưa không, kiến thức trị nước của cụ ăn chắc, nhưng cụ gặp phải các vua chúa chư hầu là những kẻ không chắc ăn mà cứ tự cao tự đại nghĩ mình là ăn chắc, những kẻ «ba xạo» chính hiệu, nên cụ Khổng mới quay về dạy học cho chắc ăn. Mà đã chắc ăn thiệt chưa? vì cứ xem sự biến hoá nơi học thuyết của cụ, thì lại thấy chẳng ăn chắc gì, bởi chẳng những đã có những thầy nho tuy thành tâm thiện ý mà, tiếc thay, đã vô tình diễn sai ý tứ của cụ, mà còn có những kẻ cố ý vẽ rồng vẽ rắn, thậm chí có cả những phường lươn lẹo: «Công an nhân dân Trung với Đảng, Hiếu với dân, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù

nào cũng đánh thắng.»

Cụ Phan cũng như tiên sinh họ Lưu, vv... đã cố gắng giảng giải, bình luận học thuyết của cụ Khổng như bao tiền bối từ hơn 2000 năm nay, vì học thuyết của cụ Khổng, cũng như của những nhà lập thuyết khác như đức Phật, đức Giêsu, những vị đã đưa ra những học thuyết còn thô sơ, thậm chí chưa hoàn chỉnh; và những nhà chú giải, bình luận là những người làm cho các lý thuyết đó khởi sắc hơn, hoàn chỉnh hơn (Suzuki).

Hoặc tệ hại hơn.

Nguyễn Văn Thực (Na Uy)

Ngộ Nhận

Trong Thế Kỷ 21 số Tân Niên (số 167 tháng 3/2003), đọc bài "Vài nét về chiến cụ và chiến thuật" của Trần Quán Niệm, một độc giả với ít nhiều kinh nghiệm chiến trường hẳn dễ thấy vài ngộ nhận của tác giả. Phần đầu nói về chiến cụ mới, chẳng có gì để bàn, vì viết theo tài liệu. Phần sau, nói về chiến thuật mới của Mỹ, tuy cũng theo tài liệu, nhưng tác giả có đưa vào cảm nghĩ của mình, và chính ở đó mới có ngộ nhận và định kiến thiếu khách quan. Chẳng hạn, tác giả cho rằng không thể phối hợp hiệu quả giữa bộ binh và không quân, vì phi công có thể né tránh nguy hiểm, hoặc vì nhiên liệu giới hạn, không tích cực yểm trợ quân bạn dưới đất. Điều đó, trong quân lực VNCH ngày trước thảng hoặc có xảy ra, nhưng không phải là một cái gì cố hữu, và định kiến đó không phải ở đâu cũng áp dụng được. Không quân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam đã chứng tỏ một điều ngược lại: gan dạ, đầy tinh thần kỷ luật và trách nhiệm, hết lòng với bộ binh. Ở một điểm khác, đề cập đến việc điều khiển phi công oanh kích, tác giả có vẻ lúng túng với thuật ngữ quân sự, khi gọi những người làm công tác này dưới đất là chuyên viên chỉ điểm và chú thích Anh ngữ là controller. Quân lực VNCH ngày trước gọi những quân nhân không quân này (thấp tùng lực lượng bộ binh) là *sĩ quan điều không tiền tuyến*, để dịch chữ *forward air controller* của binh thư Mỹ. Nhưng điều ngộ nhận của người viết mới chính là điều đáng nói: tác giả tưởng rằng người *điều không tiền tuyến* phải bò sát tới mục tiêu địch để chỉ điểm cho phi công oanh kích. Cho nên tác giả đã viết rằng nếu anh ta sợ không dám tới gần địch thì "đành nằm ở xa, phóng đại tia laser ra, tới đâu hay tới đó." Thực ra, sĩ quan điều không tiền tuyến đi với lực lượng bộ binh, được bảo vệ, chứ không đơn độc như các trinh sát viên. Ngộ nhận!

Thân Trọng Bình (Texas)

Y Học trong Kiều

Thế Kỷ 21 số 165-166 Xuân Quý Mùi 2003 có đăng bài "Chuyện Y Học trong Kiều" của Lê Văn Lân mà tài liệu biên khảo rất súc tích mới lạ, bổ ích cho sự nghiên cứu về một kiệt tác văn chương của Việt Nam. Tác giả viết: "Do đó, nói chuyện Y học trong cuốn Kiều không những là mới mẻ mà là một sự khảo sát một tác phẩm thời danh..." (tr. 45), làm tôi nhớ lại những công trình nghiên cứu biên khảo của cố bác sĩ Nguyễn Đình Cát, Giáo sư bệnh lý Nhãn khoa Y Khoa Đại Học Đường Sài Gòn.

Vào những năm 1976- 1977, ở Bệnh viện Bình Dân, khu Nhãn Khoa, Thầy Cát đã giao cho tôi tìm tài liệu để thuyết trình đề tài "Thử tìm hiểu vài khía cạnh Y chứng trong Truyện Kiều của Nguyễn Du." Khi bàn luận đến hai câu ở đoạn đầu sách:

Đầu lòng hai ả Tố Nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân

thầy đã cho ý kiến dẫn nhập là thân mẫu của Kiều đẻ sinh đôi. Vì theo Sản phụ khoa, "sinh con đầu lòng" mà "hai ả" thì bắt buộc phải song thai. Hai chị em Kiều-Vân vì thế chính là kết quả của một vụ sinh đôi, Kiều ra trước làm chị, Vân ra sau làm em.

Tác giả Lê Văn Lân còn viết: "Giáo sư Y Khoa Nguyễn Đình Cát đã 'Phân tách nước mắt của nàng Kiều'..." (tr. 46).

Trong thời gian khá dài được Thầy Cát hướng dẫn hợp soạn những tài liệu văn học sử và chuyên môn Y học, tôi không thấy Thầy có bài nào đề cập đến chủ đề này. Chỉ có một bài thuyết trình Thầy đã đọc tại Hội trường bệnh viện Bình Dân ngày 10 tháng 01-1978 mang tựa đề "Nước Mắt Con Người," trong đó Thầy đã nhắc đến câu thơ của Thế Lữ. "Không khóc vì chưng mắt đã khô" và Thầy giải thích "mắt khô" là do chứng "Xérophtalmie"; và câu tục ngữ "đổ mồ hôi, sôi nước mắt" là chỉ đời sống nhà nông cày bừa cực khổ...

Thầy Cát đã qua đời năm 1987 tại Hamilton, Canada vì chứng ung thư gan, hưởng thọ 76 tuổi. Những tài liệu trên hiện tôi còn lưu giữ, cùng một số bài khác của Thầy đã trao cho tôi trước khi từ trần. Tôi viết những lời đóng góp này với Thế Kỷ 21, với tác giả Lê Văn Lân, như là một tưởng niệm một bậc Thầy khả kính của Y Khoa Việt Nam.

Phụng Hồng
(Winter Park, Florida)

Là một hay là... hai người khác nhau?

Trong Thế Kỷ 21 số tháng Ba 2003 tôi đọc được bài thơ "Có nhiều khi" của tác giả Tôn Nữ Thu Dung và nhận ra có những đoạn giống như bài thơ "Xuân

Về Ban Mê Thuộc" của tác giả Đặng Thị Quế Phượng đăng trong tuyển tập Trăng Đất Khách do Làng Văn xuất bản. Hai bài rất giống nhau, chỉ khác ở vị trí những đoạn thơ, và một vài câu, một vài chữ, ví dụ "tôi muốn hỏi một người đang ở núi" của tác giả ĐTQPh thì trở thành "tôi muốn biết những người đang ở đó" trong bài của TNThD; hay "... hoa cà phê màu trắng..." trở thành "... Những hoa sầu đông trắng..." v.v... và v.v...

Vì hai bài quá giống nhau, tôi thắc mắc có phải đó là do cùng một người viết ra mà ký hai bút hiệu?

Nhưng nhà thơ Đặng Thị Quế Phượng theo tôi biết hiện đang sống ở Âu châu, và tác giả Tôn Nữ Thu Dung dưới bài thơ đăng trên Thế Kỷ 21 ghi nơi sáng tác là Nha Trang -- những từ 1980. Tôi cũng thắc mắc có phải Tôn Nữ Thu Dung – Nha Trang – là tác giả của những bài văn cũng như truyện đã từng đăng trong tạp chí Tuổi Hoa trước năm 1975 không?

Caobinhminh (Internet)

Thư về Ban-Mê-Thuột

Sau khi đọc bài thơ "Có nhiều khi" của Tôn Nữ Thu Dung đăng trên Thế Kỷ 21 số 167 tháng Ba 2003, tôi thấy ngờ ngợ như vừa đọc ở đâu đây một bài gần giống như vậy. Tôi ngỏ ý ấy với bà xã tôi, bả liền đọc bài thơ, và phán liền: "Trong Đặc san Việt Ánh chớ đâu!" Mảnh xương sườn của tôi lục lọi một lúc rồi đưa cho tôi tờ Đặc san Việt Ánh số 2, Tháng Hai 2003 xuất bản ở Quận Cam, trang 30 có bài thơ như sau:

Thư Về Ban-Mê-Thuột
Đặng Thị Quế Phượng

Tôi muốn hỏi một người đang ở núi
Có bao giờ nghe gió nhắn gì không?
Tôi muốn biết đất trong vườn hoang dại
Vừa nở thêm được mấy nụ hồng?

Tôi muốn biết những hoa thạch thảo
hoa cánh bướm
Có tươi vàng rực rỡ ở trong sương?
Và rất nhiều hoa cỏ dại bên đường
Vẫn âm thầm đua nở khắp đồi nương?

Tôi muốn hỏi những dây đồi thông lặng
Mộng mơ gì sau những tóp mù giăng?
Tôi muốn biết những hoa cà phê màu trắng
Có thoát hồn trong vắng vặc những đêm trăng?

Những người xưa của ai đâu đó?
Có bao giờ thoáng nhớ đến ai không?
Những hôm bão rớt mưa to, nhỏ
Mưa có làm xanh những má hồng?

Tôi vẫn nhớ chỗ người yêu tôi ngủ
Trên đồi cao cỏ mọc rất thong dong
Tôi muốn hỏi những con đường đất nhỏ
Ngõ lên trời chẳng biết có gần không?

Nguyên văn bài thơ trong Việt Ánh là thế, so với bài trong Thế Kỷ 21 của Tôn Nữ Thu Dung thì có ngắn hơn hai đoạn (mỗi đoạn bốn câu). Trong năm đoạn bài của Đặng Thị Quế Phượng mà tôi vừa ghi lại ở trên thì chỉ có đoạn thứ nhì là khác hẳn, còn bốn đoạn còn lại thì giống gần như y hệt các đoạn trong bài Có Nhiều Khi của Tôn Nữ Ngọc Dung đăng ở Thế Kỷ 21.

Tôi nói với vợ tôi: "Theo anh, hai người này là một. Chỉ có thơ của mình mới mạnh dạn bê gần như nguyên con ra xào nấu lại chút đỉnh làm thành bài khác, chứ thơ của người khác thì sức mấy mà dám trắng trợn như vậy, mà làm như vậy để làm gì?"

Vợ tôi tỏ ra lịch lãm: "Em nghĩ có thể đây là một vụ 'đạo thơ.' Có điều chưa biết ai đạo của ai thôi. Trời ơi xưa nay thiếu gì vụ đạo văn đạo thơ mà anh còn nói dám với không dám! Người ta dư sức dám anh ơi. Hãy xem bài Thư Về Ba Mê Thuột, đoạn thứ nhì có một bút pháp khác hẳn những đoạn còn lại, như một miếng vá vải lạ trên một chiếc áo còn rất tử tế. Anh [illegible] nói làm thế để làm gì, thì một là lòng anh quá trong trắng ngây thơ, hai là anh không hiểu gì về lòng người cả. Một chút hão danh thôi anh ơi, là đủ cho người ta làm bao nhiêu điều kỳ quặc."

Nếu đúng như vợ tôi nói thì đây là một sự việc rất đáng buồn. Các tờ báo thì trừ một số trường hợp tình cờ hy hữu, làm sao mà biết được những sự "cầm nhầm" thơ văn của người khác, nếu có người cố tình làm như vậy? Chỉ còn biết trông chờ vào lương tâm, vào lòng tự trọng của người đời thôi. Và chắc chắn trông chờ rất nhiều vào sự quan tâm và sáng suốt của độc giả nữa.

Nguyễn Hùng Bửu
(Westminster, Ca)

Bà mẹ nuôi

Bài "Bà mẹ nuôi của Phùng Quân" trong số 167 hay quá, tôi đọc đi đọc lại mãi mà vẫn còn cười cái dí dỏm của bài này. Những đoạn đối thoại giữa "bà mẹ nuôi" và công an xã thật tuyệt vời, cho thấy cái khôn ngoan truyền đời của các bà mẹ Việt Nam. Các bà đấu tranh, gìn giữ những cái gì bất biến từ đời nọ truyền cho đời kia theo cách của các bà, qua mặt được tất cả những bức bách đè nén của đủ loại chính quyền. Cái các bà gìn giữ chính là đạo lý và truyền thống của Việt Nam. Bài viết của tác giả Xuân Đài như một hoạt cảnh ngắn nhưng nói lên được cái tinh chất đặc biệt ấy. Rất tài tình.

Nhân tiện, xin cho hỏi: tác giả Xuân Đài này có phải là Phạm Xuân Đài của Tòa soạn báo Thế Kỷ 21 không?

Huong Sen (Internet)

Trả lời của Tòa soạn: Xuân Đài và Phạm Xuân Đài là hai người khác nhau.

Con chó chăn cừu

Cái câu ngạn ngữ của người Nga mà tác giả Tưởng Năng Tiến trích thuật trong bài viết của mình (Những Bức Tường Lòng, Thế Kỷ 21 số 167 tháng 3-2003) nhằm minh họa cho tình trạng phân hóa trong cộng đồng Việt Nam e rằng không chính xác. Trích nguyên văn: "*Người Nga có câu ngạn ngữ là nếu thiếu một con chó chăn cừu, vài chục con cừu không thể biến thành một đàn cừu được. Vấn nạn của những cộng đồng người Việt hải ngoại là sự dư thừa loại chó này. Đã thế, phần lớn, đều là... chó dại.*"

Thứ nhất, tôi hiểu câu ngạn ngữ ấy như vầy: vài chục con cừu mà thiếu một con chó canh giữ thì nó sẽ đi lung tung, không "đoàn ngũ hóa" được, nghĩa là không thành "đàn" được. Vai trò con chó chăn cừu là vai trò của người lãnh đạo vậy. Nó có sức mạnh liên kết đám đông lại thành một khối.

Và đó chính là cái mà cộng đồng Việt Nam thiếu chứ không phải "dư thừa loại chó này" như tác giả Tưởng Năng Tiến viết. Nếu có được một hay vài con chó chăn cừu đúng nghĩa thì cộng đồng Việt Nam đâu đến nỗi tan tác như ông Tiến than!

Ý ông Tiến chê các lãnh tụ cộng đồng của chúng ta hầu hết không xứng đáng ("đã thế, phần lớn, đều là... chó dại"). Chưa dám nói ý của ông Tiến là đúng hay sai, nhưng sự ví von của ông thì e rằng có phần lệch lạc, nếu hiểu con chó trong câu ngạn ngữ của người Nga là nhân tố kết hợp được lũ cừu thành một đàn.

Một Con Cừu (Internet)

Đính chánh:

Trong truyện *Nga nga lưỡng nga nga* của Nguyễn Văn Thà, số Xuân Quý Mùi 2003, có chỗ tác giả đề cập đến họa sĩ Delacroix. Thay vì Delacroix, xin chữa lại là *De Vegas*.

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

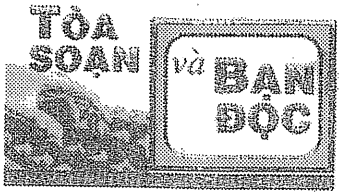

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyệt Thư, Lý Thừa Nghiệp, Phạm Thành Châu, Nguyễn Đức Tường, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Doãn Vượng, Nguyễn Mạnh Hùng, Vũ Thư Hiên, Lê Văn Lân, Phạm Đỗ Chí, Khánh Hà, Xuân Quang, Hoàng Quế, Lưu Văn Vịnh, An Phú Vang, Tô Hồng Đức, Hoàng Khởi Phong, Thơ Thơ, Vũ Thụy Hoàng.

Ngày 23/3/2003

Kính gửi tòa soạn TK 21,

Trong bài viết có tựa đề là «Về» trên TK21 số vừa rồi (167, tháng 3/2003), tôi có đề cập đến một dịch giả ở miền Nam VN trước 1975 đã dịch truyện «L'Exil et le Royaume» của Albert Camus là «Lưu đày và quê nhà.» Do lâu ngày tôi quên tên dịch giả. Vừa rồi tôi được giáo sư Nguyễn Văn Trung (qua một email gửi cho TK21) cho biết dịch giả chính là giáo sư Nguyễn Văn Trung. Bài dịch đã được đăng trong tạp chí «Sáng Tạo» số 6 bộ mới, tháng 12/1960.

Xin được bổ sung cho bài viết chi tiết trên và xin chân thành cám ơn giáo sư Nguyễn Văn Trung.

Trần Doãn Nho

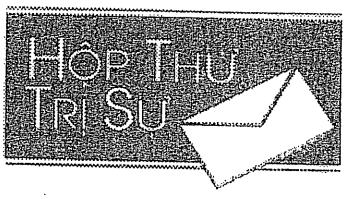

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Tran Binh Nhung CA – Phan T Tam MN – Duong Dinh Nghiep CA – Chau T.M. Le CA – Nguyen Tam CA – Dang Hung CA – Duong Hong Quan CA – Vu V Dinh CA – Le Cong Mung CA – Nguyen Viet Son CA – Phan H Tu IL – Le Ngoc Chan France – Hoang Giang IL – Nguyen Khac Ton CA – Ngo Da Hung CA – VH: Cao Tieu – Nguyen D Diem WA – Tran Duc Thuan CA – Huynh Long MA – Nguyen Dinh Nhac OR – Nguyen Minh Hien VA –

BS Tran Quy Trung MD CA – Nguyen Minh Huan PA – Phan Xuan Hung WA – Le Minh CA – Nguyen Thi Thu & Dat CA – Nguyen Cong Danh CA – Doan Huu Phuong PA – Nguyen Chieu Giang CA – Nguyen Khac Kham CA – Truong Mai Huong CA – Pham Thanh Chau VA – Nguyen Thanh Phan CA – Nguyen Van My CA – Tran Thao OH – Nguyen Dang Vo WA – Nguyen Tan Si CA – Nguyen Ngoc Phong MA – Vu Trong Tien CA – Nguyen V Khoi NV – Nguyen Anh Tuan NJ – Truong Ngoc Tich TX – Tran The Tieu KS – Duong Duc Nhu TX – Ho Tan Mot WA – Duong Thieu Hung MD – Tran Kathy CA – Phung Ngoc Hieu WA – Nguyen Quang Hien TX – Hoang Cuc Huong CA – Lam Ung OR – Ha Thi Minh CA – Tran Thi Thanh CA – Nguyen Thi Chan Quynh NY -

ĐỘC GIẢ MỚI

Pham Anne CA – Lib City Of Maribyrnong Australia -

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

VH Nguyen Van Thuc Norway – VH Ngo Thanh Tam Norway – Nguyen Tan Hung Netherlands.

NƯỚC MỸ TRONG THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI

NGÔ NHÂN DỤNG

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, hai khối Mỹ và Nga khác nhau ở một điều căn bản. Nga muốn điều khiển các nước cộng sản khác theo một hệ thống chỉ huy khá chặt chẽ, nhất là các nước láng giềng Đông Âu. Khi các chính quyền, dân chúng và giới trí thức Hunggary, Tiệp Khắc tỏ ra có ý kiến khác với Mát Cơ Va thì quân Nga ra tay ngăn chặn. Đó là phương pháp của Liên xô, đặt trên căn bản quốc tế vô sản phải đoàn kết.

Ngược lại, nước Mỹ đã sử dụng phương pháp khác. Họ cũng tìm cách gây ảnh hưởng trên những nước được bảo trợ, nhưng cũng thiết lập một mạng lưới các tổ chức quốc tế để thu hút và điều hợp quyền lợi của các nước không cộng sản. NATO, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Liên Hiệp Quốc và các tổ chức phụ thuộc, là những "mạng lưới" để nước Mỹ ảnh hưởng tới các nước đồng minh và trung lập. Quy tắc chính là thương thảo với nhau trong tinh thần dân chủ. Trong thời chiến tranh lạnh, nước Mỹ có thể làm như Nga xô, nếu muốn; tức là buộc các nước không cộng sản phải theo ý mình, nếu không thì bỏ mặc họ cho phong trào cộng sản lũng đoạn hoặc xâm chiếm.

Nhưng các chính phủ Mỹ không làm như Nga Xô, tại sao? Vì một lý tưởng được dân tộc Mỹ đề cao là bảo vệ và truyền bá tinh thần trọng pháp, lối sống dân chủ, tự do. Họ không muốn làm bá chủ thế giới. Ngoài ra, dân tộc trẻ mới hơn 200 tuổi này vẫn có khuynh hướng thu về sống một mình một cõi Mỹ châu. Ngay cả tổng thống Bush trước khi lên cầm quyền cũng bầy tỏ khuynh hướng đó, khi ông nói đến việc rút quân ra khỏi Bosnia hay Nam Hàn về Mỹ; và không muốn can thiệp và chuyện Israel, Palestine như chính phủ Clinton đã cố làm. Chủ trương hành động đơn phương của chính phủ Bush hiện nay chỉ là một biến thái của khuynh hướng cô lập đó. Hành động một mình tức là vừa cứ lập mà vẫn can thiệp. Khuynh hướng đó đã bị thế giới chống lại. Trong năm qua chính phủ nhiều nước được dân bầu lên chỉ vì họ chủ trương chống chính sách của Mỹ, như ở Đức, Nam Hàn, và cả Thổ Nhĩ Kỳ, toàn những nước đồng minh lâu đời của Mỹ. Chính phủ các nước Đông Âu hiện nay ủng hộ Mỹ về vụ Iraq, nhưng đa số dân chúng các nước đó thì chống.

Khi một quốc gia muốn truyền bá định chế dân chủ cho cả thế giới thì rất khó chủ trương hành động đơn phương. Giữa Quyền lực và Dân Chủ có một mối mâu thuẫn tự tại. Nước Mỹ đang phải đối diện với mối mâu thuẫn đó, trên trường quốc tế.

Trong khi chờ trật tự mới

Năm 1990 sau khi khối cộng sản Đông Âu và Liên xô tan rã, cựu tổng thống George Bush I đã tuyên bố một "trật tự thế giới mới" đang thành hình. Nhưng phải đến đời con trai ông, đương kim tổng thống Bush thì trật tự cũ mới bị thử thách. Chúng ta đang chứng kiến sự thay đổi. Các nước Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, v.v. sẽ đổ lỗi cho chính phủ Bush trách nhiệm làm cho cơ cấu Hội đồng Bảo an trở thành bất lực và vô vị vì tổng thống Bush thiếu kiên nhẫn không chờ các thanh tra Liên Hiệp Quốc làm việc thêm. Ngược lại, chính phủ Mỹ sẽ đổ cho Pháp, Nga gây chia rẽ khiến Hội Đồng Bảo An tê liệt, vì họ không dám đối đầu với mối đe dọa mà ông Saddam Hussein gây ra cho thế giới. Lịch sử sẽ cho biết bên nào có lý. Trong những tháng tới Nga và Pháp còn đối đầu với Mỹ về vấn đề vai trò của Liên Hiệp Quốc trong việc tái thiết Iraq.

Khi cựu tổng thống Bush I (cha) nói đến trật tự mới, ông chỉ nêu một cảm tưởng. Nhưng ông Bush II (con) được nghe các lời cố vấn của Phó tổng thống Cheney, Bộ trưởng Quốc Phòng Rumsfeld và cánh hữu trong đảng Cộng Hòa, ông bắt đầu hành động để chứng tỏ vai trò mới của nước Mỹ là có thật. Chính phủ Bush rút ra khỏi năm hiệp ước quốc tế trong hai năm đầu tiên. Họ bỏ hiệp ước Kyoto về bảo vệ khí quyển, chứng tỏ khi cần bảo vệ quyền lợi của các xí nghiệp Mỹ thì nước Mỹ sẽ đứng riêng, tách ra khỏi cộng đồng quốc tế. Chính phủ Bush cũng từ chối không

chấp nhận tòa án hình sự quốc tế vì lo cho binh sĩ Mỹ sẽ bị liên lụy. Mỹ yêu cầu cho các binh sĩ Mỹ khi đóng ở ngoại quốc được miễn khỏi bị truy tố, nhưng không được thỏa mãn, nên không ký. Chính phủ Mỹ nhìn thấy vai trò cảnh sát quốc tế mà nước Mỹ đang phải đảm nhiệm khiến quân đội Mỹ phải có mặt ở khắp nơi trên thế giới.

Năm 1991 chính phủ Bush I vẫn hành động trong khuôn khổ "trật tự cũ": Trong vụ Iraq và Kuwait nước Mỹ chỉ thi hành nghị quyết 678 và 687 của Hội đồng Bảo an. Những năm sau đó, cơ cấu Liên Hiệp Quốc thì không thay đổi mà địa vị của nước Mỹ thì thay đổi rất nhanh. Không những Mỹ vẫn giữ địa vị bá chủ về quân sự mà còn trở thành một mô hình kiểu mẫu về phát triển kinh tế. Các nước Đức, Nhật đã trì trệ vì còn giữ những cơ cấu kinh tế lỗi thời. Trung Quốc mạnh dạn đổi mới, rồi dựa vào việc giao thương với Mỹ mà thay đổi cơ cấu để tư bản hóa kinh tế, dần dần đã được công nhận như một hảo thủ trên sân cỏ tương lai. Các nước Đông Âu và thuộc Liên xô cũ ào ào chạy sang gia nhập các liên minh của phương Tây, từ NATO tới Liên hiệp Âu châu, nhưng trong thâm tâm người dân các nước này coi Mỹ mới là nguồn vốn đầu tư cần thiết của họ.

Cả thế giới đã thay đổi. Nước Mỹ bắt đầu được phép đóng quân ở các nước Á rập giầu dầu hỏa quanh vịnh Ba Tư cũng từ năm 1991. Những tiểu quốc Qatar, Bahrain, Oman mời quân Mỹ lập căn cứ hải, không quân và đặt bộ chỉ huy chiến trường Iraq năm nay. Vụ khủng bố 11 tháng Chín khiến Mỹ phải lãnh đạo một chiến dịch chống khủng bố trên toàn thế giới. Mỹ trở thành đồng minh của Nga trong vụ Chechnya và thỏa hiệp với Trung Quốc trong các vấn đề Tân Cương, Tây Tạng. Thế cân bằng quốc tế đã thay đổi và trong vùng Trung Đông cũng vậy vì nước Mỹ tự xác nhận vai trò siêu cường của họ.

Nhưng cơ cấu Hội đồng Bảo an, một định chế lập ra trước khi có chiến tranh lạnh và được sử dụng nhiều nhất trong thời chiến tranh lạnh, thì vẫn giữ nguyên như hơn 50 năm trước. Chính phủ Mỹ đã thất bại về ngoại giao trước khi đánh Iraq khi không thuyết phục được Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, cũng không thuyết phục được Thổ Nhĩ Kỳ cho phép mượn đường tiến quân vào phía Bắc Iraq. Những thất bại này làm khuynh hướng hành động đơn phương của người Mỹ tăng lên, và gây bất mãn cho thế giới bên ngoài nhiều hơn.

Cuộc chiến Iraq năm 2003 cho thấy nước Mỹ sẵn sàng hành động đơn phương khi thấy cơ cấu Hội đồng Bảo an không thỏa mãn nhu cầu chiến lược của mình. Nhưng quyết định của chính phủ Mỹ sẽ ảnh hưởng tới thế giới tương lai: Nếu nước Mỹ có thể hành động đơn phương ở Iraq lần này thì trong tương lai sẽ tới lúc các "cường quốc hạng nhì" như Nga, Trung Quốc, v.v. cũng có thể theo tiền lệ đó. Tới một lúc nào đó Nga có thể thấy cần "thay đổi chế độ" ở Tajikistan hay Georgia; Trung Quốc có khi sẽ thấy họ cần thay ông Kim Chính Nhất ở Bắc Hàn, hoặc phải ngăn chặn không cho Nhật Bản hoặc Đài Loan chế bom nguyên tử. Còn nước Pháp thì lâu nay vẫn coi việc thành lập các chính phủ vừa ý ở Guinea, Cộng Hòa Trung Phi, hay Côte d'Ivoire, v.v. là thuộc trách nhiệm riêng của họ. Ấn Độ cũng có thể lo lắng nếu thấy Bangladesh tính chế bom nguyên tử với sự trợ lực của Pakistan. Trong mười năm nữa, thế giới sẽ khác hẳn bây giờ, do cuộc tấn công của Mỹ vào Iraq.

Khi thế giới bước vào tình trạng mạnh ai nấy lo, mỗi cường quốc tự bảo vệ quyền lợi của mình đối với các nước nhỏ, thì thế nào cũng xẩy ra xung đột giữa các cường quốc, mà ngay bây giờ chúng ta đã thấy có mầm mống rồi. Khi xung đột trở thành gay gắt mà không có một định chế trọng tài như Hội Đồng Bảo An bây giờ, chắc các nước sẽ phải họp nhau lại thiết lập một "trật tự mới" cụ thể hơn, được định chế hóa rõ ràng trong tinh thần trọng pháp. Trong khi chờ đợi, phải tạm sống trong một tình trạng chuyển tiếp.

Chủ trương của cánh hữu trong đảng Cộng Hòa vẫn coi Liên Hiệp Quốc chỉ là một bộ máy thư lại vô tích sự và phí tiền. Nếu quả thật Mỹ muốn cho Liên Hiệp Quốc không còn vai trò quan trọng như hiện nay nữa, thì điều đó sẽ ảnh hưởng tới các tổ chức quốc tế khác. Trong những năm tới các định chế chính trị, quân sự quốc tế không riêng gì Liên Hiệp Quốc cũng sẽ yếu dần đi. Khối NATO đang chia rẽ vì Mỹ, Anh bất đồng ý kiến với Pháp, Đức, mỗi bên kéo theo các nước hội viên cũ và mới. Khi mối đe dọa của Nga nhẹ bớt thì các nước Đông Âu mới gia nhập khối NATO cũng thấy không cần được nó bảo vệ nữa. Chính tổ chức Liên hiệp Âu châu, vừa mới thành công trong việc dùng đồng tiền euro chung cũng có thể trở thành nạn nhân của thời kỳ chuyển tiếp sắp tới. Khi họ muốn thu hút tiền vốn đầu tư và kỹ thuật, những nước Ba Lan, Tiệp, cho tới Latvia, Lithuania hướng về Anh, Mỹ nhiều không kém gì hướng về Đức và Pháp. Các nước trong Liên hiệp Âu châu sẽ hội nhập chậm hơn, nhiều nước mới có thể đứng lại chờ coi cuộc thí nghiệm sẽ ra

sao, trong khi Pháp và Đức còn lo cải tổ cơ cấu kinh tế và xí nghiệp thì mới tiến nhanh được để kéo theo các nước khác. Trong phiên họp của Liên hiệp gần đây hai chính phủ Pháp và Anh phải gạt bỏ các bất đồng về vấn đề đánh Iraq, nhưng ngay trong chuyện tái thiết Iraq hậu chiến họ cũng không thể nói chuyện với nhau. Những vấn đề như hiến pháp của Liên hiệp Âu châu sẽ được giải quyết chậm hơn.

Khi các liên minh chính trị và quân sự quốc tế yếu đi thì nước Mỹ cũng có lợi trong ngắn hạn. Vì họ vẫn được đóng vai siêu cường bá chủ. Đồng thời nước Mỹ tiếp tục mở rộng những sợi dây liên kết về kinh tế khắp nơi. Sau khi đã thành hình khối mậu dịch tự do Bắc Mỹ NAFTA, bây giờ chính phủ Mỹ đang tiến tới các hiệp ước thương mại tự do song phương, từ Chile đến Singapore, và mạng lưới này sẽ càng ngày càng rộng. Nó sẽ trở thành một câu lạc bộ riêng nằm trong tổ chức Mậu dịch Thế giới. Thử tưởng tượng trong mười năm tới nếu Mỹ ký hiệp ước mậu dịch tự do với Ấn Độ, rồi với Trung Quốc, như đã ký với Canada và Mexico, thì tương lai của một nửa nhân loại sẽ thay đổi như thế nào.

Nhưng nếu nhìn xa hơn thì thời kỳ chuyển tiếp không có một cơ cấu trọng tài quốc tế đủ mạnh cũng sẽ là một thời kỳ nguy hiểm, cho chính nước Mỹ.

Nếu cơ cấu Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc hoàn toàn suy yếu và bất lực sau cuộc chiến Iraq này, thì các cường quốc hạng nhì sẽ thấy họ bị bắt buộc và có thể tự lo lấy phận mình. Những nước có bom nguyên tử rồi sẽ phải tăng cường kho vũ khí của mình cho "tinh khôn" hơn, để nếu cần thì tự vệ. Nếu như Trung Quốc muốn gây ảnh hưởng ở Việt Nam, Lào hoặc Miến Điện, nếu Nga cần thanh toán một chính phủ thù nghịch ở Trung Á mà bị Mỹ ngăn cản thì sao? Họ phải chứng tỏ họ đủ mạnh để thi hành chính sách ngoại giao theo quyền lợi quốc gia của họ. Các cường quốc hạng ba như Nam Hàn, Nhật Bản, Đức, Israel, cho đến Iran, Ai Cập, Indonesia cũng thấy khi thiếu một tổ chức quốc tế trọng tài như Liên Hiệp Quốc thì họ cũng phải tự vệ, bằng cách sản xuất bom nguyên tử và hỏa tiễn tầm xa của họ. Nghèo như Pakistan cũng có bom nguyên tử, tại sao Nam Hàn, Nhật Bản lại không? Nhiều quốc gia sẽ thấy cần lập ra những liên minh quân sự mới để làm đối trọng với Mỹ, hoặc Nga, Trung Quốc, ở trong vùng của họ. Những liên minh này không chống thì cũng đặt vấn đề lại với Mỹ, Nga, Trung Quốc, v.v.. Từ đó, thế giới tiến tới nhu cầu phải có một cơ chế quốc tế mới giải quyết các vấn đề an ninh và hòa bình, giống như Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc bây giờ.

Thế giới đang sống như trong một làng, một làng phải có cái Hội đồng làng, không thể để cho một ông cảnh sát tự đảm trách tất cả mọi việc.

Và ông cảnh sát cũng sẽ thấy không tội gì đóng vai trò bạc bẽo đó mãi. Một siêu cường duy nhất sẽ trở thành cái đích cho mọi nỗi bất bình của mọi người, khi người dân các nước cảm thấy cuộc đời họ lâm vào bế tắc trong nền "trật tự một siêu cường." Đặc biệt là trong thế giới Á rập và Hồi giáo. Đó là một thế giới đang chuyển mình. Lớp những người lãnh đạo 70 tuổi ở Ai Cập, Á rập Sau đi, Pakistan, và các vương quốc nhỏ khác càng ngày càng xa cách dân chúng của họ vì vụ Iraq. Họ đều được chính phủ Mỹ bảo trợ và họ sắp chuyển quyền hành sang một thế hệ mới. Thanh niên Á rập được đi học ở Mỹ và các nước Tây phương khác trở về nhà không có việc làm, họ thấy bất lực vì không thay đổi được xã hội chung quanh, họ sẽ dồn mọi nỗi bất mãn vào nước Mỹ. Cuộc chiến Iraq làm cho nỗi bất mãn đó thêm sôi lên. Những tổ chức khủng bố sẽ tự động mọc lên, một Osama này chết sẽ có Osama khác ra đời. Chính phủ Mỹ sẽ gặp khó khăn khi đối phó với phong trào khủng bố quốc tế nếu không được các chính phủ Âu châu và Á châu hỗ trợ, vì việc theo dõi những cán bộ và đường dây chuyển tiền của những nhóm khủng bố cần phải có nhiều cơ quan tình báo các quốc gia hợp tác mới thành công.

Ngay sau Iraq, những nước Iran, Bắc Hàn có bị "hỏi tội" hay không? Mỹ sẽ hỏi tội một mình hay tìm các đồng minh? Trung Quốc có sẵn sàng giúp Mỹ trong vụ Bắc Hàn hay không? Đổi lại, họ sẽ được lợi gì? Nếu chính phủ một nước có bom nguyên tử như Pakistan rơi vào tay một đảng Hồi giáo quá khích vì họ được dân chúng bầu lên, thì khi đó chính phủ Mỹ có can thiệp để "thay đổi chế độ" như ở Iraq hay không? Sau Pakistan, còn Á rập Sau đi, Ai cập, Jordan, nếu các đảng Hồi Giáo quá khích đắc cử thì sao? Nước Mỹ không thể hô hào xây dựng dân chủ cho Iraq mà cứ bảo vệ các chế độ độc tài khác. Xây dựng dân chủ ở các nước Á rập là một quá trình khó khăn và lâu dài, nhưng theo quyền lợi Mỹ thì việc đó phải thực hiện. Khi các quốc gia cùng theo thể chế dân chủ, cùng tôn trọng các quyền tự do và luật pháp quốc tế, thì chắc không chính phủ nào được dân cho phép bảo trợ các tổ chức khủng bố để chống các nước dân chủ khác nữa.

Mặt khác, nước Mỹ cũng không thể trải quân ra khắp thế giới để giữ trật tự, an ninh, vì ngân sách chính phủ sẽ khiếm hụt trầm trọng thêm. Hiện nay chưa tính đến chi phí đóng quân ở Iraq và tái thiết xứ này, ngân sách chính phủ Mỹ đã dự trù khiếm hụt 400 tỷ trong năm tới. Rõ ràng, nước Mỹ cần một trật tự thế giới mới, để tái lập sự cộng tác quốc tế chống khủng bố, cũng như nửa thế kỷ trước đây Mỹ được nhiều nước cộng tác để chống phong trào cộng sản quốc tế.

Cho nên, cuối cùng, các nhà chính trị Mỹ sẽ phải trở về với truyền thống của các Tổng thống Roosevelt, Truman, cho tới Kenndy, Nixon, phải tham dự, dấn thân vào một thế giới phức tạp, qua các tổ chức quốc tế, với quy tắc dân chủ, tôn trọng chủ quyền các nước, và phù hợp với thực tế. Nếu Liên Hiệp Quốc còn có thể đóng vai trò bảo vệ hòa bình và trật tự quốc tế thì chính nước Mỹ phải giúp phục hoạt tổ chức này, chứ không thể bỏ mặc cho nó tàn lụi.

Vương và Bá

Trong năm tới, ngân sách quốc phòng Mỹ tăng 50 tỷ, riêng con số tăng đó thôi đã lớn hơn tất cả ngân sách quốc phòng của Đức hay Anh quốc. Còn nói đến tổng số thì số tiền nước Mỹ chi vào việc quân sự trong năm tới (322 tỷ) sẽ lớn ngang với chi phí quân sự của tất cả các nước trên thế giới cộng lại, tất cả 191 nước. Đó là chưa kể "ngân sách phụ" cho cuộc chiến Iraq và số tiền cần cho việc tái thiết nước này trong năm đầu tiên, phải thêm hàng trăm tỷ nữa.

Nhưng sức mạnh quân sự là do nước Mỹ cũng là một siêu cường kinh tế. Dân số Mỹ chỉ bằng 5% của thế giới nhưng số sản xuất của Mỹ lớn bằng 43% số sản xuất hoàn cầu, nước Mỹ chế tạo 40% các dụng cụ kỹ thuật cao, và họ chi tiêu một nửa số chi nghiên cứu khoa học kỹ thuật của cả nhân loại. Tổng sản lượng Nội địa của Mỹ cao nhất thế giới, nhưng nói thế chưa đủ, phải biết thêm rằng GDP của ba nước đứng kế là Nhật Bản, Đức và Anh quốc cộng lại cũng chỉ bằng GDP của Mỹ. Địa vị bá chủ kinh tế của Mỹ đã bắt đầu từ hơn 100 năm nay, từ đó đưa tới địa vị bá chủ về quân sự. Sau khi tham dự trễ hai trận đại chiến rồi lãnh đạo các nước đồng minh chiến thắng, từ nửa thế kỷ trước, kinh tế Mỹ đã lớn bằng một nửa GDP của nhân loại rồi. Bây giờ tỷ lệ đó thấp hơn vì các nước Nhật Bản và Âu châu đã chạy thật nhanh để đuổi theo.

Người Mỹ ý thức vai trò đặc biệt của họ. Và tự hỏi: Hoa Kỳ sẽ thi thố vai trò siêu cường của mình như thế nào?

Khi Tổng thống George W. Bush chưa cầm quyền, ông đã chủ trương nên "khiêm tốn" rút về lo việc trong nước. "Khiêm tốn" là lời thú nhận rất thành thật vào năm 2000. Ứng cử viên Bush đã chỉ trích, chê bai tham vọng "xây dựng quốc gia" của các vị tiền nhiệm, đặc biệt là ông Clinton. Bà Condoleezaa Rice, cố vấn an ninh Tòa Bạch ốc, và Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld đã tuyên bố sẽ rút bớt quân Mỹ từ Á rập Sau đi, Bosnia và vùng sa mạc Sinai về nước. Bây giờ ông Rumsfeld vẫn nói đến việc rút quân từ Nam Hàn và Nhật Bản về. Hai người, ngoài bà Rice, có ảnh hưởng lớn đến chính sách đối ngoại của Tổng thống Bush là Phó Tổng thống Cheney và Bộ trưởng Rumsfeld, họ không mấy khi đi công du ra nước ngoài. Trong hơn hai năm qua ông Cheney mới xuất ngoại có một lần để hô hào các nước Á rập chống Iraq, và lần đó không thành công nên chắc ông cũng chán. Ông Rumsfeld thường tuyên bố những lời gây thù nghịch với các đồng minh: Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ và cả Anh quốc. Khi mới nhậm chức, ông đã bãi bỏ các cuộc tập trận liên quân với các nước khác. Để tăng cường sức mạnh quân sự của Mỹ, cả hai ông đều chủ trương phải thiết lập hệ thống hỏa tiễn chống hỏa tiễn; còn các liên minh quân sự trên mặt đất đã bị bỏ rơi. Tình thế hai năm qua khiến họ phải thay đổi.

Ông Rumsfeld rất hay nói thẳng. Ông gọi các nước Pháp, Đức là "Âu châu già," và người dân cũng như chính phủ các nước này không bao giờ quên. Ông ghép Đức vào cùng loại với Cuba và Lybia, hai nước độc tài tàn bạo. Ngày 1 tháng Ba, ngay khi quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ bác bỏ nghị quyết cho phép quân Mỹ mượn đường, ông đã nói nước Mỹ không cần mượn, vì đã có kế hoạch khác. Khi có những đại biểu quốc hội Anh phản đối việc Thủ tướng Blair ủng hộ Mỹ trong vụ Iraq, ông Rumsfeld lại nói: Không có quân Anh thì Mỹ đánh một mình cũng được. Chẳng khác gì nói rằng việc ông Blair gửi 46,000 quân sang Kuwait là vô ích, chẳng ai cần, trong khi ông Blair đang hy sinh cả địa vị thủ tướng của mình để vận động cho chủ trương đó, và ông bị ngay trong đảng phản đối.

Nhưng ông Rumsfeld không phải là người chủ trương cô lập, hoàn toàn không màng gì đến thế giới. Ngay lúc lên làm Bộ trưởng Quốc phòng, từ trước khi xảy ra vụ 11 tháng Chín, ông Rumsfeld đã mời một số học giả và chính trị gia nghiên cứu một vấn đề mà ông quan tâm. Câu hỏi ông đặt ra

là "Tại sao các đế quốc thời xưa đã giữ được vai trò bá chủ của họ: Macedonia của Đại đế Alexander, Đế quốc La Mã của các Cesars, và Đế quốc Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn?"

Bản phúc trình của các học giả, như giáo sư Bernard Lewis ở Đại học Princeton và cựu chủ tịch quốc hội Newt Gringrich, đã viết như sau: "Mông Cổ và Macedonia không thể bảo vệ một đế quốc lâu dài rộng lớn vì nó thiếu những định chế chính trị, kinh tế. Đế quốc La Mã vĩ đại vì nó không phải chỉ là một thế lực quân sự mà còn mở ra được những chi nhánh giống như nó ở khắp nơi."

Bản phúc trình viết tiếp: "Muốn rút ra một bài học lịch sử thì bài học đó là: Nước Mỹ muốn giữ được vai trò chế ngự trên thế giới thì phải chế ngự được về mặt quân sự, nhưng nó cũng phải duy trì được tính ưu việt trên các cột trụ khác của quyền lực."

Chúng ta có thể kể thêm thí dụ các đế quốc Hồi Giáo, từ người Á rập, người Ba Tư đến Thổ Nhĩ Kỳ, một cột trụ để họ tồn tại lâu dài là văn hóa; nói rõ hơn, đó là ngôn ngữ và tôn giáo. Thế giới bây giờ đang thay đổi giống như thời Chiến quốc bên Trung Hoa.

Thời Xuân Thu (770 – 403 trước Tây Lịch) và Chiến Quốc (403 – 221) ở Trung Hoa các nước tranh hùng, nhiều triết gia phân biệt hai đường lối chinh phục thiên hạ. Mạnh Tử là người đầu tiên định nghĩa rõ ràng hai đường lối đó. Vương là chính sách dùng "nhân nghĩa." Bá là dùng sức mạnh quân sự để chinh phục. Mạnh Tử viết: "Người dùng sức mạnh mà mượn tiếng nhân nghĩa gọi là bá. Người làm bá phải làm chủ một nước lớn. Người lấy đức làm điều nhân gọi là vương. Người làm vương không đợi có nước lớn." (*Mạnh Tử*, thiên Công Tôn Sửu.) Mạnh Tử đề cao Vương, chê bai Bá. Học trò ngài là Tuân Tử thì thỏa hiệp, vẫn trọng Vương nhưng không chỉ trích Bá nặng nề như thầy. Đến học trò đời thứ ba là Hàn Phi Tử thì không muốn phân biệt nữa, coi phương cách nào thành công được là tốt, đáng gọi là Vương.

Đây là điều đáng suy ngẫm trong lúc lực lượng Mỹ đang tấn công rồi sẽ chiếm đóng Iraq.

Đây là lần đầu tiên một nước Tây phương tấn công sang thế giới Hồi Giáo và Á rập, kể từ năm 1956 tới nay. Chúng ta bây giờ khó sống lý tưởng như thời Mạnh Tử (Đừng nói đến Lợi, hãy nói về Nghĩa) cho nên có thể dùng thước đo của Hàn Phi mà xét đoán. Ngay từ trước khi cuộc chiến bắt đầu, Tổng thống Bush đã nói đến mục tiêu của nước Mỹ là giải phóng dân Iraq và thiết lập một chế độ dân chủ, có thể làm gương cho các nước Á rập chung quanh. Ông Bush đã nhấn mạnh tới những mặt chính trị, kinh tế và văn hóa. Nhưng khi chiến tranh Iraq mới bắt đầu, Tổng thống Putin nước Nga, một nước không nổi tiếng về tinh thần thượng tôn pháp luật (the rule of law), đã chỉ trích chính phủ Mỹ là chỉ biết theo quy tắc vũ lực (the rule of force.)

Nếu nước Mỹ có thể thực hiện đúng như điều ông Bush muốn là dân chủ hóa Iraq, thì dù ông Putin nói gì đi nữa, quyền lực của Mỹ trên thế giới sẽ được củng cố lâu dài. Nhân loại sẽ coi nước Mỹ là kiểu mẫu về thể chế dân chủ và kinh tế thị trường. Đó là những định chế xã hội đã được thử thách mà nước Mỹ từng đem truyền bá ở nhiều nơi, ngay ở các nước đã thua trận như Đức và Nhật Bản. Nếu ông Bush thất bại trong việc tái thiết và xây dựng dân chủ ở Iraq, thì dù ông bầy tỏ thiện chí đến mức nào chăng nữa, người dân thế giới cũng không coi sự nghiệp của ông và của nước Mỹ đáng gọi là theo Vương đạo. Điều khó khăn cho ông Bush là Iraq không giống Nhật và Đức. Và thế giới Á rập chung quanh Iraq cũng không giống như hoàn cảnh của Nhật và Đức sau đại chiến thứ hai. Một tuần lễ sau khi chiến tranh bắt đầu, dân chúng các nước Á rập ngày càng tỏ ra chống Mỹ, và cường độ tâm lý sẽ còn tăng thêm.

Trong hơn 200 năm lịch sử nước Mỹ chưa có thói quen xây dựng đế quốc. Niall Ferguson, một giáo sư Đại học Oxford sắp xuất bản cuốn "Đế quốc" viết rằng tính tình dân Mỹ không thích hợp cho việc xây dựng đế quốc. "Người Anh có phải sống ở Ấn Độ hay Iraq cả trăm năm cũng không sao. Người Mỹ nếu thấy phải cư ngụ ở một nơi nóng bức và nghèo nàn như thế là phát nản." Một nhà báo Mỹ, Maureen Dowd thì viết rằng xưa nay nước Mỹ không thích đi chiếm đóng, nếu muốn gì thì họ đi mua (như đã mua vùng Louisiana) hay là đi "chia phòng" như khi chính phủ Bush tính trả tiền để mượn đường Thổ Nhĩ Kỳ. Dùng một ý thức hệ (thí dụ, lý tưởng dân chủ, tự do) để chế ngự nước khác, cũng là điều nước Mỹ không thiết tha được lâu. Cho nên trong thế kỷ trước, nước Mỹ đã tạo được ảnh hưởng ở nhiều quốc gia khác rồi nghĩ lại thấy không có lợi thì bỏ đi ngay. Họ đã rời bỏ Việt Nam năm 1972. Bỏ Afghanistan năm 1989 sau khi Nga rút lui, để cho Pakistan nuôi chế độ Taliban. Bỏ người Kurd ở Iraq năm 1991, để cho ông Saddam tàn sát. Không biết lần này người Mỹ có kiên nhẫn để làm cho xong công việc xây dựng dân chủ ở xứ Iraq nóng bức và khô khan đó hay không? Hy vọng rằng họ sẽ kiên nhẫn, vì tính kiên nhẫn lần này có thể sinh lợi tức tính bằng đô la được./.

NHÌN VỀ CUỘC CHIẾN Ở IRAQ

VŨ ÁNH

Cần nói ngay ở đây là cách nhìn của tôi đối với cuộc chiến ở Iraq vẫn là cách nhìn của một người Việt Nam, một người đã đứng ở một phần của Việt Nam và từng nếm những thất bại trong một cuộc chiến tranh. Cuộc chiến Việt Nam, đối với những người Việt Nam ở Miền Nam là một cuộc chiến tự vệ chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, nhưng đối với những người ở Miền Bắc thì đó là một cuộc chiến giải phóng. Nhưng thực chất của giải phóng là gì thì nay mọi người đều biết kể cả nhiều người ở phía chiến thắng.

Iraq cũng vậy. Người dân Iraq không phải ai cũng thích người Hoa Kỳ hay người Anh hoặc bất cứ một dân tộc nào đến giải phóng họ. Đất nước Iraq là một thế giới đầy những bóng tối của phe phái, sắc tộc, ngôn ngữ và những hệ phái tôn giáo. Trước khi Tổng Thống George W. Bush mở cuộc tiến quân vào Iraq, đã xuất hiện rất nhiều bài phân tích trên tờ *The Wall Street Journal* về tình hình mà tôi vừa đề cập, và một trong những lời khuyến cáo đáng chú ý của tờ báo này là chính quyền Bush nên chuẩn bị cho thật kỹ vấn đề dư luận trước khi tiến quân.

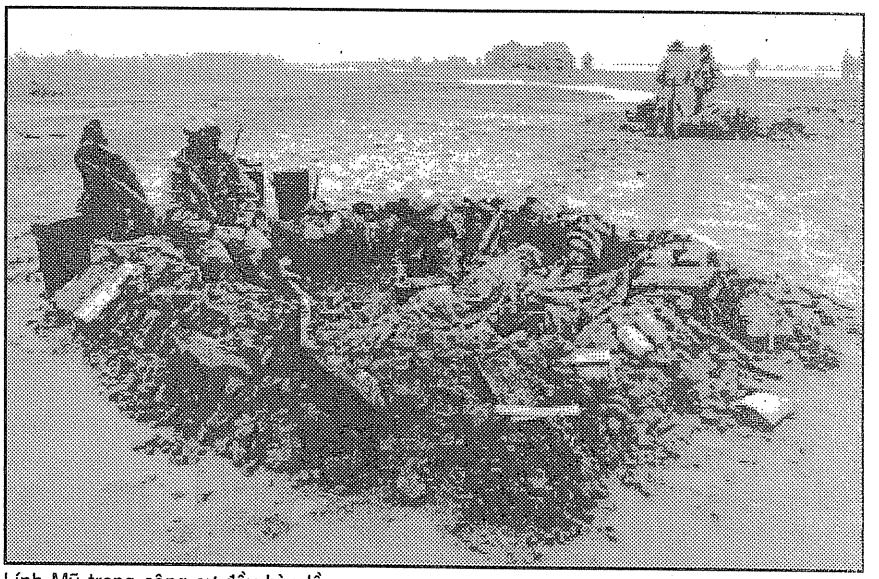

Lính Mỹ trong công sự đầy bùn lầy.

Không phải chỉ chờ đến khi hạn 48 giờ đồng hồ dành cho Tổng Thống Saddam Hussein để ông ta phải lựa chọn, một là rời bỏ Iraq để lưu vong, hai là phải đối phó với một cuộc chiến để lật đổ ông ta, cuộc chiến tranh mới diễn ra. Thực tế, hai tháng trước đó, cuộc chiến đã diễn ra rồi, trên phương diện dư luận. Khác với những lần trước đây, cuộc chiến ở Iraq là cuộc chiến đầu tiên trong thế kỷ 21 được dựa trên một chủ thuyết "ra tay trước." Guồng máy chiến tranh của Hoa Kỳ dưới chính quyền Bush đã trưng ra tất cả sức mạnh để hậu thuẫn cho một áp lực, chứ không phải thương lượng với đối phương. Vì đây không phải là cuộc chiến để tự vệ, dù là tự vệ theo nghĩa rộng như ở Afghanistan mà là cuộc chiến dựa trên những suy đoán để ra tay trước, chẳng hạn như suy đoán rằng Iraq chế tạo vũ khí giết người hàng loạt và trong tương lai gần có thể đe dọa đến nền an ninh của Hoa Kỳ, cho nên nó không thể dùng căn bản luật quốc tế cũ để giải thích.

Nếu chúng ta đọc những tờ báo của nước Anh, nơi có một vị Thủ Tướng mà quan điểm có khi còn bảo hoàng hơn vua, chúng ta sẽ thấy họ tấn công khá mạnh mẽ vào điểm này. Chi tiết thì rất dông dài, nhưng trên những tờ chẳng hạn như *London Times* hay *The Independence*, chúng ta có thể thấy đại khái quan điểm của phần đông dân chúng Anh có thể tóm tắt như thế này: trong lịch sử thế giới, nước Anh đã can dự vào biết bao nhiêu cuộc chiến tranh chỉ vì vấn đề đất đai và quyền lợi, nhưng ở các thế kỷ trước hai vấn đề này mang lại cho dân chúng Anh nhiều lợi lộc.

Tuy nhiên, ngày nay việc giữ một thuộc địa không còn là một lợi lộc nữa, cho nên khi tham dự một cuộc "chinh phục," chính phủ Anh nên thận trọng. Đây cũng chính là lý do giải thích tại sao, Thủ Tướng Tony Blair có một quan điểm cứng rắn và tích cực đối với Iraq để hỗ trợ cho Hoa Kỳ, trong khi cả một triệu người Anh đã đổ xuống đường để phản đối chiến tranh. Vì vậy, theo những tin tức mà tôi nhận được hàng ngày vì vấn đề nghề nghiệp qua những hãng thông tấn Associated Press (AP), Reuters, những tờ báo quan trọng nhất của Hoa Kỳ như *The New York Times, The Washington Post, The Los Angeles Times, The Wall Street Journal*...và của Anh như *The London Times, The Independence, The Daily Telegraph* và *The Financeial Times*, có thể chia cuộc chiến tranh ở Iraq ra làm ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: chuẩn bị, chiến tranh tâm lý và tối hậu thư
- Giai đoạn 2: tiến quân, đánh chiếm và bình định
- Giai đoạn 3: thiết lập chính quyền tạm thời tại Iraq và chuẩn bị cho bầu cử.

Ở đây, chỉ đề cập đến hai giai đoạn.Trong giai đoạn đầu vì nôn nóng, Mỹ cố gắng đẩy sức ép để hợp pháp hóa cuộc tấn công nên đã tạo ra một số dư luận bất lợi. Do những lời tuyên bố cứng rắn một cách không cần thiết của Tổng Thống Bush và Bộ Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld bên cạnh những thuận lợi về sự cương quyết của chính quyền Bush đối với khủng bố. Hơn nữa cuộc chiến diễn ra vào lúc nền kinh tế Mỹ có những dấu hiệu bi quan khiến cho dư luận thế giới cũng như dư luận Mỹ nghĩ rằng, Tổng Thống Bush muốn khỏa lấp những nhược điểm của mình bằng cách gây chiến với Iraq. Sự thất bại của Hoa Kỳ tại Hội Đồng Bảo An LHQ là một thất bại có tính chất chiến lược: Hoa Thịnh Đốn đã không chứng tỏ được cho Đức và Pháp thấy quyền lợi của hai nước này khi tham dự vào cuộc chiến. Không thấy mình có quyền lợi gì hay ít nhất được hứa hẹn dứt khoát thì Pháp không tham dự là chuyện dễ hiểu. Ở vai trò của một nước trong Liên Hiệp Âu Châu, Pháp không còn quyền độc lập hoàn toàn để có thể dễ dàng nhảy vô chia phần nếu không có sự chấp thuận của khối này. Sự chỉ trích và một số người Mỹ bày tỏ thái độ đối với người Pháp là một điều không công bằng vì thực tế, việc bang giao quốc tế luôn luôn phải dính với nhau bằng quyền lợi. Nó không phải là thứ tình cảm thông thường bạn bè. Trước khi trở thành đồng minh trong một cuộc chiến tranh, nhất là cuộc chiến "không có tính chất tự vệ," các nước phải thỏa thuận với nhau được bằng những con số phân chia cụ thể. Vì thế cho nên, dù có giải thích như lời Tổng Thống Bush rằng đây không phải là cuộc hành quân đi chiếm đất mà là một cuộc hành quân giải phóng, dư luận trong và ngoài nước vẫn hiểu thực chất của nó là một cuộc xâm lăng (invasion) theo ý nghĩa thông thường nhất là một nước đem quân đánh nước khác.

Bên cạnh những bất lợi về dư luận (tôi không đứng ở vị thế của một người Mỹ ủng hộ chiến dịch quân sự mà đứng vị thế một nhà báo để nhìn vấn đề này), quân đội Hoa Kỳ đã được chuẩn bị phối trí rất kỹ lưỡng: 250,000 quân kể cả 45,000 quân Anh và một vài nước giữ vai trò "hụ hợ" khác, trên 1,000 máy bay và 400 tầu chiến đủ loại, hàng trăm ngàn tấn bom và hỏa tiễn. Ngoài ra những binh sĩ này còn được huấn luyện ngay tại sa-mạc Kuwait để quen với chiến trường.

Một vấn đề được đặt ra và là một thử thách đối với các nhà quân sự Hoa Kỳ: giữa bầu không khí chống chiến tranh ngay từ khi chưa có pháo lệnh của Tổng Thống Bush, thương vong sẽ làm cho sự chống đối của dư luận gia tăng. Ngược lại có một số chỉ huy quân sự Hoa Kỳ khá chủ quan và họ tin rằng vũ khí tối tân hiện nay của Hoa Kỳ và việc điện tử hoá cung cách điều quân sẽ làm cho thương vong giảm đến mức có thể chấp nhận được. Tinh thần binh sĩ vì đó mà không có những mối lo sợ quá đáng khi bước chân vào cái thế giới mà họ không hề biết.

Điều này có thể giải thích được bởi vì ngày N, cách đây đúng bảy ngày, chuyện diễn ra quả có thông suốt và dễ dàng. Chỉ trong một ngày, những chiến đấu oanh tạc cơ đủ loại và và vài trăm chiếc phi đạn Tomahawk mà sai số chỉ trong vòng một thước trở lại đã làm cho nơi trú ẩn của Saddam Hussein giống như một ground zero. Lại có tin nhà lãnh đạo Iraq đã chết hoặc bị thương và lời tuyên bố của Bộ Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld là Saddam không còn kiểm soát được các đơn vị chiến đầu của ông ta, nên khi xuất phát từ biên giới Kuwait để chiếm hải cảng duy nhất của Iraq Umn Qasr hai ngày sau, các đơn vị TQLC Hoa Kỳ và Anh đã chiếm được nó dễ dàng gần như không đổ máu. Dân chúng trong thành phố này, hầu hết là những người Hồi giáo theo hệ phái Shiite, một hệ phái nhỏ không ủng hộ chế độ Saddam Hussein, đã tỏ ra niềm nở và có

cảm tình với liên quân Mỹ-Anh, ít nhất là cho tới lúc này.

Nhưng khi bắt đầu mở cuộc tấn công vào hai thành phố khá quan trọng là Nasiryah và Basra, thì mọi chuyện cho thấy không dễ dàng gì. Thành phố Nasiriyah là một thành phố nhỏ có 300,000 dân, cách biên giới Kuwait không xa lắm. Đây là một thành phố nằm gần một vùng đồng bằng của con sông Euphrates rất trù phú. Nhưng các cuộc tấn công của các cánh quân của Sư Đoàn 1 và 2 TQLC Hoa Kỳ, những sư đoàn đã từng tham chiến tại Việt Nam, đều đã bị khựng lại vì sức chống trả mãnh liệt của Lực Lượng Vệ Binh Cộng Hòa, mặc dù Hoa Kỳ đã dùng phi pháo rất "nặng" ở mặt trận này. Trong ngày đầu, tin của Reuter cho biết số thương vong lên đến 50 người. Nhưng tin này sau đó bị phủ nhận và nguồn tin quân sự Mỹ ở Qatar cho biết con số thương vong ở Nasiriyah ít hơn con số này nhưng xác nhận là có tới chín binh sĩ TQLC Mỹ tử trận. Cho tới sáng Thứ Tư, tin tức loan báo rằng quân đội Iraq vẫn kiểm soát được thành phố, và những trận đánh vẫn bùng nổ dữ dội giữa hai bên.

Thành phố Basra là một thành phố lớn thứ hai ở Iraq với dân số trên một triệu. Đây là một thành phố của những giếng dầu và đường ống dẫn dầu, đồng thời Basra nằm tại một vị trí chiến lược, ngay cửa sông Shatt al-Arab. Lực lượng tấn công vào Basra là TQLC Hoàng gia Anh. Cũng cần phải nói thêm rằng tập trung chung quanh thành phố Basra là những đơn vị TQLC tinh nhuệ nhất nước Anh. Trong ngày đầu tiên, quân Anh đã dựa vào phi pháo và họ bắn vào thành phố Basra một số lượng đáng kể đạn trọng pháo 175 ly do Hoa Kỳ cung cấp mà phát ngôn viên quân sự Anh nói là nhắm vào các mục tiêu quân sự của Lực Lượng Vệ Binh Cộng Hòa của Iraq. Nhưng khi các TQLC Anh định mở một tuyến từ Bắc xuống Nam thành phố, họ không cách nào vượt qua sự kháng cự của Iraq. Vào buổi sáng ngày Thứ Năm vừa rồi, tin tức cho biết rằng lực lượng Anh mới chỉ chiếm được một bệnh viện ở cửa ngõ Basra mà thôi.

Có lẽ vì bị khựng lại tại hai thành phố, thương vong lên cao, thêm vào việc một trực thăng võ trang Apache bị bắn rớt, hai phi công bị bắt làm tù binh và một cuộc phục kích ở phía Bắc Nasariyah khiến cho năm binh lính trong đó có một nữ quân nhân tác chiến trở thành những tù binh đầu tiên nên các tư lệnh chiến trường Mỹ đã thay đổi kế hoạch. Một mặt Hoa Kỳ tiếp tục đưa Trung Đoàn 7 Bộ Binh cơ giới phối hợp với Sư đoàn 3 Cơ Giới cũng như sư đoàn 101 Không Kỵ tiến thật nhanh đến hai thành phố Kabala và Najaf cũng nằm trên tả ngạn con sông Euphrates. Cuộc bao vây đang diễn ra ở đây.

Tuy nhiên, sức kháng cự của hai thành phố này cũng rất mãnh liệt. Trong ngày Thứ Hai vừa rồi, lửa đạn phòng không ở Kabala đã làm cho toàn bộ phi công trên hơn 30 chiếc trực thăng võ trang Apache phải kinh ngạc. Một phi công đã kể lại rằng, đạn phòng không của đối phương đã bắn lên như đan lưới và "không có khoảng trống nào để cho chiếc trực thăng của anh ta len vô không phận thành phố được." Chính tại đây một chiếc Apache Longbow AH-64, một loại trực thăng võ trang rất tối tân đã phải buộc phải đáp xuống đất và hai viên phi công Mỹ bị bắt làm tù binh.

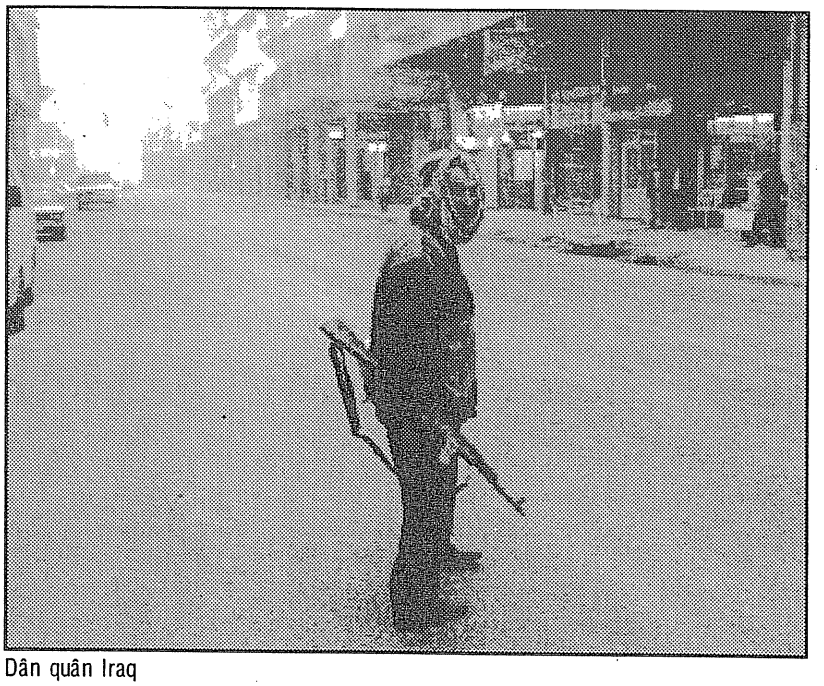
Dân quân Iraq

Trong ngày Thứ Ba và sáng Thứ Tư, Mỹ tiếp tục chiến dịch oanh tạc Baghdad, hỏa tiễn Toma-

hawk đã trúng một đài truyền hình chuyên phát tuyến ra nước ngoài, nhưng các đài truyền hình nhỏ của Baghdad vẫn hoạt động được. Tuy nhiên, theo tin của đài truyền hình al-Zazeera, một loại CNN của thế giới Ả Rập đã loan báo cùng với hình ảnh rằng một trái bom của Hoa Kỳ đã được ném xuống một khu vực thương mại khiến cho 14 người chết và 30 người bị thương. Mặc dù trước đó, Hoa Kỳ đã loan đi những tin đại loại như quân đội Iraq trà trộn vào dân, dùng dân làm bia đỡ đạn để gây sự phẫn nộ trong dư luận thế giới, trá hàng, mặc giả quân đội Mỹ làm điều tồi bại để đổ tiếng ác, sự kiện vừa kể đang được báo chí Mỹ lưu ý . Những lần trước, Bộ Chỉ Huy Trung Ương lập tức đưa ra những lời phủ nhận với một lập luận là không có nguồn tin độc lập nào phối kiểm được con số thương vong thường dân mà Baghdad loan báo. Nhưng lần này, Bộ Chỉ Huy Trung Ương đã nói rằng họ "đang kiểm tra lại tin tức nói trên."

Tờ *Los Angeles Times* trong số báo 25/3/2003 đã đưa ra một hình ảnh do chính nữ nhiếp ảnh viên mặt trận Carolyn Cole chụp được giữa Baghdad khói lửa cho thấy một khu nhà dân chúng, không có dấu hiệu gì là mục tiêu quân sự đã bị trúng bom và sập, chôn vùi một phụ nữ giữa đống gạch vụn. Những ai đã xem bức hình này tất sẽ ít hoài nghi hơn đối với những lời tuyên bố của phía Iraq đối với vụ đánh bom vào sáng Thứ Tư giờ Đông Bộ Hoa Kỳ tức tối Thư Tư ở Baghdad, giờ địa phương.

Chiến dịch ném bom liên tiếp trong bảy ngày đêm vào Baghdad gặt hái được thuận lợi là gây chấn động trong dân chúng và hàng ngũ Iraq, nhưng ngược lại nó cũng gây ra sự thiệt hại khó lường về dư luận đối với Hoa Kỳ, thúc đẩy phòng trào phản chiến tiến tới mạnh hơn và làm cho điều được gọi là "chính nghĩa giải phóng" của Hoa Kỳ sút giảm. Trong cuộc thăm dò vào ngày Thứ Ba 25/3, Viện Thăm Dò PEW cho biết ngay sau khi những tin tức về việc những lính Mỹ bị bắt làm tù binh, tỷ lệ số người tin vào chiến thắng mau chóng của Hoa Kỳ giảm xuống còn 38%. Cuộc thăm dò trùng hợp với lời tuyên bố của Tổng Thống Bush và những tư lệnh chiến trường nhất là tướng Tommy Franks, theo đó, cuộc chiến tranh có thể kéo dài, và không thể tránh được những thương vong nặng hơn.

Đó là một số diễn biến ở ngày thứ bẩy của cuộc chiến tranh, ngày N+6. Mặt trận đã gần như mở ra toàn diện và người ta có thể nhận ra một điều là Hoa Kỳ và Anh đã thay đổi chiến lược. Thay vì chiếm dần từng thành phố một để tạo một cú shock cho việc tấn công dứt điểm nhanh chóng tại Baghdad, các chiến lược gia của Mỹ đã đặt trọng tâm vào Baghdad với một lý thuyết: chiếm được con cờ Domino Baghdad thì sẽ có khả năng làm cho các con cờ domino khác đổ sập. Nhưng phía Hoa Kỳ sẽ phải đối phó với một thử thách lớn, đó là quân đội Iraq sẽ kháng cự mạnh hơn khi họ biết được rằng các thành phố quan trọng của họ còn đứng vững. Khi phía Iraq kháng cự mạnh hơn thì có nghĩa thương vong của liên quân Hoa Kỳ và đồng minh sẽ cao hơn.

Nhìn màn ảnh truyền hình, chúng ta thấy những quân nhân Hoa Kỳ trẻ măng. Họ thuộc vào một thế hệ quân nhân mới, đầy lạc quan về vũ khí tối tân, hiện đại mà nước Mỹ đã trang bị cho họ. Nhưng sự tối tân phần lớn nằm trong lãnh vực phi pháo. Và khi phải đánh trong thành phố, những phương tiện này bị giới hạn ngay. Họ vẫn phải dùng chiến thuật du kích để đối phó với những kẻ địch đã quen với hang cùng ngõ hẻm và khá ranh ma. Trong phần đất của họ, chỉ cần quân đội Iraq chiến đấu 50% thực lực, Mỹ đã gặp khó khăn rồi. Hơn nữa, quân đội Mỹ khi đánh trong thành phố còn gặp một trở ngại khác là thường dân. Nếu là một đoàn quân tự vệ, có bắn lầm vào thường dân thì còn có thể biện minh được, nhưng một đoàn quân từ xa đến, dù có tự nhận là giải phóng dân tộc khác thì việc bắn lầm chết một thường dân sẽ được dư luận nhân to lên thành dư luận mang tính "lên án."

Tôi nghĩ đây là những thử thách lớn nhất đối với quân đội Hoa Kỳ. Một vài người bạn tôi và một số đông những đồng hương mà tôi nói chuyện đều tỏ ra lo lắng chuyện này. Có người thắc mắc là tại sao chính phủ Hoa Kỳ cho các phóng viên ra mặt trận để họ tường thuật những điều bất lợi cho quân đội. Tôi không thể trả lời được mà chỉ nghĩ rằng, chính phủ Mỹ không thể làm như vậy. Đây là Hoa Kỳ, và báo chí truyền thông tại đất nước này có nhiệm vụ phải gởi đến cho người đọc và dân chúng biết những gì đang xảy ra trên chiến trường. Việc đối phó với điều bất lợi hay thuận lợi cho quân đội và chính phủ là nhiệm vụ của chính phủ Bush chứ không phải của ngành truyền thông Mỹ. Vả chăng, không một cuộc chiến nào là không có tổn thất nhân mạng, không có thương binh, không có những mất mát về vật chất, không có những tổn hại về tinh thần. Ăn thua là cái giá phải được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích quốc gia và lợi ích cá nhân, hay phe nhóm khi tạo ra một cuộc chiến./.

KHÍA CẠNH PHÁP LÝ CỦA VIỆC MỸ ĐÁNH IRAQ

XUÂN QUANG

Trước cuộc chiến tại Iraq hiện nay, một trong những vấn đề được nhiều người quan tâm và bàn luận là tính cách pháp lý của việc Mỹ cùng một số nước đồng minh đã đơn phương quyết định tiến đánh Iraq không cần thông qua Liên hiệp quốc. Quyết định này tuy được một số nước và hơn một nửa dân Mỹ ủng hộ, nhưng đã gây ra một làn sóng bất bình và phản đối mạnh mẽ trên khắp thế giới, bằng chứng là những cuộc biểu tình phản đối cuộc chiến ở Iraq diễn ra rầm rộ thu hút hàng chục triệu người tham gia. Nhiều nhà bình luận quốc tế đã nhận định rằng uy tín của Tổng thống G. Bush đang xuống thấp, đặc biệt tại Á châu, nơi mà nhiều người vẫn coi nước Mỹ là biểu tượng của tự do, bình đẳng và là nơi mà luật pháp được tôn trọng triệt để. Phải chăng Iraq đang trở thành nơi minh họa cho "chân lý" của kẻ mạnh, trong đó người ta có thể đơn phương hành động bất chấp luật pháp quốc tế?

Hợp pháp hay phi pháp?

Hành động đơn phương đe doạ Saddam Hussein và tiến đánh Iraq của Mỹ và đồng minh có hợp pháp hay không? Trước tình thế mới, bị Mỹ phớt lờ, LHQ xử sự ra sao?

Từ sau Đệ nhị Thế chiến, tại Hội nghị San Francisco các nước đã cố xây dựng một trật tự quốc tế mới qua tổ chức LHQ. Theo các luật quốc tế thì chỉ có HĐBA LHQ có quyền cho phép tiến hành chiến tranh. Mỹ dựa trên nghị quyết của HĐBA LHQ để tham chiến tại Triều Tiên vào đầu thập niên (19)50.

Với lịch sử hơn 50 năm, LHQ đã có đóng góp đáng kể vào việc giữ gìn hoà bình và giúp giải quyết nhiều vấn đề mang tính toàn cầu. Tuy nhiên, nhiều nhà quan sát quốc tế đã nhìn nhận LHQ cũng chỉ là công cụ của các cường quốc, cụ thể là của năm quốc gia giữ ghế thành viên thường trực của HĐBA (gồm Mỹ, Anh, Pháp, Nga và TQ) vì họ có quyền phủ quyết. Trước một vấn đề quốc tế nào đó, nếu thấy không có lợi cho mình thì các nước này sẽ dùng quyền phủ quyết vấn đề đó khi đưa ra thông qua tại HĐBA LHQ. Đây là trường hợp tranh chấp Anh-Pháp-Israel và Mỹ-Nga tại kênh đào Suez khi Đại tá Nasser muốn quốc hữu hoá kênh Suez. Vụ khủng hoảng Cuba, Mỹ-Liên Xô tranh chấp trong vụ triển khai hỏa tiễn hạch tâm tại Cuba, đặt thế giới đứng trước nguy cơ xảy ra thế chiến lần thứ ba. Hai cường quốc này sau đó đã giải quyết mâu thuẫn của họ ngoài LHQ bằng các cuộc thương thuyết tay đôi giữa TT Mỹ Kennedy và người lãnh đạo Liên Xô Krutchev. Trong lịch sử hiện đại, cũng đã có những trường hợp Mỹ dùng vũ lực để giải phóng cho một dân tộc khỏi ách độc tài không thông qua HĐBA LHQ, nhưng vẫn được thế giới hoan nghênh và được sự hỗ trợ của LHQ sau đó, chẳng hạn, như việc Mỹ đánh Kosovo (trong vụ này Mỹ và EU sợ Nga dùng quyền phủ quyết nên không đưa ra HĐBA LHQ), nhưng lại được EU và NATO ủng hộ.

Kể từ khi LHQ ra đời, các nước đều coi Hiến Chương LHQ (Charter) là cơ sở pháp lý hay luật quốc tế để giải quyết các tranh chấp với nhau. Trong chương 7 của HC LHQ có hai điều khoản cho phép các nước sử dụng vũ lực là điều 51 và 42. Điều 51 cho phép các nước dùng vũ lực trong trường hợp "tự vệ" và điều 42 cho phép các nước dùng các phương tiện hải, lục và không quân để giữ trật tự quốc tế hay tái thiết hoà bình.

Luận cứ của Mỹ

Theo các luật gia của Mỹ thì Mỹ có thể dựa trên điều 51 (tự vệ) để đánh Iraq với lý lẽ là Iraq có vũ khí hủy diệt hàng loạt và có quan hệ với mạng lưới khủng bố quốc tế al-Qaeda nên nước Mỹ phải ngăn chặn trước những nguy cơ đe dọa an ninh của người Mỹ. Theo điều khoản này, hành động "tự vệ" cần có một số điều kiện: bị hăm doạ trực tiếp hay bị "đe doạ một cách rất khẩn cấp" (imminent threat).

TT Bush cho là Mỹ có quyền tự vệ vì các nhóm khủng bố hay các quốc gia khủng bố không cảnh báo trước khi hành động. Hơn nữa, ngày nay đã có rất nhiều vũ khí sát thương hiện đại như vũ khí ABC (vũ khí hạch tâm, sinh học và hoá học -

Atomic, Biological and Chemical). Vì vậy, "quyền phản ứng tự vệ" có thể bị mất hiệu quả nếu bọn khủng bố có khí giới hủy diệt hàng loạt. Quyền tự vệ này được hiểu rộng ra từ "quyền phản ứng tự vệ đến quyền dự liệu tự vệ" (reactive self defense to anticipatory self defense). Kết quả là sự ra đời của thuyết "đánh trước."

Mỹ cũng có thể sử dụng nghị quyết 1441 của HĐBA LHQ để đánh Iraq như luật gia H. Taft IV của Bộ Ngoại giao đã nói. Theo luật gia này, Iraq đã không tuân thủ ba nghị quyết của HĐBA LHQ trong 13 năm qua, bao gồm các nghị quyết 678, 687 và 1441 vì vậy việc Mỹ ra tay lần này là hoàn toàn hợp pháp.

Mỹ mong muốn có thể "hợp thức hóa" vụ việc ở Iraq như trường hợp Kosovo qua việc HĐBA LHQ quản lý trực tiếp Kosovo.

Tuy nhiên, trong trường hợp Iraq hiện nay, nếu dựa trên điều 42 trong chương 7 của HC LHQ thì lý do "tự vệ" của Mỹ là quá yếu, không có sức thuyết phục. Thực tế là Iraq đã không làm gì để đe dọa Mỹ và còn mối đe dọa của các vũ khí ABC không phải là mối đe dọa trực tiếp đối với Mỹ.

Luận cứ của phe hòa bình

Nghị quyết 678 cho phép dùng vũ lực buộc Iraq triệt thoái khỏi Kuwait đồng thời cũng buộc Iraq phải chấp thuận phá hủy hay vô hiệu hoá dưới sự kiểm soát của các thanh tra quốc tế tất cả các vũ khí ABC hay các hỏa tiễn có tầm xa hơn 150 km.

Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell và các luật gia Mỹ đã thành công với việc nghị quyết 1441 được thông qua tại HĐBA LHQ với số phiếu 15/15. Theo GS R. Wedgewood của Đại học John Hopkins thì nghị quyết 1441 không rõ ràng mà chỉ làm rối thêm vấn đề. Theo nghị quyết này, nếu bị phát hiện có vi phạm các điều khoản ghi trong nghị quyết thì Iraq sẽ phải chịu "hậu quả nghiêm trọng" (serious consequence). Mỹ cho rằng câu này là có thể cho phép Mỹ dùng vũ lực, nhưng theo các nước khác thì danh từ của HĐBA LHQ cho sử dụng vũ lực là "với tất cả các phương tiện" (all necessary means).

Các chuyên gia về luật quốc tế trong đó có bà khoa trưởng A. M. Slaughter của trường Woodrow Wilson, Đại học Princeton cho là Mỹ cần xin phép HĐBA LHQ. Theo GS Sean Murphy của Đại Học George Washington thì Mỹ không hội đủ điều kiện trong hai điều 51 và 42. Theo các chuyên gia này thì Mỹ chỉ có thể sử dụng vũ lực khi được HĐBA LHQ cho phép.

Họ lý luận như sau: Trong vấn đề ngưng bắn tại Kuwait các nghị quyết của HĐBA LHQ có nói là HĐBA sẽ nắm toàn quyền quyết định trong việc này. Do đó chỉ có HĐBA có quyền quyết định chiến tranh hay không chiến tranh tại Iraq.

Đã có sự rạn nứt trong HĐBA LHQ về cách xử lý Iraq. bBên thân Mỹ cho là Iraq vi phạm nghị quyết 1441 cần trừng phạt tức khắc; trong khi phe do Pháp cầm đầu cho là các thanh tra cần thời gian và phương tiện để làm nhiệm vụ của họ giải giới Iraq một cách hoà bình.

Một số vấn đề phụ

Quốc Hội Thổ Nhĩ Kỳ (TNK) đã không chấp thuận cho quân Mỹ dùng lãnh thổ của họ để đóng khoảng 62.000 quân mặc dù Mỹ hứa viện trợ $ 30 tỷ. Thổ đã có kinh nghiệm Mỹ hứa viện trợ vào năm 1990 rồi nuốt lời. Trong cuộc mặc cả vừa qua, Thổ muốn đưa quân đội họ vào vùng Bắc Iraq, lấy cớ là để ngăn chặn các đợt dân tỵ nạn đổ vào Thổ. Thật ra Thổ muốn có dịp để trị dân thiểu số người Kurd và kiểm soát các giếng dầu ở vùng Mosul. Ngày 20/3, Quốc Hội Thổ cho phép không quân Mỹ sử dụng không phận Thổ nhưng không cho sử dụng lãnh thổ.

Hiện nay trên 100.000 quân Thổ đang đóng ở phía Bắc Iraq và có tin là một số đơn vị quân Thổ đã tiến vào lãnh thổ Iraq. Mỹ có quyền vào Iraq thì tại sao Thổ không có quyền này? Vậy ai có trách nhiệm trong vụ này? Giải quyết vấn đề ra sao trên phương diện luật pháp?

Nếu cuộc chiến thành công, ai sẽ quản lý Iraq thời hậu chiến? Quân đội Mỹ hay liên quân Anh-Mỹ-Úc? Như trường hợp Kosovo, nếu Mỹ muốn được hợp thức hóa thì ai sẽ cho phép? Anh-Mỹ có thể có độc quyền hay không? Các tài sản Iraq sẽ do ai có trách nhiệm? Liệu HĐBA LHQ sẽ cho Anh-Mỹ phép quản lý Iraq, tài sản cũng như nợ của Iraq? Ai sẽ tái xây dựng Iraq? Ai sẽ đại diện Iraq?

Thực trạng của việc thi hành luật quốc tế

Trái ngược với các luật trong nước, trên thực tế, luật quốc tế không có sức mạnh để thực thi. Luật quốc tế chỉ thành công nếu các nước đồng lòng vì dựa trên các thỏa ước giữa nhiều nước hoặc "hai bên đều công nhận - reciprocity." Luật quốc tế có nhiều chỗ yếu vì bị bó tay trước các hành động của các cường quốc.

Nước Mỹ là nước có tinh thần pháp quyền rất cao và luôn luôn giương cao ngọn cờ "dân chủ."

Chính vì tinh thần pháp quyền cao mà trong nội bộ Mỹ, đã có nhiều bất bình được bộc lộ, nhiều cuộc biểu tình chống chiến tranh diễn ra ngay trên đất Mỹ. Thường khi có chiến tranh dân Mỹ luôn luôn sát cánh bên cạnh TT Mỹ. Nhưng vì dân Mỹ có tinh thần pháp quyền cao cho nên họ xuống đường ồ ạt để phản đối việc Mỹ đánh Iraq. Một số TNS phe Dân chủ như Kucinich, Daschle đã lớn tiếng công kích TT Bush. Họ cho là cuộc chiến với Iraq sẽ làm giảm uy tín của nước Mỹ và gây một tiền lệ xấu. Theo nhiều bình luận gia thì sau khi Mỹ áp dụng chính sách "đánh trước" ở Iraq thì ai có thể cấm Pakistan đánh Ấn Độ, hay Thái Lan đánh Cambodia, Israel đánh Palestine, hay Syria?

Vậy khi một nước thành viên HĐBA đơn phương đánh một nước có chủ quyền mà không được sự ủng hộ của HĐBA LHQ thì nước này đã làm trái với "gentleman agreement" (lời hứa danh dự) với các thành viên khác cũng có quyền phủ quyết của HĐBA LHQ trong việc không dùng vũ lực. Và tuy Mỹ coi HĐBA LHQ chỉ là một "hội tranh luận," (debate society) vì không thể lấy quyết định (để bảo vệ quyền lợi của họ được), nhưng Mỹ vẫn cần LHQ và HĐBA LHQ để "hợp thức hóa" việc họ làm, chẳng hạn như ở Kosovo. Dưới thời của nhà độc tài Sloboda Milosevic, đã có nhiều cuộc đàn áp đẫm máu do quân đội Serbia tiến hành tại Kosovo, khiến trên 400.000 dân phải bỏ nhà chạy trốn. Kosovo trở thành điểm nóng của nạn diệt chủng, làm thế giới phẫn nộ. NATO ném bom trong 78 ngày, buộc lực lượng Serbia phải rút lui khỏi Kosovo. TT Mỹ Bill Clinton đã quyết định không cần sự hậu thuẫn của HĐBA LHQ nhưng Mỹ được sự ủng hộ của NATO (vì tổ chức này không có sự chống đối của Nga và TQ, hai thành viên HĐBA LHQ có quyền phủ quyết). Từ 1999 đến nay, hoà bình đã vãn hồi trên đất Kosovo và NATO trao lại quyền quản lý Kosovo cho HĐBA LHQ.

Mỹ chọn giải pháp giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng vũ lực và là bất hợp pháp nhưng trên thực tế Mỹ sẽ cần HĐBA LHQ trong thời kỳ hậu chiến để hợp thức hoá sự hiện diện của họ.

Kết luận

Cuộc khủng hoảng Iraq đã cho thấy rõ hơn những vấn đề tồn tại từ lâu nay mới có dịp để bung ra. Nhìn bề ngoài, giữa phe Anh-Mỹ và trục Pháp-Đức-Nga có sự khác biệt là về cách xử sự với Iraq, nhưng thật ra là sự khác biệt về cách nhìn nhận và áp dụng luật quốc tế.

Theo các luật gia quốc tế như bà Slaughter của Đại Học Princeton, thì cuộc chiến này là "bất hợp pháp - illegal." Trong khi đó, Mỹ mong muốn cuộc chiến này có thể trở thành "chính đáng – legitimate" như trường hợp Kosovo, đồng thời Mỹ cũng mong cuộc chiến này sẽ sớm kết thúc và với công cuộc tái thiết Iraq, sự hiện diện của Mỹ ở Iraq nói riêng và cả vùng Trung Đông nói chung sẽ được "hợp thức hóa" và "danh chính ngôn thuận." Về việc nầy cũng có hai cách suy nghĩ: bên ủng hộ Anh-Mỹ thì cho rằng các "tiền lệ" có thể trở thành luật; trong khi phe Âu châu lại cho rằng đã là luật thì phải được viết ra từ trước và phải tuân thủ.

Dù sao cũng phải nhìn nhận một sự thật rằng trong vụ Iraq, Mỹ đã bị yếu thế về mặt luật pháp và cũng bị mất danh nghĩa (moral authority). Khi đơn phương quyết định chiến tranh ở Iraq Mỹ đã áp dụng "chân lý" của kẻ mạnh, mà đã là lý của kẻ mạnh thì khỏi cần bàn cãi nhiều.

Sự việc Iraq sẽ khiến cho chúng ta phải nhìn lại nhiều vấn đề về luật quốc tế, như về "phản ứng tự vệ" hay "dự liệu tự vệ," về cách xử sự giữa các nước có quyền phủ quyết v.v...

Mặc dù Mỹ đang ở thế mạnh gần như vô địch cả trên phương diện tiềm lực kinh tế (GDP của Mỹ bằng 1/3 của cả thế giới) và sức mạnh quân sự (nếu tính bằng ngân sách thì ngân sách quốc phòng của Mỹ bằng 20 quốc gia có ngân sách quốc phòng lớn nhất thế giới gộp lại), nhưng qua vụ Iraq, có thể thấy Mỹ đang gặp nhiều khó khăn. Theo GS Charles Kupchan của đại học Georgetown, một trong những khó khăn hiện nay của Mỹ là phải lo đối phó với trục Pháp-Đức-Nga đang hình thành để chống lại thế độc tôn của Mỹ. Trục này chưa có sức mạnh quân sự nhưng họ có sức mạnh kinh tế và có thể gây khó khăn về chính trị mà hậu quả là Mỹ đã không được đa số phiếu tại HĐBA LHQ để có được "danh chính ngôn thuận" mà đánh Iraq.

Tháng 8/1990, khi Iraq chiếm Kuwait, TT Bush bố đã tuyên bố rằng "The world will not allow the strong to swallow the weak - Thế giới sẽ không chấp nhận để kẻ mạnh nuốt chửng kẻ yếu." Quả thật, tất cả chúng ta đều ước mơ được sống trong một thế giới mà "người yếu sẽ không bị kẻ mạnh nuốt chửng." Chúng ta vẫn muốn thấy một tổ chức LHQ có uy lực để giải quyết hòa bình mọi tranh chấp giữa các bên.

(Washington DC mùa Anh đào)

Tài liệu tham khảo:

- The legality of War, March 20, 2003 http://www.fpa.org
- Pre-emptive Force: When can it be used, Jan 13, 2003, The Association of the Bar of the City of New York, http://www.fpa.org

XEM CHIẾN TRANH IRAQ NHƯ Ở NGAY SÁT MẶT TRẬN

- Chiến Trận Việt Nam: Đầu Tiên Lên Máy Truyền Hình
- Chiến Trận Iraq: Đầu Tiên Thẳng Từ Mặt Trận Đến Máy Truyền Hình, Đến Gần Dân Hơn Trước

VŨ THỤY HOÀNG*

Thành phố ban đêm mờ mờ trong ánh đèn điện. Nhiều vệt trắng vụt chạy trên nền trời như sao xẹt. Nhiều tia sáng lóe như chớp giật trong giông bão. Vài ánh lửa bùng sáng, cột khói bốc lên cao, tiếp theo là tiếng ầm ầm như sấm rền. Có cột khói cuồn cuộn bốc lên như hình nấm. Có đám khói nhuốm màu hồng theo ánh lửa. Thoạt nhìn tưởng như đây là cuộc đốt pháo bông.

Không! Đây là cảnh thủ đô Bagdad của Iraq đang bị dội bom và bắn hỏa tiễn. Không có bóng dáng máy bay trên nên trời, nhưng đạn súng phòng không bắn lên nổ trong đêm tối, lấp lánh như pháo bông, như sao xẹt.

Những hình ảnh tức thời, sống động về trận giội bom "chấn động và kinh sợ" của Mỹ được diễn ra trên màn ảnh đã kìm chặt tôi cũng như nhiều người khác trước máy vô tuyến truyền hình trong mấy ngày đầu của cuộc chiến tranh Iraq. Khán thính giả chứng kiến cùng lúc trận oanh tạc với tiếng bom nổ, trong lúc máy bay và hỏa tiễn trút xuống Bagdad. Một số nhà chỉ huy quân sự cao cấp nhất của Mỹ cũng nói đã theo dõi hình ảnh giội bom trên màn ảnh vô tuyến truyền hình.

Từng sống qua cuộc chiến 30 năm ở Việt Nam, tôi và những người Việt khác không có dịp nhìn thấy cùng một lúc diễn tiến của tình hình chiến sự ở nhiều mặt trận khác nhau. Có chăng chỉ là họa hoằn một vài trường hợp lẻ loi, như hồi Tết Mậu Thân năm 1968. Ngày nay ở cách xa Iraq cả hơn chục ngàn cây số, tôi lại được chứng kiến gần như tại chỗ cảnh bom đạn đúng lúc cuộc không tập đang tiến diễn. Khán thính giả ở Mỹ và ở khắp nơi trên thế giới, nhất là những gia đình có thân nhân ra mặt trận lại càng dán chặt mắt vào máy truyền hình, hy vọng nhìn thấy trên màn ảnh chồng con, cha chú, anh chị em mình đi trong đoàn quân ngoài chiến trường. Người ta theo dõi chiến trận ở nhà, ở sở làm, ở nơi công cộng. Truyền hình, với những tiến bộ kỹ thuật hiện đại nhất về điện tử và truyền tin, đã cho khán giả thấy tức khắc diễn tiến của chiến tranh, và đưa trận địa đến sát người dân hơn bao giờ hết.

Cuộc chiến Việt Nam được coi là chiến tranh đầu tiên diễn ra trên máy truyền hình, đi vào phòng khách các gia đình Mỹ. Nay cuộc chiến Iraq được kể là chiến tranh diễn ra tức thời cùng lúc ở mặt trận và ở máy truyền hình trong nhà người dân.

Hồi chiến tranh Việt Nam, các hệ thống truyền hình chỉ chiếu được những hình ảnh quay ở mặt trận cách đấy nhiều ngày, vì phim ảnh chụp tại mặt trận phải chuyển về Sài Gòn rồi gửi máy bay qua New York để tráng ra, cắt xén, biên soạn trước khi đưa lên màn ảnh. Đến năm 1967 nhờ có hệ thống truyền tin mới qua vệ tinh nhân dịp khai mạc Thế Vận Hội Mùa Đông ở Sapporo bên Nhật, phim ảnh được chuyển sang Nhật rồi truyền qua vệ tinh đi Mỹ.

Đạo quân 2.000 người

Ngày nay nhờ những kỹ thuật tân tiến, với điện thoại thu hình cầm tay, nối kết vào hệ thống truyền tin qua vệ tinh, khán thính giả thấy ngay hình ảnh những diễn tiến ở mặt trận. Người coi có cảm tưởng như đứng ngay ở trận tuyến để chứng kiến cuộc hành quân, xem chiến tranh thật sự đang diễn ra trước mắt, chứ không phải xem phim được đạo diễn về chiến tranh.

Điện thoại thu hình cầm tay được các hệ thống truyền hình khai thác rộng rãi. Những hình ảnh này có lúc rung rung và lu mờ, nhưng đủ để thấy quang cảnh ở mặt trận, và rõ hơn so với lần sử dụng ở chiến trường Afghanistan cách đây gần hai năm. Các phóng viên đi theo binh sĩ được trang bị cả kính nhìn đêm, dụng cụ quay phim cũng có ống viễn kính nhìn đêm, nên một số hình ảnh có màu xanh lợt khi quay quang cảnh lúc trời tối.

Có khoảng 2.000 phóng viên, nhà báo hiện ở Trung Đông tham dự vào việc thu thập tin tức về cuộc chiến Iraq. Các cơ quan báo chí lớn đều có mặt. Các hệ thống truyền hình gửi nhiều phóng

viên đi các mặt trận, phái nhân viên đi theo nhiều đơn vị tham chiến. Báo New York Times có tới ba chục người ở trong vùng. Báo Washington Post gửi 29 nhân viên tới đó.

Trước khi chiến tranh xảy ra, có 450 nhà báo kéo tới Bagdad. Khi cuộc chiến sắp khai mào, Mỹ khuyến cáo báo chí và các người ngoại quốc nên rời Bagdad để được an toàn. Các cơ quan báo chí đã cân nhắc việc làm tin và vấn đề an ninh của nhà báo. Đa số đã rút đi, sang thu lượm tin tức ở những vùng kế cận. Ở lại Bagdad chỉ còn chừng 150 người, phần đông không phải là Mỹ. Trong số những người ở lại, có Peter Arnett, người từng đoạt giải Pulitzer về chiến tranh Việt Nam, và đã từng là phóng viên của CNN, ngôi sao nổi tiếng nhất trong cuộc chiến với Iraq năm 1991. Lần này Arnett làm cho National Geographic Explorer, đồng thời cộng tác với MSNBC nhân dịp đi Bagdad. Arnett cho rằng "ý nghĩa trận chiến Bagdad quan trọng hơn hiểm họa của chiến tranh," nên quyết định ở lại Bagdad.

Có hai loại nhà báo theo dõi chiến trận Iraq. Chừng hơn 500 người thuộc loại "nằm chặt" với một đơn vị của Mỹ và Đồng minh. Khoảng 1.450 người khác thuộc loại "đơn phương," tự do đi thu lượm tin tức không cần có sự đồng ý của nhà chức trách quân sự Mỹ.

Đi theo lực lượng Mỹ và Đồng minh, nhà báo phải theo một số quy định. Nhà báo "nằm chặt" với một đơn vị chỉ đi theo đơn vị đó mà thôi, ăn ngủ với binh sĩ của đơn vị để tường thuật tình hình, và không được tiết lộ địa điểm và số lượng binh sĩ trong cuộc hành binh. Họ cũng đồng ý không loan báo tên tuổi binh sĩ bị thương vong, trước khi gia đình binh sĩ đó được nhà chức trách thông báo. Còn nhà báo tự do bay nhảy từ đơn vị này sang đơn vị khác thì được tự do làm việc theo lệnh của cơ quan mình. Vì không đủ người đi theo các mặt trận, một số cơ quan báo chí đã tổ hợp để làm việc với nhau, như cùng dùng chung hình ảnh thu được khi trận chiến mới khởi đầu. Một số khác hợp tác với nhau, như NBC, MSNBC hợp tác với National Geogrpahic TV; ABC với BBC và đài al-Jazeera của Ả Rập; CNN với New York Times và hãng thông tấn AP.

Tại Bagdad, nhà báo tường thuật tin tức phải theo những quy định của Bộ Thông Tin Iraq. Muốn đi làm phóng sự, phỏng vấn ai, cần có phép của nhà cầm quyền và phải có "hướng dẫn viên" đi theo. Hướng dẫn viên thường ở sát bên mỗi khi nhà báo loan tin hoặc tường trình tình hình về đài, để theo dõi việc tường thuật và nếu cần thì kiểm duyệt. Lúc Bagdad bị oanh tạc hôm đầu của cuộc chiến này, các phóng viên ở trong phòng nhìn ra ngoài quan sát, ống kính và máy ghi âm đặt tại cửa sổ để thu hình và ghi tiếng động. Khi tường thuật tình hình, họ phải thận trọng lời nói. Nữ phóng viên Anne Garrels của National Public Radio được đài yêu cầu cho biết rõ chi tiết về thiệt hại của những tòa nhà bị giội bom gần đó, cô trả lời "tôi không thể nói chi tiết rõ rệt được, theo như quy định của Bộ Thông Tin." Hai phóng viên của CNN, trong đó có Nic Robertson, hẳn làm nhà cầm quyền Iraq bất bình, đã bị trục xuất sau khi chiến tranh khai diễn được hai ngày.

Số báo chí tham gia cuộc chiến Iraq vượt trên số nhà báo trong cuộc chiến Việt Nam. Vào tháng 1, 1968 số nhà báo ngoại quốc được Mỹ cấp thẻ báo chí ở Việt Nam là 464 người, trong đó có 179 người Mỹ, 114 Việt Nam làm cho báo ngoại quốc, và 171 người thuộc các nước khác. Khi cuộc tấn công Tết Mậu Thân xảy ra, số nhà báo tăng lên 648 người. Khi Mỹ giảm dần tham chiến, số nhà báo Mỹ và ngoại quốc tới Việt Nam cũng sụt giảm, còn chừng khoảng ba, bốn trăm vào lúc chiến cuộc kết thúc.

Dồi dào tin tức và hình ảnh

Với đạo quân đông đảo, hăng say lùng kiếm tin tức, cùng với những kỹ thuật điện tử hiện đại, báo chí đã cung cấp cho độc giả và khán thính giả những bài viết và những hình ảnh sống động ở mặt trận, những diễn biến của tình hình về cuộc chiến giữa Mỹ và Iraq. Số tin tức và hình ảnh cuộc chiến tràn ngập nhiều trang báo, xuất hiện nhiều giờ trên màn ảnh truyền hình.

Khi tin chiến trận khai mào vào tối 19 tháng 3, các hệ thống truyền hình lớn như ABC, CBS, NBC, CNN, MSNBC, Fox News đã cắt ngang chương trình thường lệ ngày hôm đó và nhiều ngày kế tiếp, bỏ quảng cáo, làm chương trình đặc biệt để tường thuật diễn tiến của tình hình. Mỗi hệ thống truyền hình đều có những phóng viên đi theo những đơn vị tham chiến ở những địa điểm khác nhau, nên hình ảnh và tin tức thật phong phú. Khán giả được xem nhiều hình ảnh ở nhiều nơi: Bagdad bị giội bom và bắn hỏa tiễn; những phi cơ cất cánh từ hàng không mẫu hạm đi oanh tạc; phi công trở về diễn tả những phi vụ vừa hoàn tất; đoàn chiến xa tung cát bụi chạy trên sa mạc; những binh sĩ mang mặt nạ trú ẩn trong hầm khi còi báo động rú lên ở Kuwait; cuộc chạm súng giữa lực lượng Đồng Minh và quân Iraq ở gần Basra; những trẻ em tỵ nạn, mắt sáng long lanh, núp dưới lều vải, ló đầu nhìn ra ngoài trời mưa băng giá; nét mặt sầu thảm của thân nhân binh sĩ thiệt mạng trong trận chiến; những đoàn người biểu tình phản chiến náo động, la ó ở Chicago, New York, Ý, Đức, Nhật, Ai Cập, Trung Đông và nhiều nước khác.

Bên cạnh những hình ảnh của chiến tranh, là những tin tức thu lượm từ nhiều nơi khác. Nhiều khuôn mặt quen thuộc của những nhân vật Mỹ và Iraq xuất hiện, từ Tổng Thống George W. Bush tới Saddam Hussein. Hình cũ hoặc thu trước của Hussein đã được đưa ra trên màn ảnh vô tuyến, sau khi Mỹ loan tin giội bom trúng tòa nhà Hussein trú ngụ.

Thêm vào tin tức từ trận địa là những cuộc họp báo của tòa Bạch Ốc, Bộ Quốc Phòng, Bộ Ngoại Giao và những sĩ quan cao cấp chỉ huy chiến trường. Khi có chiến tranh, cuộc họp báo của giới chức quân sự được chú ý hơn. Xuất hiện trong các cuộc họp báo kỳ này thường là những nhân vật cao cấp nhất, như Bộ Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld, Tổng Tham Mưu Trưởng Richard Myers, Tư Lệnh chiến trường Tướng Tommy Franks. Hồi chiến tranh với Iraq năm 1991, có mặt trong những cuộc họp báo quân sự là Tướng Tư Lệnh Norman Schwarzkopf, hoặc một tướng phụ tá của ông. Tại Ngũ Giác Đài có tướng ba sao Kelly Thomas, trưởng phòng Hành Quân.

Báo chí cũng tường thuật cuộc họp báo của Bộ Trưởng Thông Tin và Bộ Trưởng Quốc Phòng Iraq, trong đó ông quả quyết cuộc xâm lăng của Mỹ sẽ bị đánh bại và Saddam Hussein vẫn bình yên sau cuộc oanh tạc phá nát tòa nhà riêng của lãnh tụ Iraq.

Thấy những cuộc họp báo này, tôi không khỏi nhớ lại những cuộc họp báo hàng ngày lúc năm giờ chiều ở Việt Nam trong thời chiến. Những nhân vật cao cấp Việt Nam rất ít khi họp báo. Những cuộc họp báo ở Việt Nam, do các viên chức trung cấp trong ngành thông tin và quân sự đảm trách. Ở địa vị ít được thông báo những tiến triển của tình hình, họ chỉ cung cấp những tin tức rất sơ lược, không cập nhật, và thường không giải đáp thỏa đáng những câu hỏi của ký giả. Báo chí ngoại quốc hồi đó đã diễu cợt gọi những buổi họp báo đó là "The 5 o'clock Follies" (Những Ngớ Ngẩn lúc 5 giờ.)

Ngoài những tin tức do phóng viên thu thập, các đài còn mời những chuyên viên, những nhân vật hiểu biết để phân tích tin tức và giải đoán tình hình. Nhiều tướng lãnh hồi hưu thuộc các quân chủng Hải, Lục, Không Quân đã có mặt trên các đài để thuyết giải tình hình, trong đó có cả tướng bốn sao Schwarzkopf, từng chỉ huy trận đánh Iraq cách đây 12 năm. Trong vài chương trình đặc biệt, Tom Brokaw của hệ thống NBC News thường có bốn tướng của Hải Quân, Không Quân và Lục Quân ngồi ngay bên cạnh để giải đáp và bàn luận về chiến sự.

Muốn khán giả vừa theo dõi tin tức nóng sốt ở hai ba nơi khác nhau, các hệ thống truyền hình còn để hình ảnh của hai ba nơi trên cùng một màn ảnh. Nhiều người ham theo dõi tin tức ở những đài khác nhau, thích nhảy đài này qua đài kia. Tôi cũng là một trong những người hay ngứa tay bật máy đổi đài.

Với tin tức và hình ảnh của cuộc chiến Iraq được tường thuật rộng rãi trên báo chí, nhất là trên màn ảnh truyền hình, cuộc chiến và ảnh hưởng của tin tức có thể gây ra nhiều tranh luận. Một số người trước đây cho rằng Mỹ thất trận trong chiến tranh Việt Nam một phần vì những hình ảnh chết chóc của binh sĩ và thường dân đã gây nên những phản ứng bất lợi, mở rộng tinh thần phản chiến. Trong số những tấm hình gây xúc động mạnh khắp thế giới hồi đó là hình Tướng Nguyễn Ngọc Loan, tổng giám đốc cảnh sát quốc gia, chĩa súng bắn một Việt Cộng bị bắt và được dẫn tới trước mặt ông trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân. Hình cô bé chín tuổi Phan Thị Kim Phúc kêu khóc, trần truồng chạy ở gần Tràng Bảng vì bị phỏng bom xăng đặc năm 1972 đã tiêu biểu cho nạn nhân vô tội của chiến tranh. Trong trận chiến Iraq kỳ này, nhiều hình ảnh cuộc chiến đã tràn lan trên màn ảnh vô tuyến. Mai kia nếu chiến trận trở nên gay go, khi có những cuộc giao tranh đẫm máu, có tù binh bị bắt giữ, số thương vong tăng gia, những cảnh đổ nát của chiến tranh, những nheo nhóc, đói khổ của nhiều lớp dân tỵ nạn, những chết chóc, thiệt hại nhân mạng của binh sĩ và thường dân cũng được chiếu lên.

Truyền hình mấy ngày qua đã cho thấy vài khía cạnh thương vong của cuộc chiến. Một gia đình có binh sĩ bị chết vì trực thăng rớt đã buồn giận chê trách cuộc chiến và phản đối quyết định của Tổng Thống George W. Bush. Trong trường hợp khác, bà Nancy Chamberlin có con là Thiếu Tá Day Aubin cũng bị thiệt mạng vì trực thăng rơi đã nói rằng kỹ thuật hiện đại của truyền hình mang hình ảnh chiến tranh đến gần người dân thật là "hay, nhưng còn có những bà mẹ, những người cha, những người vợ đang đau khổ vì vụ này." Bà cho rằng nhiều người ở sát bên máy truyền hình không phải chỉ để theo dõi tin tức mà còn để biết số phận của những người thân yêu của họ.

23/3/2003

* Tác giả đã sống 44 năm trong ngành báo chí, trong đó có 33 năm với Washington Post, đã xuất bản ba cuốn sách **Sài Gòn Tuyệt Trắng: Việt Nam tháng 4, 1975, Quê Hương Thương Ghét: Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại** và **Rồng Vàng Vượt Biển.**

VẤN ĐỀ IRAQ VÀ THẾ CÂN BẰNG MỚI TRÊN CHÍNH TRƯỜNG THẾ GIỚI

HOÀI LÊ QUÊ

Từ nhiều tháng nay, trọng tâm của tất cả các phương tiện truyền thông đều vào dồn vào vấn đề liệu Mỹ có đơn phương áp dụng sách lược "tiên hạ thủ" hay "đánh đòn phủ đầu" ra tay diệt địch thủ trước khi địch thủ hành động hay không? Với lý do là Iraq đang còn tàng trữ các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt và có quan hệ với mạng lưới khủng bố quốc tế Al-Qaeda, Mỹ đã huy động đến vùng Vịnh cả một lực lượng khổng lồ khoảng 250,000 quân nhân và Anh với trên 46,000 quân, ít nhất sáu hàng không mẫu hạm, chưa kể các loại máy bay, và các loại phương tiện khác để chuẩn bị tiến hành các cuộc tiến công nhằm vào Irak. Nay, bộ máy chiến tranh của nước Mỹ đã khởi động, chiến sự đã bắt đầu.

Từ khi phe xã hội chủ nghĩa hay khối Liên Xô - Đông Âu sụp đổ, tổ chức Hiệp ước Varsawa của phe này tan rã và chiến tranh lạnh kết thúc, trên thế giới chỉ còn lại một siêu cường duy nhất cực kỳ mạnh là Mỹ. Một số người cho là trong vụ Iraq, Mỹ có có nhiều cử chỉ đế quốc, và đang gặp khó khăn trong thực tế chính trường thế giới. Thuyết của Giáo sư Charles Kupchan* của đại học Georgetown cho rằng Mỹ đang đối đầu với nhiều trở ngại vì các nước Âu châu mạnh muốn có tiếng nói bình đẳng với Mỹ. Thuyết này gần sự thật trong vụ Iraq, mà diễn biến của nó trong thời gian qua hầu như đã là chất xúc tác gây dựng một trục Pháp-Đức-Nga thành hình như chống để chống sức mạnh độc quyền của Mỹ. Trục này chưa đủ mạnh về quân sự nhưng cũng đủ về kinh tế để cân bằng trục Anh-Mỹ. Theo GS Kupchan, hai bên bờ Đại Tây dương có thể chia tay - đi đến ly dị – "anh đi đường anh, tôi đường tôi." Người ta tự hỏi cuộc chia tay này rồi ra có sẽ diễn ra không, nếu có, diễn ra như thế nào?

Từ 20/9/02, Chính phủ Mỹ đã cho công bố chiến lược An Ninh Quốc gia, một tài liệu về chính sách đối ngoại của Mỹ. Vài tuần trước đó TT Bush đã tuyên bố trước Đại Hội Đồng LHQ một tối hậu thư về vụ Iraq. Ít lâu sau, Iraq đã chịu cho các thanh tra LHQ trở lại thanh tra xứ này sau nhiều năm gián đoạn.

Cả thế giới có cảm tưởng đang có một luật chơi mới: Mỹ có thể hành động một mình để bảo vệ quyền lợi của họ, có thể đánh trước bất kỳ nước nào để trừ hậu họa cho chính mình. Sau khi Liên xô sụp đổ thì có phải đây là "trật tự Mỹ mới" hay "Pax Americana" hay không?

Nước Mỹ là nước có tinh thần pháp quyền rất cao. Và chính sách "tiên hạ thủ" chưa bao giờ được Mỹ thử nghiệm. Sách lược này đã được Nhật sử dụng khi đánh vào Trân châu cảng (Pearl Harbor) năm 1944, nhưng được sử dụng nhiều nhất bởi các nước XHCN: Bắc Hàn xua quân đánh Nam Hàn, vụ Tết Mậu Thân năm 1968 hay vụ quân đội Bắc Việt đánh qua Bến Hải vào năm 1972 hay Trung Quốc xua quân vào Bắc VN vào 1979.

Đối với luật quốc tế thì sao? Từ khi sau thế chiến hai, tại Hội Nghị San Francisco các nước đã cố xây dựng một trật tự quốc tế qua Liên Hiệp Quốc. Theo các luật quốc tế thì chỉ có Hội Đồng Bảo An LHQ có quyền cho phép gây chiến tranh. Vì vậy cũng dựa trên các nghị quyết của HĐBA LHQ mà Mỹ đã đánh Bắc Hàn, và sau đó quân TQ, tại bán đảo Triều Tiên vào đầu thập niên 50.

1. Tại Mỹ, các thành viên chính phủ và chính trị gia đều có những tuyên bố "đánh trống xua quân." Báo chí Mỹ và hệ thống truyền thông của họ đều cho là Mỹ sẽ đánh Iraq, vấn đề sẽ được giải quyết bằng quân sự. Việc này đã xảy ra từ cuối tháng Chín năm ngoái đến nay.

Tuy nhiên, sau khi TS Blix trưởng nhóm thanh tra LHQ và El Baradei tường trình kỳ nhất ngày 27/1/03, cho là Iraq đã không gây khó khăn cho các thanh tra, thì ngày hôm sau 28/1/03, TT Bush đã đọc trước Lưỡng viện Quốc Hội "Thông điệp về tình trạng nước Mỹ." Qua thông điệp này TT Bush cho là Iraq sẽ phải giải giới, nếu không, Mỹ và một số đồng minh có thể tấn công trừng phạt. TT Bush cũng hứa là ngoại trưởng Powell sẽ đưa thêm chứng cớ chống Iraq trong đó có ghi

âm cuộc nói chuyện của một tướng và thuộc cấp của ông ta về việc giấu vũ khí. Ngoài ra còn nhiều không ảnh cho thấy Iraq di chuyển vũ khí hoá học.

Trong nội bộ Mỹ, đã có những biểu tình chống chiến tranh, ngày càng lớn. Một số ứng cử viên TT phe Dân chủ Thượng nghị sĩ Kucinich hay TNS. Dasche cũng to tiếng công kích TT Bush. Chiến tranh chống Iraq cũng không giải quyết khủng bố. Nhiều người cho là sau chiến tranh thì việc xây dựng đơn phương sẽ tốn kém. Nay Bắc Hàn loan tin họ có vũ khí nguyên tử, khiêu khích Mỹ, vậy tại sao không đánh mà chỉ dùng ngoại giao giải quyết? Tại sao hung hăng một bên và hiền lành đối với một bên khác? Bắc Hàn cố ý làm lớn chuyện vậy mà Mỹ ngược lại còn tái viện trợ thực phẩm! Hiện nay dư luận Mỹ cho là TT Bush bị "straddle in the world and questioned at home - bị dư luận thế giới cô lập và bị hạch hỏi tại quốc nội."

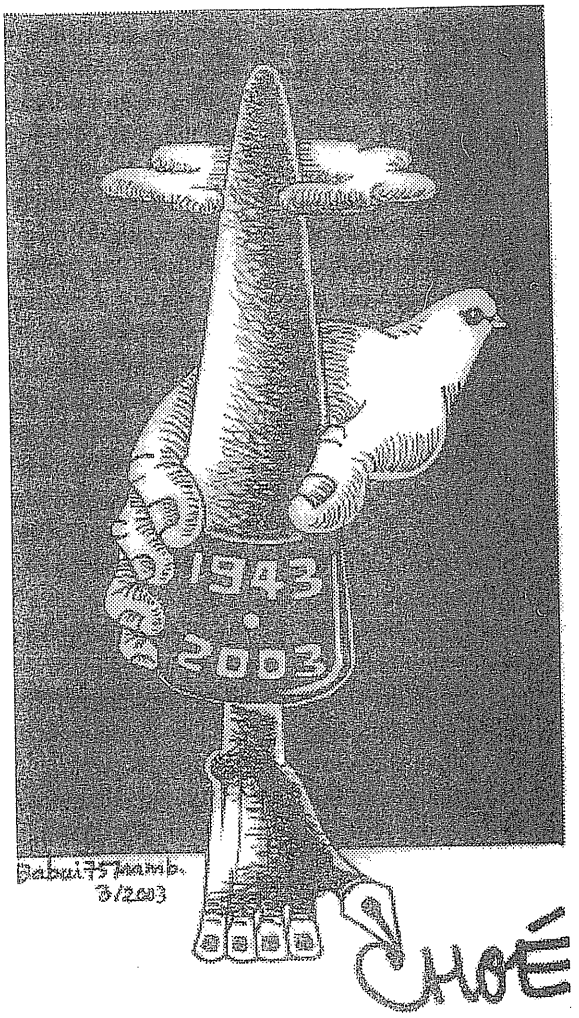

Về nội bộ nước Anh thì TT Tony Blair cũng không khá hơn, đang gặp khó khăn vì trên một triệu người đã biểu tình tại London chống chiến tranh. Hiện nay ông Robin Cook một bộ trưởng và hai thứ trưởng trong nội các đã từ chức. Tại Tây Ban Nha, TT Maria Aznar cũng bị công chúng chống chính sách thân Mỹ của chính phủ, với khoảng 2-3 triệu người biểu tình. TT Blair cũng phải chấp nhận sự chống đối tại Âu châu vì ông ta cần sự hậu thuẫn của HĐBA LHQ mới có thể đánh. Chính phủ ba nước Âu châu thân Mỹ này đã không thuyết phục được dân chúng rằng Iraq là mối đe dọa cho chính nước của họ.

2. Cả thế giới đã nghe TS Hans Blix và El Bareida báo cáo lần hai cho HĐBA LHQ vào ngày 14/2/03. TS Blix cho rằng không có dấu hiệu là Irak có vũ khí tiêu diệt hàng loạt. Mặc dù còn một số vấn đề chưa giải quyết hết trong việc khai báo của Irak, TS Blix cho rằng nếu có thêm thời gian thì có thể giải quyết được.

Sau điều trần lần thứ ba của TS Blix, đa số các nước trong HĐBA LHQ cho là các thanh tra cần thêm thời gian. Sau cuộc điều trần, Mỹ-Anh không được đa số trong 15 thành viên HĐBA LHQ tán thành (nếu trường hợp không có phiếu veto của 1 trong 5 cường quốc) cho phép tấn công Irak. Nhiều nước Mỹ cho là thân thiện với họ như Chili, Pakistan, Cameroun cũng không tán thành, cho là "còn nước còn tát" và cần tìm cách giải giới qua các phương tiện hoà bình.

Trên chính trường quốc tế, Mỹ-Anh đã bị vào phe thiểu số trong khi Pháp, Đức, Nga và TQ xiết lại gần nhau chặn giải pháp "đánh cho bằng được." Thế cờ đã phần nào đổi ngược tại HĐBA LHQ sau ngày 14/2/2003.

Sau khi TS Blix phúc trình kỳ hai thì nhiều nước e ngại cho Mỹ đóng quân, sử dụng không phận họ hay cho toàn quyền đánh Irak, mặc dù Ngoại trưởng Powell đã đưa ra nhiều chứng cớ dựa trên các tin tức tình báo và không ảnh. Theo TS Blix và El Baradei thì đến nay Iraq đã không gây khó khăn nào cho các thanh tra, các bằng chứng của Mỹ/Anh không đúng sự thật (not authentic - tài liệu giả) trong vụ mua bán Uranium với Niger. Iraq có phạm một số lỗi nhỏ như sự khai báo về tầm xa của một số hỏa tiễn, nhưng theo ông Blix thì không có dấu hiệu nào Iraq còn vũ khí tiêu

diệt hàng loạt trừ vài trường hợp lẻ tẻ.

Thổ Nhĩ Kỳ chưa cho quân Mỹ vào mặc dù Mỹ hứa $ 30 tỷ trong đó có $ 10 tỷ viện trợ. Họ có kinh nghiệm Mỹ hứa vào năm 1990 mà không giữa lời hứa kể cả các kinh nghiệm không mấy tốt tại Afghanistan.

Tại sao dùng dằng tại HĐBA LHQ, sau phúc trình thứ hai của TS Blix? Trong 15 thành viên HĐBA chỉ có Anh, Tây Ban Nha và Bulgaria ủng hộ Mỹ mà thôi trong khi mọi thành viên khác đòi cho các thanh tra thêm thời gian để giải giới Irak mặc dù Mỹ đã thuyết phục, mua chuộc một số nước để ủng hộ lập trường của họ. Họ đã điều đình với Nga, TQ, Pakistan, và một số nước Âu châu để có đồng minh.

Việc gì đã xẩy ra giữa việc các thanh tra làm việc tại Irak, giữa các báo cáo kỳ 1, 2 của TS Blix và El Baradei và báo cáo mới nhất vào ngày 7 tháng 3, 2003?

3. Cũng như trong truyện Tam Quốc, mọi nước đều tìm thế cân bằng và khi một nước mạnh nổi lên thì các nước khác liên kết chống lại. Trong thế kỷ 21 sách lược chính trị này cũng không khác mấy. Trong cuốn sách "The end of an Era," Giáo sư Charles Kupchan của đại học Georgetown, cựu cố vấn cho Hội Đồng An Ninh Quốc Gia dưới thời TT Clinton, cho là Mỹ đang trong thời kỳ xuống dốc, và sau chiến tranh đây là lúc thay đổi quan hệ Mỹ Âu, sự hình thành trục Âu châu sẽ cân bằng sức mạnh kinh tế và quân sự với Mỹ. Theo GS Kupchan thì sau chiến tranh lạnh Âu châu đã thành hình lớn mạnh về kinh tế, tự tin, muốn lập một thế chính trị và quân sự riêng. Trong khi đó Mỹ hành xử có vẻ hống hách, cứ ưa quyết định một cách đơn phương, không cần thăm dò các đồng minh.

Tại LHQ, trong suốt thời gian này một trục Pháp-Đức muốn các thanh tra LHQ thời cơ giải giới Iraq qua các phương tiện hoà bình. Theo họ thì "chiến tranh là biện pháp cuối cùng." Nga và TQ cũng theo trục này. Đó là ngoài mặt, còn trong thâm tâm thì họ sợ thuyết mới của Mỹ là có thể "tiên hạ thủ - đánh trước trừ họa." Họ cho là trong thế giới pháp quyền chỉ có HĐBA LHQ là có quyền quyết định chiến tranh chứ không nước nào có thể tùy tiện. Thế là việc nhất trí của HĐBA LHQ trong nghị quyết 1441 đã chia ra làm hai phe: diều hâu (Mỹ-Anh muốn tấn công trừng phạt Irak) và bồ câu (Pháp-Đức muốn dùng HĐBA LHQ quyết định phạt hay không phạt Iraq nhưng giải giới qua hoà bình).

4. Phe Mỹ-Anh và Tây Ban Nha đã đưa ra HĐBA LHQ một nghị quyết cảnh cáo Iraq để đi đến chiến tranh. Phe Pháp-Đức-Nga và TQ chống việc có một nghị quyết thứ hai cho phép Mỹ-Anh đánh Iraq một cách "automatic" khi theo họ còn có thể có cơ hội giải giới bằng cách ôn hoà. Trong hơn 10 ngày Mỹ-Anh đã có gắng thuyết phục các nước chưa quyết định như Angola, Cameroun, Guinea, Chile, Mexico và Pakistan. Một nghị quyết tại HĐBA LHQ chỉ có thể thắng nếu có 3/5 tổng số phiếu nghĩa là Mỹ cần có 9 phiếu trên 15 mới thắng.

Ngày 16 tháng 3, phe Mỹ Anh và Tây Ban Nha họp tại Azores. Sau một tiếng đồng hồ phe này đã ra thông cáo cho thêm 24 tiếng để các nước quyết định, nhất là phe sáu nước chưa quyết định gồm ba nước Phi châu để thông qua nghị quyết thứ 2 tại HĐBA LHQ.

5. Hai bên đang vận động tìm thêm đồng minh. Việc này cho thấy các chia rẽ giữa hai bên ngày càng rõ. Các thăm dò dư luận Âu châu cho thấy đa số dân Âu châu không thấy Iraq là một mối nguy hiểm. Dư luận tại Mỹ cho thấy 66% ủng hộ chiến tranh trong khuôn khổ HĐBA LHQ chấp thuận.

Từ sáu đến mười triệu người đã biểu tình chống chiến tranh trên khắp thế giới. Việc bất đồng tại HĐBA LHQ đã công khai phơi ra sự khác biệt Mỹ - Âu trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh và sự hình thành của một trục mới tìm thế cân bằng với sức mạnh của Mỹ.

6. Ngày 17 tháng 3, phe Mỹ-Anh và Tây Ban Nha thấy là không gồm được đủ số 9 phiếu đại diện cho 3/5 số phiếu HĐBA LHQ. Sợ rằng bị thua cho nên họ đã rút lại nghị quyết. Tối cùng ngày TT Bush đã lên truyền hình cắt nghĩa là Mỹ có quyền quyết định để bảo vệ quyền lợi của họ, và đổ cho Pháp là nguyên do để nghị quyết thứ 2 tại HĐBA LHQ không thành. Nước Mỹ sẽ cho gia đình Saddam Hussein 24 tiếng đồng hồ để rời Iraq nếu không sẽ có chiến tranh.

Hiện nay vụ Iraq phơi bày sự tranh chấp giữa hai lối suy nghĩ về luật quốc tế: một bên cho rằng tự mình có quyền quyết định, còn bên kia cho rằng quyết định chiến tranh phải do LHQ.

Mỹ cho HĐBA LHQ chỉ là một "debate society - chỗ tranh luận," không thể lấy quyết định, không thể bảo vệ quyền lợi của họ được. Họ cho là HĐBA LHQ thiếu "ý chí (will)." Vì họ là cường quốc duy nhất trên thế giới cho nên họ nghĩ là có thể lấy các quyết định quan trọng ngoài LHQ, dĩ nhiên nếu được sự ủng hộ của LHQ thì càng tốt. Và Mỹ có thể chọn giải pháp vũ lực để giải quyết

các tranh chấp quốc tế.

Đối với các nước nhỏ, HĐBA LHQ là cơ quan cao nhất có thể là trọng tài trong quan hệ ngoại giao quốc tế, giữa việc giải quyết các tranh chấp giữa các nước, trong hòa bình, qua ngõ pháp quyền. Tuy nhiên thuyết "tiên hạ thủ" đã có nhiều nước theo. Nga đã dọa trừng trị Georgia, Israel đánh Palestine hàng ngày, Thổ nhĩ kỳ có thể đánh Kurds, hay Ấn đánh Pakistan ở Kashmire, TQ đánh VN.

Lần đầu tiên chiến dịch "Iraqi Freedom" ra tay với sự chống đối của 90% các nước trên thế giới. Các người biểu tình đòi hòa bình tại Washington DC cũng không thể tin là chính nước Mỹ áp dụng thuyết "tiên hạ thủ" trong khi đó thì Nga lại là nước chống việc này.

Sau khi TT Bush lên truyền hình, Canada và Mexico cho biết họ không tham gia chiến tranh vì không có quyết định của LHQ. Hiện nay thế giới đang đứng trước một trường hợp mới: ai có thể ngăn cản sức mạnh của Mỹ? Sau chiến tranh ai sẽ tái xây dựng? Ai sẽ bỏ tiền ra xây dựng lại Iraq? (Mỹ sẽ lấy dầu Iraq để chi cho việc tái xây dựng) Ai có quyền ra lệnh cho một TT một nước phải ra đi? Vũ lực hay pháp quyền?

Câu hỏi là trục Pháp-Đức-Nga có thể tồn tại trong lâu dài hay không? Cũng cần nhiều năm để Nga có thể xử sự văn minh hơn, dân chủ hơn. Lúc đó thì thế giới sẽ không còn một trụ mà hai hay nhiều trụ. Có nhiều trụ thì không còn độc quyền và không có độc quyền thì qua LHQ các nước nhỏ mới dễ sống.

Vụ Iraq là chất xúc tác thúc đẩy các vấn đề đã âm ỉ tồn tại trước đây có cơ hội bộc lộ. Không ai ưa chế độ Saddam Hussein nhưng không ai muốn chiến tranh. Khác biệt giữa giữa Mỹ-Anh và trục Pháp-Đức-Nga là cách xử sự với Iraq. Hai bên cùng đồng ý là Saddam Hussein phải giải giới thì mới có ổn định trong vùng. Mỹ-Anh cho là chiến tranh sẽ giải quyết vấn đề và muốn đơn phương thực thi việc này. Chính sách mới "Tiên hạ thủ" của Mỹ là trái với luật quốc tế. Phe Pháp-Đức cho là có thể giải giới qua các biện pháp hoà bình và quyết định hòa hay chiến phải là quyền của HĐBA LHQ.

Bài học vụ Iraq cho thấy là các nước lớn, dù mạnh đến đâu, không thể mua tất cả các nước, kể cả các nước Phi châu, hoặc như trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ hay các nước có thể thiệt thòi nếu họ chống lại ý muốn của Mỹ như Chile hay Mexico.

Mỹ đã thất bại về chính trị và ngoại giao. Mỹ đã không thuyết phục được thế giới về việc Iraq là nguy cơ phải khẩn cấp trong việc giải giới. Vì không thuyết phục được thế giới cho nên Mỹ không tìm được đủ số chín phiếu ủng hộ họ, một một cường quốc mạnh nhất thế giới.

Mỹ đánh giá sai quyết tâm của Pháp vì họ cho là lúc nào vào phút cuối cùng Pháp cũng sẽ theo họ. Mỹ đã đánh giá sai lập trường của một số các nước khác, có thể thiệt hại nhiều về kinh tế nếu không theo Mỹ như Mexico, Canada hay Thổ Nhĩ Kỳ. Mỹ đã đánh giá lầm LHQ là nơi các nước đến gật đầu với những quyết định của đàn anh. Ai ai cũng biết là Mỹ đã trì trệ việc giải quyết quyết định Camp David về việc xây dựng một xứ Palestine độc lập, để lấy phiếu cử tri Mỹ gốc Do Thái và cả thế giới biết là đa số các "veto" của Mỹ là để bảo vệ Do Thái.

Nước Mỹ là nước có tinh thần pháp quyền rất cao và chính sách "tiên hạ thủ" chưa bao giờ được Mỹ áp dụng. Việc đánh Iraq sẽ làm nước Mỹ mất uy tín cùng sức mạnh đạo đức (moral authority) và vì vậy sẽ không khác gì các nước vẫn dùng thủ đoạn "tiên hạ thủ." Hiện nay thế giới trong tình trạng mà nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine đã nói, "Lý của kẻ mạnh." Nhưng liệu Mỹ có thể giải quyết tất cả các vấn đề thế giới như Bắc Hàn, Iran, Syria, v.v. một cách đơn phương?

Thế giới pháp quyền và trật tự thế giới đã bị một đòn nặng và phải chăng thế giới đang trở về thời kỳ thượng cổ "cá lớn nuốt cá bé," hay cái triết lý "sức mạnh từ họng súng" của Mao? Trong khi đó loài người văn minh sẽ phải tiến đến một trật tự mới với sự cân bằng giữa các nước, một trật tự mà pháp quyền ở trên vũ lực, tiếng nói của dân chúng được lắng nghe. Đây cũng là những lý do tại sao các nước nhỏ phải nhanh chóng hội nhập vào thế giới để có tiếng nói trên chính trường quốc tế. Mặc dù một số nước nhỏ hay lớn có thể giúp Mỹ trong chiến dịch "Iraqi Freedom" và thành công, vụ này cần thời gian mới hàn gắn vết thương trong ngoại giao quốc tế để tái tạo một quan hệ lành mạnh — hay lại vẫn tiếp tục đường lối ngoại giao qua vũ lực?

Xuân Quý Mùi

Tài liệu tham khảo: Charles Kupchan, professor of international relations, Georgetown University and senior fellow at the Council on Foreign Relations, *The End of the American Era: U.S. Foreign Policy and the Geopolitics of the 21st Century* http://www.fpa.org

Một thay đổi văn hoá thiết yếu:

CHẤM DỨT TÌNH TRẠNG NÔ LỆ KÉO DÀI TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM

TÔN THẤT THIỆN

Thế nào là "nô lệ"?

Trong những năm qua, cuộc tranh đấu của một phần lớn, và có thể nói là của hầu hết người Việt, ngoài cũng như trong nước, nhằm vào những mục tiêu phổ thông, như tự do, dân chủ, nhân quyền, dân quyền... Cuộc tranh đấu này nặng tính cách chính trị, và đối tượng của nó là nhóm cầm quyền ở Việt Nam hiện tại và chế độ cọng sản mà nhóm này chủ trương "kiên trì." Điều ít người để ý đến là tranh đấu chính trị chỉ là một phần, và một phần nhỏ, của một vấn đề khác, hệ trọng hơn đối với Việt Nam. Đó là vấn đề thay đổi-cải thiện xã hội để chấm dứt tình trạng nô lệ của dân Việt vẫn kéo dài cho đến ngày nay. Vấn đề này có hai phần: một phần liên quan đến chính quyền và chính sách hiện tại, và một phần liên quan đến tất cả người Việt và tập quán của họ.

Phần đầu, tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền, dân quyền qua sự lật đổ, thay đổi, chính thể cọng sản hiện tại, hay đòi nó phải cải tổ, biến thể, biến chất... là một cuộc tranh đấu chính trị. Nó chĩa mũi dùi vào một nhóm người có thể nhận diện rõ ràng, và có thể bị gán cho những nhãn hiệu không đẹp. Nhưng dù vấn đề chính sách, thể chế chính trị giải quyết xong thì vấn đề thứ hai, lớn hơn, vẫn còn sờ sờ đó.

Phần thứ hai liên quan đến toàn thể xã hội Việt Nam. Nó đòi hỏi một sự thay đổi rất lớn về tư tưởng, giá trị, tâm lý, tập quán của tất cả mọi người Việt. Nó là một cuộc tranh đấu nhằm thay đổi văn hóa, và khía cạnh tế nhị là nó là một cuộc tranh đấu của mỗi người Việt chống chính bản thân mình. Trong cuộc tranh đấu nội tâm này, ta khó gán những nhãn hiệu không đẹp cho toàn thể người Việt. Thêm nữa, làm cho toàn thể, hay ít nhất là đại đa số, người Việt thay đổi tư tưởng, giá trị, tâm lý, tập quán lại là một điều cực kỳ khó khăn, tế nhị. Nhưng nếu vấn đề này không được giải quyết ổn thoả thì Việt Nam vẫn không tiến lên được.

Cho nên, ta cần phải xét kỹ vấn đề để thấy rõ những khía cạnh phức tạp của nó, và tìm ra giải đáp thích ứng.

Để bàn luận một cách có hiệu quả, trước hết ta cần phải định rõ nghĩa của "nô lệ", tìm hiểu bản chất, và nhứt là đặc trưng của nó, để có thể nhận diện dễ dàng những xã hội nô lệ, và giải thích tại sao, tuy Đảng Cọng Sản Việt Nam tuyên bố cách mạng của họ đã thành công và đã giải phóng dân tộc, xã hội Việt Nam ngày nay vẫn là một xã hội nô lệ.

Nô lệ là một tình trạng, mà tình trạng đó còn, thì dân tộc ở trong tình trạng đó vẫn là dân nô lệ. Nô lệ không phải là một cái gì mới. Lịch sử nhân loại là một lịch sử của con người giải thoát khỏi được thân phận nô lệ qua thời gian dài, từ thời thượng cổ. Chúng ta quen thuộc với những chuyện về nô lệ của những chế độ Hy Lạp, La mã, Trung Đông, Phi Châu, Mỹ Châu, cho đến giữa thế kỷ XIX. Những người bị mang số phận "nô lệ" không có một quyền gì cả, kể cả quyền sống. Họ chỉ làm lao động sản xuất, hay nô tỳ phục dịch cho chủ nhân. Họ hoàn toàn là sở hữu của chủ họ, có thể bị ngược đãi, đánh đập, ngay cả giết chết, mua, bán, như một con vật. Đặc trưng của thân phận người nô lệ là họ không có quyền bàn cãi về chính sự – không được tự do ngôn luận -, không có quyền làm đại diện cho người khác – không được tự do ứng cử —, hoặc lựa chọn người đại diện cho mình – không được tự do bầu cử —. Nói tóm, đặc trưng của người nô lệ là không được coi như người công dân bình thường, đặc biệt là không được tham gia chính trị. "Tham gia chính trị" ở đây phải hiểu theo nghĩa đúng của nó, là: "tham dự vào sự bàn và lấy những quyết định nhỏ lớn, nhứt là những quyết định lớn có tính cách chiến lược, về đời sống hiện tại của người dân, và tương lai của đất nước."

Chính trị: một đề tài cấm kỵ

Được, hay không được, tham gia chính trị là tiêu chuẩn đặc trưng cho ta quyết định một người,

một dân tộc nào đó, có ở trong tình trạng nô lệ hay không. Vậy, để xác định người dân Việt Nam hiện nay còn mang thân phận nô lệ nữa không, cần nghe những nhân chứng trực tiếp, những người đã đi Việt Nam, nhứt là những người gốc Việt, vì người ngoại quốc, không phải là người Việt và không biết tiếng Việt, nên không nghe, không hiểu, không đoán được người Việt tại nơi thực sự nói gì, nghĩ gì, muốn gì.

Những người đi Việt Nam về có thể chia làm bốn nhóm. Một nhóm viếng thăm gia đình. Họ chỉ thăm cha mẹ, bà con họ hàng, săn sóc mồ mả tổ tiên, xong rồi đi, không để ý gì đến chuyện gì khác. Nhóm này tương đối nhỏ.

Nhóm thứ hai gồm những người về Việt Nam "làm ăn." Họ không bị chính quyền gây phiền hà. Trái lại, họ rất được chính quyền o bế vì, mang tiền về đầu tư, họ tạo cơ hội cho cán bộ được chia chác. Tất nhiên họ có cách biện minh khá đẹp cho hành động của họ: sự đầu tư của họ là một hành động "yêu nước" — đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế có lợi cho nước. Thực ra, thì họ chỉ "làm" để "ăn" thôi, chớ không để ý gì đến chính trị, nghĩa là về số phận của đồng bào và đất nước. Vô tình, hay cố ý, họ khuyến khích chính quyền cọng sản hiện tại tiếp tục chính sách nô lệ hoá dân tộc. Nhóm này cũng tương đối nhỏ.

Nhóm thứ ba là nhóm đi Việt Nam để ăn chơi cho thoả thích, vì họ nghe nói rằng, ngày nay, về phương diện này, "Việt Nam nay thay đổi, tiến bộ nhiều lắm, thứ gì cũng có, mà lại rẻ tiền hơn ở Âu-Mỹ nhiều." Nhóm này cũng như các nhóm trên, không hề bị nhân viên Nhà nước cọng sản gây phiền hà, vì họ "không làm chính trị, không theo, không chống ai, hoặc gì, cả"; trong "thứ gì cũng có" của họ không ghi các mục như: thân phận của dân, hoặc tương lai đất nước. Họ là người Việt Nam, nhưng trên đất Việt Nam họ "chỉ là khách du lịch": đến, nhìn, rồi đi, không cần, và cũng không muốn biết, những gì xảy ra cho những người Việt Nam sở tại, trước đó hay sau đó. Họ cũng là những người đương nhiên khuyến khích chính quyền cọng sản tiếp tục chính sách nô lệ hoá dân tộc Việt Nam hiện nay. Nhóm này là nhóm đông nhất.

Nhóm thứ tư gồm một số rất ít người ưu tư về số phận của xứ sở, của đồng bào, và tương lai của đất nước. Vì vậy, họ để ý đến những gì xảy ra quanh họ trong thời gian họ ở Việt Nam. Họ nhận xét một cách kín đáo, nhưng tỉ mỉ, và nhờ vậy chúng ta có dữ kiện chính xác để nhận định người dân Việt hiện nay ở Việt Nam còn ở trong tình trạng nô lệ hay không. Về phương diện này chúng ta may mắn có những bài tường thuật rất chi tiết của những người như ông Hà Ngọc Báu và Nguyễn Anh Tuấn, là những người đã đi về Việt Nam nhiều lần trong những năm qua, đã có những nhận xét về tình hình trong nước, và đã chia sẻ những nhận xét rất sâu sắc của họ với chúng ta trên mặt báo *Thông Luận*.

Ông Hà Ngọc Báu đã chú ý đến nỗi ưu tư của giới trung niên và giới trẻ tại Sài Gòn hiện nay, và nhận thấy rằng cả hai giới đều coi chính trị như là điều cấm kỵ.

Về thành phần trung niên thì "tương lai đất nước hay chính trị là những điều cấm kỵ, không ai nghĩ tới." Quyền lợi và danh dự của đất nước "coi như không có và cũng không cần biết tới."

Về thành phần trẻ tuổi, ý thức chính trị của họ cao hay thấp, và họ sẵn sàng tham gia chính trị đến đâu, thì ông H.N.Báu nhận xét như sau: "Chính trị hình như là một đề tài cấm kỵ, từ trong gia đình đến ngoài xã hội, không ai dám bàn tới. Nếu có hỏi thì đại đa số đều nói không biết hay không thích." Những thanh thiếu niên đang còn đi học, trong các trường trung học và đại học công và tư, tất cả đều bị đoàn ngũ hoá... "ý thức chính trị của những thanh niên này rất kém, nếu không muốn nói là không cơ." Những gì họ biết về đều do Đảng Đoàn chỉ đạo, "sự giao tiếp và phát biểu đều bị kiểm soát gắt gao... Một cách cụ thể hơn, 84 % thanh niên trong lứa tuổi này không quan tâm đến chính trị...." Sự thật đáng buồn, ông H.N.Bảo nói, là "đại đa số thanh niên Việt Nam ở Sài Gòn không biết gì hết. Họ cũng chẳng nghe đài, chẳng đọc báo nước ngoài...." Nếu tình trạng thanh niên Sài Gòn như thế, thì ta có thể nghĩ rằng tình trạng thanh niên ở ngoài Sài Gòn lại còn tệ hơn nữa.

Ông Nguyễn Anh Tuấn thì nhận xét như sau về tuổi trẻ Việt Nam: "Trong hoàn cảnh hiện nay, mỗi người cứ loay hoay tìm một lối thoát riêng cho chính mình, không cần biết gì khác." Những tin tức về những bạn can đảm, dám dấn thân tranh đấu cho tự do dân chủ "gần như không được biết đến," vì hệ thống thông tin bưng bít của nhà nước, và vì sự sợ hãi mà gia đình và chế độ cố gây ra. "Không ai muốn con cháu mình tham gia vào chính trị, vì sinh hoạt chính trị tại Việt Nam, nếu không ở trong guồng máy Đảng, thì chỉ có đi ở tù."

Ngoài hai ông Hà Ngọc Báu và Nguyễn Tuấn Anh, còn có ông Vương Sử, cũng có đi Việt Nam, và xác nhận rằng trong khi đa số người Việt ở ngoại quốc rất quan tâm đến đất nước, thì đa số người ở trong nước "lại bàng quan với chính sự." Lý do của "nghịch lý" này là ĐCSVN đã đẩy mọi người vào cái thế ai cũng phải lo kiếm tiền nuôi gia đình và để trang trải các khoản "lệ phí" do tham nhũng gây ra, và "chính đảng cộng sản đã tạo ra nếp sống buộc mọi người phải vào trong cái guồng máy đó... không còn nghĩ gì đến cái chung nữa."

Ta có thể tóm tắt tình trạng trên đây bằng một câu: *người Việt Nam không làm chính trị được, vì họ không được làm chính trị.* Mà không được làm chính trị là đặc trưng của người nô lệ. Cho nên, tuy rằng họ đã tranh đấu gánh chịu những hy sinh rất nặng trong một thời gian rất dài, để được giải phóng , và tuy rằng chế độ phong kiến quan lại Việt Nam và chế độ thực dân Pháp kết thúc đã hơn 50 năm rồi, tình trạng của họ ngày nay vẫn không thay đổi: nó vẫn là một tình trạng nô lệ. Phần khác, không những tình trạng này kéo dài, mà nó lại còn tồi tệ hơn trước nữa, vì chính quyền hiện nay có nhiều công an, cảnh sát hơn trước, xử dụng những phương pháp và dụng cụ đàn áp tinh vi, và nhất là đàn áp triệt để, hơn trước nhiều.

Tại sao tình trạng nô lệ kéo dài?

Câu hỏi tự nhiên cần đặt ra ở đây là: làm sao có tình trạng lạ lùng như vậy?

Để trả lời tường tận câu hỏi này, vấn đề phải được xét dưới hai khía cạnh. Khía cạnh thứ nhất liên quan đến những người cai trị – nhân vật, tư tưởng, tổ chức, chính sách ... – nghĩa là khía cạnh thể chế. Khía cạnh thứ hai liên quan đến những người bị trị – dân chúng, triết lý về cuộc sống, ưu tiên giá trị, tập quán... —, nghĩa là khía cạnh tâm lý. Nếu hai khía cạnh này gôm lại với nhau thì học giả chính trị sẽ xếp vấn đề vào loại thể chế chính trị, và gọi Việt Nam là một "quốc gia không dân chủ " (hay "chuyên chế"), trong khi các nhà học giả xã hội và nhân chủng sẽ xếp vấn đề vào loại văn hoá , và gọi Việt Nam là một "văn hoá nô lệ."

Vì khía cạnh "không dân chủ"/"chuyên chế" đã được bàn đến nhiều, và giới hạn hơn khía cạnh "nô lệ"/tâm lý, về phương diện địa bàn cũng như về phương diện thời gian, nên bài này sẽ cứu xét vấn đề từ góc độ của xã hội học. Từ góc độ này có thể thấy rộng hơn, xa hơn, và nhứt là xác thực hơn là từ góc độ chính trị. Thêm nữa, tính cách xác thực của những luận đề được đưa ra sẽ được bảo đảm.

Phân tách vấn đề từ góc độ xã hội học phải dựa trên những nhận xét của nhân chứng trực tiếp. Về những gì liên hệ đến chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại, tất nhiên những luận đề mà ta đưa ra phải căn cứ trên những nhận xét xuất phát từ những người đang, hay đã, ở trong hàng ngũ cộng sản. Về điểm này, chúng ta rất may có những nhận xét rất sâu sắc, của hai người đã suy tư nhiều về vấn đề đang bàn. Đó là Bà Dương Thu Hương và Ông Nguyễn Thế Việt.

Dương Thu Hương là một tên quen thuộc với tất cả người Việt trong và ngoài nước. Bà đã viết và tuyên bố nhiều điều lên án chế độ cộng sản hiện tại. Bà giúp ta hiểu rõ bản chất của cộng sản Việt Nam hơn nhờ Bà "nằm trong chăn nên mới biết chăn có rận," như Bà đã nói trong một cuộc phỏng vấn với ký giả Đinh Quang Anh Thái, của Đài Little Saigon Radio ngày 30-4-2001. Bài này chứa nhiều nhận xét rất căn bản và sâu sắc về vấn đề tại sao dân Việt Nam vẫn nô lệ dài dài. Nó chiếu sáng vấn đề, làm nổi bật những khía cạnh tế nhị thường ít được để ý. Trong năm 2002, Bà cũng có được ký giả Đinh Quang Anh Thái phỏng vấn một lần nữa, và Bà cũng có đề cập đến vấn đề nô lệ, nhưng ít chi tiết hơn.

Nguyễn Thế Việt là một người ít được biết hơn, có lẽ vì trong một thời gian dài, Ông ta không xuất hiện dưới tên thật, mà chỉ dùng bút hiệu Nguyễn Hữu Lê. Ông là một Tiến sĩ Ngữ Văn, hiện cư trú ở Đức. Ông ta đã phân tách chế độ cộng sản Việt Nam một cách rất tỉ mỉ, và những nhận xét của ông ta hết sức sắc sảo và chính xác. Cũng như Bà Dương Thu Hương, ông chú ý đặc biệt đến vấn đề nô lệ, và nhờ cũng nằm trong chăn nên ông biết chăn có rận thế nào. Ông đã soi chiếu rất nhiều ánh sáng vào vấn đề này trong một bài phân tích bản chất chế độ cộng sản, "Những người cộng sản đã tự mình thủ tiêu mình như thế nào?" đăng trong *Việt Luận.*

Là người từ ngoài cửa sổ nhìn vào, nhờ có Bà Dương Thu Hương và Ông Nguyễn Thế Việt, là người ở trong, bật đèn nên tôi thấy được rõ ràng hơn những khía cạnh tế nhị, nhưng rất quan trọng, của vấn đề. Và những luận đề của tôi sẽ dựa rất nhiều trên những nhận xét của hai tác giả này.

Như đã nói ở trên, vấn đề tình trạng nô lệ của dân Việt kéo dài có hai khía cạnh: khía cạnh thể

chế cọng sản, và khía cạnh tâm lý của người dân.

Thể chế cọng sản: chuyên chế, tàn bạo

Về thể chế tưởng không cần nói nhiều. Nó có thể tóm tắt như sau, như Ông Hà Ngọc Báu nhận xét: "Vấn đề là Đảng Cọng Sản Việt Nam vẫn coi đất nước này là của riêng họ, không ai được quyền chia sẻ. Chính vì thế mà không ai quan tâm với đất nước. Mà có quan tâm cũng không làm gì được vì chính quyền cộng sản không cần và không muốn. Họ chỉ muốn mọi người Việt Nam đừng quan tâm tới họ và tới đất nước để họ muốn làm gì thì làm nhằm duy trì vô hạn định vai trò lãnh đạo đất nước." Vấn đề có vẻ chỉ giản dị như thế. Nhưng nó buộc ta phải đặt câu hỏi: làm sao mà Đảng Cọng Sản chiếm được cái thế "muốn làm gì thì làm" như vậy? Ở đây, Ông Nguyễn Thế Việt, với tư cách một người xuất thân từ chế độ cọng sản, đã giải thích một cách rất rõ ràng.

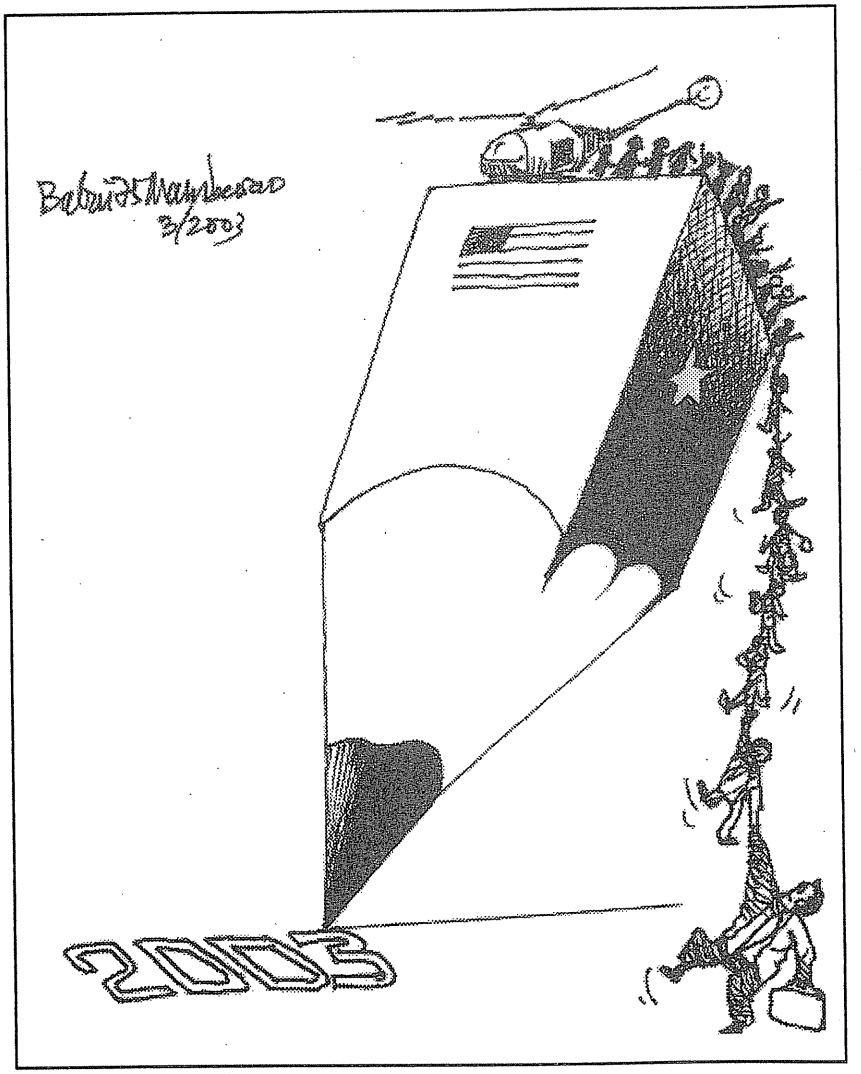

Theo Ông Việt, đối với người cọng sản đã nhập tâm chủ thuyết Mác-Lê, mô hình lê-ni-nít bôn-sê-vích mà Hồ Chí Minh đã truyền cho đàn em, quan niệm thế giới đơn giản chỉ có hai cực — "bạn-thù", "địch-ta" —, và trong cuộc đấu tranh giai cấp một mất một còn, "ta" phải diệt "địch" không nương tay để thiết lập một nền chuyên chế vô sản. Những kẻ nắm quyền lực trong nền chuyên chế này là những "người cọng sản cơ chế," nhóm chóp bu của ĐCSVN. Là những người thuộc loại "đểu cáng" và "sở trường dùng thủ đoạn," sẵn sàng "dọa nạt, áp chế, kể cả bạo lực" mà "mức độ tàn bạo và bỉ ổi...khó mà lường được," họ tiêu diệt hết địch thủ, và thiết lập một thể chế độc tài. "Địch" đây không chỉ là những kẻ ngoài Đảng chống đối chủ nghĩa cọng sản, mà ngay cả những người trong Đảng thuộc về loại "cọng sản lý tưởng" bị coi là đối thủ cạnh tranh. Với chế độ độc tài, và nhân danh chính thống, đám "cọng sản cơ chế" này chỉ lo "củng cố và củng cố hơn nữa,... bằng mọi giá" nền chuyên chế mà họ gọi là vô sản, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ, thủ tiêu trắng trợn những quyền của con người.

Trong tình trạng trên, "muốn tiến thân thì phải biết thỏa hiệp và đồng loã với người cơ chế... cái vòng luẩn quẩn dưới nịnh trên, trên nẹt dưới, tạo thành một màng lưới thoả hiệp đồng loã từ trung ương đến địa phương, đâu đâu con người cơ chế cũng thắng thế và con người lý tưởng đành vái thua để tìm chỗ yên thân." Con người cọng sản lý tưởng, vì không biết thủ đoạn, phải "nhường vị

trí thống soái cho con người cơ chế" và nếu còn chút lương tâm, thì anh ta cũng dập tắt nó đi bằng lời nói thực dụng: "Đấu tranh thì phải biết tránh đâu."

Nếu có biết chuyện mờ ám của bề trên họ chỉ "tắc lưỡi cho qua," nếu không nói là "phụ hoạ theo để mong được tước lộc."

Cho nên, chế độ độc tài là môi trường lý tưởng của con người cơ chế. "Nó nghênh ngang thức thách lương tri con người nhưng không ai dám lên tiếng vì nó dựa vào sức mạnh của cơ chế." Qua thời gian, những hành vi nói trên trở thành thói quen, và một tâm lý nô lệ được nuôi dưỡng. Trong một bài phân tích khác, Ông Nguyễn Thế Việt viết: "Tâm lý nô lệ đã định hình trong mọi người, trở thành một tâm lý cọng đồng, một tín ngưỡng, không dễ gì một sớm một chiều mà phá vỡ được."

Về điểm này, nhận xét của Ông Nguyễn Thế Việt rất giống những nhận xét của Bà Dương Thu Hương, một người cũng nằm trong chăn cọng sản nên biết nó có rận thế nào. Ở Việt Nam, nói về quốc sự, chính trị, tất nhiên là nói đến những hoạt động của Đảng Cọng Sản. Nhưng, như nhiều người, Bà "thờ ơ" vì nó "rất nhàm chán." Xã Hội Chủ Nghĩa "chỉ là những câu nói đầu lưỡi," những "trò lừa bịp của danh từ." Tất cả những lời lẽ của giới lãnh đạo là "dối trá." Nhưng tại sao trò lừa bịp này còn tồn tại?

Tâm lý dân: sợ bạo lực

Theo Bà Dương Thu Hương, trò lừa bịp nói trên tồn tại được vì nó dựa trên hai vế.

Vế thứ nhất là kẻ cầm quyền thì dùng sức mạnh và bạo lực đàn áp dân chúng; vế thứ hai là dân chúng hèn nhát vì sợ bạo lực và tinh thần nô lệ đã tâm nhiễm quá lâu rồi. Đó là bức tranh chung của Việt Nam về vấn đề nô lệ. Đi vào chi tiết, thì thế nào?

Về vế đầu, giới lãnh đạo, tuy biết là những gì họ nói chỉ là "chuyện đầu lưỡi" nhưng họ vẫn làm là vì "họ dựa vào sự hèn nhát của dân chúng." Dân chúng sợ hãi họ vì bản thân của chế độ này là "chế độ dựa trên nòng súng" theo đúng nguyên tắc của Lênin. Người dân "vì sợ hãi mà phải hèn nhát cúi đầu" dù họ biết rằng những điều họ nghe là những điều dã dối. Vì sợ hãi nên "họ đành nuốt nước bọt." Ở đây, tưởng nên nhắc rằng trong những tác phẩm quen thuộc, *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, và *Viết cho Mẹ và Quốc hội* của Nguyễn Văn Trấn, cũng có nói nhiều đến khía cạnh sợ hãi của mọi người trong chế độ cọng sản, từ những đảng viên thường cho đến những cán bộ cao cấp, và ngay cả các viên chức cao cấp nhứt của Đảng, như Chủ Tịch Nước Tôn Đức Thắng.

Về vế thứ hai, sự cam phận, hèn nhát vì sợ bạo lực, và bị tẩm nhiễm tinh thần nô lệ quá lâu rồi, Bà Dương Thu Hương đề cập đến những khía cạnh có tính chất căn bản hơn, và cần được suy ngẫm nhiều hơn. Những nhận xét của Bà có lẽ ít người đã nghĩ tới, hay sẵn sàng chấp nhận.

Ở đây, rõ ràng là có một nghịch lý. Như Ông Đinh Quang Anh Thái, người phỏng vấn, nêu ra: tại sao một dân tộc dũng cảm biết bao trong chiến tranh mà lại tỏ ra hèn mọn như thế trong hoà bình? Bà Dương Thu Hương cho đây là một vấn đề tâm lý. Nói chung con người "thường an phận" và có lẽ "bản chất con người bao giờ cũng nương theo phe mạnh... cũng tìm những lý do để bào chữa cho mình để được sống còn... con người là yếu hèn, gió chiều nào che chiều ấy." Tâm lý này là kết hợp của bốn yếu tố.

Một là nhu cầu tồn tại. Lòng can đảm của con người có hạn. Con người là một thực thể rất dễ dao động, vì thế khi đã ra khỏi lò lửa chiến tranh thì rất dễ nẩy sinh ra "tâm lý dầu sao thì sống vẫn hơn chết." Cho nên tất cả người Việt, "dũng cảm bao nhiêu trong chiến tranh thì hèn nhát bấy nhiêu khi hoà bình." Vì họ đã khổ đau rồi nên "thà họ cam chịu sự thống trị của một chính quyền hà khắc để còn được tồn tại, còn ăn được miếng cơm với nước mắm hơn là chết."

Hai là chiến tranh. Chiến tranh liên miên đã tạo ra hai loại tâm lý con người: tâm lý của lớp tướng và tâm lý của lớp quân sĩ. Chiến tranh dạy cho con người ta tâm lý tuân lệnh. "Thái độ tuân lệnh đào tạo ra phẩm chất nô lệ." Cho nên "sau khi hoà bình, lập tức người lính rất ngoan cường trong chiến tranh đã trở thành những công dân hèn nhát."

Ba là thói quen. Thói quen "tuân lệnh, tuân lệnh, và tuân lệnh" đã tẩm nhiễm vào tâm hồn người Việt rồi, nên họ chỉ trở thành "người lính trong thời bình," nghĩa là "những kẻ hèn, chỉ biết cúi đầu tuân lệnh mà thôi." Và họ lại ra lệnh cho con cái họ, hoặc những kẻ yếu thế hơn họ. Đây là "tâm lý song trùng": hoặc là làm xếp, hoặc là làm đầy tớ.

Cuối cùng, người Việt Nam "vẫn chưa ý thức được quyền sống, chưa ý thức được về nhân phẩm." Họ "chưa có khái niệm về quyền công

dân, chưa có ý thức để làm một người công dân, như công dân các nước tự do." Những người không có ý thức về quyền công dân phần đông là dân cày, nghĩa là 90 % dân tộc Việt Nam.

Làm sao thoát khỏi vòng luẩn quẩn?

Ông Nguyên Thế Việt và Bà Dương Thu Hương có vẻ quá yếm thế. Nếu chỉ căn cứ trên những gì đã nêu trên đây về tình trạng xã hội Việt Nam thì ta sẽ cho rằng dân Việt Nam đang ở trong một tình trạng tuyệt vọng, không làm sao thoát khỏi vòng luẩn quẩn nói trên, và phải vĩnh viễn mang thân phận nô lệ. Nhưng, thực ra, họ không đến nỗi thả buông như vậy.

Ở đây, tưởng cần nhắc lại là vấn đề nô lệ có hai khía cạnh: một khía cạnh chính trị, liên quan đến thể chế , và một khía cạnh văn hoá, liên quan đến tâm lý.

Vấn đề chính trị là vấn đề thay đổi thể chế. Bà Dương Thu Hương cho rằng dù ai nắm quyền đi nữa thì "cơ chế này vẫn phải thay đổi." Không có một cá nhân nào có thể tử tế được. Vấn đề là "phải có cơ chế để buộc con người phải tử tế." Việt Nam muốn tiến bộ thì "phải xoá bỏ chế độ độc đảng và người dân phải có quyền bầu cử thực sự." Trước sau "phải có một chế độ cho dân chúng được quyền bầu lên những người đại biểu của mình." Bầu cử thực sự là được xử dụng quyền công dân, là tham chính. Và như vậy là ra khỏi tình trạng nô lệ. Nhưng, trong tình trạng độc tài, khủng bố, người cọng sản cơ chế dùng bạo lực và thủ đoạn triệt để tiêu diệt mọi đối kháng, mọi cạnh tranh, làm sao thay đổi thể chế? Về điểm này, Ông Nguyễn Thế Việt đã cho ta thấy chiều hướng của những biến chuyển trong nội bộ ĐCSVN đẩy đến một tình trạng đưa đến sự "phi chính thống hoá" và, lâm thời, chấm dứt cơ chế cọng sản hiện tại.

Tôi đã có dịp trình bày vấn đề trên đây trong bài "Một cuộc đấu tranh mới," trong *Thông Luận* nhân dịp bàn về tướng Trần Độ. Ở đây chỉ xin nhắc lại một đoạn tóm tắt đề luận chính:"ngày nay tướng Trần Độ được coi như là biểu tượng và một tấm gương cho những người tranh đấu cho dân chủ *khắp nơi, và trong mọi giới người Việt, trong cũng như ngoài Đảng.* Chuyển biến này mở đường cho sự thành hình của một mặt trận dân chủ rộng rãi gồm tất cả các "người dân chủ," xuất phát từ hàng ngũ cọng sản hay chống cọng, trong nước và ngoài nước. Sự thành hình này là điều kiện thiết yếu cho sự dẹp bỏ chế độ cọng sản độc tài và thay thế nó bằng một chế độ dân chủ thực sự. Đây cũng là một chuyển biến mới, đầy triển vọng cho tương lai...."

Về phương diện tâm lý/văn hoá, vấn đề phức tạp hơn. Bà Dương Thu Hương nhận xét rằng một dân tộc mà mang cái tâm lý "song trùng" – hoặc là làm xếp, hoặc là làm đầy tớ — "thì rất khó mà trở thành một dân tộc có tự do-dân chủ", bởi vì muốn có tự do-dân chủ thì "xã hội phải hình thành được những người công dân tự do, biết quyền của mình, biết mình được hưởng những gì và như thế họ phải có ý thức về quyền công dân đã". Lúc đó họ mới "khao khát làm công dân". Bà "thú nhận rằng Bà "không dám lạc quan lắm", vì 90 % dân Việt Nam là nông dân, và "không thể đòi hỏi những người nông dân một sớm một chiều có ý thức về quyền công dân được." Mọi việc đều phải cần thời gian. Còn về dân chủ thì "cần có tri thức về xã hội, về quyền sống của con người và tri thức về quyền công dân." Cho nên chúng ta phải tập chờ đợi. Nhưng Bà Dương Thu Hương cũng tỏ ra "không đến nỗi tuyệt vọng," vì bây giờ, với phương tiện của văn minh tràn ngập Việt Nam, "dù muốn hay không muốn thì cộng sản cũng không giữ được cái chế độ ngu dân tuyệt đối như trước nữa." Qua TV, Radio, người dân "không đến nỗi người ta chọc mù mắt, bịt tai như ngày xưa," họ cũng tỉnh ra, nhưng phải có thời gian, "không đốt cháy giai đoạn được."

Loại bỏ điều kiện tạo ra tâm lý nô lệ

Phải cần thời gian. Những nhận xét của Bà Dương Thu Hương và Ông Nguyễn Thế Việt, những người trong nước, trong cuộc, và đã suy ngẫm nhiều về vấn đề, cho ta thấy rõ ràng như vậy. Và những phân tách của họ gợi ý cho ta thấy rõ rằng trong thời gian này, muốn sớm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện tại của dân Việt Nam, cần đẩy mạnh những hoạt động nhằm loại bỏ những điều kiện tạo ra tâm lý chấp nhận nô lệ trong người dân Việt. Những điều kiện này thuộc ba lãnh vực: giáo dục, hoà bình, phát triển kinh tế.

Về giáo dục, điều căn bản là làm cho người dân thường, đặc biệt là trong giới nông dân, có tri thức về những quyền căn bản của một người công dân. Các tổ chức, đoàn thể chính trị, phải có những chương trình, kế hoạch, chiến dịch và tổ chức để đi đến tận người dân, vào giữa người dân, để giải thích một cách cụ thể thế nào là thân phận của một người công dân so với thân phận một người nô lệ, thay vì chỉ ra tuyên ngôn, tuyên cáo từ

hàng nghìn cây số ở ngoại quốc đòi lãnh đạo ĐCSVN phải giải thể, sửa đổi Hiến pháp, thay đổi chính sách, v.v..., hoặc kêu gọi nhân dân Việt Nam"nổi dậy" lật đổ chính quyền cọng sản... Một việc rất cụ thể cần làm, và có thể làm được dễ dàng, là lập một nhóm biên tập để soạn thảo một quyển sách nhỏ loại bỏ túi như quyển sách dạy giáo lý (catéchisme) mà các tôn giáo thường phát cho con chiên, trong đó dùng văn giản dị, giải thích rõ ràng cho người dân hiểu thế nào là một người công dân bình thường – người này có những quyền gì. Các đoàn thể tự nhận tranh đấu cho dân chủ phải làm sao cho quyển sách nhỏ này đến tay mọi người Việt Nam ở trong Việt Nam, nhứt là trong giới lao động và nông dân.

Về hoà bình, có hai khía cạnh: đối ngoại và đối nội. Nói chung, người Việt Nam phải từ bỏ lối suy tư "địch-ta" về ngoại giao cũng như trong sự cư xử với nhau. Về ngoại giao phải làm đủ mọi cách để tránh chiến tranh, hay tránh xung khắc với các nước khác, để người dân khỏi bị ép vào thế "song trùng" về kỷ luật – ra lệnh, tuân lệnh – trong tình trạng phải luôn luôn sẵn sàng ứng chiến. Đối nội, phải thực hiện hoà giải giữa mọi thành phần dân tộc, xóa bỏ não trạng "đấu tranh" với "kẻ thù giai cấp" và "những thế lực thù nghịch," "chống cọng đến cùng," để tránh sự đòi hỏi kỷ luật dẫn đến sự hạn chế những quyền của công dân, và sự duy trì chế độ độc tài.

Điều thứ ba, phát triển kinh tế, có lẽ là điều căn bản nhất. Tăng gia sản xuất hàng hóa và dịch vụ, để nâng cao mức sống của người dân, đưa họ ra khỏi cảnh nghèo đói, để họ khỏi bị nhu cầu tồn tại của bản thân và của gia đình buộc phải cúi đầu, ngậm miệng, chấp nhận thân phận nô lệ. Lịch sử các quốc gia Tây phương cho thấy là đây là một tiến trình dài, nhưng lịch sử các quốc gia Á Đông cho thấy rằng quá trình này có thể rút ngắn một cách ngoạn mục, như trương hợp Nhựt Bổn thời Minh Trị ở thế kỷ XIX, và gần đây hơn của các quốc gia như Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, Mã Lai, trong những thập niên sau 1970. Có một mức sống cao hơn, không còn bị đói rách quá độ làm cho mất hết nhân phẩm, người dân sẽ có điều kiện hơn để kềm chế sự hèn nhát, chống lại những lấn áp quyền công dân của mình.

Tuy rằng những hoạt động trên đây đều có tác động nhiều ít về việc chấm dứt tình trạng nô lệ của dân Việt Nam, nhưng xét một cách thực tế, nó cũng chỉ có hiệu nghiệm giới hạn. Như Ông Vương Sử nói, đất nước Việt Nam đã bị đẩy theo "cái quái thai" lý thuyết xã hội chủ nghĩa và thấy kết quả thảm bại của nó, "vậy mà còn nhiều người vẫn còn muốn tiếp tục hoặc còn luyến tiếc giữ lấy nó một cách tuyệt vọng." Ông cho đó quả thực là "một điều phi lý khó tưởng tượng, không có sự phi lý nào hơn thế nữa." Nhưng Ông cũng công nhận rằng cuộc đấu tranh vì dân chủ ở trong nước chưa có những đều kiện thuận lợi "bởi vì nó chưa phải là mối quan tâm của đông đảo quần chúng." Đó là sự thực phũ phàng hiện nay.

Rốt cục, chỉ có những người trong nước, những người trong cuộc, tự trong hàng ngũ – nằm trong chăn — cọng sản, đặc biệt là những giới trẻ, mới chấm dứt được thân phận nô lệ của dân Việt. Ông Vương Sử cũng công nhận rằng "tương lai của đất nước nằm trong tầm tay của những người trong nước." Chỉ có họ mới có lý do thực sự - tương lai của họ —, khả năng, cơ hội, và thời gian để phá vỡ "điều phi lý" mà Ông cho rằng "khó tưởng tượng."

Một trong những "quy luật" phát triển xã hội của Marx đưa ra, mà những người Mác-xít thường nhắc đến để lập luận rằng xã hội chủ nghĩa nhất định sẽ thắng, mà ta cũng sẵn sàng chấp nhận, nhưng với một kết luận ngược lại về tương lai của chủ nghĩa xã hội, là: mỗi chế độ xã hội mang trong bản thân nó hạt nhân của chế độ sẽ tiêu diệt nó; hạt nhân này sẽ lớn dần, và tới một lúc nào đó, nó sẽ thành xã hội mới thay xã hội cũ.

Ông Vương Sử đã đề cập đến "những hạt giống qúy," những chiến sĩ trẻ hiện nay ở trong nước, như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn... đang đấu tranh cho lợi ích chung cho dân tộc. Đặc trưng của nhóm tranh đấu trẻ này là họ là đám tiên phong của thế hệ mới, xuất thân từ ngay trong lòng chế độ hiện tại. Họ là những hạt giống của chế độ không còn nô lệ nữa sẽ thay thế chế độ cọng sản chuyên chế và tàn bạo hiện nay. Dù rằng đám chóp bu ĐCSVN hiện nắm cơ chế Đảng đang dùng những biện pháp bạo lực tàn bạo tối đa để bóp diệt phong trào đòi quyền công dân đang phát động trong giới trẻ, nhưng ta có thể tin rằng rốt cục họ cũng không thể ngăn cản những hạt nhân này nảy nở và lớn lên đến tầm sức lật đổ chế độ phi dân chủ, phi dân tộc hiện tại, mở đường cho một xã hội Việt Nam mới trong đó sẽ không còn vết nô lệ nữa.

Ottawa, Tháng 3, 2003

VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA HOA KỲ Ở Á CHÂU

Bài nói chuyện trong cuộc hội thảo về "Việt Nam - Một Cái Nhìn Mới"
tại Whittier Law School, Costa Mesa, CA., ngày 15-3-2003

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Bài này sẽ đề cập đến ba đề mục:

1. Chính sách tổng quát của Hoa Kỳ đối với Á châu
2. Chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam
3. Bang giao Việt-Mỹ và tiến trình dân chủ hóa ở việt Nam.

I. Cái nhìn tổng quát về chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ ở Á Châu

Chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ ở Á Châu có thể được chia ra bốn giai đoạn chính: hậu đệ nhị Thế Chiến, hậu chiến tranh Việt Nam, hậu chiến tranh lạnh, hậu khủng bố 11/9/2001.

Trong thời chiến tranh lạnh, mục tiêu của Hoa Kỳ là ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản xuống phía Nam. Vì thế cần ngăn chặn Trung Quốc và Bắc Việt. Trong thế lưỡng cực gắt gay lúc đó, HK lãnh đạo phe tự do, đóng vai cảnh sát quốc tế. Ở Á châu, Hoa Kỳ can thiệp vào chiến tranh Cao Ly, đưa hạm đội 7 vào trấn eo biển Đài Loan, giúp Nhật nhanh chóng phục hồi và trở thành một cường quốc, lập Liên Phòng Đông Nam Á, và can thiệp vào chiến tranh Việt Nam dựa trên chủ thuyết domino.

Khi xung đột Nga-Hoa trở thành rõ rệt, Hoa Kỳ chủ trương đóng vai trò cân bằng giữa Nga sô và Trung Quốc trong thế chân vạc để thủ lợi, và nương vào đó tìm cách rút ra khỏi vũng lầy ở Việt Nam. Ở Á châu, Hoa Kỳ đưa ra chủ thuyết Nixon (1969), áp dụng chính sách hạ thấp bóng mình (lowering profile), chuyển gánh nặng tác chiến cho đồng minh để chỉ đóng vai trò yểm trợ, bỏ rơi những đồng minh yếu. Một hậu quả của chính sách này là hiệp định Ba Lê "chấm dứt chiến tranh và tái lập hòa bình" tại Việt Nam năm 1973 để Hoa Kỳ triệt thoái an toàn quân đội khỏi Việt Nam, nhưng vẫn duy trì sự hiện diện quân sự của mình ở Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan, và Phi Luật Tân.

Từ khi bức tường Bá Linh xụp đổ (1989) cùng với sự tan rã của các chế độ cộng sản ở Đông Âu và Nga sô (1989-91), chiến tranh lạnh chấm dứt, chính sách be bờ không còn cần thiết nữa. Hoa Kỳ chú trọng nhiều đến việc phát triển mậu dịch quốc tế, cổ võ kinh tế tư bản, mở rộng thị trường. Nếu trong thời chiến tranh lạnh, chính quyền Eisenhower cố gắng xây dựng các đồng minh quân sự thì dưới thời chính quyền Clinton, Hoa Kỳ cố đi tìm những đồng minh kinh tế qua những hiệp ước thương mại đa phương hoặc song phương. Vì thế, mới có chuyện Clinton ve vãn Trung Quốc hơn Nhật Bản, gọi Trung Quốc là "cộng sự viên chiến lược," là "hội viên thứ 16 của khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương." Về phương diện an ninh, những vấn đề mới đặt ra cho chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ là xung đột chủng tộc và phân tán quốc gia ở vùng Ba nhĩ cán (Yugoslavia, Bosnia, Kosovo) đưa đến chính sách diệt chủng (ethnic cleansing) và đe dọa nền anh ninh khu vực. Hoa Kỳ đưa ra chủ thuyết "can thiệp nhân đạo" (humanitarian intervention) biện minh cho nhu cầu can thiệp chống tội ác diệt chủng ở Bosnia và Kosovo. Dưới thời Tổng Thống George W. Bush, Hoa Kỳ tỏ ra thân thiện với Nga hơn vì Nga không còn là cộng sản nữa, và Hoa Kỳ bắt đầu quan tâm đến sự lớn mạnh của Trung Quốc và triển vọng Trung Quốc có thể trở thành một kẻ "cạnh tranh chiến lược" của Hoa Kỳ trong thời hậu chiến tranh lạnh. Năm 2000, Bộ Tham Mưu Liên Quân Hoa Kỳ công bố tài liệu "Cái Nhìn Chung [củaTham Mưu Liên Quân] cho năm 2020" (Joint Vision 2020) cảnh báo sự xuất hiện của một "kẻ cạnh tranh ngang hàng" (peer competitor) trong tương lai, ám chỉ Trung Quốc . Cuối năm đó, Bộ Quốc Phòng Trung Quốc cũng ra Bạch Thư nêu rõ Hoa Kỳ như một mối đe dọa

của Trung Quốc.

Vụ khủng bố ngày 9 tháng 11 năm 2001 chuyển trọng tâm chính sách của Hoa Kỳ sang việc chống khủng bố và kiểm soát việc phổ biến võ khí giết người hàng loạt. Chính sách đối đầu với "đế quốc ác quỷ" (evil empire) được chuyển sang chính sách đối đầu với "trục ác quỷ" (axis of evil). Trọng tâm hoạt động ngoại giao và quân sự của Hoa Kỳ hướng vào việc đối phó với các tổ chức khủng bố như al-Qaeda, và các quốc gia bất hảo (rogue countries) như Iraq và Bắc Triều Tiên. Do đó, Hoa Kỳ đã đem quân vào Á Phú Hãn lật đổ chế độ Taliban, cải thiện bang giao với Hồi Quốc, và gửi quân sang Phi Luật Tân để huấn luyện và cố vấn quân sự cho quân chính phủ chống lại phe hồi giáo quá khích Abu Sayyaf. Đối với Trung Quốc, quan tâm về vi phạm nhân quyền và khả năng cạnh tranh của Trung Quốc bị đẩy xuống hàng thứ yếu, nhất là sau khi Trung Quốc tỏ thái độ cộng tác trong việc chống khủng bố và không phủ quyết việc Hoa Kỳ tấn công và lật đổ chế độ Taliban ở A Phú Hãn.

Chính sách tổng quát đó có ảnh hưởng gì đến chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam?

II. Chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam

Việt Nam tự nó không có tầm quan trọng chiến lược đối với Hoa Kỳ. Sự quan trọng của nó là sự quan trọng phụ thuộc (derivative), nghĩa là tầm quan trọng của nó tùy thuộc vào quan hệ của nó với một quốc gia khác. Trong giai đoạn chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ để tâm đến Việt Nam vì cần ngăn chặn sự bành trướng của Liên Xô và Trung Quốc mà Việt Nam được coi như một con cờ domino quan trọng cho việc phòng thủ Đông Nam Á và Nhật Bản.

Trong những năm đầu sau khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, trọng tâm của chiến tranh lạnh là Âu Châu chứ không phải ở các quốc gia Á châu nơi mà sau này Hoa Kỳ phải tham chiến và đổ máu. Năm 1950, khi ngoại trưởng Dean Acheson đọc bài diễn văn quan trọng vạch tuyến phòng thủ của Hoa Kỳ ở Á Châu, ông vạch con đường đi từ Phi Luật Tân qua Nhật Bản đến Guam rồi Hawaii. Cao Ly, Đông Dương, và Đài Loan đều bị đặt ngoài tuyến phòng thủ đó. Cuộc xâm lăng của Bắc Hàn xuống Nam Hàn, khiến Hoa Kỳ phải can thiệp vào chiến tranh Cao Ly và đưa hạm đội vào eo biển Đài Loan đề phòng Trung Quốc tấn công sang Đài Loan. Ở Đông Dương, Hoa Kỳ cũng bắt đầu viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp và các "quốc gia liên kết" để chống lại Việt Minh. Cao Ly, Đài Loan, và Đông Dương trở thành tuyến đầu (forward positions) ở Á châu trong chính sách vây chặn cộng sản của Hoa Kỳ.

Sau hiệp định Geneva 1954, Việt Nam bị chia đôi, Hoa Kỳ ủng hộ Nam Việt Nam chống lại Bắc Việt Nam trong thế vây chặn toàn cầu. Hoa Kỳ chống Bắc Việt vì coi Bắc Việt là mũi dùi của cộng sản quốc tế ở Đông Dương, và Nam Việt Nam là con cờ domino đầu tiên mà sự xụp đổ sẽ làm đổ theo một dãy các con domino khác. Sự ủng hộ này đã làm cho Hoa Kỳ bị mắc kẹt trong một cuộc chiến tranh hao mòn và khó thắng ở Việt Nam. Bất mãn của công luận Hoa Kỳ đối với thế kẹt này khiến chính quyền Nixon phải tìm cách chấm dứt chiến tranh để rút quân khỏi Việt Nam. Tuy rút quân và cam kết sẽ không tái phạm lỗi lầm Việt Nam ("no more Vietnam"), Hoa Kỳ vẫn theo đuổi chính sách vây chặn với cái giá thấp hơn mà quần chúng Hoa Kỳ có thể chấp nhận một cách lâu dài được. Đó là nguồn gốc của chủ thuyết Nixon, việc thiết lập thế tam giác Mỹ-Nga-Hoa, và duy trì sự hiện diện quân sự ở Á Châu ngoài Việt Nam sau năm 1973.

Khi Việt Nam xâm lăng Kampuchia năm 1978 và xung đột xảy ra giữa Việt Nam và Trung Quốc, Hoa Kỳ coi Nga Xô là kẻ thù chính và Việt Nam là mũi dùi của Nga Xô chĩa xuống Đông Nam Á, nên đã liên kết với Trung Quốc và Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chống lại Việt Nam trong cuộc chiến tranh Kampuchia, và cô lập hóa Việt Nam cả về phương diện chính trị lẫn ngoại giao cho đến khi quân Việt Nam rút khỏi Kampuchia.

Khi hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh Kampuchia được ký kết năm 1991, cộng sản bị xụp đổ ở Đông Âu và Nga Xô, chiến tranh lạnh cũng đã kết thúc, Việt Nam đã đi vào con đường kinh tế thị trường và đang cố gắng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, lần đầu tiên Hoa Kỳ coi Việt Nam như một nước có tư thế độc lập, không phải là con bài của một đại cường nào khác. Và với tư thế đó, tầm quan trọng chiến lược của VN trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đã bị giảm nhiều. Hoa Kỳ chú tâm đến Việt Nam vì tiềm năng trao đổi mậu dịch và vì tình cảm hơn là vì vị thế chiến lược của nó. Trong hai nước cộng sản lớn nhất còn lại trên thế giới, trừ những lúc Trung Quốc có thái độ thù nghịch với Hoa Kỳ, nếu phải chọn, Hoa Kỳ luôn luôn chọn Trung Quốc trước Việt Nam vì một lẽ rất dản dị: Trung

Quốc lớn hơn Việt Nam, Trung Quốc có khả năng là một đe dọa cho HK nhưng cũng có thể đóng góp cho nền an ninh thế giới và khu vực lớn hơn Việt Nam, và triển vọng sinh lợi kinh tế trong giao dịch với Trung Quốc cũng nhiều hơn với Việt Nam.

Trong chiều hướng ấy, Hoa Kỳ dần dần bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, bắt đầu bằng giải tỏa cấm vận (1994), thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (1995), trao đổi đại sứ, và ký hiệp ước thương mại song phương (2000). luôn là đề tài thảo luận và có thể đưa đến tranh cãi giữa hai nước. Quan hệ chính trị giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tuy dần dần cải tiến nhưng không tránh khỏi di sản của một lịch sử tranh chấp giữa hai nước và sự nghi ngờ của các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam về hậu ý can thiệp chính trị của Hoa Kỳ. Yếu tố này cộng thêm với sự e ngại Trung Quốc của các nhà lãnh đạo Việt Nam cũng gây khó khăn cho triển vọng hợp tác quân sự giữa hai nước, như việc thăm viếng hải quân, tham dự thao diễn quân sự, v.v... Hiện nay, sự cộng tác

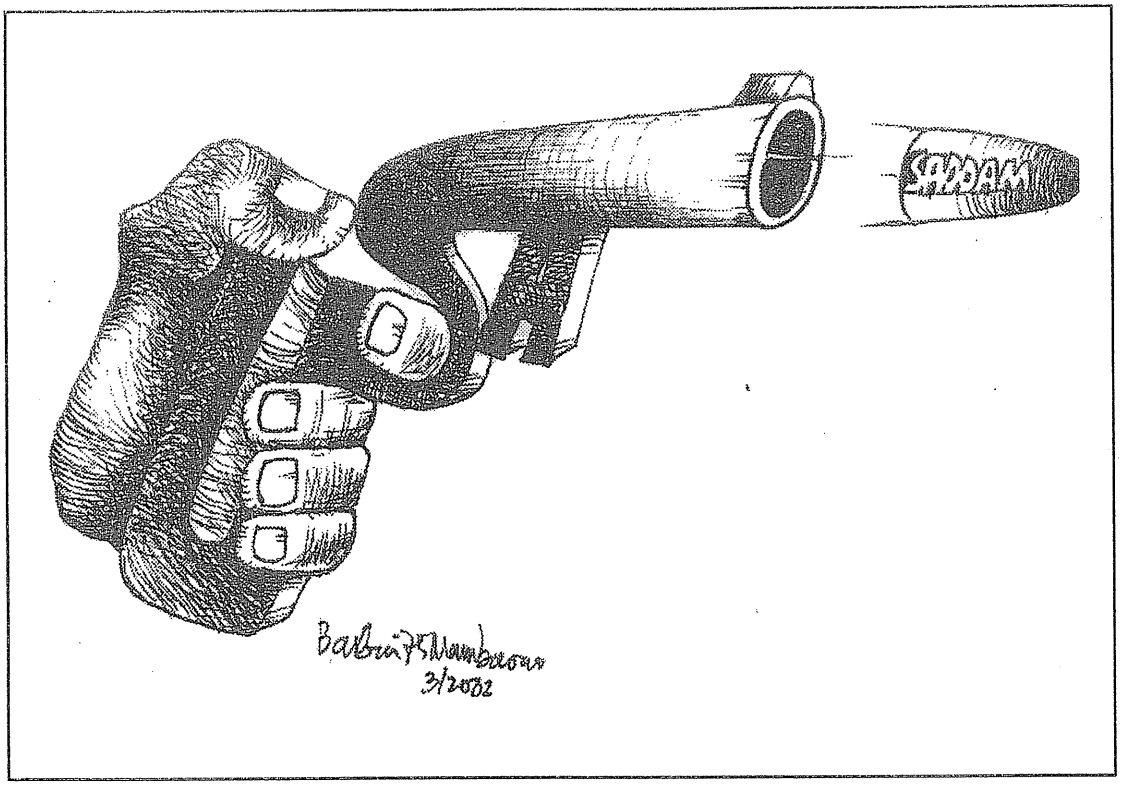

Những vấn đề chính trong mối quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ hiện nay là quan hệ mậu dịch, vấn đề nhân quyền, và cộng tác chính trị và quân sự. Về phương diện kinh tế, vấn đề chính là việc thi hành hiệp ước thương mại song phương và chuẩn bị để Việt Nam gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế (WTO). Hai nước sẽ phải thảo luận và sẽ khó tránh khỏi những bất đồng trong việc thi hành hiệp ước thương mại (thí dụ: vấn đề cá basa, luật lệ minh bạch, bảo đảm đầu tư , và bảo vệ tác quyền phát minh). Vì luật lệ về nhân quyền của Hoa Kỳ, vì bản chất chế độ chính trị của Hoa Kỳ, vì mối quan tâm của các nhà lãnh đạo và các nhóm áp lực Hoa Kỳ, vấn đề nhân quyền sẽ luôn

quân sự giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đi xa hơn sự cộng tác giữa Hoa Kỳ với Việt Nam. Trong khung cảnh mới này, hợp tác trong việc chống khủng bố quốc tế cũng có thể là bước đầu đưa đến trao đổi và hợp tác quân sự chặt chẽ hơn giữa hai nước. Nhưng về phương diện này, vai trò của Trung Quốc, nhất là với quyền phủ quyết ở Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc cũng vẫn quan trọng hơn. Tổng Thống Bush đã là quốc khách của Trung Quốc và Tổng Thống Giang Trạch Dân đã là quốc khách của Hoa Kỳ và là khách riêng tại trang trại của Tổng Thống Bush ở Crawford, Texas. Các chiến hạm Mỹ cũng đã ghé thăm các cảng Trung

Quốc và ngược lại. Điều này chưa xảy ra trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam.

III. Ảnh hưởng của bang giao Việt-Mỹ với việc dân chủ hóa Việt Nam

Kinh nghiệm của Trung Quốc, Đài Loan, và Nam Hàn cho thấy tiến trình dân chủ hóa ở Việt Nam sẽ tùy thuộc rất nhiều vào chính các nhà lãnh đạo Việt Nam và lực lượng dân chủ ở trong nước. Kinh nghiệm các quốc gia Đông Âu cho thấy vai trò quan trọng của trí thức, tư tưởng gia, và nhà văn trong việc phổ biến tư tưởng dân chủ, đòi hỏi tự do, và tiết chế những hành động và chính sách quá khích trong thời hậu cộng sản. Một mặt, tiến trình toàn cầu hóa, nhu cầu cải cách kinh tế để cạnh tranh hữu hiệu, sự lôi cuốn của kinh tế thị trường và dân chủ hóa tạo áp lực cải cách trên các chế độ cộng sản. Mặt khác, tiến bộ kỹ thuật về phương diện di chuyển và thông tin (internet, email, fax, báo chí) làm suy yếu sự kiểm soát của các chính quyền độc tài. Ngoài ra, những biến đổi bất ngờ của lịch sử (sự sụp đổ của cộng sản Đông Âu, khủng hoảng Thiên An Môn) cũng có thể tạo những áp lực thay đổi lớn.

Ở Hoa Kỳ, dù phe phản chiến cũ thân Hà Nội hay phe chống cộng bảo thủ tuy có khác nhau về nhiều điểm và về chính sách cũ của Hoa Kỳ ở Việt Nam, họ vẫn đồng ý nhau –dĩ nhiên là với những thứ tự ưu tiên khác nhau— về một vài điểm trong chính sách hiện nay của Hoa Kỳ đối với Việt Nam: cần mở rộng liên lạc với Việt Nam về mọi phương diện, cần trao đổi và hợp tác thương mại với Việt Nam, cần cho Việt Nam có một tư thế độc lập trong khu vực, cần cổ võ cho việc tôn trọng nhân quyền và phát triển dân chủ ở Việt Nam.

Đối với nhà cầm quyền hiện nay ở Việt Nam, bang giao Việt Mỹ là một con dao hai lưỡi. Nó có thể giúp cho họ củng cố được địa vị của họ nếu họ biết lợi dụng những cái lợi của mối bang giao đó (đầu tư và viện trợ ngoại quốc, trợ giúp kỹ thuật, quan hệ mậu dịch, tư thế quốc tế, v.v...) để làm cho dân giàu, nước mạnh, củng cố thế độc lập đối với Trung Quốc, và do đó đạt được tính chính thống căn cứ vào thành tích (performance) hơn là căn cứ trên một ý thức hệ đã lỗi thời. Nhưng nó cũng có thể có ảnh hưởng tích cực đối với tiến trình dân chủ hóa ở Việt Nam theo những chiều hướng sau:

Việc thi hành hiệp ước thương mại và nhu cầu cạnh tranh để sinh tồn đòi hỏi Việt Nam phải cải tổ doanh nghiệp nhà nước và phát triển khu vực kinh tế tư nhân khiến người dân bớt lệ thuộc vào chính quyền, bắt đầu là về phương diện kinh tế và xã hội.

1. Việc chuẩn bị gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế đòi Việt Nam phải có luật lệ minh bạch, tôn trọng một số quyền căn bản, nhất là quyền của công nhân và những tiêu chuẩn tối thiểu về phương diện nhân quyền. Trong phiên họp của các quốc gia và tổ chức viện trợ cho Việt Nam hồi tháng 12/2002, đại diện Liên Hiệp Âu Châu đã nói với nhà cầm quyền việt Nam rằng "Phát triển bền vững, cai trị tốt, cổ võ và bảo vệ nhân quyền liên hệ mật thiết và phụ thuộc lẫn nhau." Vì thế, Việt Nam cần phải tôn trọng "quyền tự do chính trị và tôn giáo cũng như các quyền tự do kinh tế và xã hội."

2. Việc giao thiệp với Hoa Kỳ đòi hỏi nhà cầm quyền VN phải chú trọng đến nhân quyền, ít nhất là để đối phó với áp lực của Mỹ. Vì thể chế và luật lệ cũa Hoa Kỳ cũng như quan tâm của các tổ chức nhân quyền và khối người Mỹ gốc Việt, đối thoại về nhân quyền và việc đặt vấn đề với nhà cầm quyền Việt Nam về việc bắt giữ những người chống đối ôn hòa và đàn áp tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên của đại sứ Hoa Kỳ. Mỗi năm tòa đại sứ phải làm tờ trình về tình trạng nhân quyền và những vi phạm tự do chính trị và tôn giáo của quốc gia sở tại. Đại sứ Raymond Bughart, trong bài nói chuyện tại Asia Society ở Washington, DC, ngày 21/1/03 đã tuyên bố: "Nhân quyền là một mối quan tâm thường xuyên và quan trọng đối với các tổ chức như Human Rights Watch các các nhóm người Mỹ gốc Việt. Nhưng nó cũng là một vấn đề mà nhân dân Mỹ nói chung cũng quan tâm một cách xâu xa và đích thực."

3. Quan hệ mậu dịch, trao đổi văn hóa, sự hiện diện của các hãng truyền thông quốc tế và các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam củng cố khuynh hướng đòi hỏi dân chủ của thành phần trung lưu, giới trẻ thành thị, và du học sinh từ các nước tự do trở về, đồng thời nới rộng không gian hoạt động của khu vực tư và xã hội dân sự, căn bản không thể thiếu của chế độ dân chủ.

4. Cộng đồng Việt Nam ở Mỹ, những người Mỹ gốc Việt, vì gồm những người trả thuế và có quyền bỏ phiếu, có quyền và có thể đòi chính phủ Mỹ và tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội phải lưu ý đến những quan tâm của họ về vấn đề nhân quyền và dân chủ ở Việt Nam trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam./.

BÀI HỌC HỘI NHẬP:
XEM LẠI VỤ KIỆN CÁ TRA

GS PHẠM ĐỖ CHÍ (Washington D.C.)
và GS NGUYỄN TIẾN TRIỂN (Waterloo, Canada)

Mấy tuần nay lại sôi nổi tin Bộ Thương mại Hoa kỳ (U.S. Department of Commerce—DOC) đang xem xét lại toàn bộ vụ kiện các nhà sản xuất cá tra-ba sa VN bán phá giá (dưới "giá thị trường"), sau phán quyết tạm thời ngày 27/1/2003 quyết định tạm thời đánh thuế hải quan lên tới 64% trên cá tra- basa nhập khẩu từ VN nhưng mới đây xét lại và giảm thuế đó cho một số công ty VN (tuy sẽ ra quyết định chính thức vào tháng 6/2003 và áp dụng vào tháng 8/2003). Chúng ta cũng sẽ thử nhìn lại toàn sự việc để rút ra bài học buổi hội nhập cùng biện pháp thích ứng.

Phán quyết DOC hôm 27/1 đã dựa vào 2 sự việc chính: (i) một phái đoàn DOC khảo sát tại VN trong vòng vài tuần và đưa ra một báo cáo vào tháng 11/2002 về tính chất nền kinh tế VN và đi đến kết luận là ***"kinh tế VN là nền kinh tế phi thị trường ("non-market economy")***; và (ii) quan trọng nhất là đưa ra các bảng tính toán dựa trên phương pháp riêng của DOC để đưa kết luận là cá VN bán sang Mỹ dưới giá sản xuất tại VN, và là cơ sở để đánh thuế hải quan như trên.

Bài này xem lại cả hai khía cạnh lý luận trên của DOC và ***đưa kết luận là DOC thiếu cơ sở khoa học khách quan khi đưa ra phán quyết VN là nền kinh tế phi thị trường lẫn cách tính các giá cả và thuế nhập khẩu liên hệ.***

Cần phải nhắc lại một chi tiết nhỏ ban đầu, mà nhiều người không biết hay đã quên theo thời gian, của vụ kiện trở thành sôi nổi và quan trọng này về phía VN. Đó là lúc đầu vài hãng xuất khẩu cá tra của VN đã nhập nhằng in lại giống hệt nhãn hiệu logo của cá tra sản xuất ở các vùng phía Nam Hoa Kỳ (hai tiểu bang Louisiana và Texas) lên trên bao bì xuất khẩu sang Mỹ của cá VN. Từ đó giới nông dân sản xuất Hoa Kỳ tức giận và muốn bảo vệ logo cùng thị trường của họ, nhất là khi cá VN rẻ hơn nhiều. Sau đó đã trở thành vụ kiện lớn khi họ chi món tiền lớn thuê các tổ hợp luật sư có khả năng và kinh nghiệm kiện cáo thương mại. Và sau cùng, như đã bàn ở trên, DOC bước vào để bênh vực nông dân của họ vì cả hai lý do chính trị và thương mại.

Việt Nam Có Là Kinh Tế Thị Trường?[1]

Như chúng ta đã biết, báo cáo DOC đưa ra kết luận khá mạnh mẽ là ***VN có nền kinh tế phi thị trường***, dựa vào vài "yếu tố chính" như sau dưới điều khoản 771(18)(B) trong Luật Quan Thuế Mỹ năm 1930 ("Tariff Act of 1930"):

(1) Chính phủ quá can thiệp vào hệ thống giá cả làm giá bán ra của hàng hoá và các giá thành đầu vào mất ý nghĩa việc định **giá trị** các mặt hàng;

(2) Tiền tệ phải hoán đổi được, còn nhiều hạn chế về tỷ giá và các luật lệ hối đoái;

(3) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tuy được khuyến khích nhưng vẫn còn nhiều hạn chế bởi luật lệ chính phủ;

(4) Việc tư nhân hoá các xí nghiệp quốc doanh và các ngân hàng quốc doanh rất chậm và cản trở sự tăng trưởng của khu vực tư nhân và làm mất đi tính cạnh tranh của nền kinh tế; và sau cùng

(5) Sở hữu tư nhân đất đai không được cho phép và chính phủ vẫn chưa bắt đầu một chương trình sở hữu hóa đất đai theo định nghĩa này.

Kết luận mang tính cách hàn lâm nhưng lại có tác dụng vô cùng quan trọng đến kim ngạch xuất khẩu của VN trong tương lai vì các hãng luật Mỹ có thể dựa vào cùng lý luận này để sau này kiện bất cứ mặt hàng xuất khẩu nào của VN thấp hơn giá Mỹ như *được chính phủ bảo hộ bán dưới giá thành và không do cơ chế thị trường ấn định.*

Điều cần được nói ngay là không có sẵn luật lệ hay các tiêu chuẩn quốc tế nào để xếp hạng một nền kinh tế là **thị trường** (TT) hay **phi thị trường** (PTT), ngoài **khía cạnh căn bản là trong một nền KTTT giá cả phải phần lớn do cung cầu quyết định và nhất là không được do các đạo luật hành chính ấn định ("administered prices")**.

Theo ý các người viết, chỉ có "tiêu chuẩn"

(1) trên đây là yếu tố căn bản để xác định một nền kinh tế có là KTTT hay không. Các yếu tố khác phụ thuộc ràng buộc định nghĩa của Tariff Act 1930 vì VN đang nói chuyện buôn bán với Mỹ. Tuy ngay như thế, các yếu tố (2)-(5) trên đây chưa hẳn đứng vững (xem dưới đây) [2].

Các thay đổi kinh tế

Đối diện với những thách thức và cần thiết của chuyển đổi hệ thống hầu tiến tới một nền kinh tế thị trường và ổn định tài chính để khôi phục các cân bằng kinh tế vĩ mô, một cách công bình những cố gắng Đổi Mới của VN từ 1989 đã mang lại nhiều tiến bộ, đến nay đã thiết lập được những phần tử cơ bản của hệ thống kinh tế thị trường, bao gồm: (i) hệ thống giá cả tự do; (ii) khu vực tư nhân năng động hơn (60% các hoạt động sản xuất); (iii) chế độ ngoại thương mở cửa rộng rãi; và (iv) hoà nhập các hoạt động kinh tế phi hình thức rộng lớn vào các luồng của thị trường chính thức dựa trên luật pháp.[3]

Đặc biệt, việc tháo gỡ các hạn chế thương mại và các biện pháp tự do hoá

giá cả đã mở ra những kích thích tiền tệ - gần như vắng mặt trong các nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung - có tác dụng nhanh chóng hỗ trợ vào việc nâng cao tỷ lệ sử dụng các nguồn lực, nhất là trong khu vực nông nghiệp.

Nêu Nhận Định Về Tính Chất Thị Trường Của Kinh Tế Việt Nam

Có thể nói rằng đặc trưng của cải cách kinh tế Việt Nam phù hợp với các tiêu chí 1,2,3 và 4 nêu trên do DOC đưa ra. [4] Còn tiêu chí thứ 5 có thể Việt Nam chưa thỏa mãn vì theo KTTT với định hướng chủ nghĩa xã hội mặc dù việc mua bán và chuyển nhượng quyền sở hữu đất giữa các cá nhân vẫn diễn ra ở khắp mọi nơi và dẫn tới tình trạng giá nhà đất "lên cơn sốt" tăng cao liên tiếp trong những năm gần đây. Do đó, trên phương diện lý luận, VN có thể được coi là một KTTT thỏa mãn điều kiện chính là giá cả của đa số hàng hóa dựa trên luật cung cầu.

Theo quan điểm của người viết, chuẩn mực trên nếu áp dụng vào nền kinh tế Trung Quốc, vốn có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam, thì Trung Quốc cũng sẽ bị coi là nền kinh tế phi thị trường. Khi đó, Trung Quốc sẽ phải giải quyết nhiều vụ kiện bán phá giá ở Mỹ và nhiều nước khác vì Trung Quốc có rất nhiều đối tác. Tuy nhiên, đối với Trung Quốc, vấn đề này chưa được đưa ra một cách chính thức mặc dù Trung Quốc luôn lấn át các nước Đông Á trong thương mại với các nước phương Tây từ hai thập kỷ nay.

Cách Tính Toán Thiếu Cơ Sở Của Bộ Thương Mại Hoa Kỳ

Mới đây nhất, hai giáo sư người Việt khác ở đại học Missouri là Phạm Lệ Huyền và Phạm Hoàng Văn cũng lên tiếng chỉ trích lập luận của DOC dựa theo ba điểm nghịch lý như sau:[5]

1. Cách tính giá cá Việt Nam của DOC không phù hợp với tình thế Việt Nam.

Các đại lý Hoa Kỳ đã sang Việt Nam xem xét và định giá cá là 1,41 Mỹ kim (USD) một cân Anh (lb). Theo lý luận của DOC thì giá bán cho đại lý Hoa Kỳ 64% thấp hơn giá bán cho đại lý Việt Nam trong nước; cho nên DOC đánh thêm thuế nhập khẩu 64% (1,41x0.64 = 0,95 USD/lb) để nâng giá lên cho đồng đều. Như vậy đại lý Việt Nam sẽ phải trả giá 2,36 USD/lb (1,41 + 0,95 = 2,36), nghĩa là trả 1,41 USD/lb giá cá Việt Nam cộng thêm 0.95 USD/lb tiền thuế nhập khẩu. Nếu đại lý Việt Nam tính 25% lãi (markup) cho giá bán (2,36x0,25 = 0,59 USD/lb) thì giá bán cho dân tiêu thụ Việt Nam sẽ lên tới 2,95 USD/lb (2,36 + 0,59), nghĩa là gần 3 Mỹ kim một cân. Tuy nhiên, tiền lương ở Việt Nam chưa được tới 8 Mỹ kim một tuần. Nghĩa là nếu tính theo kiểu DOC thì dân Việt Nam phải làm nửa tuần lễ thì có mới đủ tiền mua một cân (nửa ký lô) cá mà ăn. Nói cách khác, muốn ăn một ký lô cá thì phải làm nguyên một tuần lễ. Mà cá tra thì cũng không phải là loại cao lương mỹ phẩm của dân Việt. Nghe vậy là thấy rõ sự nghịch lý trong cách tính toán của DOC.

2. Cách tính chi phí lao động Việt Nam của DOC không phù hợp với dữ kiện.

Theo nguyên tắc, muốn xem Việt Nam có bán phá giá hay không thì DOC sẽ phải so sánh giá cá nhập khẩu vào Mỹ với chi phí sản xuất cá ở Việt Nam. Nếu chi phí sản xuất mà cao hơn giá nhập khẩu thì có thể đưa đến kết luận là Việt Nam bán phá giá. Theo đó, mức quan thuế chống phá giá sẽ được tính tùy theo chi phí sản xuất ở Việt Nam. Theo điều tra của Federal Reserve Bank San Francisco thì chi phí lao động của Ấn Độ sấp sỉ cao hơn Hoa Kỳ (bởi vì trừ ngành nhu liệu điện toán ra thì năng suất sản xuất của công nhân Ấn Độ thuộc loại thấp nhất thế giới). Trong khi đó, theo điều tra của Economic Intelligent Unit thì chi phí lao động của Việt Nam thấp hơn

Hoa Kỳ tới 70%. Nếu chi phí lao động Việt Nam thấp hơn Hoa Kỳ, thì chi phí sản xuất cá của Việt Nam cũng theo đó mà thấp hơn. Nghĩa là, giá cá Việt Nam thấp hơn bởi vì năng suất cao, chứ không phải vì Việt Nam cố tình bán phá giá. Tuy nhiên, điểm nghịch lý của DOC là các tính toán lại dựa trên dữ kiện của Ấn Độ (cao hơn Hoa Kỳ) thay vì dựa trên dữ kiện của Việt Nam (70% thấp hơn Hoa Kỳ). DOC dùng chi phí lao động cao của Ấn Độ (dù không phù hợp với dữ kiện) thì kết quả tất nhiên là sẽ tính ra mức quan thuế cao. Nói tóm lại, DOC dùng dữ kiện sai thì tính toán sẽ phải sai.

3. *Cách tính quan thuế của DOC không phù hợp với sức bảo trợ của Việt Nam.*

Dựa theo 64% mức quan thuế như DOC đã định, thì riêng trong năm 2002, trại cá Việt Nam đã bị lỗ tới 70 triệu Mỹ kim. Nếu bảo Việt Nam cố tình bán phá giá sang Hoa Kỳ, thì chính phủ Việt Nam đã phải đứng ra bảo trợ số tiền lỗ này. Nếu chia 70 triệu Mỹ kim cho số lượng lao động 350.000 người làm việc trong các trại cá, thì tính đổ đồng chính phủ sẽ phải bảo trợ 70.000.000/ 350.000 = 200 Mỹ kim một đầu người. Nếu tiền lương mỗi người chỉ có 8 Mỹ kim một tuần, thì mỗi người sẽ được chính phủ bảo trợ 200/8 = 25 tuần lễ hay 25/4 = 6,25 tháng, nghĩa là trên nửa năm. Điều này khó xảy ra cho công nghệ cá tra vốn chỉ chiếm khoảng 1% tổng số lượng xuất khẩu của Việt Nam. Thêm nữa, số tiền bảo trợ 200 Mỹ kim tương đương với 7 lần chi phí giáo dục của một học sinh, hay 70 lần chi phí y tế mỗi đầu người trong nước. Nghe vậy là lại thấy rõ thêm sự nghịch lý trong cách tính toán của DOC.

Kết luận

Tóm lại cần quan tâm tới các điểm chính sau:

* Các công cuộc cải tổ cơ cấu kinh tế chậm lại hiện nay của VN đã và đang gây nhiều trở ngại cho hoạt động kinh tế, kìm hãm tốc độ tăng trưởng triển vọng và tạo ra những nhìn nhận không tốt về nền kinh tế Việt Nam như trường hợp phán quyết của Bộ Thương mại Mỹ về vấn đề này. Đây là thời điểm mà VN nên tiếp tục mạnh các công cuộc cải tổ, nhất là ở hai khu vực chính sau. Trước hết là nền kinh tế chính trị (political economy) bởi với các chính sách mạnh bạo giống như các chính sách mà Trung Quốc theo đuổi gần đây về việc công nhận vai trò kinh tế chính trị của khu vực kinh tế tư nhân có thể sẽ giúp Việt Nam sớm có nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh hơn. Thứ hai, cần phải tiến hành các biện pháp mau lẹ, có hệ thống để cải thiện vấn đề điều hành đất nước (governance).

* Bài học giản dị nhất có lẽ là trong tương lai đừng để "***cái xẩy nẩy ra cái ung***", từ chuyện bắt chước không hợp lệ nhãn hiệu logo của cá tra Hoa kỳ cho cá xuất khẩu VN gây chuyện bực mình cạnh tranh của giới nông gia các vùng phía Nam Hoa kỳ (Louisiana và Texas) dẫn sang đến vụ kiện lớn cá phá giá, có thể còn gây nhiều thiệt hại tương lai cho nhiều mặt hàng khác của VN. Phía giới thương mại xuất khẩu cũng cần để ý đến việc bảo vệ lập trường thương mại của mình qua việc vận động (lobby) và thuê các tổ hợp luật sư giỏi bênh vực dù tốn phí có cao giá trong sinh hoạt luật pháp của đời sống bên Mỹ. Và nếu thêm được phương tiện tài chính cho luật sư, có thể yêu cầu mở lại hồ sơ vụ kiện này để gây ảnh hưởng đến phán quyết cuối cùng của chính phủ Hoa kỳ vào tháng 6/2003 và đạt được yêu cầu tốt nhất là ***bãi bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu trên cá tra-basa của VN***, thay vì chỉ giảm bớt như quyết định mới nhất do DOC thông báo vào cuối tháng 2/2003.

* Hay một trường hợp khác có thể đang được xét đến qua dư luận báo chí là hai bên thỏa thuận một hình thức giới hạn xuất khẩu cá tự nguyện về phía Việt Nam với một giá sàn xuất khẩu (minimum export price) để xoa dịu sự chống đối của nông gia Mỹ. Hình thức này tương tự như việc tự nguyện giới hạn (voluntary restraint) xe hơi Nhật bản xuất khẩu sang Mỹ trước kia.

(18/03/2003)

[1] Phần này tóm lược rất ngắn bài phát biểu của Phạm Đỗ Chí với tư cách diễn giả của buổi hội thảo "Việt Nam Có Là Kinh Tế Thị Trường? Cải Cách Và Lộ Trình" do Sasakawa Peace Foundation tổ chức ngày 13/2/2003 tại Washington D.C.

[2] Xem bài "VN có là kinh tế thị trường?" đã đăng trong Ngày Nay, Houston (1/01/2003) và Vietnam Economic Times (22/02/2003).

[3] Xem Binh Tran-Nam and Chi Do Pham, "*The Vietnamese Economy: Awakening the Dormant Dragon*", Routledge (London and New York), 1/2003.

[4] U.S. Department of Commerce Memorandum A-552-801, November 2002.

[5] Xem bài 'Catfish Ruling: Fishy Business,' đăng trên tạp chí Asia Times Online, 22/2/2003 và bản dịch trên mạng riêng của hai giáo sư này: http://www.missouri.edu/~phamv/papers/Catfish-Viet-Ngu.html.

THẾ GIỚI THẾ KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:

THÁNH-CHIẾN CHỐNG LẠI ĐỒNG-HÓA THẾ-GIỚI

CỔ LŨY

Giữa những vận-động chính-trị, sửa-soạn tâm-lý cho một cuộc chiến-tranh "chống khủng-bố" mới ở Trung-Đông cùng những chống-đối kịch-liệt nỗ-lực toàn-cầu-hóa thế-giới (globalization) vào kinh-tế thị-trường (market economy hay capitalism—kinh-tế tư-bản) của Hoa-Kỳ cùng những nước da trắng giầu có ở Tây-Âu, mọi người không khỏi có những hoang-mang thắc-mắc. Ngoài những người đương nhiên chấp-nhận vị-trí của chính-quyền Hoa-Kỳ dưới sự lãnh-đạo của ông George W. Bush, nhiều người như Giáo-sư nhân-chủng và xã-hội học Philip Lamy ở Vermont, Hoa-Kỳ, nhìn xa hơn và thấy mối đe dọa globalization qua mắt những "nạn nhân." Họ sợ rằng globalization sẽ giết chết ngôn-ngữ bản-xứ, tôn-giáo và lối sống địa-phương. Họ lo Tây-phương-hóa sẽ thành lối sống mới, tư-bản thành hệ-thống kinh-tế chính, tiếng Anh sẽ là ngôn-ngữ chính, và du-lịch sẽ thành kỹ-nghệ chính. Những người này mong có thánh chiến "Jihad" chống lại nỗ lực đồng hóa thế giới vào một thứ " McWorld" đặt căn bản trên thị trường tiêu thụ.

Hai cái nhìn của hai khối thế-giới khác nhau đưa đến những mâu-thuẫn khó giải-quyết cùng những tranh-chấp chính-trị, vũ-trang - cả hai đều là độc-tài, phản dân-chủ. Bài sau đây dựa trên luận-đề và ý-kiến của Giáo-sư Benjamin R. Barber (Phân-khoa Chính-trị-học, Viện Đại-học Rutgers, New Jersey) trong quyển JIHAD Vs. McWORLD (New York: Ballantine, 1996). Giáo-sư Barber là tác-giả hơn mười tập sách biên-khảo quan-trọng về chính-trị Hoa-Kỳ và thế-giới, cùng một tập truyện dài.

CỔ-LŨY

Ngay trên nền trời của những gì đang xảy ra hiện nay ta có thể nhìn thấy hai cái viễn tượng chính trị có thể sẽ thành sự thật —cả hai đều rất là bi quan và chẳng cái nào có lợi cho lý tưởng hoặc lối sống dân chủ cả.

Viễn tưởng thứ nhất là hiện tượng bộ-lạc-hóa trở-lại (retribalization) —xảy ra ở nhiều khu vực địa dư lớn lao— bằng những tương tranh và đổ máu. Có thể nói đây là hiện tượng "Lebanon hóa" (nước Lebanon, vùng "Trung-Đông" hay nói đúng hơn là Tây-Nam-Á, thời thập niên 1980 với những chia rẽ tranh chấp vũ trang tàn bạo "hỗn quan hỗn quân" giữa người Hồi-giáo và Ki-tô-giáo, và cả giữa những phái Hồi-giáo khác nhau) thực thể quốc gia trong đó văn hóa này chống văn hóa nọ, nhóm dân này chống nhóm dân nọ, bộ lạc này chống bộ lạc nọ —một thứ thánh chiến (Jihad) nhân danh cả trăm những tôn giáo, niềm tin, ý thức hệ chống lại tất cả những gì có dính dáng tới những liên hệ hỗ tương, tất cả những hợp tác nhân tạo giữa người với người để cùng sống trong một xã hội lớn hơn cấp bộ lạc.

Viễn tượng thứ nhì đang được mang tới cho chúng ta một cách ào ạt bởi những thế lực kinh tế và môi sinh với nhu cầu đồng hợp và đồng hóa cả nhân loại với cái ma lực của nhạc kích động giậm rựt, máy điện toán với tốc độ khủng khiếp và đồ ăn liền —với MTV (Music TV), Macintosh, và McDonald's. Tất cả những thứ trên đùng đùng ồ ạt đẩy hết nước này đến nước khác vào một hệ thống, mạng lưới thương mại đồng nhất: một thứ "McWorld" buộc chặt lại với nhau bằng kỹ thuật, môi sinh, truyền thông và thương mại.

Nói tóm lại, trái địa cầu đang rạn nứt chia rẽ kinh khủng đồng thời miễn cưỡng gắn bó với nhau như một khối kinh tế kỹ thuật.

Hai hiện tượng này đôi khi có thể nhìn thấy ở trong cùng một quốc gia: Nam-Tư (Yugoslavia) vừa vận động ồn ào để gia nhập khối kinh tế chính trị Châu Âu Mới (New Europe) vừa hồ hởi chém giết người cùng nước với nhau chỉ vì chủng tộc, tôn giáo và văn hóa khác nhau; Ấn-Độ đang cố duy trì danh tiếng "nước dân chủ lớn nhất thế giới" đồng thời các phe phái tôn giáo cực đoan như đảng Bharatiya Janata, phe Hồi-giáo, Sikh

và các tay sát nhân chuyên nghiệp mang danh ái quốc tha hồ chống đối chém giết nhau. Nhiều nước trên thế giới đang tan rã hoặc nhập lại với nhau: Liên bang Nga-Xô đột ngột tan biến; những mảnh vỡ nhập thành nhiều bang mới, hoặc hợp với dân chúng cùng tâm cùng tánh ở các nước bên cạnh. Hiện tượng quốc gia giữa hai cuộc thế chiến đặt trên căn bản lãnh thổ và chủ quyền bây giờ hầu như chỉ là một cái gì lâm thời và tạm thời.

Những cái lực của Jihad và McWorld chuyển mình với sức mạnh tương đương nhau đi vào hai chiều hướng khác nhau, một bên bởi những ghét bỏ hận thù chật hẹp, một bên là thị trường mở rộng toàn thế giới; một bên tái tạo những biên giới chủng tộc và địa dư nhỏ hơn mức quốc gia, một bên chọc thủng phá bỏ biên giới từ bên ngoài vào. Nhưng cả hai bên đều có một mẫu số chung: cả hai bên đều không có một hứa hẹn gì cho những ai muốn sống trong một môi trường dân chủ tự do. Nếu tương lai của thế giới đi đến chỗ chỉ còn hai thế lực trên, một bên Jihad ly tâm cuồn cuộn húc vào bên cái lỗ đen McWorld tụ tâm, có lẽ chúng ta sẽ thấy ngày tàn của tự do dân chủ.

McWORLD: TOÀN-CẦU-HÓA CHÍNH-TRỊ

Bốn yếu tố căn bản tụ thành McWorld: thị-trường, nguyên-liệu, tin-học và kỹ-thuật, và môi-sinh. Bằng cách thu nhỏ thế giới lại và giảm thiểu mức quan trọng của ranh giới lãnh thổ những yếu tố trên kết hợp với nhau để nắm thế thượng phong chống lại những phân tách bè phái, và nhất là tinh thần quốc gia "đáng ghét." Những người thực tiễn ngày nay là người châu Âu mới; những người không tưởng thì mơ mộng đến việc phục hồi nước Anh và Đức —có lẽ cả xứ Wales và Saxony nhỏ bé nữa— trở lại vị trí bá chủ châu Âu ngày nào. Những kêu gào viễn mơ cho một thế giới ngày cũ đã bị thay thế bởi những thực tế mới của một McWorld.

A. Yếu-tố Thị-trường

Lý thuyết Mác-Lê về đế quốc chủ nghĩa coi như đương nhiên rằng nhu cầu phát triển thị trường không ngừng một ngày nào sẽ bắt buộc những kinh tế tư bản dựa trên quốc gia tấn công thẳng vào biên giới quốc gia khắp thế giới để đi tìm thị trường tiêu thụ. Dù có những sai lầm và không tưởng lớn lao, lý thuyết này hầu như có cái nhìn xa khi nói đến bành trướng thị trường tiêu thụ. Ngày nay mọi nền kinh tế quốc gia đều bị đe dọa ghê gớm bởi những xâm lăng từ những thị trường rộng lớn trên hẳn mức quốc gia —trong những thị trường này giao thương mậu dịch hoàn toàn tự do, tiền bạc đều có mức trao đổi tương đương dịch vụ ngân hàng sẵn sàng mở rộng, và mọi giao kèo khế ước đều có thể giải quyết qua luật pháp phổ thông khắp mọi nơi. Khắp mọi nơi ở châu Âu, Á, Phi, vùng Nam Thái-Bình-Dương, khắp châu Mỹ những thị trường này đang phá hoại thao túng chủ quyền quốc gia và đưa quyền lực tới những tập thể như ngân hàng quốc tế, hiệp hội thương mại, những thế lực vượt trên mức quốc gia như OPEC (Tổ chức Các Nước Xuất cảng Dầu hỏa), mặt trận bảo vệ môi sinh Greenpeace, những cơ quan truyền thông toàn cầu như CNN (Cable News Networks) và BBC (British Broadcasting Corporation), và những đại công ty có mặt khắp mọi nơi trên thế giới. Tất cả những tập thể, thế lực trên đều đứng trên và coi thường ý nghĩa "quốc gia" như một nguyên tắc tổ chức và cai trị.

Yếu tố thị trường cũng triệt để đòi hỏi hòa bình và ổn định ở khắp mọi nơi—hai điều kiện tất yếu của một hệ thống kinh tế quốc tế hữu hiệu. Thị trường có những kẻ thù chính là tinh thần bè phái hạn hẹp, cô lập, chia rẽ và chiến tranh. Tâm lý thị trường không muốn có những xung đột va chạm về ý thức hệ hay tôn giáo, và coi những thỏa thuận hòa hoãn giữa người sản xuất và người tiêu thụ là tất yếu — hai khối người khó thích hợp với những văn hóa dựa trên tinh thần quốc gia và tôn giáo chật hẹp. Đi mua sắm tiêu thụ không mấy ai ưa luật lệ ngăn cấm buôn bán cuối tuần — như luật cấm mở cửa quán rượu ở Anh, cấm mua bán kiểu đạo Do-Thái truyền thống hay cấm uống rượu kiểu Thanh-giáo ở Massachusetts ngày xưa. Trong khung cảnh thị trường chung luật pháp quốc tế không còn là những gì liên quan đến công lý, nói đúng ra chỉ là những lề lối để làm chạy công việc — như thực thi giao kèo, bảo đảm các chính quyền tôn trọng khế ước, trông coi các liên hệ thương mại và tiền tệ, vân vân.

Thị trường chung đòi hỏi ngôn ngữ chung, hệ thống tiền tệ chung, cung cách giao xử chung như những cách đi đứng giao tiếp ở các thành phố lớn khắp mọi nơi. Phi công đường bay quốc tế, chuyên viên chương trình điện toán, nhân viên ngân hàng quốc tế, chuyên viên truyền thông, người khai thác dầu hỏa, giới tài tử, lực sĩ, chuyên viên môi sinh, nhà xã hội học, chuyên viên kiểm toán, giáo sư đại học — những người của một thế hệ mới trong đó tôn giáo, văn hóa, và quốc tịch đều không có ý nghĩa gì lắm trong công ăn việc làm và giao tế. Dù nhà xã hội học vẫn có thể phân biệt "lối Nhật" và "lối Mỹ," "shopping" thì ở đâu cũng

như ở đâu. Nhiều người bi quan có thể nói một số những cách mạng gần đây ở Đông Âu không có mục tiêu chính là dân chủ tự do và quyền đi bầu cử, nhưng là quyền được công ăn việc làm tốt và quyền được đi shopping (dù phiếu "for sale" vẫn dễ tìm hơn là hàng tiêu thụ). Thị trường do đó rất là mạnh mẽ đẩy quyền lực; nhưng khác với "tư bản dân chủ" thị trường không nhất thiết là yếu tố đưa đến dân chủ.

B. Yếu-tố Nguyên-liệu

Những người ủng hộ dân chủ có lúc đã mơ đến những xã hội có độc lập chính trị dựa trên độc lập kinh tế. Người ở Athene, Hy-Lạp ngày xưa lý tưởng hóa điều trên và đã có nhiều năm tạo ra một lối sống giản dị khắc khổ hoàn toàn tự túc không phải dựa cậy vào đâu. Tự do có nghĩa là độc lập với mọi cộng đồng hay những thị-quốc (city-state) khác. Nhưng họ đã không mấy thành công vì bản tính con người là lệ thuộc. Cho tới thời Pericles, chính trị ở Athene đã hoàn toàn gắn chặt vào một đế quốc đang phát triển dựa trên sức mạnh trên biển cả và thương mại — một đế quốc dù bề ngoài có hỗ trợ cho uy thế của Athene nhưng rõ rệt là phá phách rất nhiều cả độc lập lẫn tự túc của Athene. Chủ và tớ nay đã thấy rõ là phải dính liền với nhau vì cần phải có nhau!

Giấc mơ độc lập tự túc cũng làm say mê một nước Hoa-Kỳ trong Thế kỷ 19. Với một lãnh thổ trù mật mà lại thưa người, với vô số tài nguyên và hai biên giới đại dương chặn đôi đầu nhiều người tin rằng Hoa-Kỳ có thể là một thế giới cô lập và hoàn toàn tự túc. Với một quá khứ như vậy người Mỹ rất khó mà chấp nhận ý tưởng rằng một ngày nào đó họ sẽ phải dựa cậy vào người khác. Nhưng với đà tiêu thụ tài nguyên nhanh chóng — dù trước kia có vẻ như là bất tận — với mức phân phối đất trồng tỉa và nguyên liệu không đồng đều trên thế giới, chẳng bao lâu cả xã hội giàu có nhất cũng phải lệ thuộc vào nguyên liệu, và nhiều xã hội khác thành kiệt quệ.

Ngườ Mỹ bắt đầu nhận ra chân lý: nước này cần nhiều thứ những nước khác có; và, một số nước chẳng có chút nào những gì họ cần.

C. Yếu-tố Tin-học và Kỹ-thuật

Khoa học tăng tiến và những kỹ thuật rút ra từ đây đều có giá trị khắp mọi nơi. Tiếp theo đó nữa là nỗ lực tìm kiếm những nguyên tắc chung có thể áp dụng vào khắp mọi nơi chốn, những giải pháp chung, và một thái độ gắn bó chặt chẽ với khách quan và vô tư.

Những tiến bộ trong khoa học được thể hiện và cũng lệ thuộc vào truyền thông, một tiến trình chung đặt trên căn bản hợp lý, hợp tác, và những trao đổi kiến thức đều đặn và dễ dàng. Những lý tưởng kể trên có thể trở thành những gian dối bên ngoài để nắm lấy quyền lực bởi một số nhóm có ưu quyền trong xã hội; những lý tưởng trên có thể không đúng hoàn toàn nhưng chúng có thể bị lợi dụng để biến khoa học thành một đồng minh của đô hộ khống chế thế giới.

Thương mại, dịch vụ ngân hàng và những trao đổi hàng hóa, dịch vụ đều lệ thuộc vào truyền thông; và những tiến bộ ghê gớm trong kỹ thuật truyền thông làm cho điều này dễ dàng hơn bao giờ hết. Những "hardware" trong các kỹ thuật này đều được sản xuất để có thể dễ dàng nhập vào mọi hệ thống — máy điện toán, truyền hình, hệ thống cable, vệ tinh, laser, fiber-optic, kỹ thuật microchip, tất cả đều hợp lại với nhau thành một mạng lưới truyền thông và tin học qua lại có khả năng cho bất cứ ai liên lạc với bất cứ ai và mọi tài liệu sẵn sàng cho ai muốn tìm muốn biết. Như lời Thứ trưởng Ngoại giao Hoa-Kỳ George Ball (dưới thời Tổng thống Lyndon B. Johnson) nhận xét khi ông dự lễ khánh thành nhà máy sản xuất xe hơi Fiat của Ý ở Nga Xô thời Chiến-tranh Lạnh, rằng nếu cái xe hơi "là một ý thức hệ trên bốn bánh xe," hệ thống điện tử và tin học ngày nay là một ý thức hệ có tốc độ 186 ngàn dặm một dây đồng hồ — đủ sức làm thế giới nhỏ bé hẳn lại trong một cơn sốt vội vã vĩ đại. Mỗi một văn hóa có ngôn ngữ riêng của nó; thương mại và khoa học càng ngày càng nói mỗi tiếng Mỹ, và cả thế giới nói một thứ ngôn ngữ toán học mà thôi.

Hơn nữa, theo đuổi, nghiên cứu khoa học đòi hỏi, nếu không nói là bắt buộc, phải có những xã hội cởi mở. Dấu chân của vệ tinh không tôn trọng ranh giới quốc gia; giây điện thoại chọc thủng ngay cả những xã hội khép kín nhất. Với máy photocopy và rồi máy fax xâm nhập các đại học Nga-Xô và giới trí thức văn nghệ Nga trong thập niên 1980, và computer modem sinh sôi nảy nở nhanh như gà đẻ trong guồng máy thư lại cộng sản chẳng bao lâu đổi mới nối đuôi theo cởi mở. Trong xã hội khép kín bí mật và khoa học là hai kẻ thù không đội trời chung.

Những software kỹ thuật mới có lẽ còn sinh sôi nảy nở nhanh hơn là hardware. Cánh tay tin học của cái thân thể thương mại quốc tế mỗi ngày một lớn vươn ra và tóm lấy những quốc gia và văn hóa đặc thù, và chùm lên trên những văn hóa quốc gia này với những khuôn mặt hấp dẫn cấu tạo bởi Hollywood (phim ảnh), Madison Avenue (New York, chuyên lo phát minh và dịch vụ

quảng cáo truyền thông), và Silicon Valley (Thung lũng Điện tử: Palo Alto, Santa Clara, San Jose, tiểu bangCalifornia). Suốt trong thập niên 1980 một trong những chương trình truyền hình được xem nhiều nhất ở Nam-Phi là "The Cosby Show" (về một gia đình da đen thượng lưu ở Mỹ). Ta có thể thấy ngay là chính sách kỳ thị đen trắng "apartheid" lâu đời ở Nam-Phi bắt đầu tan rữa. Những công ty trình chiếu phim ở Đại hội Điện ảnh quốc tế hàng năm ở Cannes (Pháp) năm 1991 than phiền là phim ảnh Mỹ và Mỹ-hóa càng ngày càng xâm lấn thị trường phim ảnh quốc tế và đại hội điện ảnh. Hoa Kỳ đã khống chế văn hóa phổ thông và bình dân thế giới đã từ rất lâu và rõ rệt từ trước đó rất lâu. Tháng Mười-một 1991 văn hóa đặc thù của Thụy Sĩ bị xâm lấn hoàn toàn với phim "Terminator 2" (phim Mỹ với "tài tử" lực sĩ Arnold Schwarzenegger bắn giết từ đầu tới cuối), tiểu thuyết ba xu Scarlett, và đĩa nhạc "Diamonds and Pearls" của nhạc và ca sĩ rock da đen Prince — tất cả đều đứng hàng đầu về mặt thương mại tại nước này. Chẳng có gì lạ lắm khi Nhật tới tấp mua các phim trường sản xuất phim ảnh của Mỹ nhanh hơn là Mỹ mua máy truyền hình Nhật. Hiện tượng siêu đẳng về software này về lâu về dài có lẽ còn quan trọng hơn cả siêu đẳng về hardware, bởi vì văn hóa phổ thông bình dân đã thành mạnh mẽ hơn hẳn vũ khí chiến lược. Thử so sánh sức mạnh của Ngũ giác đài (Pentagon, bộ tổng tham mưu quốc phòng Mỹ) với đại công ty Disneyland (với các đại công viên giải trí có chủ đe —theme park— nuôi sống cả thành phố và tiểu bang ở Âu, Á, Mỹ, phim ảnh và truyền hình, cộng với đại công ty truyền hình ABC). Thử so sánh Hạm đội thứ Bảy của Hoa Kỳ với CNN (Cable News Network, nằm trong siêu công ty truyền thông và điện tử Time-Warner-AOL). Tất cả cái gì của chính phủ đều thua xa sức mạnh, ảnh hưởng và uy lực của các siêu công ty bao trùm thế giới (multi-national corporation). McDonald's ở Mạc-tư-khoa và Coca-Cola ở Bắc-kinh có sức mạnh đồng hóa văn hóa thế giới hơn hẳn thực dân hóa thế giới bằng phương tiện quân sự từ trước đến nay trong lịch sử thế giới. Yếu tố chính trong nỗ lực đồng hóa này dựa rất ít vào sản phẩm bán ra và được cả thế giới tiêu thụ vồ vập. Sản phẩm chỉ là cái bề ngoài dễ thấy; bề trong chính là đưa ra và đặt để trên toàn thế giới một lối sống tiêu thụ vật chất ồ ạt và chóng thay đổi (consumer life style) theo kiểu Mỹ — không cần ý thức và ý thích, vì tất cả đều có thể uốn nắn và chi phối được bằng các phương tiện truyền thông, quảng cáo. Những thứ kể trên tạo thành một software đầy ma lực quyến rũ: cái linh hồn chung của thế giới McWorld.

Tuy nhiên trong cái thế giới thương mại kỹ thuật cao này không có mấy cái có thể xem là dân chủ. Trong cái thế giới McWorld có cả tự do lẫn kiểm soát, những hình thức phương pháp kiềm chế uốn nắn mới bên cạnh những tham gia vào quyết định của nhà nước, có những thị trường tự do một chiều bên cạnh mức sản xuất gia tăng. Xã hội tiêu thụ và xã hội cởi mở không hẳn là đồng nghĩa với nhau. Tư bản và dân chủ có một liên hệ với nhau, nhưng liên hệ này không phải là mức liên hệ gắn bó như trong hôn nhân. Một thị trường tự do hữu hiệu luôn luôn đòi hỏi người tiêu thụ phải được tự do bầu bán bằng đồng đô-la của mình: mua hay không mua một sản phẩm nào đó. Nhưng nó không đòi hỏi người dân phải được quyền tự do chọn lựa ứng cử viên và chính sách đặt trên căn bản hệ thống giá trị và tin tưởng của người dân: ứng cử viên và chính sách có thể bán buôn như những hàng hóa, dịch vụ. Hệ thống kinh tế tự do thị trường lớn mạnh ngay trong lòng chế độ độc tài quân phiệt ở Chí-Lợi, Đài-Loan và Nam-Hàn, và ở nhiều đế quốc quân chủ phong kiến châu Âu và các thuộc địa của các nước này trước đây.

D. Yếu-Tố Môi-Sinh

Ngày nay ảnh hưởng tàn hại của toàn cầu hóa kinh tế trên môi sinh là một cái gì quá rõ ràng và quen thuộc nhàm chán ngay cả đối với những người không thèm bận tâm đến môi sinh. Mọi người đều hiểu là những rừng cây thông ở Đức có thể bị tiêu diệt bởi dân Ý và Thụy-Sĩ lái xe hơi máy lớn chạy bằng dầu xăng có chất chì (leaded gasoline). Ta cũng hiểu rằng cả thế giới có thể bị chết ngạt vì khói độc nếu nông dân Ba-Tây đốt rừng để phát triển kinh tế cho kịp mức Thế kỷ 20, hay dân Nam-Dương phá rừng để làm tăm cho người Nhật xỉa những hàm răng chuộng vệ sinh — tất cả đều làm đảo ngược cán cân dưỡng khí và chọc thủng lá phổi thế giới. Những ý thức như trên về môi sinh không những mỗi ngày một lớn hơn mà còn đưa đến nhiều bất công chênh lệch —khi những nước văn minh tiền tiến cố đóng chặt cửa ngõ phát triển sau lưng mình và lên mặt khuyến cáo những nước chậm tiến dám đua đòi phát triển: "Thế giới không thể chấp nhận cho các bạn phát triển kinh tế: chúng tôi đã phát triển đến mức triệt tiêu hẳn thế giới rồi."

Mỗi một yếu tố kể trên đều đứng lên trên ranh giới quốc gia, trên ý thức hệ, trên cơ cấu. Mỗi

yếu tố đều áp dụng cho bất cứ dân chúng thuộc nhóm nào: Ki-tô giáo, Do-thái giáo, Hồi-giáo, Ấn-giáo, và Phật-giáo; mọi dân chủ và chuyên chế; mọi tư bản lẫn xã hội chủ nghĩa. Giấc mơ xưa, trong thời Trí tuệ Bừng sáng (Enlightenment) ở châu Âu cách đây năm sáu thế kỷ, về một xã hội duy lý toàn thế giới như đã được thể hiện hoàn toàn ngày nay—nhưng dưới một hình thức đầy tính chất thương mại, đồng nhất, vô chính trị, thư lại hoá, và dĩ nhiên là không hoàn toàn, bởi vì nỗ lực chuyển vận đến một thế giới McWorld đang phải tranh chấp với những thế lực chia rẽ thế giới, phá bỏ quốc gia, và thối nát lan tràn. Những thế lực này, đi ngược chiều hẳn với McWorld, là căn bản của phản lực Jihad.

II. JIHAD: LEBANON HOÁ THẾ-GIỚI

OPEC, Ngân-hàng Thế-giới, Liên-hiệp-quốc, hội Hồng-thập-tự Quốc-tế, siêu công ty toàn thế giới, vân vân,... là cả ngàn những định chế khác tiêu biểu cho thương mại toàn cầu hoá. Nhưng những tổ chức định chế này có vẻ như là những phản ứng lại những gì đang xảy ra ở một phần thế giới khác: các quốc gia đặc thù, và mỗi ngày một đông hơn, những phe nhóm nhỏ hơn mức quốc gia thường trực chống lại mọi hình thức đồng hoá sát nhập — kể cả những định chế đại diện bởi những luật lệ và công lý bao quát khắp mọi nơi. Ta luôn luôn nghe tin về những hoạt động hay hành động của từng văn hóa, chứ không phải là quốc gia; một phần chứ không phải toàn thể; giáo phái này nọ chứ không phải tôn giáo; những phe phái nổi loạn và những nhóm thiểu số tranh chấp kèn cựa chống lại không những toàn cầu mà ngay cả quốc gia mà họ là một thành phần. Người Kurd (ở Iraq), người Basque (ở giữa Pháp và Tây-Ban-Nha), người đảo Puerto Rico (muốn độc lập với Hoa-Kỳ), người Đông Timor (rút ra khỏi Nam-Dương), người Quebec (ly khai Gia-Nã-Đại), người Thiên-chúa giáo (ở Bắc Ái-Nhĩ-Lan chống lại Anh), người Abkhsian (đòi tự trị), người đảo Kurile (đòi tách ra khỏi Nhật-Bản), người thuộc bộ lạc Zulu ở Inkatha (đòi chủ quyền ở Nam-Phi), người Catalonian (ở Tây-Ban-Nha), người Tamil (Ấn-giáo chống lại đa số Phật-giáo ở Tích-Lan), và dĩ nhiên người Palestine (Hồi-giáo, đòi quê hương bị chia xẻ cho Do-Thái bởi các đế quốc Âu-Mỹ sau Thế-chiến II) —tất cả đều là những nhóm không có nước, sống nhờ trên nước không phải của mình, theo đuổi những mục tiêu nhỏ bé hơn mức độ quốc gia để có thể trốn tránh tân tiến đổi mới.

Đây là một cái gì rất là oái oăm. Chủ nghĩa hay tinh thần quốc gia từng là một động cơ thúc đẩy thống nhất và sát nhập pha trộn lẫn nhau, một phong trào với mục tiêu giúp các phe nhóm, bộ lạc và những mảnh vụn văn hóa khác nhau kết hợp lại dưới ngọn cờ đồng hóa mới. Nhưng, như nhà chính trị xã hội học Ortega y Gasset nhận xét hơn bảy-mươi năm trước đây, sau khi đã chiến thắng lừng lẫy ở nhiều nơi chủ nghĩa hay tinh thần quốc gia quay đổi hẳn chiến lược. Trong thập niên 1920 cũng như ngày nay thường là lực phản động và chia rẽ đốt cháy tan hoang những quốc gia chính nó kết dựng lên trước đây. Trong tác phẩm nghiên cứu đi trước thời đại mình "The Revolt of the Masses," một kinh điển cho các người theo học xã hội chính trị học, Ortega y Gasset viết rằng cái lực tạo kết quốc gia mang tính cách "bao gồm hội tụ." Trong những giai đoạn hội tụ củng cố tinh thần quốc gia có giá trị tích cực, và là một tiêu chuẩn cao vòi vọi. Nhưng ở châu Âu quốc gia đã thành hình từ lâu (kể từ thời Cách–mạng Pháp 1789), và tinh thần quốc gia chẳng khác gì hơn một cơn sốt cuồng nhiệt.

PHẠM VŨ

Nhạc Sĩ Sáng Tác & Hòa Âm

Tel: (714) 839-5227

CD và CASSETTE đã phát hành:

1. **Tình Yêu Đã Chết**
2. **Mộng Du**
3. **Tin Nhạn**
4. **Sầu Mộng I**
5. **Sầu Mộng II**

Nhận hòa âm cho ca và đàn nhạc

Nhạc và lời hòa âm: **PHẠM VŨ**

Với các giọng ca: **Kim Tước, Mai Hương, Duy Trác, Quỳnh Giao, Jo Marcel và Hà Thanh**

Mọi liên lạc để mua CD và cassettes trên xin đến các Trung Tâm Băng Nhạc hoặc xin liên lạc trực tiếp

Nhạc sĩ Phạm Vũ (714) 839-5227

Cơn sốt này đã làm cả thế giới sau Chiến-tranh Lạnh sặc sụa vì khói của nhiều chiến tranh nóng; khung cảnh thế giới chia rẽ không kém gì giai đoạn ngay sau Thế-chiến I, ngay trong thời đại của Ortega y Gasset. Trong năm vừa qua (giữa thập niên 1990), có hơn ba-mươi cuộc chiến tranh ngày nay vẫn còn tiếp tục, phần lớn là giữa những nhóm văn hóa, chủng tộc, bộ lạc hoặc tôn giáo nhỏ, và danh sách những vùng bất ổn trên thế giới mỗi ngày một dài hơn. Ta có thể gọi đây là Trật-tự Thế-giới Mới chăng?

Mục tiêu của những cuộc chiến cỡ nhỏ này là vẽ lại ranh giới, làm nổ tung từ bên trong những quốc gia đang hiện diện thành những mảnh nhỏ, và để tìm lại được nguồn gốc đặc thù: nói đúng ra là để trốn tránh những yếu tố chi phối mãnh liệt của một McWorld. Tinh thần hăng say chiến đấu là tinh thần hồ hởi mạnh mẽ của một thánh chiến Jihad: chiến tranh không phải là công cụ hay phương tiện của chính sách nhưng là một biểu hiện của nguồn cội cá thể đặc thù, một phát biểu của cộng đồng, một cứu cánh. Ngay cả khi không có chiến tranh đổ máu thực sự luôn luôn ta nhìn thấy những chia rẽ phe nhóm, ly khai, và một theo đuổi cộng đồng mỗi lúc một nhỏ hơn xét theo kích thước và mục tiêu. Ở Thụy-Sĩ và Tây-Ban-Nha, người Jurassian và Basque thiểu số đòi ly khai vẫn minh danh nguồn gốc đặc thù từ thuở xa xôi ngàn năm nào, đôi khi bằng ngôn ngữ bom đạn. Tan rữa nhanh như tạc đạn trong Liên-bang Xô-viết xưa vẫn còn tiếp diễn không có thuốc chạy chữa —không phải chỉ Ukraine độc lập với Liên-bang, nhưng Ukraine thuộc khu ảnh hưởng của người Bessarabian cũng đòi rút khỏi cộng hòa Ukraine; không phải chỉ Nga tách ra khỏi Liên-bang mà người Tatarstan cũng đòi rút khỏi cộng hòa Nga. Nam-Tư còn chia rẽ tan nát đến độ những cộng hòa mới tách khỏi Liên-bang Xô-viết trông có vẻ đoàn kết thống nhất hơn ai hết: những "đất tổ" sinh sôi nảy nở ngay trong lòng "đất mẹ" nhanh như cỏ dại mọc trong cỏ dại. Độc lập cho người Kurd sẽ đụng chạm đến lãnh thổ của ít nhất là bốn nước ở "Trung-Đông." Trước đây không lâu Xô-viết Georgia đòi tự chủ độc lập khỏi Liên-bang Xô-viết để nay phải đối phó với đòi hỏi tương tự từ nhóm khoảng 164 ngàn người Ossetian đòi độc lập khỏi năm triệu rưỡi người Georgia. Rồi thì nhóm thiểu số Abkhasian cũng đòi tự trị khỏi Georgia. Người Quebéc nói tiếng Pháp và chuộng Pháp muốn rút ra khỏi Liên-bang Gia-Nã-Đại. Nam-Phi vừa thoát khỏi tệ hại kỳ thị trắng đen "apartheid" lâu cả thế kỷ thì lại rơi ngay vào hiểm họa chiến tranh bộ lạc cùng màu da giữa người da đen bộ lạc Zulu và người da đen thuộc các bộ lạc khác thuộc đảng đa số African National Congress (ANC). Sau hơn ba-mươi năm nỗ lực đoàn kết thống nhất qua ngôn ngữ thuộc địa (dùng Anh ngữ của nước mẹ ngày trước) ngày nay Nigeria muốn thử nghiệm với ý kiến dùng nhiều ngôn ngữ bộ lạc —với mối đe dọa là nước này sẽ nổ tung thành nhiều mảnh bộ lạc với ngôn ngữ khác nhau. Ngay cả Saddam Hussein (Iraq) cũng hưởng lợi rất nhiều vì đe dọa Jihad nội bộ sau khi dùng chiến tranh liên tục giữa các bộ lạc và giáo phái để biến những kẻ thù ngày xưa thành đồng minh miễn cưỡng để củng cố một quốc gia Iraq —mà chính ông đã gần tiêu hủy hoàn toàn.

Chủ nghĩa cộng sản qua đi cũng bóc luôn lớp véc-ni mỏng che chở phong trào cộng sản quốc tế ("Công nhân thế giới hãy nắm tay đoàn kết!" chắc nhiều người còn nhớ) để cho thấy những thành kiến về sắc tộc không những sâu xa và xấu xa mà còn mỗi lúc một đẫm máu nữa. Thành kiến chống Do-Thái lâu đời ở châu Âu trở lại một cách hùng hồn mạnh mẽ hơn bao giờ hết; nhưng đây chỉ là một trong những mâu thuẫn mà thôi. Người ta khó có thể sang số lùi để đi từ cộng sản độc tài trở ngược lại tình trạng bộ lạc.

Giữa những bộ lạc, tôn giáo cũng là bãi chiến trường. "Jihad" là một từ rất sung mãn về ý nghĩa. Nói chung chung nó có nghĩa là "tranh đấu" — thường là tranh đấu trong nội tâm để tránh khỏi những gì xấu xa u tối. Áp dụng vào chiến tranh tôn giáo, Jihad được dùng để chỉ những tranh đấu khi tôn giáo bị đe dọa, hay đấu tranh chống lại nhà cầm quyền ngăn cấm nghi lễ Hồi-giáo — đây là ý nghĩa dựa theo lịch sử và những ghi nhận của báo chí. Nhìn lại Chiến-tranh Ba-mươi-năm cách đây mấy trăm năm: bao nhiêu ý nghĩa phổ thông đã bón xới những tôn giáo độc thần như Do-Thái-giáo, Ki-tô-giáo, Hồi-giáo ngày nay đều trở thành hẹp hòi, nhỏ nhen, giận hờn hơn là yêu thương, truyền giáo hơn là truyền giảng ý nghĩa tôn giáo, sân si hơn là hợp lý, phe phái hơn là tâm linh, phân biệt chủng tộc hơn là bao quát và bao dung. Kết quả là, chẳng khác gì tinh thần quốc gia cực đoan, những phát hiện bề ngoài của tôn giáo chính thống ngày nay đều có tính cách chia rẽ, xung khắc và không qui tụ đồng hóa chút nào. Đây chính là tôn giáo như thời Thập-tự Thánh-chiến thời Trung-cổ: một tranh chấp ráo riết để giành lấy phần hồn nếu không được cứu rỗi sẽ hoàn toàn bị mất đi mãi mãi.

Khung cảnh Jihad đưa đế kết quả là không còn có liên đới tương nhượng nhân danh nguồn cội gốc gác; không còn sống chung hòa đồng nhân danh cộng đồng nhỏ hẹp. Bang giao giữa các nước trên thế giới đôi khi chẳng khác mấy cung cách của những liên hệ băng đảng côn đồ, chứ không phải giữa các nước với nhau. Ngày nay có những tranh chấp vì địa giới văn hóa mang đầy tính cách phe nhóm bộ lạc mà bình thường người ta phải vượt qua để hội thành một phần của toàn thể, như những nước hậu thuộc địa với hiến pháp và kích thước quốc gia.

I. BẦU TRỜI DÂN-CHỦ ẢM-ĐẠM

Những chi tiết sống động ngoạn mục kể trên không cho thấy bức tranh toàn diện. Cho dù có rất nhiều những khiếm khuyết Jihad và McWorld không thiếu gì nét quyến rũ. Tuy nhiên phải nhấn mạnh là những quyến rũ này hoàn toàn không dính dáng gì đến lý tưởng hay nếp sống dân chủ cả. Cả Jihad lẫn McWorld không phát khởi từ dân chủ tự do. Cả hai đều không cần dân chủ tự do; cả hai đều không cổ võ đòi hỏi dân chủ tự do.

McWorld trông bề ngoài có nhiều hấp dẫn hơn trong một thế giới ám ảnh bởi Jihad. Nó mang lại hòa bình, thịnh vượng và đoàn kết tương đối — nếu không có cái giá phải trả là mất độc lập, cộng đồng và nguồn gốc đặc thù (nói chung là cộng đồng đặt căn bản trên những khác biệt đặc thù). Những giá trị chính trị tiên quyết thị trường thế giới đòi hỏi là trật tự và yên ổn, và tự do — như trong "tự do mậu dịch," và "tự do yêu đương." Nhân quyền cũng cần thiết ở một mức thấp, nhưng chẳng cần tinh thần công dân hay tham dự hợp tác —và công bằng nhân ái cũng chỉ cần vừa đủ để giúp sản xuất và tiêu thụ hữu hiệu.hơn. Những siêu công ty toàn cầu thường thích làm ăn qua lại với những lãnh chúa độc tài địa phương một cách trực tiếp, nhất là khi liên quan đến những phương diện quan trọng. Những tay độc tài khát máu giết dân như ngoé cũng không thành vấn đề nếu họ để yên cho thị trường hoạt động và đừng gây hấn với láng giềng (ông Saddam Hussein vi phạm lỗi nặng này khi tấn công Kuwait, và đã và đang lãnh những hậu quả nặng nề). Giữa những bạn hàng với nhau tránh những ngạc nhiên bất ngờ còn quan trọng gấp bội công lý.

Cuộc "cách mạng" xoá bỏ cộng sản chủ nghĩa ở Đông-Âu lúc đầu như dựa trên những ưu tư về giá trị dân chủ, chẳng bao lâu biến hóa thành một cuộc chạy đua ráo riết về hướng thị trường tự do đi song song với những shopping mall có TV đứng sau lưng, phía trước và chung quanh cổ động ào ạt. Nhóm Neues Forum (Diễn-đàn Mới), một tập hợp can đảm bao gồm những trí thức, sinh viên và lao động từng lật đổ chế độ độc tài kiểu Stalin ở Bá-Linh, Đông Đức năm 1989, chỉ sống sót có sáu tháng trong môi trường McWorld loại nhỏ trong nước Đức thống nhất. Sau đó nhóm này bị thế chân bởi tiền bạc, thị trường và những độc quyền từ phía Tây phương. Tới kỳ bầu cử toàn nước Đức đầu tiên nhóm này chỉ thu được chưa đến ba phần trăm số phiếu. Ở những nơi khác càng ngày càng rõ rệt là "cởi mở" được thay thế bằng "đổi mới" —được định nghĩa một cách giản dị là tư hữu hóa và mở rộng cửa thị trường cho những nhà thầu khoán Tây phương. Dĩ nhiên là những lãnh tụ mới ở Đông-Âu , và tất cả những tổng hợp gom nhặt lại từ những cặn bã của Liên-bang Xô-viết xưa, vô cùng lo lắng bận rộn với công cuộc thu góp credit, thị trường và kỹ thuật —những đơn vị thương mại của McWorld— đến độ họ sẵn sàng gạt qua một bên mọi triển vọng dân chủ để đổi lấy những thứ này. Họ bỏ rơi không những ý thức hệ chuyên chế và khuôn mẫu kinh tế chỉ huy cũ kỹ mà còn cả một số thí nghiệm địa phương nhằm tìm kiếm một con đường thứ ba giữa xã hội chủ nghĩa và tư bản, như hợp tác xã kinh tế và chương trình phân phát cổ phần cho nhân viên —cả hai đều được giới trí thức châu Âu ủng hộ nhiệt thành.

Jihad cung cấp một hệ thống giá trị khác hẳn: một thứ "căn cước" địa phương đầy ma lực, một ý thức cộng đồng, đoàn kết gắn bó giữa người cùng chủng tộc, xóm giềng và dân cùng nước — hoàn toàn đặc thù riêng biệt. Nhưng nó cũng đưa đến tinh thần bè phái và đặt căn bản trên việc gạt bỏ khác biệt ra ngoài. Đoàn kết gắn bó thường được củng cố qua chiến tranh chống lại bên ngoài. Và đoàn kết gắn bó thường có nghĩa là phải tuân phục một hệ thống cai quản chặt chẽ, niềm tin mù quáng và hủy diệt cá tính nhân danh phe nhóm, cộng đồng. Tôn thờ lãnh tụ và khắc nghiệt với người ngoài nhóm (và "kẻ thù nội bộ") là nét điển hình của chủ nghĩa bộ lạc —hoàn toàn lạnh nhạt với thái độ cần thiết để uốn nắn người dân tập tành lối sinh hoạt dân chủ. Ở bất cứ nơi nào có thí nghiệm dân chủ giữa xã hội tái bộ lạc hóa, ở cả châu Âu lẫn Thế-giới Thứ Ba, kết quả thường thấy nhất là hỗn loạn, áp chế, tàn sát, và sự tái xuất hiện của những chế độ chuyên chế cũ xưa hơn cả cộng sản. Trong năm 1991, cuộc cách mạng nhẹ nhàng của Tổng thống kiêm nhà văn Vaclav Havel ở Tiệp-Khắc bị tiêu diệt bởi những

người chủ trương đất riêng cho người Czech. Ấn-Độ ngày nay trông không khác mấy Ấn-Độ ngày sau độc lập (1948) với người đạo Sikh, Ấn-giáo, Hồi-giáo và Tamil chực rình chém giết nhau.

Nếu như Jihad có một chính trị tự nhiên nào đó thì thứ chính trị này là phản chính trị hơn hết. Đối với McWorld nó là một thứ phản chính trị kiểu toàn cầu hóa —với đầy tính cách thư lại, tôn trọng giới kỹ thuật và chú tâm (như Marx đã tiên đoán) vào chuyện quản trị mọi thứ (tuy nhiên người vẫn là thứ cần quản trị hơn hết). Trong những khía cạnh kinh tế-chính trị McWorld được hướng dẫn bởi những nguyên tắc thị trường tư bản tự do đặt để, khả năng sản xuất và mức độ hữu hiệu lên trên dân quyền và quyền tự chủ dân tộc.

Đối với Jihad cái phần chính trị nằm trong bộ lạc hóa mang rõ nét phản dân chủ: độc tài độc đảng, chính quyền quân sự, tôn giáo chính thống cực đoan —thường được gắn bó với hình thức Đức quốc-xã ngày xưa— cho phép một cá nhân cai quản khắc nghiệt nhân danh toàn thể dân chúng. Ngay cả chính quyền ở Ấn-Độ —cả bao thập niên nay theo đuổi khuôn mẫu dân chủ cho một dân số đã đến hàng tỉ người— cũng mơ ước có lãnh tụ vĩ đại; và cho từng lãnh tụ vĩ đại Mahatma Gandhi, Indira Gandhi, hay Rajiv Gandhi đã bị ám hại bởi những tay sát nhân cuồng tín dân chúng Ấn lại mơ ước có những lãnh tụ thay thế để cứu vớt họ ra khỏi những nhọc nhằn theo đuổi dân chủ kéo dài.

II. GIẢI-PHÁP LIÊN-HỢP

Làm sao để dân chủ có thể được duy trì và phát triển rộng rãi trong một thế giới rất là lạnh nhạt với dân chủ (McWorld) hoặc rất là mâu thuẫn với dân chủ (Jihad)? Có lẽ thương mại toàn cầu ngày nào đó sẽ thắng tái bộ lạc hoá. Kinh nghiệm cho thấy "văn minh" vật chất khó thể mà ngăn cản được. Ortega y Gasset có lẽ đã nhận thức rõ rệt điều này ngay từ thập niên 1920 khi ông viết về tương lai thế giới trong kỷ nguyên mới: "Ai cũng nhìn thấy nhu cầu có một nguyên tắc mới cho đời sống. Nhưng giống như vẫn xảy ra trong mọi khủng hoảng tương tự: một số người sẽ cố giải quyết vấn đề bằng nỗ lực nhân tạo ráo riết thúc đẩy chính những nguyên tắc đã gây ra đổ vỡ tan hoang. Đây chính là nguyên nhân của cơn sốt 'quốc gia' những năm gần đây đại khái vẫn là như vậy. Cái bùng lên cuối cùng là cái dài nhất; cái thở dài cuối cùng là cái đậm đà nhất. Ngay trước khi biên cương bị xóa bỏ đã có ngay nhiều nỗ lực củng cố biên cương —cả quân sự và kinh tế."

Jihad có thể là cái thở dài cuối cùng trước cái ngáp lâu dài của McWorld. Mặt khác, Ortega Y Gasset không hẳn đã nhìn xa trông rộng; tiên đoán của ông về hòa bình và đại đồng thế giới xảy ra ngay trước khi Đức-Quốc-xã tấn công chớp nhoáng khắp châu Âu, thế chiến và dân Do-Thái lưu đầy vào trại tập trung xé tan nát trật tự thế giới cũ. Nhưng dân chủ là cách chúng ta phản đối thực tế, là lời khiển trách mà những ước vọng của chúng ta dành cho lịch sử. Và nếu tái bộ lạc hoá có xung khắc với dân chủ ta vẫn còn một hình thức chính quyền dân chủ có thể bao gồm cả tương phản lẫn đại đồng, một hình thức dân chủ có thể chữa những khiếm khuyết của cả hai và khiến cả hai khoan dung, rộng rãi hơn và hòa hợp hơn: một chế độ dân chủ tản quyền với tham dự đông đảo của mọi lớp người. Và cho dù McWorld có lạnh lùng với dân chủ vẫn có một hình thức dân chủ khá thích hợp với thị trường toàn cầu: chính quyền với đại biểu của dân chúng qua hình thức liên bang hay liên hợp.

Với đòi hỏi chính quyền phải có tinh thần trách nhiệm, bảo vệ các nhóm thiểu số trong xã hội, tinh thần thượng tôn luật pháp, hệ thống chính quyền đại biểu liên hợp sẽ đáp ứng được nhu cầu chính trị của McWorld, chẳng kém gì hệ thống thư lại hạn chế hay những nhóm ưu tú ưu quyền đang làm được hiện nay. Như ta bắt đầu thấy hiện nay,nhiều nước có thể sẽ sống sót lâu dài như những liên hợp với khả năng cho phép các khu vực địa phương nhỏ bé hơn "quốc gia" quyền cai trị. Người theo đuổi dân chủ trong thế kỷ 21 không đọc Hiến-pháp Mỹ hay Tuyên-ngôn Nhân-quyền và Dân-quyền của Pháp, nhưng cần phải đọc Luật-lệ Liên-hợp (Articles of Confederation), một tài liệu lịch sử khi 13 thuộc địa đầu tiên ở Bắc Mỹ nhập lại với nhau từ những liên hệ lỏng lẻo giữa những bang độc lập —một tài liệu ngày nay lại có vẻ hợp thời như kinh nghiệm liên hợp của nước Nga với các cộng hòa mới thời Thủ tướng Boris Yeltsin, hay kinh nghiệm Liên-hợp châu Âu (European Union).
Theo chiều hướng suy nghĩ trên, hình thức dân chủ tham gia và dân chủ trực tiếp đòi hỏi dân chúng tham dự sinh hoạt chính quyền và phán đoán quyết định chung, chứ không chỉ đi bầu và chọn lựa người đại diện có trách nhiệm. Đây là "dân chủ mạnh" đáp ứng được nhu cầu chính trị của những cộng đồng tản quyền không kém gì những chính quyền độc tài tôn giáo hoặc quốc

xã. Những xóm giềng địa phương không cần dân chủ, nhưng có thể rất dân chủ. Dân chủ thực sự đã sống mạnh ở môi trường nhỏ bé: tinh thần dân chủ tự do, như Alexis de Tocqueville viết, có nhiều tính chất địa phương. Dân chủ tham gia, như trái ngược hoàn toàn với bộ lạc hoá, có cái hấp dẫn không chối cãi được trong những môi trường chia cắt bè phái.

Tuy nhiên, dân chủ dưới mọi hình thức như kể trên đều sẽ bị cản trở bởi xu hướng phản dân chủ hay chống đối dân chủ hẳn hoi như McWorld và Jihad. Để cho dân chủ sống sót trong cái McWorld sắp đến chúng ta phải có hành động với ý thức chính trị rõ rệt —một cái khả dĩ nhưng không chắc là khả thi trong điều kiện McWorld. Ý thức chính trị đòi hỏi nhiều hơn là một giải pháp nhanh gọn cho những đổi thay về định chế. Giống như chuyển nhượng kỹ thuật, đổi thay định chế dựa trên ý thức sai lạc về một thế giới hoàn toàn đồng hoá theo kiểu các quan lớn thuộc địa ngày xưa mơ tưởng. Ví dụ như chuyển công lý kiểu Anh đến thuộc địa bằng xuất khẩu những áo chùng đen và tóc giả đội đầu (kiểu các quan tòa và luật sư Anh) đến thuộc địa; cho công ty thương mại Anh East India Company ở Ấn-Độ cư xử như một thứ tiền phương của hệ thống cai trị bằng quốc hội dân cử. Ngày nay những người muốn giải quyết nhanh cục diện thế giới nằm trong những định chế như National Endownment for Democracy và Kennedy School of Government vây tỏa Hoa-thịnh-đốn , các nghiệp đoàn to lớn, các foundation giàu có và đại học tiếng tăm này nọ đang hồ hởi vun xén những liên hệ với Đông-Âu, Thế-giới Thứ Ba với hy vọng sẽ dân chủ hóa được những khu vực này từ điểm đứng xa xôi trên đất Mỹ. Gởi qua bưu điện một quốc hội đến cho Bảo-Gia-Lợi. Gởi tốc hành qua hệ thống Fed Ex bản dân quyền Bill of Rights cho Tích-Lan. Đánh giây cable bộ luật Common Law cho Cam-bu-chia. Nhưng Đông-Âu đã chứng minh cho thấy là nhập cảng những đảng chính trị, quốc hội và báo chí tự do không thể đưa đến xã hội dân chủ; đặt để kinh tế thị trường trên vùng này có thể đưa đến những hậu quả ngoài ý muốn. Cây dân chủ mọc từ dưới lên và không thể đặt để từ trên xuống. Xã hội dân chủ tự do phải được xây dựng từ trong ra ngoài chứ không phải từ ngoài vào trong. Thượng tầng kiến trúc gồm các định chế đến sau chứ không nhập cảng sẵn được. Ba-Lan có thể thành nước dân chủ, nhưng cũng có thể nước này chịu khó nghe lời Giáo-hoàng La-Mã gốc người Ba-Lan và xây dựng nền móng chính trị đặt trên căn bản Cơ-đốc, tôn giáo lớn nhất ở đây, với nhiều hậu quả có thể là bất lợi cho tự do dân chủ. Bảo-Gia-Lợi cũng có thể dân chủ, nhưng nước này cũng có thể muốn chiến tranh bộ lạc. Liên-bang Xô-viết cũ có thể thành một liên bang dân chủ, hay cũng có thể thành một tập hợp yếu đuối và hỗn loạn với những thị trường mầu mỡ cho sản phẩm và dịch vụ từ nước ngoài vào.

Người muốn có dân chủ phải dựa vào những thao thức ước vọng dân chủ nội tại. Lúc nào cũng có ước vọng tự chủ, một số hình thức tham gia của dân chúng, trách nhiệm, thỏa thuận và đại diện ngay cả ở những xã hội trên dưới chặt chẽ. Những ước vọng này phải được tìm nhận ra, khuyến khích, sửa đổi, và nhập với nhau thành thói quen dân chủ với hương vị màu sắc địa phương. Những con rùa chậm chạp dân chủ hóa có thể cuối cùng sẽ sống lâu và đi xa hơn là những con thỏ vồ vập, vì chúng sẽ có thời gian và kiên nhẫn để khám phá thử nghiệm những đường lối điều kiện khác nhau trên đường đi, và có thể kiểm soát được tốc độ di chuyển của chính mình tùy theo môi trường chung quanh. Bi đát thay, dân chủ vội vàng trông rất là luộm thuộm như thí nghiệm ở nước Pháp năm 1794 (Đệ nhất Cộng-hoà khát máu ngay sau cách mạng 1789) và nước Tầu năm 1989 (ai cũng còn nhớ thảm sát sinh viên thanh niên đòi dân chủ tự do ở quảng trường Thiên-An).

Có thể nói là lý tưởng dân chủ hấp dẫn nhất —bên cạnh những hiện thực tàn bạo của Jihad và hiện thực buồn nản của McWorld— sẽ là một tập hợp những cộng đồng bán-tự-chủ nhỏ bé hơn kích thước quốc gia, kết lại với nhau thành hiệp hội kinh tế và thị trường vùng rộng lớn hơn quốc gia —tham gia và tự chủ trong các vấn đề địa phương ở mức gốc với tính chất đại diện và tinh thần trách nhiệm ở mức ngọn. Quốc gia sẽ nắm vai trò nhỏ bé hơn và quyền cai trị sẽ bớt tính cách bó buộc hơn. Khẩu hiệu của Phong-trào Môi-sinh Green, "Suy nghĩ ở mức toàn cầu; hành động ở mức địa phương," có lẽ phản ánh rõ rệt cung cách hành xử chính trị tương lai.

Những trình bày ở trên chỉ là một viễn tượng khó có cơ thành tựu trong thực tế ngày nay. Tự do, như Jean-Jacques Rousseau từng viết, là một món rất dễ ăn nhưng khó tiêu hóa được. Nhưng, dầu có như vậy dân chủ vẫn vượt qua được nhiều trở ngại. Và dân chủ vẫn vừa là một hình thức có nghĩa lý không kém McWorld, vừa là một niềm tin không có tính cách tôn giáo nhưng đầy hứng khởi như Jihad.

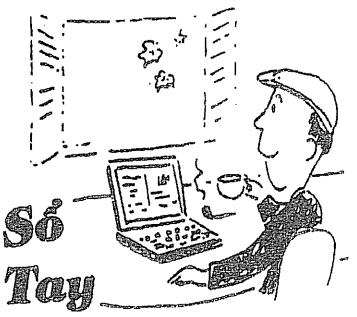

NGÔ NHÂN DỤNG

QUỐC HỘI MỸ CHỐNG KHOAI TÂY

Quốc hội Mỹ không biết làm gì trong cuộc chiến ở Iraq ngoài hành động biểu quyết ngân sách 75 tỷ mỹ kim, nên quay ra bầy tỏ thái độ đối với Tổng thống Pháp Jacques Chirac: Trên bản thực đơn của quán ăn tại Hạ viện, điện Capitol, món khoai tây chiên thường được gọi là "French Fries" (Món Chiên kiểu Pháp) đã được đổi tên thành "Freedom Fries" (Món chiên của Tự do.) Quyết định trên không được đưa ra thảo luận, không ai đòi triển hạn, không cần bỏ phiếu, và chắc chắn không ai có quyền phủ quyết. Chỉ cần một người quyết định là đủ, đó là Dân biểu Bob Ney, đảng Cộng Hòa, tiểu bang Ohio, chủ tịch ủy ban Hành chánh nội bộ của Hạ viện, quán ăn thuộc thẩm quyền của ủy ban này. Ông Ney vốn gốc là dòng dõi người Pháp, tổ tiên chắc có họ với Thống chế Michel Ney của hoàng đế Napoléon, cho nên không thể nói ông kỳ thị người Pháp. Ông lại nói tiếng Pháp rất giỏi. Nếu bắt chước Dân biểu Ney thì chắc thành phố Santa Ana cũng phải đổi tên con đường French St. ở khu trung tâm, nhất là đường đó lại ở gần Bush St.!

Không biết quốc hội Mỹ sẽ bầy tỏ thái độ nào khác về rượu champagne (dù chế tạo ở Mỹ nhưng vẫn mang tên một vùng trồng nho ở Pháp,) các món phó mát Camembert hay Brie, croissant (mang hình lưỡi liềm biểu tượng của Hồi Giáo, bây giờ rất dễ bị tình nghi), hoặc French kisses (hôn kiểu Tây Đầm, Oh la la!) Nghị sĩ Robert Byrd, Dân Chủ, West Virginia chỉ lắc đầu, nhắc nhở mọi người rằng ngay sau ngày 11 tháng Chín năm 2001, báo Le Monde bên Pháp đã đăng hàng tựa lớn: "Nous sommes tous Americains," Tất cả chúng ta là người Mỹ, để bầy tỏ tình đoàn kết với dân tộc Hoa kỳ sau vụ thảm sát ở New York. Tòa Đại sứ Pháp ở Washington miễn bình luận, chỉ xin mọi người lưu ý rằng món khoai tây chiên đó phát xuất từ nước Bỉ, người Pháp vẫn lấy đó làm đề tài chế riễu người Bỉ (một giống người mê khoai chiên!) Tên gọi french fries là do người Mỹ đặt ra, cũng như họ gọi cái xúc xích frankfurter (gốc thành phố Frankfurt) là hot dog! Nếu Trung Quốc cũng phủ quyết dự thảo nghị quyết đánh Iraq của Anh và Mỹ thì không biết Dân biểu Ney có ra lệnh bỏ luôn món "Chinese Take Out" hay không?

Đức Giáo Hoàng lên án chiến tranh

Trước khi chiến tranh Iraq bắt đầu đức Giáo Hoàng Gioan Phao lô II đã tuyên bố nước Mỹ không có lý do hợp pháp và chính đáng đánh Iraq nếu chưa thử hết các biện pháp hòa bình. Khi chiến tranh bắt đầu, đức Giáo Hoàng nói cuộc chiến Iraq đe dọa loài người, vì "Bạo lực và vũ khí không thể nào giải quyết được các vấn đề của nhân loại." Người ta có thể hiểu được thái độ của đức Giáo Hoàng khi ngài bầy tỏ mối quan ngại là cuộc chiến sẽ gây tai hại cho mối tương quan giữa những người Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Ngài nhìn cuộc chiến đang diễn ra dưới con mắt lịch sử lâu dài hơn các các nhà chính trị thế tục.

Cuộc chiến tranh Iraq lần này có thể sẽ khích động cả thế giới Hồi Giáo trong một vài thế hệ tới, nếu nước Mỹ không giúp giải quyết vấn đề Palestine sau chiến tranh. Nhưng đối với các nhà lãnh đạo tôn giáo, từ Đức Giáo Hoàng tới các vị đứng đầu Giáo hội Anh quốc, và nhiều giáo phái Tin lành, thì trí nhớ của họ phải đưa về xa hàng ngàn năm trước.

Người Á rập và người Hồi Giáo khắp thế giới có thể bị các nhóm quá khích tuyên truyền để nhìn cuộc chiến Iraq hiện nay như phần tiếp tục của những cuộc thánh chiến bắt đầu một ngàn năm trước đây, từ năm 1095 khi các đạo quân Thập tự (crusades) tiến sang Trung Đông với mục đích tái chiếm thành phố Jerusalem thiêng liêng của cả ba tôn giáo, các cuộc chiến đó kéo dài tới thế kỷ 13 mới hết. Mối hận thù nhuốm mầu sắc chủng tộc và tôn giáo còn được nhắc lại thêm qua hành động các nước thực dân đi chiếm thuộc địa từ thế kỷ 19, đặc biệt là ở vùng Trung Đông từ đầu thế kỷ 20 khi đế quốc Hồi Giáo Ottoman tan rã. Và sau đó, các nước Tây phương đã bảo trợ nhiều chế độ độc tài lạc hậu, tìm cách kiểm soát tài nguyên dầu lửa từ vùng Trung Đông cho tới các nước Iraq, Iran từ đầu thế kỷ 20 đến nay.

Ở ngôi vị Đức Giáo hoàng chắc ngài phải thấy ngọn lửa căm thù dễ dàng đội danh nghĩa tôn giáo đó khi được thổi bùng lên còn đe doạ người dân các nước Âu Mỹ và đe doạ an ninh

thế giới nhiều hơn những thứ vũ khí hoá học và vi trùng của ông Hussein.

Lập trường của Toà thánh Vatican muốn chứng tỏ cho thế giới Hồi Giáo thấy rằng Giáo hội La Mã không liên can đến cuộc chiến hiện nay.

Trong khi đó ở nước Mỹ một số nhà lãnh đạo Tin lành bảo thủ sẵn sàng coi đây là một cuộc thánh chiến.

Khi Tổng thống Nasser ở Ai Cập quốc hữu hoá kênh đào Suez, nguồn lợi kinh tế quan trọng nhất xứ ông, hai nước Anh và Pháp đã cùng Israel tiến chiếm kênh Suez. Lúc đó Tổng thống Mỹ Eisenhower đã phản đối kịch liệt cuộc xâm lăng trắng trợn này, và Liên Hiệp Quốc bắt quân Anh, Pháp rút lui. Từ sau cuộc chiến đó, thế giới Á rập bắt đầu bừng tỉnh với tinh thần "ái quốc liên Á rập," vượt trên biên giới những quốc gia giả tạo. Ông Nasser trở thành thần tượng của thế giới Á rập. Thế hệ ông Saddam Hussein lớn lên trong tinh thần đó. Nhưng đảng Baath của ông Hussein không có thiện cảm với những giáo sĩ cuồng tín, có thể tranh giành ảnh hưởng của họ.

Nhiều chế độ bảo thủ ở các nước Á rập khác đã đàn áp phong trào thế tục này. Các vua chúa Á rập thỏa hiệp và dung túng cho các giáo sĩ cổ hủ. Tôn giáo là định chế độc lập duy nhất trong xã hội công dân, thường độc quyền về giáo dục. Chính các giáo sĩ cổ hủ này đã khơi dậy tinh thần Hồi giáo cực đoan, thu hút đám thanh niên bất mãn, thay thế cho phong trào cách mạng có tính thế tục bằng tinh thần thánh chiến, tử vì đạo. Bốn chục năm sau, trong phong trào đó nẩy ra những người như Osama bin Laden và đám đệ tử của ông ta.

Đám thanh niên Á rập cảm thấy bất lực không thay đổi được xã hội của họ, họ hướng lòng thù hận vào Israel rồi vào nước Mỹ. Ngay những nước thân Mỹ cũng dung dưỡng các nguồn tài trợ cho khủng bố, để xoa dịu lòng dân. Osama bin Laden đã "tư nhân hoá" phong trào khủng bố bằng gia tài của mình. Ông ta phản đối việc chính phủ Á rập Sau đi cho quân Mỹ đóng ở xứ này sau năm 1991 vì lãnh thổ Á rập Sau đi có những thánh địa Hồi Giáo. Ông ta bị tước bỏ quốc tịch Sau đi, trốn đi và lập phong trào Al Qaeda.

Chế độ tàn bạo của Saddam Hussein ở Iraq sau năm 1991 là nguyên cớ khiến các nước Sau đi và các tiểu vương quốc như Qatar, Bahrain phải mời quân Mỹ đóng lại bảo vệ chế độ của họ. Nay mai quân đội Mỹ sẽ còn phải đóng tại Iraq không biết bao giờ mới rút đi. Nhiều người Á rập và Hồi Giáo cực đoan sẽ khích động khối người Hồi giáo ở khắp thế giới chống Israel và chống Mỹ. Họ sẽ lợi dụng, khơi dậy mối căm thù hàng ngàn năm qua để đạt mục đích của họ. Và đó là điều mà những nhà lãnh đạo Thiên Chúa giáo như đức Giáo Hoàng Gioan Phao lô II lo ngại.

NGƯỜI MỸ KHÔNG HIỂU DÂN Á RẬP

Nhiều chính phủ Á rập thân hữu của Mỹ đang tìm cách tách họ ra khỏi hình ảnh nước Mỹ trong cuộc chiến Iraq. Hơn 20 nước trong Liên đoàn Á rập đã bỏ phiếu yêu cầu Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc ra lệnh quân Anh, Mỹ rút khỏi Iraq. Quốc gia duy nhất không đồng ý là Kuwait, nước đã bị ông Saddam Hussein xâm chiếm năm 1990 rồi được quân Mỹ giải phóng, và là nơi 170 ngàn quân Anh, Mỹ mới phát xuất tấn công vào Iraq. Tổng thư ký Liên đoàn Á rập, ông Amr Moussa nói rằng Liên đoàn quyết định ủng hộ dân Iraq sau khi thấy họ kháng cự quân Mỹ có hiệu quả, thay đổi chiều hướng chiến cuộc. Ông Moussa người Ai Cập, một nước đã gửi nhiều quân tham chiến trong trận đánh giải phóng Kuwait năm 1991. Năm nay, Ai Cập chỉ cộng tác bằng cách cho phép Mỹ sử dụng kênh đào Suez chuyển quân và dùng không phận Ai Cập trong cuộc chiến.

Các tiểu vương quốc Á rập Emirates Thống nhất (UAE) cũng cộng tác tối thiểu với Mỹ lần này, cho phép bay qua không phận của họ. Nhưng tại Dubai, một trong bẩy nước đó, đài truyền hình vệ tinh cho chạy chương trình "Anh em chúng ta tại Iraq," trong đó chiếu hình ảnh những xác trẻ em cháy và cảnh máy bay Mỹ oanh tạc Baghdad. Đài này vận động dân Á rập khắp nơi góp tiền cứu trợ dân Iraq, và thu được hàng triệu mỹ kim.

Nếu cuộc hành quân của Mỹ không kết thúc chế độ Saddam Hussein nhanh chóng và nếu sức kháng cự của quân Iraq gia tăng thì tâm lý dân Á rập sẽ còn được khích động, hướng về chính quyền Hussein nhiều hơn. Dân Á rập khắp nơi ngạc nhiên và thán phục khi quân Iraq chống cự mạnh mẽ ở Umm Qasr, một thành phố hải cảng với mấy ngàn dân, kéo dài cả tuần lễ trước khi bị quân Mỹ khuất phục. Họ cũng không ngờ quân Iraq đã gây tổn thương cho 50 lính thủy quân lục chiến Mỹ ở ngoài thành phố Nasiryah trên đường tiến về Baghdad. Giáo sư Abdulhaleq Abdullah thuộc Đại học Emirates nhận xét: "Sự kháng cự của người Iraq tạo nên một niềm hãnh diện trong dân chúng Á rập." Một nhà bình luận người Libanon, ông Khatoun Haidar nhận xét: "Basra giống như một tia chớp mang lại cho người dân ngoài phố các nước

Á rập một niềm hãnh diện và ý thức quyền lực của họ."

Tâm lý chống chiến tranh của dân Á rập và Hồi Giáo ở các nơi được các đài truyền hình nuôi dưỡng, với những chương trình 24 trên 24 giờ về tin tức chiến sự. Ông Ehap al Ali, một người Palestine 34 tuổi, chủ một tiệm đồ chơi trẻ em ở Jerico cho biết càng coi ti vi ông ta càng nổi giận. "Nếu làm được thì tôi sẽ sang chiến đấu cùng với người Iraq," ông Ali nói với phóng viên báo Wall Street Journal, "Saddam không đến nỗi xấu xa như chính phủ Mỹ mô tả mà cũng không tốt đẹp như chính phủ Iraq nói. Nhưng vấn đề không phải ở chỗ đó. Có một quy tắc lớn hơn, là chúng tôi có bổn phận đánh trả người ngoại quốc xâm lăng một quốc gia Á rập." Các hình ảnh tàn phá trên truyền hình khiến cho một số giáo sĩ Hồi Giáo ở Á rập Sau đi ra "thánh lệnh" (fatwa) cho phép người Á rập được tấn công binh sĩ Mỹ ở bất cứ nơi nào trên đất Á rập. Saudi là một nước đồng minh của Mỹ, có 10,000 lính Mỹ đóng từ năm 1991 và là quê hương của ông Osama bin Laden cũng như 15 trong số 19 tay không tặc khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001. Ông Mohsen al Awajy, một học giả về Hồi Giáo, đã từng bị chính phủ Sau đi cầm tù, nhận định: "Nếu chiến cuộc kéo dài thì giới thanh niên sẽ không ngồi yên được nữa." Rồi vị giáo sĩ cao cấp nhất ở Syrie cũng ra lệnh giết người Mỹ ở Iraq và bất cứ nơi nào.

Ở Syria có hàng trăm ngàn người biểu tình chống Mỹ và chống cả quốc vương Abdullah xứ Jordan đã để cho quân Mỹ dùng nước ông tiến đánh vào Iraq, gọi ông là một tay sai của người Do Thái. Hàng ngàn người Iraq đang sống ở Jordan đã lên đường trở về xứ để đánh Mỹ. Tại nhiều nước Á rập khác có phong trào tuyển mộ quân tình nguyện đi giúp Iraq. Ở Lebanon và Algérie có những thanh niên xếp hàng trước tòa đại sứ Iraq để ghi danh tình nguyện. Các nước Bắc Phi cũng bắt đầu sôi động như các nước Trung Đông. Một đoàn quân tình nguyện của các nghiệp đoàn ở Tunisie đã sang Iraq. Một nhóm người Hồi Giáo ở Jakarta, thủ đô Indonesia cũng tuyển mộ quân tình nguyện cho Iraq. Nhiều nhân viên các cơ quan viện trợ Mỹ ở Jakarta đã được di chuyển về Washington.

Điều nguy hiểm cho hình ảnh nước Mỹ ở thế giới Hồi Giáo là người dân bắt đầu nhìn cuộc chiến tranh của Anh, Mỹ không khác gì cuộc xâm lăng Afghanistan của Liên xô trước đây hơn 20 năm, hay hành động của chính phủ Serbia tấn công xứ Bosnia đa số theo Hồi Giáo.

Đối với khán giả truyền hình Mỹ thì hình ảnh tiêu biểu tuần lễ đầu tiên của chiến cuộc là cảnh các chiến xa Mỹ chạy băng qua sa mạc như chỗ không người. Nhưng trên một tờ nhật báo, al Hayat của Á rập Sau đi thì một nhà bình luận viết, "Hình ảnh các xác chết của thường dân ở Basra và hình ảnh các binh sĩ Mỹ bị bắt ở Nasiryah là tiêu biểu cho mấy ngày đầu cuộc chiến." Ngay tại Thổ Nhĩ Kỳ, một nước Hồi Giáo không thuộc giống Á rập, dân chúng cũng vui mừng hoan hô khi quân đội Mỹ nhổ trại ra khỏi căn cứ quân sự Mỹ ở thành phố Nusaybin. Đó là một trong nhiều doanh trại mà quân Mỹ đã được phép xây dựng từ trước, tính để đón 62 ngàn binh sĩ Mỹ mượn đường Thổ Nhĩ Kỳ vào đánh Iraq từ phương Bắc. Sau cùng quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ đã bác bỏ việc cho mượn đường đó khiến quân Sư đoàn 4 Bộ binh Mỹ phải đi từ Địa Trụng Hải xuống phía Nam vòng lên Kuwait, mất thêm hai tuần lễ nữa mới nhập trận.

Tinh thần chống Mỹ của dân Á rập khắp nơi có thể sẽ nguội bớt khi chính quyền Saddam Hussein sụp đổ, và nếu dân chúng Iraq được tự do sẽ hoan nghênh quân Anh, Mỹ. Cho tới khi quân Mỹ đang tiến gần Baghdad 80 cây số, nhiều người dân ở miền Nam nơi quân Mỹ đã đi qua vẫn còn tỏ thái độ thù nghịch. Người dân miền Nam Iraq theo đạo Hồi giáo phái Si Ai vốn ghét chính quyền Saddam Hussein thuộc nhóm thiểu số Su ni đã tàn sát đồng đạo của họ và họ chỉ mong nó sụp đổ, nhưng họ chưa chạy ra đường hoan hô quân đội Mỹ như điều mà giới lãnh đạo Mỹ hy vọng. Phóng viên hãng Reuters thuật lại cảnh một đám trẻ em Iraq vẫy tay chào các chiến xa quân Mỹ đi qua, nhưng sau khi lính Mỹ đi khỏi rồi thì chúng lại hô các khẩu hiệu chửi Mỹ. Tại Basra, một đoàn xe chở lương thực đến tiếp tế cho dân đang thiếu ăn đã gặp một toán trẻ em và chúng cất lời hát ca ngợi ông Saddam Hussein.

Ở phía Nam thành phố Basra, các phóng viên nhật báo Wall Street Journal đã gặp một người thợ may, anh ta đang đưa võng cho con ngủ, và nói với nhà báo Mỹ: "Tôi ghét mấy người. Mấy người là bọn tội phạm." Trong lúc đoàn xe thiết giáp của quân Mỹ đang chạy qua, đi về hướng Baghdad, một nhóm nông dân đứng coi đều gật đầu khi một thầy giáo, ông Majih Kaddoum nói, "Chúng tôi là người Iraq, chúng tôi sẽ bảo vệ quê hương đánh bại quân xâm lược."

Phản ứng kiểu trên là điều bộ chỉ huy hành quân Mỹ không ngờ tới. Ở Kuwait liên quân Anh Mỹ đã sẵn sàng chở bằng trực thăng những đoàn quay phim tới quay cảnh dân Iraq hoan hô quân giải phóng, nhưng các toán quay phim đó vẫn không có dịp

làm việc. Trong thành phố Umm Qasr với 4,000 dân tuy đã được quân Anh chiếm nhưng vẫn có những toán du kích đánh lén gây rắc rối. Tại thành phố Safwan một người dân tên Majid Simsim nói: "Làm sao chúng tôi vui được? Họ đang giết đồng bào tôi ở đây này." Anh ta chỉ tay về chiếc xe cứu thương đang chở vào ngôi nhà thờ Hồi Giáo mấy người nông dân bị máy bay Mỹ bắn ở ngoài cánh đồng.

Tổng thống Mỹ luôn luôn nhắc lại rằng mục đích cuộc chiến tranh là giải phóng dân Iraq khỏi chế độ độc tài tàn bạo của ông Hussein và xây dựng một chính quyền dân chủ do dân lựa chọn. Cho tới khi những điều đó xẩy ra thì tâm lý dân Á rập khắp nơi vẫn còn coi nước Mỹ là kẻ thù.

NGƯỜI ÂU CHÂU KHÔNG HIỂU NGƯỜI MỸ

Người dân Âu châu không thể hiểu được tâm trạng của người Mỹ. Ở nước này người ta chưa từng bao giờ bị tấn công, sau vụ 11 tháng Chín họ cảm thấy an ninh bị đe dọa ngay bên cạnh mình, cho nên cảm thấy phải giúp chính phủ để tự bảo vệ. Họ sẵn sàng tin ở các bằng cớ và lý luận của chính phủ, cho nên sẵn sàng ủng hộ quyết định tấn công Iraq.

Trong mấy tháng qua, từ khi các chính phủ Paris và Berlin công khai chống việc đánh Iraq thì trên báo chí, các đài phát thanh và ti vi ở nước Mỹ nhiều người chỉ trích là dân Pháp, Đức nhút nhát không dám chống lại Saddam Hussein vì sợ bị khủng bố tấn công trả thù. Ngược lại, dư luận Âu châu thì chê chính phủ Bush là hiếu chiến, ông Bush muốn đánh Iraq chỉ vì tham dầu lửa. Nhưng không phải chỉ có chính phủ Bush có thái độ cứng rắn đối với Iraq. Đa số dân Mỹ và các chính trị gia cả hai đảng đồng ý với chính phủ, mặc dù vẫn có một phong trào phản đối chiến tranh. Đối với người ở Âu châu thì dân Mỹ đã trở thành "hiếu chiến" vì họ không đầy đủ tin tức về vụ Iraq.

Thật sự dân Mỹ cũng nhận được những thông tin giống như dân Âu châu. Bình thường họ cũng giải thích, suy diễn các tin tức đó như dân Pháp, dân Đức. Hiện giờ thì không, trong vụ Iraq người Mỹ suy nghĩ khác với người Âu châu. Chỉ người Mỹ mới hiểu tại sao tâm trạng họ lại nghiêng về phía ủng hộ chủ trương của chính phủ Bush.

Lý do đầu tiên phải kể đến là vụ khủng bố 11 tháng Chín. Các nước Âu châu đã từng là nạn nhân của khủng bố, nhưng chưa có vụ nào tàn sát nhiều người và đánh vào những biểu tượng lớn như vụ cướp máy bay đâm vào tòa nhà tháp đôi cao nhất New York và Ngũ Giác Đài ở thủ đô Mỹ. Người Mỹ càng cảm thấy bị xúc phạm nặng nề vì đây là lần đầu tiên, sau vụ Pearl Harbor năm 1942, thường dân Mỹ bị giết tập thể ngay trên đất Mỹ. Điều này người Âu châu không thể cảm thấy được. Nếu Pháp hay Đức bị khủng bố tấn công thì phản ứng của họ cũng không mạnh như dân Mỹ. Vì Âu châu đã trải qua nhiều lần bị chiến tranh tàn phá trong khi dân Mỹ vẫn quen nghĩ đất nước họ là nơi không ai xâm phạm tới, không thể xâm phạm được.

Trước tình trạng cả nước cùng chịu tang chung đó, người ta đoàn kết với nhau hơn, đặc biệt là họ có khuynh hướng dễ ủng hộ chính phủ nhiều hơn, vì chính phủ tượng trưng cho tình đoàn kết quốc gia. Và người dân Mỹ cũng tin tưởng vào chính phủ họ một cách dễ dàng hơn khi nghe nói đến những mối đe dọa khủng bố khác.

Khi chính phủ Bush nói đến mối đe dọa của chế độ Hussein đối với nước Mỹ, người Âu châu có thể nghi ngờ; vì ông Hussein không có bom nguyên tử, mà nếu có thì cũng thiếu hỏa tiễn để phóng sang Mỹ. Nhưng người Mỹ coi đó là chuyện hiển nhiên, khi Tổng thống Bush nói rằng nếu không trừ khử ngay bây giờ thì sẽ có ngày các vũ khí sinh, hóa học của Iraq sẽ được dùng để đánh Mỹ.

Khi chính phủ Bush nói đến những liên hệ giữa ông Hussein và nhóm khủng bố Al Qaeda, phản ứng của dân Mỹ cũng khác hẳn dân Âu châu. Thí dụ, chính phủ Mỹ nói đến cuộc gặp gỡ giữa Mohamed Atta, người cầm đầu nhóm khủng bố ngày 11 tháng Chín 2001, với một nhân viên tình báo Iraq ở Praha, thủ đô Cộng hòa Tiệp, trong lúc Atta đang chuẩn bị vụ cướp máy bay. Tin này do cơ quan tình báo Tiệp thu lượm. Đối với người Mỹ thì riêng tin tức đó cũng đủ để chứng tỏ ông Hussein đồng lõa với nhóm Al Qaeda rồi. Nhưng người Âu châu thì nhấn mạnh đến một khía cạnh khác, là chính phủ Tiệp cho biết ngay cơ quan tình báo Tiệp cũng nghi ngờ là cuộc gặp gỡ vừa kể không xẩy ra, nhân viên của họ có thể nhầm. Người Mỹ dễ bỏ qua chi tiết tới sau này, vì nó đi ngược với mối tin tưởng của họ.

Chính phủ Mỹ cũng nhấn mạnh về mối liên hệ giữa nhóm Al Qaeda và Iraq với bằng cớ khác là Abu Zarkawi, một tay chân thân cận của ông Osama Bin Laden mùa Hè năm ngoái đã sang Iraq chữa vết thương. Sau đó khi chính phủ Jordan yêu cầu Iraq dẫn độ thì Iraq lại cho tay này trốn đi mất. Đối với dân Âu châu thì vụ chữa thương đó không đủ để buộc ông Hussein cái tội liên hệ với Al Qaeda trong các vụ khủng bố. Nhưng khi dân Mỹ muốn tin chính phủ của họ thì các chi tiết trên là đầy đủ bằng cớ rồi, không chối cãi vào đâu được!

GIÁ XĂNG CHỈ LÀM CHẬM KINH TẾ HOA KỲ NGẮN HẠN

THANH THẢO

Việc chuẩn bị cho chiến cuộc chống khủng bố và Sadam Hussein tại Iraq do Hoa Kỳ cầm đầu đã ảnh hưởng không ít trên nền kinh tế Hoa Kỳ nói chung, đặc biệt là giá nhiên liệu.

Giá xăng lên đến $2.27 một gallon trong mấy tuần qua khiến nhiều người Mỹ thuộc mọi gốc gác, sắc tộc đã chịu khó lái xe chạy xa cả mấy dặm trường để đổ đầy bình xăng với giá rẻ dưới $2 Mỹ kim một gallon. Tuần vừa rồi hai trạm xăng tại Garden Grove được ti vi đưa vào chương trình vì giá xăng loại tốt Premium bán dưới $2 Mỹ kim một gallon. Tại Irvine có trạm xăng 76 trên đường Culver góc Michelson bán giá như trên.

Thay vì ra ngoài, nhiều người chọn ở quanh trong nhà vào cuối tuần, hoặc liên lạc bằng điện thoại, bằng mạng điện toán thay vì lái xe đến tận nơi thăm viếng thân nhân.

Trong khi đó, những ngành công nghệ hoặc kỹ nghệ dựa vào xăng dầu như ngành hàng không, vận tải, hoặc chế tạo hóa chất, nguyên liệu kim loại... đã phải thay đổi cách điều hành hoặc đóng cửa tạm cho qua đợt khó khăn.

Nhiều kinh tế gia lo ngại có thể kinh tế Hoa Kỳ lại sửa soạn bước sang một thời kỳ suy thoái mới. Họ lo ngại đúng vì lịch sử cho thấy những lần giá xăng dầu tăng vọt trong quá khứ kể từ khi Hoa Kỳ cấm vận dầu hỏa Ả Rập năm 1973 đều dẫn đến tình trạng kinh tế bi đát. Liệu giá dầu hỏa tăng lần này có khác gì không?

Theo tạp chí BusinessWeek số phát hành ngày 17 tháng Ba, 2003, kinh tế gia trưởng Stephen S. Roach tại công ty Morgan Stanley cho rằng giá dầu tăng vọt kỳ này có nhiều điểm khác biệt so với những đợt trước trong lịch sử. Vì vậy, ảnh hưởng của việc tăng giá dầu trên nền kinh tế Hoa Kỳ chỉ là ngắn hạn.

Điểm khác biệt chính là sự lệ thuộc của Hoa Kỳ vào nguồn dầu nhập cảng từ khối OPEC, tức những xứ sản xuất dầu. Do đó ông Roach không mấy lo ngại cho dù giá một thùng (barrel) dầu thô đã tăng hơn gấp đôi, đến $37 Mỹ kim, giá khí đốt thiên nhiên đã tăng gấp ba, và giá một gallon xăng bán lẻ đã tăng ít nhất 50 xu kể từ khi Hoa Kỳ khởi xướng cuộc chiến chống Iraq.

Những kinh tế gia cùng suy nghĩ với ông Stephen S. Roach cho rằng nền kinh tế Hoa Kỳ chỉ gặp nguy cơ suy thoái nếu dầu tiếp tục giữ giá cao trong thời gian dài, nhất là trong thời kỳ lạnh giá khác thường như mùa Đông năm nay hoặc nếu những quốc gia xuất cảng dầu sang Mỹ như Venezuela ngưng sản xuất vì nội tình biến động.

Mùa Đông dù lạnh khác thường cũng sắp tàn và Venezuela đã tiếp tục xuất cảng dầu dù với sản lượng ít hơn trước. Nếu như chiến cuộc chống Iraq chấm dứt nhanh, gọn (chữ NẾU là chữ quan trọng nhất trong câu này!) giá dầu thô được dự kiến sẽ giảm xuống mức dưới $30 Mỹ kim một thùng vào mùa Hè năm nay.

Một số chuyên gia phân tích lãnh vực dầu hỏa như ông Frederick P. Leuffer thuộc công ty Bear, Stearns & Co. còn dự báo sự thặng dư dầu và dự tính giá dầu tương lai sẽ nằm tại mức $18 Mỹ kim một thùng trong nửa cuối của năm 2003.

Tuy không cùng quan điểm giá dầu giảm đến mức $18 Mỹ kim như ông Leuffer, những chuyên gia tài chính trên thị trường chứng khoán cũng tiên đoán việc dầu giảm giá trong tương lai. Họ đã bắt đầu trao đổi giá dầu tương lai trong tháng 8 năm 2003 với mức $31 Mỹ kim một thùng (so với $37 như hiện nay) và giá hơi đốt thiên nhiên cùng tháng với mức $5.50 Mỹ kim một đơn vị Btus (so với $10 Mỹ kim hiện tại). Dù vậy, quan điểm chung của các kinh tế gia là giá xăng bán lẻ sẽ vào khoảng $1.65 đến $2 Mỹ kim một gallon trong mùa Hè năm nay.

Về sự suy thoái kinh tế tiếp theo sau mỗi đợt dầu thô tăng giá, các công ty chuyên dự báo như Macroeconomics Advisers LLC tại St. Louis hay Global Insight Inc. tại Waltham, Massachussetts cho rằng điều này khó xảy ra. Theo hai công ty này, giá dầu tăng chỉ làm mất 0.5% mức tăng trưởng kinh tế trong nửa năm đầu 2003 và sẽ không gây ảnh hưởng nào trong nửa cuối năm.

Công ty Merill Lynch & Co. cho rằng lo ngại kinh tế suy thoái sau mỗi đợt giá dầu tăng vọt là thiếu căn bản vì những thời kỳ hậu chiến tranh giá dầu tăng có lúc đến 60% trong lịch sử đã không dẫn đến kinh tế suy thoái, ngoại trừ trường hợp năm 1987.

Công ty J.P. Morgan Chase & Co. nêu lý do chính dẫn đến kinh tế suy thoái sau những thời kỳ giá dầu thô tăng là nạn lạm

phát và cách đối phó với lạm phát bằng biện pháp tăng lãi suất của Quỹ Dự Trữ Liên Bang. Hiện nay Hoa Kỳ gần như không lo lạm phát. Giá hàng tiêu thụ chỉ tăng có 2.6% một năm tính đến cuối tháng Giêng 2003.

Dù vậy, một số kỹ nghệ sản xuất và dịch vụ chịu hậu quả bất lợi trong đợt giá nhiên liệu tăng lần này. Vì giá hơi đốt tăng vọt, 45% các công ty sản xuất ammonia, một vật liệu trong phân bón, đã phải đóng cửa. Các công ty sản xuất thép phải chịu chi thêm 30% để chế biến kim loại này mà không thể tăng giá bán ra vì cạnh tranh. Giá xăng tăng làm ngành hàng không và vận tải gặp thêm trở ngại nặng nề. Đến lúc giá dầu giảm xuống, các ngành này chắc còn chịu trì trệ một thời gian dài mới hồi phục nổi.

Trừ những ngành công kỹ nghệ nêu trên, nền kinh tế Hoa Kỳ nói chung được kể là vững vàng. Chủ Tịch Quỹ Dự Trữ Liên Bang Alan Greenspan đã công bố các kinh tế gia thường coi nhẹ ảnh hưởng của việc giá dầu thô tăng, nhưng lần (dầu tăng giá) này ông tin kinh tế Hoa Kỳ sẽ đủ khả năng vượt mọi trở ngại.

Bàn về kinh tế thì còn ai hơn cụ Greenspan mà chúng ta phải lo nghĩ, đúng không? Không biết tuần này tạm xăng ở góc đường nào giá rẻ nhất, quí vị độc giả có biết nhớ mách Thanh Thảo qua hộp thư điện toán tawnithanhthao@hotmail.com. Xin đa tạ.

TẬP NÓI THẬT NGAY TỪ THỜI CÒN ĐI HỌC

THANH THẢO

Những vụ gian lận, thổi phồng hồ sơ kế toán tài chính của các đại công ty kinh doanh như ENRON, WORLDCOM, TYSON, ADELPHIA... khiến nhiều vị Tổng Giám Đốc các công ty phải mất chức, trả lại phúc lộc đã được hưởng, thậm chí có người phải chịu tù tội, hình như đã không đủ sức làm thay đổi những người có tính không thích nói thật.

Bằng chứng là một số Tổng Giám Đốc tương lai đang học được điều "thành thật là qui tắc tốt nhất" với giá khá đắt. Đơn xin theo chương trình Cao Học Kinh Doanh của họ bị bác sau khi các trường đại học danh tiếng tìm ra những điều sai biệt họ liệt kê trong hồ sơ lý lịch khi nộp đơn ghi danh.

Theo tạp chí *BusinessWeek*, Đại Học Kinh Doanh University of California Berkeley's Hass cho biết 5% trong số 100 đơn ghi danh theo học Cao Học, tiếng Mỹ gọi là MBA, mùa Thu 2003 đã bị loại sau khi nhân viên điều hành trường tìm ra những điều không thật người ghi danh đã ghi thêm vào hoặc thay đổi thời gian tính trong hồ sơ lý lịch. Những điều các sinh viên tương lai này ghi sai sự thật nhiều khi rất nhỏ, chẳng hạn thay đổi ngày vào làm hoặc nghỉ làm tại một cơ sở nào đó nhằm tránh ghi rằng mình bị sở cho nghỉ việc.

Giám đốc văn phòng điều hành và thu nhận sinh viên Jett Pihakis thuộc Đại Học Berkeley cho biết những điều các sinh viên bị bác viết sai lạc trong đơn ghi danh đúng là không bõ công. Ông nói tất cả những người bị trường từ chối đáng lẽ đã được thu nhận giá họ khai thành thật tất cả mọi dữ kiện trong hồ sơ lý lịch.

Tuy nhiều viện đại học có chương trình điều tra đơn ghi danh của sinh viên chọn theo ngẫu hứng của máy điện toán, những lời đồn đãi nhiều sinh viên đã khai gian để được vào học tại các trường danh tiếng đủ khiến đại học Berkeley mở cuộc điều tra toàn bộ đơn xin học trong năm nay.

Nhận biết những sinh viên tương lai khéo thổi phồng quá trình thường nộp đơn ghi danh nhiều đại học một lúc, các đại học danh tiếng khác cho biết sẽ bắt chước đại học Berkeley khi nhận đơn ghi danh trong mùa Thu năm nay trở về sau.

Đại học Wharton cho biết đã có chương trình điều tra toàn bộ đơn xin học của các sinh viên từ năm ngoái nhưng cho đến nay chưa tìm thấy điều khả nghi nào.

Chỉ cần chú ý một chút, quí vị có thể tìm thấy các đại học nhấn mạnh tầm quan trọng của đức tính thành thật như thế nào. Trong những thông báo phổ biến tại các viện đại học hiện nay, những lời khuyên như bị mất việc không hẳn là một ảnh hưởng bất lợi cho người ghi danh vì tình hình kinh tế trì trệ chung có thể là nguyên nhân chính khiến họ bị cho nghỉ việc.

Nhưng các viện đại học hầu như đồng quan điểm rằng khi nói dối về sự thất nghiệp rồi bị bắt quả tang để đến nỗi hồ sơ ghi danh bị bác quả là một điều sai lầm lớn. Sai lầm này được ví như luật hình sự "three strikes and you're out", tạm dịch là "phạm lỗi ba lần coi như hết cơ hội."

Có thể các viện đại học cảm thấy trách nhiệm góp phần đào tạo những giám đốc tương lai khởi sự bằng đức tính thành thật. Những nhà lãnh đạo kinh doanh trong tương lai có tránh được những vụ tai tiếng như ENRON, WORLDCOM... là điều không ai đoán trước nổi, nhưng một điều chắc chắn, thói quen không nói thật bị diệt ngay trong trứng nước thời còn đi học sẽ phần nào bảo đảm sự chọn lọc của những người tốt nghiệp sau này.

LÝ THUYẾT GIÁO HUẤN VÀ CHÍNH SÁCH "TRỒNG NGƯỜI"

NGUYỄN HỮU CHI

Trong thời Chiến Quốc, Quản Trọng ý thức được tầm quan trọng trong vấn đề giáo huấn bằng một câu nhận xét như sau:

"Nhất niên vi kế, mạc như thụ cốc.
Thập niên vi kế, mạc như thụ mộc.
Bách niên vi kế, mạc như thụ nhân."

Xin tạm dịch là:

"Kế hoạch một năm, không gì bằng trồng lúa.
Kế hoạch mười năm, không gì bằng trồng cây.
Kế hoạch trăm năm, không gì bằng trồng người."

Hơn hai ngàn năm sau, Hồ Chí Minh cũng đưa ra một câu tương tự: "*Vì sự nghiệp trăm năm, trồng người.*" Cơ quan tuyên truyền của Nhà Nước bèn phổ biến rộng rãi câu này và coi đó là một quốc sách nhằm cải tạo toàn dân để duy trì đời đời *"sự nghiệp"* của "Bác." Liệu chính sách *"trồng người"* này có đạt được ý muốn của ông Hồ hay không? Trước khi trả lời câu hỏi này, tôi sẽ trình bày qua về vấn đề phát triển con người theo lý thuyết giáo huấn (socialization). Rồi dựa trên căn bản lý thuyết đó, sẽ phân tách những khó khăn của chính sách *"trồng người"* trong các chế độ cộng sản. Sau hết, là chương trình thay đổi văn hóa và *"trồng người"* của bốn nhà tư tưởng ở hải ngoại.

I. Lý Thuyết Giáo Huấn

1. Xã Hội Điều Hòa Nhờ Giáo Huấn Hữu Hiệu

Trong một xã hội điều hòa (functional), mọi người đều cố gắng hành động theo điều "phải," và tránh những điều "trái." Tiêu chuẩn "phải-trái" cũng như tiêu chuẩn "công bằng," hoặc "xấu đẹp" tùy thuộc vào văn hóa của mỗi xã hội. Tất cả mọi xã hội điều hòa đều có một nền kỷ cương vững vàng vì đã được duy trì qua nhiều thế hệ. Nhờ vậy, đại đa số người dân đều ý thức được vai trò của mình trong xã hội, nhất là không thắc mắc về đẳng cấp xã hội và sự tương quan giữa người trên và người dưới. Người trên đối sử với người dưới theo "lẽ phải," tức là theo những nguyên tắc "công bằng" đã được quy định trong luật pháp hay trong truyền thống đạo đức của xã hội. Người dưới chấp nhận vị thế của mình trên thang đẳng cấp, nên tin tưởng vào người trên không lạm dụng quyền lực và đối sử "bất công" với mình. Nói tóm lại, mọi người đối xử với nhau trong tình **tương thân** (solidarity) [1] và **tương tín** (trust) [2].

Trong xã hội điều hòa, hệ thống đạo đức cũng như thang đẳng cấp được truyền từ đời này sang đời khác nhờ giáo huấn [3]. Các nhà tâm lý học và xã hội học đều cho rằng thời thơ ấu là giai đoạn quan trọng nhất trong công tác giáo huấn [4]. Chúng ta "học làm người" trong giai đoạn đó. Nhiều điều mà chúng ta đã học được chỉ là một mớ thành kiến do thế hệ trước truyền lại cho chúng ta. Những thành kiến này được duy trì lâu dài như vậy vì nó phù hợp với lối suy nghĩ thông thường của xã hội nên được chúng ta cho là "đúng," là "phải," là "đẹp," và làm cho chúng ta cảm thấy có bổn phận phải gìn giữ để truyền cho thế hệ sau.

Những người có nhiệm vụ giáo huấn (socializing agents) thông thường là cha mẹ, họ hàng thân thuộc, bà con lối xóm, v.v... Họ là những người "uy tín" (significant others) đối với đứa trẻ. Ta cũng nên biết rằng người "uy tín" trong một nhóm người nào đó chưa chắc đã là những người được xã hội bên ngoài kính trọng. Thí dụ như trong một nhóm bất lương, người được tất cả đồng đảng "muôn vàn mến thương" lại là một tên bất lương nhất trong nhóm.

Dù ở trong một xã hội đạo đức hay xã hội bất lương, kết quả của giáo huấn tùy thuộc vào môi trường giáo huấn **thân ái** hoặc **khắc nghiệt**. Thí dụ một môi trường giáo huấn thân ái là cảnh một gia đình đầm ấm, cha mẹ hết lòng chăm lo và dạy dỗ đàn con. Nhờ đó, đứa trẻ hấp thụ những điều dạy dỗ của các bậc phụ huynh một cách dễ dàng. Trái lại, môi trường giáo huấn khắc nghiệt có thể tạo ra nhiều hậu quả bất ngờ cho đứa trẻ. Có em trở nên bướng bỉnh, đi ngược lại truyền thống gia đình, có khi lại bỏ nhà ra đi. Có em mất

hết tự tin, thiếu khả năng tự lập, nên có khuynh hướng quỵ lụy người trên và kính trọng giáo điều một cách u mê. Có em trở nên người hung hãn, có tính hay phán xét người khác, đồng thời có tác phong "đội trên, đạp dưới." Đại đa số các em sinh trưởng trong môi trường khắt khe không có khả năng duy trì những mối liên hệ xã hội lâu dài vì không được giáo hóa để ý thức được tình tương thân, tương tín. Vì thế, chúng ta đừng nên coi câu *"yêu cho roi cho vọt"* là một phương pháp dạy dỗ con cái hữu hiệu.

Ngoài ra, thành quả của giáo huấn cũng tùy thuộc vào môi trường giáo huấn **thuần nhất** hoặc **mâu thuẫn**. Trong một môi trường giáo huấn thuần nhất, tất cả những người có nhiệm vụ dạy dỗ đứa trẻ đều theo một chiều hướng văn hóa và đạo đức nào đó. Từ trong nhà ra ngoài ngõ, từ khu xóm ra tới trường, đứa trẻ nhớn lên trong một bối cảnh xã hội đồng tình, đồng điệu và hồn nhiên như hơi thở. Thoáng nghe một lời khen, một tiếng chê ở trong nhà hay ở đầu ngõ cũng là những bài học "làm người" cho đứa trẻ. Nhờ vậy đứa trẻ sẵn sàng chấp nhận những "điều hay" và "lẽ phải" của thế hệ trước. Ta cũng nên biết một người trưởng thành trong một môi trường giáo huấn thuần nhất chưa chắc đã là người chấp nhận truyền thống đạo đức của xã hội bên ngoài. Đó là trường hợp những em sinh trưởng trong gia đình bất lương, rồi hàng ngày lại còn có dịp giao du với những nhóm bất lương trong xóm, đến khi nhớn lên thì các em này khó có thể thoát khỏi lối sống bất lương.

Trong môi trường giáo huấn không thuần nhất hoặc mâu thuẫn, những người phụ trách giáo huấn không đồng quan điểm với nhau về phong tục, tập quán cũng như về quy tắc đạo đức. Mỗi người hướng dẫn đứa trẻ theo chiều hướng trái ngược nhau. Cảnh *"trống đánh xuôi, kèn thổi ngược"* này làm đứa trẻ trở nên bối rối, không biết phải theo khuôn mẫu đạo đức nào, rồi cuối cùng không biết rõ ràng thế nào là "phải," thế nào là "trái." Cũng vì vậy mà bà mẹ ông Mạnh Tử đã phải dọn nhà ba lần mới tìm ra được một môi trường xã hội đồng điệu với lối suy nghĩ của bà để cho con mình trở nên một người đạo đức theo nhân sinh quan của bà.

Nếu được giáo huấn trong điều kiện thuận lợi, bản ngã của mỗi người (self, identity) sẽ được phát triển theo khuôn mẫu văn hóa và truyền thống đạo đức của gia đình và xã hội. Thí dụ như chúng ta là những người đã được giáo huấn để trở thành một người Việt Nam, tâm tính của chúng ta và lối suy nghĩ của chúng ta phản ảnh một vài khía cạnh văn hóa Việt và một phần dân tộc tính Việt. Văn hóa và dân tộc tính là một thực thể đa diện (multi-dimensional), nhưng công cuộc giáo huấn chỉ bao chùm một phần văn hóa và một phần dân tộc tính tùy theo mỗi gia đình, mỗi hoàn cảnh. Do đó, bản ngã mỗi người trong chúng ta có những nét đặc biệt, không ai hoàn toàn giống ai. Như ta đã thấy con cái gia đình công chức miền Nam có những đặc tính khác hẳn con cái gia đình nông dân miền Bắc, tuy rằng những người sinh trưởng trong hai gia đình này đều có những đặc tính chung của người Việt. Hơn nữa, ngay trong một gia đình nào đó, người con trưởng cũng có tâm tính khác người con thứ, vì môi trường giáo huấn người con trưởng hiển nhiên là khác môi trường giáo huấn người con thứ [5]. Nói một cách đại cương, kết quả sâu đậm của giáo huấn có thể phân tách như sau [6]:

(1) Giáo huấn phát triển nhân cách (personality): Chúng ta có thể trở nên người hung dữ hay hiền hòa, lo âu hay thanh thản, tự tin hay rụt rè, lạc quan hay bi quan, nóng nảy hay bình tĩnh, dung dị hay bất dung, v.v..

(2) Giáo huấn phát triển nhân sinh quan (Weltanschuung): Chúng ta chấp nhận một số tiền đề về bản chất con người (bản thiện hoặc bản ác), về vị trí con người trong thiên nhiên (ngự trị thiên nhiên hoặc hòa đồng với thiên nhiên), về giây liên hệ giữa đời này và đời sau, giữa con người và Đấng Thần Linh, v.v..

(3) Giáo huấn sửa soạn giai đoạn hội nhập vào xã hội (social integration). Chúng ta hấp thụ những tiêu chuẩn về *chân, thiện, mỹ* của xã hội để phân biệt cái đúng cái sai, cái phải cái trái, cái đẹp cái xấu. Đồng thời chúng ta học được những nguyên tắc căn bản của đời sống xã hội, chẳng hạn như những phương thức thông thường dùng để hóa giải các mâu thuẫn tiềm tàng giữa người với người, giữa quyền lợi cá nhân và quyền lợi tập thể, giữa người giầu và người nghèo, giữa người có quyền lực và người yếu thế, giữa phái nam và phái nữ, giữa thế hệ trước và thế hệ sau v.v... Chúng ta ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người trong xã hội, cùng những điều cần thiết để thích ứng với đời sống hàng ngày.

Các nhà tâm lý học đều cho rằng một khi bản ngã đã thành hình rồi thì rất khó thay đổi. Ngay cả Khổng Tử cũng đã nhận thấy rằng: *"từ 15 tuổi để chí vào sự học, đến 30* [tuổi] *thì giữ vững được chí không còn thay đổi, đến 40* [tuổi] *thì hết nghi*

hoặc, [đến] *50* [tuổi] *thì biết được thiên mệnh,* [đến] *60* [tuổi] *thì tai nghe đã thuận đạo trời,* [đến] *70* [tuổi] *thì tùy theo lòng muốn mà không ra ngoài phép tắc"* [7]. Tức là sau khi đã trưởng thành, chúng ta *"không thay đổi"* nữa vì chúng ta không còn *"nghi hoặc"* những nguyên tắc đạo lý mà chúng ta đã hấp thụ. Hơn nữa, chúng ta nhìn đời qua lăng kính chủ quan của bản ngã, nên chỉ thích nghe những điều gì "thuận tai" (coi là *"thuận đạo trời"*) và gạt bỏ ra ngoài nhãn quan những điều "gai mắt" (coi là trái với *"thiên mệnh"*). Theo lý thuyết tâm lý học Âu Mỹ, chúng ta có khuynh hướng nhìn thiên lệch như vậy vì chúng ta bị thúc đẩy bởi "nhu yếu bảo tồn bản ngã" (the drive for self consistency) [8].

Tuy nhiên, tâm tính con người sau khi đã trưởng thành cũng vẫn có thể thay đổi rất sâu rộng khi gặp phải những biến cố kinh hoàng (traumas) [9]. Thí dụ điển hình là sự thay đổi đột ngột trong lối suy nghĩ của các lãnh tụ cộng sản. Họ là những người đã được giáo huấn để trở thành những người cách mạng sắt máu (bản ngã của con người Marxist), và họ sẵn sàng sống chết theo kinh điển Mác-Lê. Nhưng sau khi gặp những khủng hoảng trầm trọng trong đời sống của họ, họ cảm thấy cần phải loại bỏ một số nguyên tắc căn bản trong ý thức hệ của họ. Thí dụ như Kruschev. Ông này đã phải chứng kiến cảnh tàn bạo dưới thời Stalin khi nhìn thấy các đồng chí của mình bị thủ tiêu hoặc đầy ải biệt xứ. Vì thế, sau khi nắm được quyền lãnh đạo Đảng, ông bèn gạt bỏ nguyên tắc "giai cấp đấu tranh," một nguyên tắc có tính cách hiếu chiến và tàn bạo, và thay thế vào đó bằng chính sách "sống chung hòa bình." Tuy nhiên, Kruschev vẫn còn luyến tiếc truyền thống Marxist nên cho rằng giai cấp vô sản và giai cấp tư bản vẫn còn là hai lực lượng đối nghịch, nhưng không đưa đến một cuộc "chiến tranh giai cấp" (class war) như Karl Marx đã khẳng định.

Đặng Tiểu Bình còn đi xa hơn nữa vì ông này đã phải trải qua một cuộc kinh hoàng trong thời Cách Mạng Văn Hóa. Ông bị Vệ Binh Đỏ đánh đập tàn tệ, rồi sau đó bị Mao đuổi về nhà quê gắp phân và cày ruộng. Đến khi nắm được quyền lãnh đạo Đảng, ông bèn xóa bỏ luôn cả chiến tuyến giữa hai giai cấp đối nghịch, với khẩu hiệu *"mèo trắng cũng như mèo đen,"* tức là giai cấp tư bản cũng như gia cấp lao động vô sản đều tốt như nhau trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Sau đó, Giang Trạch Dân (cũng là một nạn nhân của Vệ Binh Đỏ) đưa ra thuyết *"Ba Đại Diện"* để minh định rằng giai cấp công-nông không còn được coi là giai cấp độc quyền lãnh đạo Đảng nữa. Đảng Cộng Sản Trung Hoa hiện nay đang dụ dỗ các nhà tư bản địa phương gia nhập đảng. Thế là nguyên tắc "giai cấp đấu tranh" đã được chính thức thay thế bằng nguyên tắc "giai cấp đề huề."

Các nhà lãnh đạo Hà Nội cũng theo gương Bắc Kinh với chính sách "đổi mới." Chế độ mệnh danh là "vô sản chuyên chính" bây giờ lại cho phép giai cấp "tư sản, mại bản" được tự do kinh doanh, tức là kiếm lời trong mồ hôi nước mắt của giai cấp "vô sản"! Nói tóm lại, sau khi áp dụng giáo điều Mác-Lê làm tan hoang đất nước, con người cộng sản đã lột xác Marxist để trở thành con người phát-xít, tức là con người độc tài không tranh đấu cho giai cấp nào cả, ngoài quyền lợi của đồng đảng!

Những người Miền Nam không sinh trưởng trong môi trường Mác-Lê cũng đã thay đổi nhiều lắm, nhất là sau khi trải qua cuộc chiến tranh đẫm máu, rồi lại bị đàn áp trong thời kỳ "bao cấp" với chiến dịch "đánh tư sản mại bản," cùng với chính sách tù đầy "cải tạo," và sau đó là cảnh vượt biên kinh hoàng, v.v... Nhiều người di tản sang các nước tự do đã trở thành người chống cộng rất hăng say, tuy rằng trước kia không coi cộng sản là thù địch của mình. Lại có người trước kia rất là hiếu động bây giờ lại tìm mọi cách thoát tục bằng cách này hay cách khác. Những sự thay đổi tâm tính này thì cũng dể hiểu.

Câu hỏi đặc biệt đáng nêu ra ở đây là: tại sao lại có một số nạn nhân của chế độ cộng sản bây giờ lại hoan hỉ cộng tác với kẻ thù của mình? Rất có thể vì lý do siêu hình nào đó nên có người nghĩ rằng "oán thù nên cởi chứ không nên buộc." Rất có thể vì bản tính hiếu hòa nên không muốn gây xáo trộn cho đời sống một dân tộc đã bị hy sinh quá nhiều. Rất có thể vì sinh kế nên có người muốn mang vốn về Việt Nam để đầu tư và kiếm lời, hy vọng Nhà Nước giúp đỡ hoặc không gây khó khăn cho công cuộc làm ăn. Rất có thể vì uẩn ức nào đó đã thúc đẩy những hành động "phản tỉnh," như một Việt kiều đã lên án *"người muốn 'giải trừ' và 'giải thể' chế độ hiện hành ở Việt Nam"* là thứ người hủ bại vì ông ta cho rằng "[hành động] *cổ xúy cho nhân quyền và dân quyền, tự do cá nhân trước pháp luật* [biểu lộ] *sự thần phục về tư tưởng ngoại bang... hun đúc từ một nền văn hóa lạc hậu, thấp kém của một dân tộc nhược tiểu"* [10].

Ngoài ra còn có một số người đã có tác phong "trở cờ" vì đầu óc bị ám ảnh bởi "tâm trạng khiếp

đảm" (paranoia). Đối với những người này, con đường đi từ khiếp sợ kẻ thù, tới kính phục kẻ thù, rồi quỵ lụy kẻ thù cũng không bao xa. Kẻ thù càng hung tợn và càng có thế lực đàn áp bao nhiêu, thì áp lực "trở cờ" càng mãnh liệt bấy nhiêu. Đó là một phản ứng gần như tự nhiên trong số những người có bản ngã yếu nhược (weak ego), nên sẵn sàng đầu hàng địch để bảo vệ sự sống còn của bản ngã (ego defense mechanism). Khi gặp một địch thủ chỉ muốn *"thề phanh thây uống máu quân thù"* thì còn gì an toàn hơn là chạy sang đứng cùng một phe với địch. Rồi sau đó, địch thủ lại còn tỏ vẻ khoan hồng với câu dụ dỗ *"Đảng chỉ đánh kẻ chạy đi chứ không đánh kẻ chạy lại"* thì còn ngại ngùng gì nữa mà không trở về đầu thú! Theo lý thuyết Freud, đó là hiện tượng "đồng hóa với kẻ thù" (identification with the enemy) [11], mà các nhà tâm lý học cận đại gọi là "hội chứng Stockholm" (Stockholm syndrome) [12].

Để mọi người có một khái niệm về hội chứng Stockholm, tôi xin trình bày một trường hợp điển hình: đó là câu chuyện cô Patricia Hearst sẩy ra trong hồi thập niên 1970. Cô gái xinh đẹp này là con của một gia đình đại tư bản nổi tiếng trong doanh nghiệp truyền thông ở Mỹ. Cô đã bị nhóm khủng bố thiên tả (Symbionese Liberation Army) bắt cóc để đòi tiền chuộc mạng. Sau một thời gian bị giam cầm và hành hạ cả thể xác lẫn tâm hồn, cô đã tự nguyện đầu quân theo nhóm khủng bố, rồi đeo tiểu liên đi cướp ngân hàng cùng với một số đồng chí của mình, theo đúng chiến lược Marxist: cướp phương tiện của tư bản để tiêu diệt tư bản.

Câu chuyện này làm cho nhiều người Mỹ cảm thấy tội nghiệp cho cô Patricia vì thực ra cô chỉ là nạn nhân của một cơn khủng hoảng tâm thần trầm trọng. Tuy vậy, chúng ta đừng vội tưởng rằng đây chỉ là một trường hợp bệnh hoạn hy hữu. Ở ngoài đời thiếu gì Patricia. Trong trận chiến tranh Việt Nam vừa qua, có những quân nhân Mỹ chiến đấu rất là dũng cảm, chẳng may đã bị bắt, rồi bị hành hạ tàn tệ nhiều năm trong trại tù binh ở ngoài Bắc. Sau này được thả về nước, họ trở thành những chính khách trong chính phủ Liên Bang Mỹ, rồi hồ hởi bênh vực quyền lợi của những tên cai ngục khi xưa. Đó là một vài Patricia nổi tiếng mà chúng ta ở Bắc Mỹ đều biết. Còn có rất nhiều Patricia khác đã âm thầm đầu hàng địch làm cho bao nhiêu người bị khổ lây. Đó là những Patricia trong trại cải tạo, nhẫn nhục làm "ăng ten" cho địch, ngày ngày tố cáo bạn bè để hy vọng được "nhân dân khoan hồng." Hành động phản bạn của những người bị dồn vào trong cảnh cùng cực này thì cũng dễ hiểu và cũng đáng tha thứ.

Nhưng lại có người đã từng chống cộng rất hăng say, rồi bỗng nhiên thay đổi chính kiến một cách cũng rất là hăng say. Nhiều khi ta không thể kết luận ngay rằng người đó thực sự "phản tỉnh," hoặc người đó chỉ là một nạn nhân của hội chứng Stockholm. Thí dụ điển hình là một người đã phản bội dân tộc khi tự nguyện đi lính khố xanh cho Pháp. Sau đó, bỏ Pháp rồi đi làm "con nuôi" cho TT Ngô Đình Diệm. Vài năm sau, phản bội ông "bố nuôi" để cùng với một nhóm tướng lãnh làm đảo chánh giết "bố nuôi" và thiết lập nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Đến 1975, di tản sang Mỹ, ngồi viết sách báo chỉ trích tất cả các lãnh tụ của mình (Mỹ cũng như Việt), và ca tụng chính quyền Hà Nội (kẻ thù của mình từ ngày vào binh nghiệp). Một người bốn lần "phản tỉnh" trong đời chắc không phải là người có một tâm trạng bình thường!

Nhân tiện nói về cải tạo, tôi xin trình bày qua về sự khác biệt giữa ***giáo huấn*** và ***giáo dục***. Mục đích của giáo huấn rất là sâu đậm và bao quát, vì trọng tâm của giáo huấn là phát triển nhân cách và truyền thụ những nguyên tắc đạo đức của xã hội cho thế hệ trẻ. Trái lại, mục đích của giáo dục thì hạn hẹp hơn và thực tiễn hơn, vì trọng tâm của giáo dục là phát triển khả năng các em học sinh để trở thành người hữu ích cho mình và cho xã hội. Trong các nước kỹ nghệ tiền tiến, chương trình giáo dục không chú trọng nhiều đến vấn đề phát triển đạo đức hoặc tôn giáo như ở các nước hậu tiến. Đặc biệt là các giáo chức Âu Mỹ ít khi làm công tác tuyên truyền trắng trợn cho Nhà Nước hay một đảng phái nào. Ở bậc tiểu học và trung học, các thầy cô chỉ dạy các em những bổn phận thông thường của một người công dân biết trọng tự do, nhân quyền, và luật pháp. Ở bậc đại học, các giáo sư không uốn nắn sinh viên vào khuôn khổ một truyền thống đạo đức nào, hoặc một ý thức hệ nào. Tuy nhiên, chương trình giáo dục của mỗi nước cũng vẫn bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa của nước đó. Dù sao đi chăng nữa, người phác họa chương trình giáo dục cũng đã được giáo huấn trong văn hóa của nước mình. Thí dụ như chương trình giáo dục ở Đức (một xã hội có truyền thống đẳng cấp) có tính cách gò bó hơn là chương trình giáo dục cởi mở ở Mỹ (một xã hội có truyền thống tự do và hướng về quảng đại quần chúng).

2. Xã Hội Suy Vi Và Khủng Hoảng Giáo Huấn

Như tôi đã trình bày ở trên, mục đích công cuộc giáo huấn là để duy trì xã hội cổ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cũng may không một xã hội nào có thể tạo ra được một nền giáo huấn hoàn hảo một trăm phần trăm, nhờ vậy xã hội không bị đóng khung trong những cổ tục cứng nhắc, đời đời không thay đổi. Trong một xã hội điều hòa, tuy đại đa số chấp nhận nền "đạo đức" của xã hội của mình, nhưng vẫn có những người không thích sống theo kỷ cương của xã hội. Những người chống đối phong tục và tập quán cổ truyền có thể là những người có khuynh hướng duy tân sáng tạo (như Nguyễn Trường Tộ), hoặc là những người có khuynh hướng "phản loạn" (rebel) mà xã hội coi là những "tên mất dạy" (tức không được "dạy dỗ" theo lễ nghĩa cổ truyền), hoặc những "đứa vô loài" (tức là không phải là "loài người"). Những hành động chống đối tập tục có thể trở nên một mối hiểm họa cho xã hội, nên cần phải trừng trị bằng cách này hay cách khác. Tội nhẹ thì bị gia đình, hàng xóm láng giềng chê bai, phỉ nhổ. Tội nặng thì bị chính quyền giam cầm, đầy ải, hoặc lên án tử hình [13]. Ta cũng nên biết biện pháp chế tài tùy thuộc văn hóa. Thí dụ gần đây, một tòa án ở một tỉnh bang nước Nigeria đã lên án tử hình một phụ nữ chỉ vì mắc tội "yêu quá trớn," nhưng ở Âu Mỹ thì coi đó là một chuyện trai gái thường tình. Cũng như ở Việt Nam, người nào phạm tội "chối bỏ công lao của Bác và Đảng" có thể bị đi tù nhiều năm, một chuyện lạ lùng mà không một luật gia và sử gia Tây phương nào hiểu nổi.

Nhiều khi những biện pháp chế tài khắt khe cũng không đủ hiệu lực để bảo vệ lối sống cổ truyền. Trường hợp này thường sẩy ra khi xã hội phải đương đầu với những biến chuyển dồn dập làm xã hội trở nên tê liệt, và trong khi đó cấp lãnh đạo tỏ ra bất lực khi phải đương đầu với những vấn đề quá mới lạ. Khủng hoảng văn hóa và chính trị thường kèm theo khủng hoảng kinh tế. Do đó, đời sống của người dân càng ngày càng trở nên khó khăn. Mọi người phải tranh dành nhau trong việc mưu sinh hàng ngày. Con người dần dần mất hết tình tương thân, tương tín: kẻ khỏe đàn áp kẻ yếu, luật rừng và luật tiền thay thế luật pháp. Cuối cùng xã hội mất trật tự an ninh, và rơi vào trong tình trạng suy vi (social decay), và nếu không chỉnh đốn kịp thời thì sẽ đi đến tình trạng suy tàn (social disintegration).

Ai cũng biết khi xã hội suy vi thì luân thường đảo lộn. Người trên mất uy tín vì không có đủ khả năng làm hết trách nhiệm của mình đối với người dưới. Người dưới lên án người trên vì cảm thấy bị người trên đè nén và bóc lột. Hơn nữa, những tiêu chuẩn phân định "phải-trái" không còn thích hợp với tình trạng mới. Các biện pháp chế tài dần dần mất hiệu nghiệm vì thành phần sống ngoài kỷ cương (social deviants) càng ngày càng đông. Những hành động trước kia bị coi như "vô đạo đức" hoặc "sai trái" thì bây giờ lại được xã hội dung túng, và nhiều khi lại còn được các được các học giả gián tiếp bào chữa trên sách báo. Cái đau thương của đám dân lành là bất cứ một tư tưởng gia nào cũng tìm ngay ra được giải pháp hoặc một chương trình "kiến quốc" hoặc "cứu quốc." Mỗi vị một ý. Vị nào cũng cho mình là người *"sáng suốt"* và *"có tâm huyết,"* rồi đả phá những người không đồng ý với mình. Cuộc mâu thuẫn trầm trọng giữa các lãnh tụ không có gì là lạ, vì nó phản ảnh đặc tính căn bản của một xã hội suy vi, một xã hội mà người dân đã mất hết cả tình tương thân lẫn tình tương tín.

Ta cũng nên biết tình tương tín không những là một điều kiện tiên quyết cho một xã hội điều hòa, mà cũng là một đặc tính của bản ngã, và có thể coi là một nhu yếu căn bản của con người [14]. Trong xã hội suy vi, không ai tin ai, và yếu tố tương tín không được thỏa mãn trong đời sống hàng ngày nên nó biến dạng thành một trạng thái u mê cuồng tín (như ở Trung Đông), hoặc một thứ kiêu căng bệnh hoạn (như ở Đức dưới thời Hitler). Yếu tố tâm lý này là một quả bom nổ chậm trong những xã hội suy vi, vì mọi người sống trong xã hội suy vi có khuynh hướng thu hẹp tình tương thân, tương tín vào gia đình mình, bộ lạc mình, chủng tộc mình, hoặc tôn giáo mình.

Trong trường hợp xã hội suy vi như vậy, cấp lãnh đạo đáng lẽ phải cố gắng giải quyết những vấn đề cấp bách nội bộ thì lại tìm cách đổ lỗi cho ngoại bang hoặc một nhóm thiểu số nào đó (scapegoating) để gây căm thù giai cấp, tôn giáo, hoặc chủng tộc. Như ta đã thấy, hàng triệu dân vô tội ở vùng Phi Châu Nhiệt Đới (Central Africa) đã bị giết hại trong mấy năm vừa qua chỉ vì các lãnh tụ đã khơi động lòng căm thù giữa các bộ lạc để duy trì quyền lực của mình. Ở Việt Nam trước kia cũng như hiện nay, vấn đề tôn giáo là một cơn "nhức đầu" vẫn chưa có thuốc chữa vì nó là hậu quả của tình trạng xã hội suy vi. Nhà Nước không đủ khả năng đương đầu với các khó khăn kinh tế và xã hội, bèn quay ra nghi ngờ tôn giáo, đổ lỗi cho tôn giáo, và coi tôn giáo như kẻ

thù của mình. Trong khi đó thì các giáo phái lại nghi ngờ lẫn nhau, đôi khi còn bị khích động các tín đồ của mình để đả phá giáo phái khác. Tiếc thay, một số Việt kiều ở hải ngoại cũng bị lôi cuốn vào những cuộc "tranh luận" về tôn giáo với mục đích chính là chỉ trích những người không đồng tín ngưỡng với mình.

Còn về giáo huấn trong các xã hội suy vi, kết quả cũng không như trong xã hội điều hòa. Các phụ huynh bận rộn mánh mung hàng ngày không còn thì giờ để dạy dỗ con em, hoặc cố gắng dạy dỗ con em nhưng công việc dạy dỗ đạo đức trong gia đình không đủ hiệu nghiệm để hóa giải ảnh hưởng đồi trụy ở xã hội bên ngoài. Trong khi đó, những vị lãnh đạo chính trị và văn hóa lại bị mọi người chê bai hàng ngày nên không còn đủ uy tín để thế hệ trẻ noi gương. Con em hư hỏng, thiếu niên phạm pháp... chỉ là kết quả đương nhiên của một xã hội đang rơi vào tình trạng suy tàn. Trước cảnh nguy biến này, nhiều người Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại lại bắt đầu chú ý tới vấn đề giáo huấn và chính sách *"trồng người"* [15].

(Còn tiếp)

Chú Thích

1. Cara Flanagan, ***Early Socialization, Sociability and Attachment*** (New York, 1999). Emile Drukheim, ***Suicide*** (Illinois, 1951).

2. S. N. Eisenstadt và L. Roniger, ***Patrons, Client and Friends*** (New York, 1984), đặc biệt tr. 1-42.

3. Harry Levin và Barbara Fleischmann, *"Childhood Socialization"* (Chương 4, tr. 215-218). Glen H. Elder, Jr. *"Adolescent Socialization and Development"* (Chương 5, tr. 239-364), đăng trong, ***Handbook of Personality and Research*** (Chicago, 1968) do E. F. Borgatta và W. W. Lambert biên soạn.

4. Calvin S. Hall và Gardner Lindzey, ***Theories of Personality*** (New York, 1957) tóm tắt thuyết Freud trong chương 2, tr. 29-75. Jean Piaget, ***The Moral Judgment of the Child*** (New York: 1932). Talcott Parson, ***Social System*** (New York, 1964), chương 4, tr. 201-248. David Easton, ***Children in the Political System*** (New York, 1969).

5. Cecile Ernst, Jules Anst, ***Birth Order: Facts and Fiction Concerning Its Influence On Personality*** (New York, 1983).

6. R. Murray Thomas, ***Human Development Theories*** (California, 1999); David R. Shaffer, ***Social and Personality Development*** (California, 1988); Cigdem Kagitcibasi, ***Family and Human Development Across Cultures*** (New Jersey, 1996).

7. Luận Ngữ: *"Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuần, thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du củ".* Gs Nguyễn Đăng Thục, ***Lịch Sử Triết Học Phương Đông***, Tập 1, tr. 261 (Sai-gòn: 1999). Những chữ trong ngoặc [ ] được tôi thêm vào cho rõ nghĩa.

8. Carl R. Rogers, ***Client-Centered Therapy*** (Boston, 1951), Chương 11, tr. 481-533. Một định lý tác giả đưa ra là: *"con người chọn những hành động phù hợp với bản ngã, những sự kiện nào bị coi là một mối nguy hiểm cho bản ngã sẽ bị chối bỏ, trái lại những sự kiện nào hòa hợp với bản ngã thì được tiếp nhận và được coi như một phần của bản ngã".*

9. Glen H. Elder Jr., *"Adolescent Socialization and Development"* đăng trong ***Handbook of Personality and Research*** do E. F. Borgatt và W. W. Lambert biên soạn (Chicago, 1968), tr. 239-364. Theo Elder, *"Sự thay đổi trong môi trường có thể đưa tới tình trạng lo âu tê liệt, khủng hoảng tâm thần và thoái hóa, nhưng cũng có thể đưa tới phát triển con người"* (tr. 247). Ted R. Gurr, ***Why Men Rebel*** (Princeton, 1970). Gurr nhận thấy rằng khi có khủng hoảng kinh tế, người bình thường hiếu hòa cũng có thể trở thành phần chống đối hung hãn. Erich Fromm, ***Escape From Freedom*** (New York 1941) cho rằng Hitler được dân Đức ủng hộ vì tâm trạng bệnh hoạn của dân này khi nước Đức phải trải qua một cuộc khủng hoảng trầm trọng về chính trị và cũng như kinh tế sau Thế Chiến I.

10. Nguyễn Văn Tuấn, *"Phạm Quỳnh và khoảng trống cho một tư tưởng chính thống"*, ***Đi Tới***, số 25, tháng 9, 1999, tr. 25 (Montréal, Québec, Canada). Trong bài *"Tản mạn chuyện trường học trường đời"*, ***Đi Tới***, số 39, tháng 11, 2000, tác giả *"cảm thấy như mình đang bị tra tấn, bị tẩy não bằng thứ ngôn ngữ lảm nhảm, lải nhải...rẻ tiền"* khi ông đọc những bài báo chỉ trích chế độ XHCN (tr. 74). Những chữ đóng trong ngoặc [ ] được tôi thêm vào.

11. Freud đưa ra ý niệm *"đồng hóa với kẻ thù"* trong khi nghiên cứu về mặc cảm Oedipus. Michael Kahn, ***Basic Freud*** (New York, 2002), chương 4, tr. 55-92. William W. Meissner, *"Theories of Personality and Psychopathology: Classical Psychoanalysis,"* đăng trong ***Comprehensive Textbook of Psychiatry/IV*** do Harold I. Kaplan và Benjamin J. Sadock biên soạn (Baltimore, 1985). Meissner cho rằng: *"khi đối diện với một kẻ thù mà mình ghê sợ, con người giảm nỗi lo âu bằng cách đồng hóa mình với kẻ thù, tức là tiếp nhận vào trong lòng mình những đặc tính hung tợn của kẻ thù"* (tr. 389).

12. Cụm từ *"hội chứng Stockholm"* được đặt ra để giải thích tâm trạng những nạn nhân bị nhóm khủng bố bắt làm con tin ở Stockholm. Sau khi được cảnh sát Thụy Điển giải thoát, những nạn nhân này tỏ vẻ có thiện cảm rất nồng nàn đối với những tên khủng bố tàn bạo, rồi lại còn chỉ trích hành động của nhóm cảnh sát đã cứu giải mình.

13. Richard Fuller, *"Morals and the Criminal Law"*, đăng trong cuốn ***Delinquency, Crime, and Social Process*** do Donald R. Cressey và David W. Ward biên soạn (New York, 1969). Talcott Parson, ***Social System***, chương 7, tr. 249-325 (Illinois, 1959). Charles Tilly, ***From Mobilization to Revolution*** (New York, 1978), nhận thấy rằng trong bất cứ chế độ nào kể chế độ tự do dân chủ Âu Mỹ, hành động nào có lợi cho chế độ thì được khuyến khích, và hành động càng nguy hiểm cho chế độ bao nhiêu thì càng bị trừng phạt nặng nề bấy nhiêu.

14. E. Erikson, *"Growth and Crises of the Healthy Personality"* đăng trong ***Personality in Nature, Society, and Culture*** do Clyde Kluckhohn và Henry A. Murray biên soạn, Chương 12, tr. 185-225 (New York, 1962). Erikson cho rằng lòng tương tín (trust) là một đặc tính căn bản của một người có tâm trạng lành mạnh. Morton Deutsch, *"Trust, Trustworthiness and the F scale"* đăng trong ***Personality and Social Behaviour*** biên soạn bởi K. J. Gergen và D. Marlow (Massachusetts, 1970), tr. 130-137. Deutsch nhận thấy người có tâm trạng độc tài là người thiếu tình tương tín.

15. Nam Phong, *"Tọa Đàm Kinh Tế Tại Sài Gòn: Giới Thiệu Sách Đáng Thức Con Rồng Ngủ Quên"*, ***Thế Kỷ 21***, số 150, October 2001, tr. 75.

CÔ GÁI HUẾ VỚI TRANH THIẾU NỮ CỦA HỌA SĨ ĐINH CƯỜNG

PHẠM THÀNH CHÂU

Tôi nhớ, khoảng năm 1970, sau khi tốt nghiệp trường Hành Chánh, tôi được bổ về Thừa Thiên, Huế làm việc. Nhiệm sở là quận Quảng Điền, với chức vụ phó quận hành chánh. Quảng Điền cách Huế vài chục cây số, có cái địa danh rất nhiều người biết là phá Tam Giang với hai câu thơ "Thương em anh cũng muốn vô. Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang" Phá Tam Giang cách quận lỵ, là chợ Ngũ Xã, chừng một cây số. Thỉnh thoảng tôi ra đứng nhìn cái đầm nước rộng mênh mông đó mà chẳng thấy một chút xúc động, mơ mộng nào. Phía bên kia mờ mịt bờ dương liễu xanh thẫm, xa đến nổi thành một vạch dài, chia cắt nước với trời. Sau lưng tôi là bờ đất với những cây dại rải rác. Làng xóm ở tít đằng xa. Sau lũy tre xơ xác là những ngôi nhà tranh lụp xụp bên cạnh những thửa ruộng, những con đường quê vắng vẻ. Chiến tranh đã tiêu diệt một số người, một số khác tìm về thành phố sống lây lất, chỉ còn lại những người liều chết, sống bám ruộng đồng để săn sóc mồ mả tổ tiên, ông bà, cha mẹ...

Không rõ thời phát sinh hai câu thơ trên, phá Tam Giang nguy hiểm ra sao, chứ lúc đứng nhìn mặt nước yên tĩnh, bao la, tôi chẳng thấy sóng gió gì cả! Vậy mà cái anh chàng bạc tình nào đó nỡ ngâm nga hai câu thơ trên để nại lý do không thể vào Huế gặp "em". Hay là anh ta cũng có cố gắng vượt được truông Nhà Hồ, vào đến phá Tam Giang, thấy cảnh vật quá đìu hiu, anh ta cụt hứng, tặc lưỡi một cái và quay về với cô hàng xóm?! Đã vậy còn có người bày đặt, thêm hai câu "Phá Tam Giang giờ rày đã cạn. Truông nhà Hồ, nội tán cấm nghiêm" Cô nào mà thèm nói như thế? Thứ con trai hèn nhát, "thiếu tư cách" cỡ đó mà người đẹp phải năn nỉ? Cô gái Huế, từ bao đời nay, là tiểu thư khuê các, vương tôn công tử thiếu điều quì lạy, chắc gì được để mắt đến, chưa nói đến gia pháp nghiêm minh, kín cổng cao tường, làm sao có chuyện liên hệ nam nữ, dù là quen biết, với một người con trai ở xa đến độ phải vượt truông nhà Hồ, vượt phá Tam Giang?...

Ủa! Thế còn tranh thiếu nữ của họa sĩ Đinh Cường đâu, sao không nói đến? Xin thưa, vì yêu cô gái Huế quá nên tôi lạc đề! Mà cái tình yêu đó nó có nguyên nhân sâu xa nên tôi xin được phép dài dòng thêm chút nữa.

Năm đó tôi khoảng 15 tuổi, ở Hội An. Nhân dịp nghỉ hè, tôi rủ thằng bạn hàng xóm (đó là thằng Đỗ Đình Tân, hiện nay ở Philadelphia), làm một chuyến phiêu lưu ra Huế. Hai đứa tôi chưa biết Huế bao giờ, cũng không có bà con nào ở Huế cả, vậy mà cứ đón xe đi bừa. Trong túi chẳng có nhiều, chỉ đủ trả tiền xe đò, còn thừa chút đỉnh thì ăn bánh mì không (không có nhân), uống nước máy bên đường. Chúng tôi xuống xe ở bến An Cựu, bắt đầu lang thang khắp nơi. Đến dốc Nam Giao, qua nhà ga, thăm trường Đồng Khánh, trường Quốc Học, qua cầu Trường Tiền, đến chợ Đông Ba, vào thăm Đại Nội... Nghĩa là đọc sách, rồi hỏi người ta nơi nào nổi tiếng ở Huế là đến. Buổi chiều, sau khi đi rã cẳng, hai đứa tôi đến bãi cỏ trên bờ sông Hương, ngay trước nhà sách Ưng Hạ, nằm dài ra, vừa chuyện trò vừa đón gió mát... Khi đèn đường sáng lên thì trời cũng chạng vạng. Hai đứa tôi chợt thấy bên kia đường, một cô bé đi qua, tay ôm chiếc chiếu. Cô lớn hơn tụi tôi khoảng vài tuổi, người mảnh khảnh, tóc ngang vai, mặt trái xoan dài trông vừa yểu điệu vừa ngây thơ. Có lẽ cô xem hai đứa tôi như em nên cử chỉ, lời nói rất tự nhiên tuy trong lúc đối đáp cô không xưng chị mà cũng không gọi tụi tôi bằng em. Giọng vui và dịu dàng, cô nói là cho hai đứa tôi mượn chiếc chiếu để ngủ, sáng mai đem trả lại – Cô chỉ nhà cô, bên kia đường – Có lẽ ba mẹ cô đứng trên lầu thấy hai thằng nhỏ vô gia cư nên

sai con gái đem qua cho mượn chiếu. Chúng tôi rất cảm động, lí nhí cám ơn. Đã tử tế cho mượn chiếu, cô còn ân cần hỏi thăm mấy câu "Nhà ở mô?' "Ở Hội An" "Hội An là ở mô?" "Đi vô Đà Nẵng rồi đi vô Hội An, xa lắm!" "Có đi học không?" "Có, học trường Trần Quí Cáp." Cô cười, miệng rất đẹp, mắt cũng rất đẹp "Con trai đi chơi sướng hỉ!" Cô đi qua đường, vô nhà rồi mà hai đứa tôi vẫn còn ngẩn ngơ. Được người đẹp nói chuyện thân mật như thế, là lần đầu trong đời nên tôi cứ tưởng cô là cô tiên hiện ra như trong chuyện cổ tích vậy. Và hình ảnh cô, lời cô nói, đôi mắt, miệng cười của cô, tôi nhớ mãi đến bây giờ... Buồn ngủ lại gặp chiếu hoa, lại là chiếu do người đẹp đưa, chúng tôi trải lên cỏ, êm như nằm nệm. Hai đứa tôi ngủ thẳng một giấc đến sáng. Tỉnh dậy mới biết là bị mất giày sandale (giày có quai) và cả mũ hướng đạo (mũ rộng vành) nữa. Thời đó, giày có quai và mũ rộng vành là thời trang của bọn học trò. Đành mua một đôi dép rẻ tiền đi tạm.

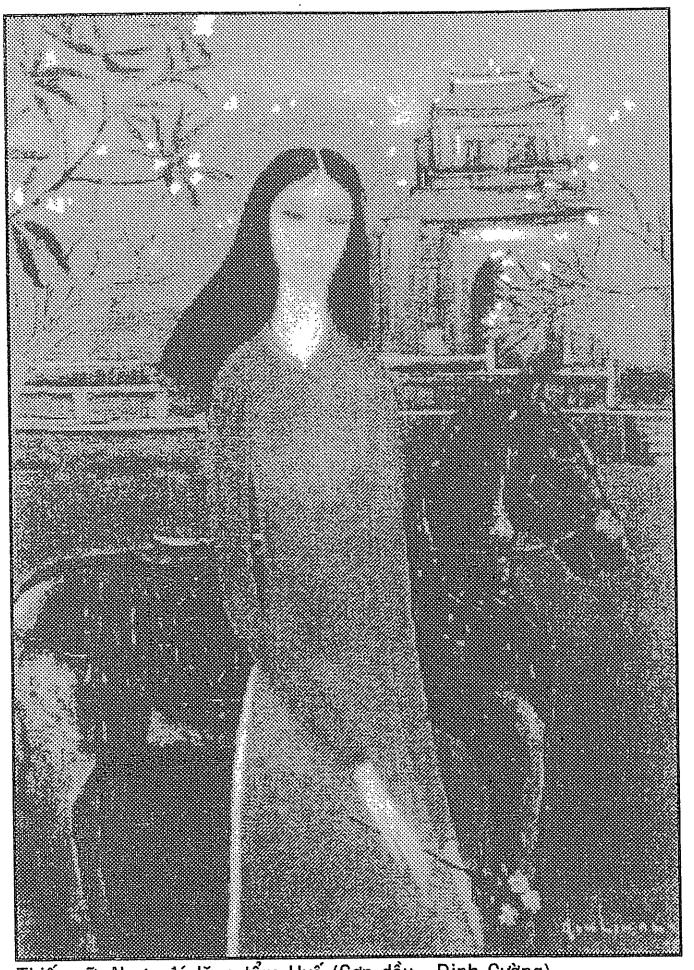

Thiếu nữ, Ngựa đá lăng tẩm Huế (Sơn dầu - Đinh Cường)

Chừng đó tuổi mà tôi đã biết mê gái, nên tôi giành phần đi trả chiếu. Cô bé đã đứng chờ sẵn trước cửa để nhận lại chiếu. Lần nầy tôi thấy cô đẹp hơn hôm qua, nhưng không biết làm thế nào để kéo dài thời gian gặp gỡ, tôi đành hỏi "Xuống sông tắm có được không?" Cô nhìn tôi, mắt sáng trưng vẻ như ngạc nhiên và cô cười "Được!" Đoán chừng cô sẽ lên lầu xem hai đứa tôi làm gì nên tôi nổi máu anh hùng, cởi đồ nhảy xuống sông biểu diễn bơi lội. Cái bờ sông Hương rất cao, đứng nhìn qua bên kia, thấy gần, nhưng xuống nước tôi bơi hoài, mỏi nhừ cả chân tay mà cũng chưa đến bờ! Cầu Trường Tiền sáu vày, mười hai nhịp, thì sông Hương đâu phải hẹp. Khi đến bờ bên kia, tôi sợ quá, không dám bơi trở lại nữa. Thế là tôi cứ mình trần, mặc chiếc quần đùi ướt mem, chạy dọc bờ sông, lên cầu Trường Tiền, chạy vòng về chỗ cũ. Xứ Huế, bấy giờ, các bà gánh hàng bán ngoài chợ còn mặc áo dài, thì cảnh một thằng nhỏ cứ trần trùng trục chạy ngờ ngờ qua cầu, trên đường phố là một chuyện lạ. Có lẽ họ tưởng tôi điên. Khi về đến nơi, tôi nhìn qua bên kia đường, thấy cô bé đứng trên lầu, tựa lan can, nhìn tôi cười. Tôi không nhớ mình có mắc cỡ không, nhưng tôi cũng nhìn cô và cười. Và tôi yêu cô ta từ đấy. Tự nhiên mà yêu chứ chẳng có nguyên nhân nào cả. Vì yêu cô bé đó mà tôi yêu lây qua tất cả cô gái Huế. Tôi yêu lòng tốt của cha mẹ cô và yêu thương luôn người dân Huế. Thời đó còn nghỉ hè, trường học đóng cửa, nhưng tôi cũng có gặp được nhiều người đẹp trên các đường phố. Cô nào cũng đẹp dịu dàng và làm điệu khi được con trai nhìn. Dĩ nhiên hai thằng nhà quê, ngơ ngáo như tụi tôi thì cô nào mà thèm làm điệu. Sau nầy, khi vào Sài Gòn học, xem triển lãm tranh của họa sĩ Đinh Cường, thấy tranh thiếu nữ của ông ta, tôi biết ngay là ông vẽ các cô gái Huế. Đúng hơn, ông vẽ cô bé mà tôi yêu.

Nếu Từ Bi Hồng của Trung Hoa ngày xưa nổi tiếng vì chuyên vẽ về ngựa thì họa sĩ Đinh Cường

vẽ tranh thiếu nữ là tuyệt vời. Vị nào đã sống ở Huế một thời gian, đã thấm được cái hồn của Huế, đã cảm nhận được những gì giấu kín sau gương mặt bình thản như lạnh lùng của cô gái Huế thì mới thấy tranh ông đã thể hiện được cái nội tâm bí ẩn đó. Giòng sông Hương lặng lờ, những con đường yên tĩnh. Đại nội, lăng tẩm, đền đài lúc nào cũng như ngủ say với thời gian, ngay cả con người trên đường phố, cũng di chuyển từ tốn, thong thả... Nhưng không ai biết rằng, trong những khu vườn tưởng chừng vắng vẻ, trong những ngôi nhà cổ kính im lìm, ngay cả trong những cửa hàng buôn bán, những cuộc gặp gỡ quen biết, bao giờ cũng như xôn xao những tin đồn, những lời đàm tiếu khắc khe, có khi đến cay độc của dưới gương mặt dịu dàng nhưng làm như vô tình của các cô gái Huế.

Thời còn đi học ở Sài Gòn (trước 75), xem tranh Đinh Cường, bao nhiêu năm rồi mà tôi vẫn còn nhớ hầu hết các tranh thiếu nữ của ông. Đa số các cô đều ốm, chân tay khẳng khiu, cổ cao, ngực chưa phát triển. Đó là những cô bé điển hình trong những gia đình nền nếp ở Huế. Các cô được nuông chìu quá nên thành nhỏng nhẽo, khó tính. Các bà mẹ thường kêu lên "Nó không chịu ăn. Có ngon bao nhiêu, dỗ giành bao nhiêu, nó cũng chỉ ăn có chút xíu. Không biết tại sao nữa?!" Thì tại sao! Tuổi đó phải ăn quà rong mới lớn được. Tuổi đó phải nô đùa, cười nói, chạy nhảy mới phát triển. Mà các bà mẹ Huế thì cấm tiệt.

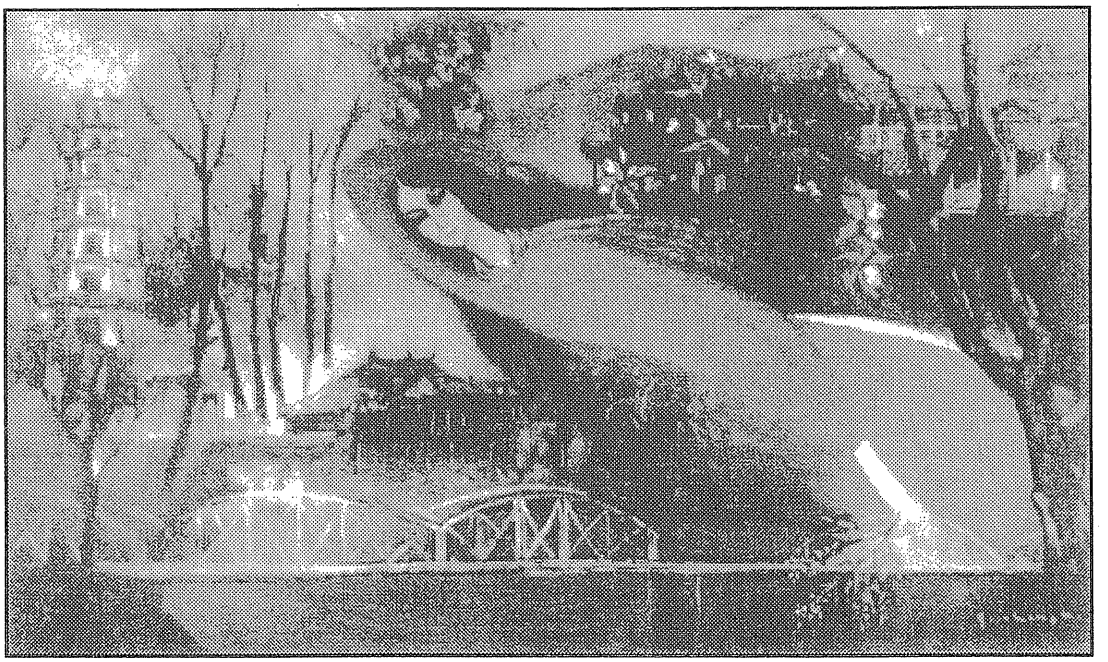

Huế, Dòng sông bay trong trí nhớ (Sơn dầu - Đinh Cường 1989)

những người đàn bà, những cô gái thì thầm về những người đàn bà, những cô gái khác. Và thế là, như một truyền thống, tất cả đều được giấu kín. Các cô, từ bé, đã được dặn dò là phải đề phòng một thứ gió độc, vô hình nhưng nguy hiểm, đó là dư luận. Người lớn tuổi làm gương cho lớp trẻ thấy cách thức che dấu những ý nghĩ, những tình cảm của mình. Nhưng khổ nỗi, tuổi mới lớn nào mà không mơ mộng. Tâm hồn cô nào cũng như sợi tơ trước gió, chỉ một chút giao động là đã ngân lên biết bao âm điệu ngọt ngào, thánh thót. Nhưng biết làm sao?! Chỉ có họa sĩ Đinh Cường mới "vẽ" được những bâng khuâng, những mơ mộng vẫn vơ đó ẩn dưới cái vẻ yểu điệu thục nữ, Thỉnh thoảng lắm, các cô mới lén rủ nhau đi ăn chè Cồn, ăn bánh bèo Vĩ Dạ. Bún mụ Rớt thì chỉ nghe người khác khen ngon hoặc họa hoằn lắm mới liều đi ăn thử, để biết với bạn bè. Ở nhà cũng có bún, có chè, có đủ thứ nhưng các cô không thấy ngon vì không vui, vì không có bạn bè cùng sì sụp với nhau. Các cô không thấy ngon vì thiếu cái khung cảnh chộn rộn của quán ăn, thiếu làn gió mát sông Hương, thiếu cây cỏ, đường đất khó khăn khi chở nhau trên chiếc xe đạp và nhất là thiếu bóng dáng mấy cậu học trò cứ lởn vởn, lượn lờ chung quanh với những lời chọc ghẹo vu vơ, bóng gió... Tôi nhớ mãi bức tranh ông vẽ một cô, giống cô bé đã cho hai đứa tôi mượn chiếc chiếu.

Cô choàng khăn nhiều màu rực rỡ. Có lẽ vào mùa Thu, gió thổi tung chiếc khăn, thổi tung cả mái tóc, thổi tung cả tâm hồn mới lớn, yêu người, yêu đời của cô... Và những cành lá của hàng cây bên đường cũng như lao xao, rung động. Nền là bầu trời xám nhưng vẫn còn sáng lên những tia nắng rực rỡ... Vẻ mặt cô điềm tĩnh, nhưng người xem vẫn cảm nhận được những xao xuyến trong lòng cô. Một bức khác, vẽ những cô gái đi chơi Xuân. Hoa nở khắp nơi, hoa nở chung quanh các cô. Hàng cây bên đường cũng sáng lên như nở hoa. Vẫn những cô gái mới lớn nhưng trông các cô vui và bối rối, như đang túm tụm, quính quíu với nhau. Người xem cứ tưởng vì mình ngắm các cô trong tranh khiến các cô mắc cỡ nhưng vui thích. Một bức khác, vẽ một cô đi học, mắt nhìn thẳng, vẻ tự tin và "xem thường bọn con trai." Bạn có khi nào ra Huế và đứng ngắm các cô nữ sinh Đồng Khánh đi học về chưa? Nếu bạn gặp các cô về trên con đường nhỏ trong thành nội thì càng thú vị. Nên thơ vô cùng! Nhưng dù gặp bất cứ ở đâu, cũng chẳng có cô nào thèm nhìn bạn. Có điều bạn không ngờ, chỉ một cái liếc mắt, dáng người, vẻ mặt, cử chỉ bạn đã được các cô nhận biết rất rõ ràng, tỉ mỉ. Các cô còn biết bạn nhìn cô nào nhiều nhất nữa. Nhưng tuyệt đối, không có cách nào, bạn gợi chuyện mà các cô trả lời. Vì hễ trả lời là các cô bị dư luận đàm tiếu ngay. Ở Huế, hàng cây bên lối đi, ghế đá công viên, đèn đường buổi tối, bờ sông lộng gió... Chúng như có mắt, có tai. Cô nào gặp ai ở đó, nói gì, làm gì, tức khắc, chúng kêu lên và cả thành phố đều biết! Các cô uất ức lắm, chỉ muốn phá vỡ, đạp tung ra, nhưng không được. Vậy là các cô làm cách mạng trong văn, thơ. Những chuyện tình nóng bỏng, những giao tiếp nam nữ nồng nàn, cuồng nhiệt... Các cô tung hê, rên rỉ, chửi rủa. Và chửi rủa thẳng vào cái nề nếp cổ hủ, khắt khe, lạc hậu của dư luận xứ Huế. Đa số các nữ sĩ nổi tiếng đều là người Huế. Có một cách giải thoát nữa là các cô theo gia đình ra khỏi Huế. Lúc đó các cô như chim sổ lồng. Các cô vui tươi, thảnh thơi, thoải mái. Các cô cùng bạn bè thả rẽu trên đường phố, liếng thoắng cười nói, cãi vã, sà vào hàng quà rong, chép miệng, hít hà vì cay, vì ngon, chẳng thèm nhìn chừng chung quanh như lúc còn ở Huế. Trong sân trường, các cô chạy nhảy, đuổi bắt nhau rồi đốp chát, cả đến chọc ghẹo các bạn trai. Thời còn trung học, ở trong Nam, lớp bạn có cô nào người Huế không? Thật tuyệt vời! Cả lớp như hân hạnh có được cô bạn tiểu thư đến học chung. Bạn vào lớp mà lòng cứ háo hức, muốn nổi bật trước người đẹp, nhất là khi được cô ta chuyện trò với bạn bằng thứ tiếng Huế pha giọng miền Nam, thì tim cứ mềm nhũn ra! Giọng cô vừa thánh thót vừa ngập ngừng như nũng nịu. Nũng nịu vì biết bạn bè, cả bạn gái nữa, thương yêu, nuông chìu.

Làm việc ở Huế, tôi thường lảng vảng trước nhà cô bé ngày xưa đã cho tôi mượn chiếc chiếu, trên đường Trần Hưng Đạo, nhưng hình như nhà đã đổi chủ. Không thấy cô nhưng hễ đi ngang qua là tôi vẫn dòm chừng, vừa hi vọng vừa buồn vẩn vơ. Tôi được biết họa sĩ Đinh Cường cũng ở Huế, ông dạy hội họa ở trường Mỹ Thuật và các trường trung học Đồng Khánh, Quốc Học, Thành Nội (Hèn chi ông vẽ các cô nữ sinh Đồng Khánh hay quá!), nhưng tôi không quan tâm đến ông, chỉ chờ ông triển lãm tranh để đi xem mà thôi. Vả lại, tôi không phải văn nghệ sĩ, tiếp xúc với họ, mình thành lạc lõng ngay. Chuyện gặp gỡ sau đây, bạn sẽ thấy các ông văn nghệ sĩ, càng tài hoa càng không giống "người phàm" chút nào. Một buổi tối, có người bạn đánh xe đến rủ tôi vào đại nội thăm họa sĩ Đinh Cường. Xe chạy qua cửa Hiển Nhơn, vào các con đường hẹp, lát đá, hai bên là tường cao, cây cối um tùm, đèn đường tù mù, vàng vọt. Đại nội tức hoàng cung là nơi gia đình nhà vua ở và làm việc, nay bỏ hoang. Ban ngày, vào đại nội đã thấy vắng vẻ, ban đêm lại càng âm u như cảnh liêu trai, người lẫn lộn với hồn ma, bóng quế. Nhà họa sĩ Đinh Cường ở cạnh trường Mỹ Thuật Huế, trước đây là văn phòng của hoàng đế Bảo Đại khi ngài còn làm Quốc Trưởng. Khi chúng tôi xuống xe, đã thấy trước sân nhà ông mấy vị ngồi quanh một cái bàn nhỏ, tay cầm một ly rượu, im lặng như mấy pho tượng. Bạn tôi giới thiệu tôi với họ, thấy họ chỉ gục gặt đầu thay lời chào. Tôi cũng làm như vậy cho hợp cách. Tôi được biết đó là những họa sĩ Văn Đen, Mai Chửng, Hiếu Đệ, Bửu Chỉ, Trịnh Cung... và một số nhà văn nổi tiếng từ Sài Gòn ra. Rồi ông Đinh Cường từ trong nhà đi ra. Ông rót cho chúng tôi ly rượu, tôi cũng cầm và ngồi xuống như họ. Ngồi một lát, tôi chán đòi về. Lúc đó ông Đinh Cường mới nhờ tôi sáng mai, chủ nhật, đưa giùm mấy người bạn từ Sài Gòn ra, đi xem lăng tẩm, chùa chiền. Tôi nhận lời nhưng báo trước là xe tôi tệ lắm, sợ mất uy tín mấy ông mà thôi. Nguyên nhân, khi về nhận nhiệm sở thì không có phương tiện cho ông phó (là tôi) đi công tác. Tay quận trưởng mới lôi chiếc xe jeep phế thải từ thời Thế Chiến thứ hai ra, kêu mấy tay thợ sửa máy cày đến, đục đục, gõ gõ, lui cui mấy

ngày thì xe nổ máy, nhưng cái trần thì mục rã, thành một lỗ trống hoác phía trên. Sáng hôm sau, khi tôi đưa chiếc xe cà tàng đó đến thì các ông đứng sẵn ở đấy cứ trố mắt ra mà trầm trồ, suýt soa, coi bộ khoái chí lắm. Khi xe chạy, các ông chen nhau đứng lên, thò đầu qua cái trần xe thủng, nhìn phố xá, nói cười hí hửng như trẻ con. Thiên hạ đi đường nhìn các ông mà kinh ngạc. Cả đến ông cảnh sát chỉ đường trước ty thông tin cũng đứng nhìn sững, quên cả nhiệm vụ. Nhưng khi xe ra ngoại ô, đến chùa Từ Hiếu thì các ông trở lại yên lặng. Mỗi ông đứng riêng một góc. Ông thì nhìn vô chùa, ông thì ngóng ra đồi thông, ông lại quay ra mấy cái mả... Chẳng biết các ông suy nghĩ gì mà không nói với nhau tiếng nào?! Tôi chán nhưng cũng đành ngồi ngáp gió, chờ các ông chứ không bỏ về được. Xem thế đủ biết các ông văn nghệ sĩ không giống ai. Nhưng cũng có nhiều người lại thích giao thiệp với họ, kiểu dựa hơi để kiếm chút thơm lây. Giống như tên đánh xe cho quan tể tướng ngày xưa bên Tàu vậy. Người ta chào quan tể tướng mà tên đánh xe tưởng chào hắn, mặt cứ vênh lên. Thì chính tôi cũng là tên đánh xe, cũng đang khoe nhặng lên đây nè!

Nữa, lại lạc đề rồi! Xin lỗi, tôi xin trở lại chuyện tranh thiếu nữ của họa sĩ Đinh Cường. Năm 75, sập tiệm. Tôi đi tù rồi đi HO qua Mỹ. Xui khiến sao tôi và họa sĩ Đinh Cường ở cùng tiểu bang Virginia nhà cũng gần nhau. Ông không nhớ ra tôi nhưng tôi thì nhận ra ông ngay vì ông trông giống hình ông tổng thống Mỹ trong tờ trăm đô la.

Tôi xin phép được đến nhà ông để xem tranh. Tranh ông bây giờ tuyệt vời hơn trước, từ bố cục, đường nét đến màu sắc. Nhất là màu sắc, ông đi màu như ông đã "ngộ" với màu, chìm đắm, hòa nhập với màu vào tranh. Ông vẽ tranh bằng cái tâm, cái hồn của ông chứ không bằng tay, bằng cọ... khiến người xem rung động, hạnh phúc... Nhiều nhà văn, nhà thơ hải ngoại ra sách đều nhờ ông cái tranh bìa. Thơ, truyện có hay có dở, nhưng rủi mua nhầm sách dở thì cái tranh bìa Đinh Cường cũng an ủi rất nhiều. Cái bìa lộng lẫy, sang trọng đã đáng tiền rồi. Có lần nghe đài RFI (Pháp) phỏng vấn, ông bảo có chịu ảnh hưởng của họa sĩ Modigliani, nhất là về tranh thiếu nữ, nhưng tôi vẫn thấy tranh ông có những nét độc đáo, rất Việt Nam, rất Huế. Hình như ông đang mở ra một hướng mới cho tranh ông. Có những bức tranh, phải vừa thưởng thức vừa suy tư để tìm xem nhân vật trong tranh đang nghĩ gì, và sẽ làm gì?... Tuyệt vời nhất là tranh khỏa thân. Chỉ vài đường cọ, tất cả hiện nguyên một cô gái. Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên. Nhưng trông cô ngây thơ, hoang dã và thánh thiện đến độ người xem không thấy ham muốn gì khác hơn là ao ước được ôm hôn lên và cảm thấy mình cũng thánh thiện như cô.

Tôi nhớ cô bé ngày xưa, nhớ tranh thiếu nữ của ông quá! Tôi đến để tìm xem, nhưng ông không còn vẽ các cô gái mới lớn nữa mà ông vẽ các cô đã trưởng thành, nẩy nở toàn vẹn, giống như tranh phụ nữ vài thế kỷ trước. Nhưng tranh cổ điển quá khêu gợi, quá dung tục. Tranh ông kín đáo hơn. Chỉ để lộ một phần quần trắng ở chỗ mông tròn lẳn, thơm tho, như mời gọi, mà tà áo dài không che hết được. Về mặt cô gái như trầm ngâm, suy tư... Tôi nghĩ đến cô bé ngày xưa đã cho tôi mượn chiếc chiếu, bây giờ có lẽ cô cũng đã lớn như thế. Nhưng hiện nay cô ta ra sao? Cô ta ở đâu? Cô đâu có ngờ rằng, một lần cô vô tình nhìn tôi cười mà tôi nhớ đến cô mãi.

Họa sĩ Đinh Cường không còn vẽ tranh thiếu nữ tuổi mới lớn nữa. Ông đã để tất cả những cô bé mới lớn đó và cả những mơ mộng, nhớ nhung vẩn vơ của tôi ở lại bên kia bờ đại dương xa xôi./.

Hãy tìm nghe một trong các giọng hát êm dịu nhất của ca nhạc Việt Nam:

MAI HƯƠNG

Với CD mới
EM CÒN NHỚ MÙA XUÂN

- ***Dứt Đường Tơ*** (Văn Thủy – Dzoãn Cảnh)
- ***Ngày Tái Ngộ*** (Vũ Thành)
- ***Ảo Ảnh Chiều Thu*** (Trần Văn Nhơn)
- ***Em Còn Nhớ Mùa Xuân*** (Ngô Thụy Miên)
- ***Cô Lái Đò*** (Nguyễn Đình Phúc – Nguyễn Bính)
- ***Đường Về*** (Hoàng Trọng-Quang Khải)
- ***Sầu Lữ Thứ*** (Hoàng Giác)
- ***Nhắn Người Chiến Sĩ*** (Dzoãn Mẫn)
- ***Thu Tàn*** (Văn An-Vũ Nhân)

Liên lạc, ngân phiếu:
Mai Hương Trương
2445 South Brisa Lane
Rowland Heights, CA 91748
Tel: (909) 594-3910 / (909) 732-5415
email: truongduc36@hotmail.com

NHẬT KÝ DU HÀNH

NGUYỄN DOÃN VƯỢNG

Khi còn nhỏ, tôi và bạn bè, hay có lẽ nhiều người khác cũng vậy, ai cũng có một mộng ước là sau này được dịp đi chu du khắp thế giới. Ở Việt Nam, mộng ước này khó thành đạt vì nhiều lý do khác nhau, từ hành chánh cho đến tài chánh, v.v... Nhưng từ ngày sống trên đất Mỹ, mộng ước này bỗng trở nên có thể trở thành hiện thực một cách dễ dàng. Vì thế tôi đã hăm hở đi học, đi làm, để dành tiền cũng như đợi thời gian qua đi cho đến ngày được vô quốc tịch Mỹ, cầm sổ thông hành như là chìa khóa bước vào cánh cửa quốc tế ... thực hiện giấc mơ từ thuở nhỏ.

Tôi rủ rê các bạn bè xưa nay từng có chung mộng du lịch nhưng sao lạ thay, lúc xưa chúng hăm hở chừng nào, đến nay khi đã ra trường, có công việc làm, có tiền rồi thì lại kiếm cớ từ tạ với đủ lý do từ bận việc hãng đến kẹt việc nhà, bận phải săn đón bạn gái, phải lo trả bill, trả tiền nhà, dẫn chó đi ngoài ngày hai bữa, nếu đi chơi sẽ không ai chăm sóc chó, v.v... Rõ chán, thôi, chúng không muốn đi thì tôi đi một mình vậy, không thể vì bạn bè rút lui mà giấc mơ của tôi cũng đành tàn lụi theo.

Kể từ đó, hầu như giáng sinh năm nào, tôi cũng lấy ngày phép cộng thêm ngày lễ và những ngày cuối năm, hãng đóng cửa không trả tiền, tính ra cũng được khoảng 3-4 tuần để đi chơi. Mà vé máy bay khứ hồi đi Âu Châu năm nào cũng vậy, đến khoảng tháng 11, 12 thì rớt xuống chỉ còn khoảng 400-500 dollars. Một mình lang thang khắp các kinh thành ở Âu Châu, tối ngủ trên xe lửa, sáng tắm ở nhà ga, ban ngày dạo phố thăm viếng các viện bảo tàng, nhà thờ, di tích lịch sử, v.v... Trưa gặm bánh mì, tối húp súp... cứ thế lê gót hết 15 nước Âu Châu mỗi mùa đông suốt năm năm trời liên tiếp.

Đi Âu Châu riết cũng muốn đổi không khí. Năm 1999, thấy hãng Cathay Pacific của Hongkong ở website http://www.cathay-usa.com có bán vé All Asia Pass rẻ như bèo, chỉ có $999 mà đi thăm được tới 21 thành phố ở Á Châu lận. Thấy tình hình kinh tế lúc đó rất tươi sáng, việc làm đầy dẫy, thiên hạ nhảy hãng như điên, kiếm việc mới chẳng khó gì cả, thế là tôi quyết định xin nghỉ hãng, nộp đơn từ chức để đi chơi ba tháng cho đã, khi về sẽ kiếm việc khác. Vé máy bay chỉ có $999 cộng thêm $200 tiền gia hạn 3 tháng, còn tiền ăn ở thì vì giá cả ở Á Châu quá rẻ, nên chuyến đi này đã cho tôi một kinh nghiệm thú vị để đời và khó quên.

Kinh nghiệm du lịch thường cho thấy đi chỗ nào một lần về cũng thấy còn thiếu sót nhiều lắm, phải đi thêm một lần thứ hai nữa thì mới cảm thấy đủ (và có lẽ cũng dư nữa là đằng khác). Vì thế mà mùa hè năm 2002, tôi vừa mới cưới vợ xong, cả hai vợ chồng đều thất nghiệp vì kinh tế quá bết bát. Chúng tôi quyết định đi honeymoon ba tháng trời dùng vé AccessAsia Pass của hãng Malaysia Airlines ở website http://www.malaysiaairlines.com. Giá vé chỉ có $747 mà đi thăm được đến 24 thành phố ở Á Châu lận, trong đó lại có luôn những nước mà vé Cathay Pacific khi xưa không cho đi (muốn đi phải trả thêm tiền).

Rút kinh nghiệm những lần đi du lịch trước, đi mà không ghi chép gì cả, sau này về, muốn hồi tưởng lại những chi tiết trong chuyến đi thì lại quên hết, nên kỳ này, với lời dặn dò của bạn bè, tôi ghi chép một nhật ký du hành để khi về bạn bè có thể mượn đọc, để rút kinh nghiệm và hoạch định những chuyến đi của chúng trong tương lai.

*

***Nhật Ký Du Hành #1*:**

Bali - Thiên đường của hàng ngàn đền thờ

* *Ngày 14 tháng 5*: Đáp máy bay xuống Los Angeles, được hai anh chị Trung & Lan ra tận phi trường đón, xong dẫn đi ăn trưa rồi ghé thăm Viện Việt Học, Thư Viện Việt Nam, v.v.. rồi tối còn dẫn đi ăn đồ Mễ... một lần cuối kẻo suốt ba tháng nữa sẽ không còn dịp để ăn ... Fajitas. Tối đến anh Trung chở ra phi trường LAX. Rất cảm ơn hai anh chị đã tận tình đưa đón và hẳng còn bụng nào để ăn bữa dinner của máy bay nữa, nên đành phải nhắm mắt ngủ... cong cẳng.

**Ngày 15 tháng 5 năm 2002*: Ngày này hầu như không có trong đời của V. vì bị nuốt mất khi bay qua International Date Line ở giữa Thái Bình

Dương.

**Ngày 16 tháng 5*: Ngủ được khoảng tám tiếng thì bị đánh thức để cho ăn nữa, cái xứ Mã Lai theo đạo Hồi, nên đồ ăn không thấy miếng thịt heo nào cả, ăn xong thì no, không ngủ được nữa, bật TV lên xem phim, trước mặt mỗi người đều có một màn ảnh nhỏ để lựa phim mà xem. Coi được khoảng vài phim thì máy bay hạ cánh xuống phi trường Đài Bắc ở Đài Loan để đổ thêm xăng và lấy thêm khách. Sau đó lại tiếp tục lên đường, đáp xuống Kuala Lumpur lúc 6 giờ sáng. Phi trường này rộng mênh mông, lại khoái xài kiếng tứ phía, nên từ trong nhìn ra thấy bốn bề toàn là những phi đạo, những sân cement rộng mênh mông, chan hòa ánh sáng chói chan, nhìn là thấy nóng mắt rồi, chẳng thấy cây cối chi cả, người ta đậu xe thì cũng hay đi tìm bóng mát đậu ở dưới cho mát, còn ở đây thì chẳng kiếm ra được một cái cây để cho phi cơ đậu dưới đó tránh nắng... Tuy cảm thấy nóng nực như vậy, nhưng phải công nhận phi trường này đẹp và mới lắm, có điều thấy ít hành khách quá, nhìn quanh chỉ thấy lâu lâu xuất hiện vài ba mạng đi qua đi lại... thật uổng tiền để xây cái phi trường. Từ phi trường này, có chuyến xe miễn phí chở hành khách đi thăm hai thành phố mới nhất và tối tân nhất của Malaysia, đó là hai thành phố Putrajaya và Cyberjaya, hoàn toàn được điện toán hóa từ A to Z, giấc mơ của Mã Lai là hai thành phố này sẽ hoàn toàn không dùng đến giấy nữa (paperless). Nghe tới hai cái tên Putrajaya + Cyberjaya, tự nhiên liên tưởng đến kinh đô cũ của Chiêm Thành là Vijaya, vậy thì rõ ràng Chiêm Thành và Mã Lai cũng có liên hệ với nhau lắm.

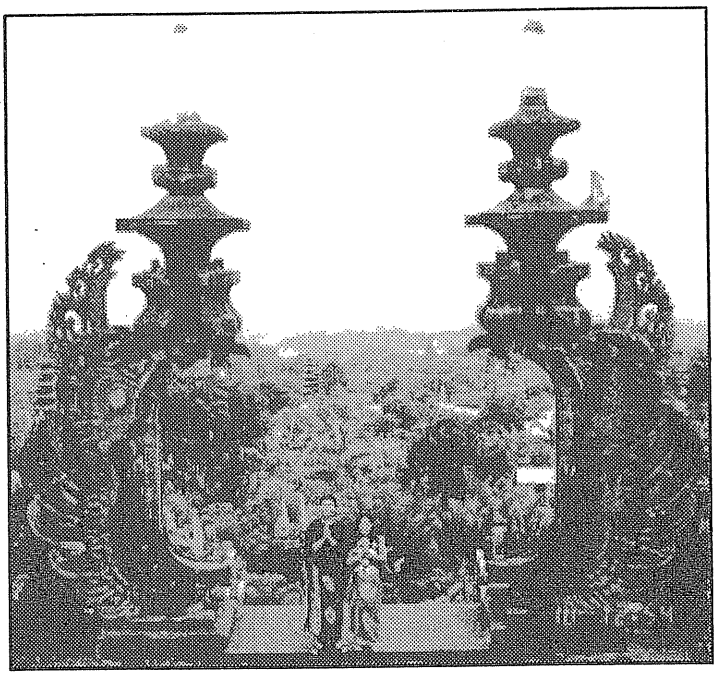

Một đền thờ ở Indonesia

Đến 2g50 chiều, lên máy bay đi Bali. Trước khi lên máy bay, đi vòng vòng phi trường, lượm được hơn chục tờ báo của các nước khác nhau như Hongkong, Taiwan, Japan, Thailand, Malaysia, Singapore, China... lên máy bay tha hồ nghiền ngẫm, cũng thú khi thấy những vấn đề xảy ra trên thế giới được nhiều người nhìn qua những lăng kính khác nhau, nếu không muốn nói là đối chọi hẳn với nhau... Nên mỗi lần ra phi trường, đi lượm báo quốc tế để đọc là một cái thú không thể nào bỏ qua được.

Tới 5g30 chiều thì tới phi trường Denpasar của Bali, phi trường nhỏ thôi nhưng khá thú vị với nhiều chi tiết văn hóa đặc thù của Bali, như mái ngói màu đỏ, có những bức tượng của các vị thần Hindu được trưng bày ở nhiều nơi trong phi trường, trong khuôn viên của phi trường thì có dựng lên một cái cổng đền thờ với chi tiết đặc biệt là lúc nào cũng hẹp, chỉ vừa đủ cho một người đi qua. Chung quanh cổng là những cái ao với những cành sen xanh ngát. Trước cổng thì có một dàn nhạc công bận y phục cổ truyền của Bali chơi nhạc rất hay. Nhìn thấy phi trường của người ta đầy nét văn hóa như thế, bỗng nhiên làm mình phải so sánh lại phi trường của Việt Nam, từ Hà Nội đến Tân Sơn Nhất, chỗ nào cũng chỉ thấy các chú hải quan lầm lì nhìn khách với những bộ mặt khó đăm đăm, rõ chán.

Đi taxi từ phi trường về khu phố Kuta khoảng năm cây số, mất hai dollars, đường đi rất đẹp, hai hàng cây phượng xanh mát, hoa đỏ hai bên đường, ở giữa đường cũng có trồng cây và hoa, trông xanh tươi lắm.

Đường xá thì nhỏ nhưng khá thú vị vì thấy đền thờ rất nhiều, cứ khoảng vài chục căn nhà thì lại thấy một ngôi chùa, một đền thờ, những kiến trúc cổ, ở đâu đâu cũng có, đi qua những thửa ruộng thì thửa nào cũng có dựng lên một cái miếu. Đền thờ nhiều đến nỗi sách du lịch nói Bali là xứ có hàng ngàn đền thờ. Phố xá thì cũng giống như ở các tỉnh nhỏ ở Việt Nam, bề rộng chỉ khoảng năm mét mà thôi. Tới khu du lịch thì vui lắm, cửa

hàng bán đồ ăn, bán đồ lưu niệm khắp mọi nơi, có những ngõ hẻm rất hẹp chỉ khoảng một mét bề ngang, nhưng vào đó thì vẫn thấy sạch sẽ, có lót gạch, hai bên là cửa tiệm, du khách bận xà lõn vừa đi ngắm hàng, vừa xách theo chai bia để lai rai, vui đáo để, đồ ăn thì rất rẽ, nhạc vang rền tứ phía.

Bây giờ là 10:30 tối rồi, phải về đi ngủ, ngày mai mướn sarong để đi thăm các đền thờ nổi tiếng ở Bali, sau đó sẽ đón xe đi tới thị trấn Ubud, thủ phủ văn hóa của Bali...

*

Nhật Ký Du Hành #2:
Bali - Ubud - Thủ phủ văn hóa của Bali

Ngày 17 tháng 5 năm 2002: Sáng nay ngủ dậy ra quầy khách sạn để lãnh coupon để ăn continental breakfast miễn phí. Đến 8g sáng, đi dạo một vòng ra bãi biển, bãi tắm ở đây dài thiệt dài, nhưng ít thấy người tắm, có lẽ còn sớm quá, nhưng số người đi surfing thì thật đông, lố nhố ở ngoài khơi . Ở đây, đàn ông Indo ra đường bận áo sơ mi, quần dài hay mặc xà rông, nhưng dân tây phương thì hở hang hơn nhiều, đàn ông cởi trần, bận xà lõn, đàn bà bận hai mảnh đi thỗn thện khắp nơi, thấy có vẽ kỳ kỳ vì tương phản với bầu không khí cổ kính của những đền thờ khắp mọi nơi . Nhớ hồi nhỏ, ở khu Phú Nhuận, hay chạy lông bông khắp hang cùng ngõ hẻm, thấy cũng có nhiều chùa, đền, miếu, v.v... ở nhiều nơi, nhưng so với Bali thì thật ít hơn nhiều. Mà những ngôi đền ở đây vì lâu ngày bị rêu phong phủ kín nền gạch đỏ, nên trông có vẻ cổ kính, mà dân ở đây còn sùng kính lắm, sáng ra thấy thiên hạ xách xe đi mua những liễn hoa nhỏ kết bằng lá dừa, lá dứa thành hình vuông, lớn chỉ bằng một cái đĩa nhỏ, trong để đủ thứ hoa xanh đỏ tím vàng, mà họ mua cả chục cái, mang tới cúng những ngôi đền, chùa, miếu gần nhà, còn dư lại thì để ở bàn thờ trước nhà, và để ngay cả trước cửa nhà, nên mình đi đâu cũng phải nhìn xuống đất để tránh liễn hoa của họ, thấy tục lệ này cũng hay hay vì làm đẹp quan cảnh và đường phố. Đi dạo trong những ngõ hẻm nhỏ rợp bóng dừa, bông giấy, bông sứ, qua cửa của những ngôi đền, dưới ánh sáng vàng rực của miền nhiệt đới, và tiếng gà gáy ở khắp nơi làm mình cứ liên tưởng lại những ngày còn ở Việt Nam.

Đến 11g trưa, đón xe *van* đi Ubud, chỉ có 23km nhưng thấy cũng rất xa, vì xe chạy chậm. Gần tới Ubud, thấy dọc hai bên đường, người ta trồng rất nhiều cây nêu khắp mọi nơi, gọi là cây nêu vì chắc giống như cây nêu ở Việt Nam, nhưng ở VN thì chưa từng thấy, còn cây nêu ở đây đẹp lắm, đó là một thân cây tre thật cao, dọc theo thân tre, thì người ta kết lá dừa thành những vòng tròn nhỏ như những bánh xe nhỏ chạy dọc theo thân tre, đầu ngọn tre thì rủ xuống, và ở cuối là một cái hình có dạng lồng đèn. Nơi nào cũng thấy, thật là đẹp, khi tới Ubud thì biết tối nay là đêm cuối cùng của một lễ quan trọng của Bali, có vũ Bali, có múa búp bê, có nhạc cổ truyền, thật là hên đến đúng dịp đặc biệt này, có vẽ vì vậy mà cây nêu trồng khắp mọi nơi, các tượng thần Hindu trong các đền thờ và ở cổng đều được mặc xà rông, đầu chít khăn ... Nhìn thấy cây nêu, vải xà rông và khăn chít đầu bằng vải có những ô vuông trắng đen, hình ảnh này cũng rất quen thuộc ở Việt Nam, phải chăng có sự liên hệ giữa Việt Nam và Bali ?

Tới Ubud, thấy có nhiều nhà rất rộng lớn, có cái đình riêng của gia đình, có thêm khu đền thờ riêng của gia đình, sơn đỏ thếp vàng, mái ngói đỏ, ở dưới là bệ lát gạch bông để thân nhân ngồi trò chuyện hay cầu nguyện mỗi ngày, chung quanh là sân gạch trồng đầy hoa sứ, hoa giấy, hoa... đủ thứ, nhà đẹp và rộng như thế mà họ cũng làm thêm phòng để cho du khách thuê. Hôm nay thuê được một cái phòng rất đẹp, cửa phòng bằng gỗ, hẹp chỉ đủ một người vô (điển hình kiểu Bali), mặt cửa điêu khắc, chạm trỗ đủ thứ hình tượng, trước phòng là một cái ban- công láng bóng, để bàn và ghế ngồi nghỉ mát, và ngắm hoa, xem tivi (tivi cũng để ngoài này luôn). Mái nhà rợp bằng tre và rơm rất dày và rất đẹp. Một căn phòng đẹp như thế trong một căn nhà đẹp như thế mà chỉ cho thuê có năm dollars (mở sách du lịch ra xem thì như thế là khá sang rồi, dân du lịch bụi thường ở phòng có ba dollars thôi). Kiếm được chỗ ngủ xong thì kiếm chỗ đi ăn, ăn được một bữa đầy các món ăn thuần túy Indonesia, tính ra chưa tới hai dollars cho hai người, rất rẻ.

Bây giờ là 6:30, 7g thì bắt đầu buổi lễ, nhìn ra đường thấy rất đông du khách, cũng như dân địa phương bận đồ đẹp, đầu đội những bình hoa đi về phía đền thờ chính của Ubud, vì thế nên V. xin tạm ngưng ở đây để đi xem lễ hội, ngày mai sẽ đi kiếm chỗ có đá gà để xem để nhớ lại những ngày đã xem đá gà ở Việt Nam.

Hẹn lần tới ....

(Còn tiếp)

ROSALIND

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

"Chúng tôi muốn đề nghị một cấu trúc cho muối của deoxyribose nucleic acid (DNA). Cấu trúc này có những nét đặc biệt mới lạ, có một tầm quan trọng đáng kể về sinh vật học."

Cách đây đúng 50 năm, với câu nói khiêm nhượng nổi tiếng trên, James Watson và Francis Crick công bố khám phá về cấu trúc DNA trong tạp chí khoa học Nature. Mô hình DNA của họ, dựa trên bức ảnh nhiễu xạ tia X của Rosalind Franklin, cuối cùng, đã giải thích được cách nào các yếu tố di truyền có thể được sao chép và truyền đi cho những thế hệ tương lai. Khám phá này đã mở màn cho một cuộc cách mạng làm thay đổi vĩnh viễn ngành sinh vật học.

Con đường đưa tới thành tựu vừa nói, có một điểm thiếu trong sáng, bất công, khiến người ta mất nhiều năm để sửa chữa...

DNA 50 tuổi đời

Cách đây nửa thế kỷ, tạp chí khoa học Nature, trong ấn bản ra ngày 25 tháng 4 năm 1953, đã đăng bài khảo cứu nhan đề "A Structure for Deoxyribonucleic Acid," tác giả là hai nhà khoa học J. D. Watson, người Mỹ, và F. H. C. Crick, người Anh. Bài viết mô tả cấu trúc của *deoxyribose nucleic acid* mà ta thường biết dưới cái tên ngắn gọn, quen thuộc: DNA. Nếu tiền bán thế kỷ 20 thuộc về Vật Lý Học với những khám phá căn bản như thuyết tương đối và cơ học lượng tử thì ta có thể nói hậu bán thế kỷ 20 thuộc về Sinh Vật Học với những bí mật của *gene* – làm sao những đặc tính di truyền có thể truyền đi từ thế hệ này qua thế hệ khác – mà sự khám phá ra cấu trúc của DNA trong bài viết ở trên là cái mốc chính.

Năm 1865, nhà tu hành người Áo, Gregor Mendel, làm thí nghiệm trên những hạt đậu, đã khám phá ra rằng mỗi đặc tính riêng như chiều cao, mầu sắc của chủng loại được truyền sang thế hệ kế tiếp bởi những đơn vị biệt lập. Các nhà khoa học gọi những đơn vị biệt lập này là *gene*.

Vào đầu thế kỷ 20, người ta đã biết trong nhân mỗi tế bào của sinh vật, *gene* kết nối với nhau như một chuỗi hạt trong nhiễm sắc, biết tự chép và phân chia. Câu hỏi được đặt ra là: làm sao những đặc tính di truyền được truyền đi từ nhiễm sắc cũ sang nhiễm sắc mới?

Thoạt tiên, người ta nghi rằng *protein* là nguyên liệu chính dùng để cấu tạo *gene*. Một thứ nguyên liệu khác cũng có khả năng cấu tạo *gene* trong nhiễm sắc là *deoxyribose nucleic acid* hay DNA. DNA là một chất có trọng lượng phân tử lớn, được khám phá bởi nhà khoa học Thụy Sĩ Friedrich Miescher từ năm 1871. Đối với các nhà di truyền học, *protein* có triển vọng làm nguyên liệu hơn DNA vì trước hết, mỗi phân tử *protein* là một chuỗi dài những hóa chất, có tới hai mươi loại khác nhau trong sinh vật. Trái lại, DNA chỉ có bốn loại đơn vị lặp đi lặp lại gọi là *nucleotide*, quá ít và quá giản dị để có thể lưu giữ và truyền bá những đặc tính di truyền, xác định được hình thái muôn màu muôn vẻ của những tế bào cấu tạo nên sinh vật.

Trước đại chiến thứ hai, hai chuyên gia về tinh thể người Anh, J. D. Bernal và W. Astbury, đã dùng sự nhiễu xạ tia X để nghiên cứu cấu trúc của phân tử trong tinh thể. Astbury, chú ý đến những phân tử rất lớn của sinh vật trong các tinh thể, đã chụp ảnh bằng tia X hàng trăm sợi (fibre) được chế biến từ DNA. Ông đi đến kết luận rằng thành phần của DNA gồm có nền (base), đường và phosphate, với nền được xếp chồng lên nhau như cọc tiền, cách nhau 3.4 angstroms (angstrom là đơn vị đo chiều dài, lớn bằng một phần một trăm triệu cm – 10^{-8} cm.) Astbury công bố kết quả về khoảng cách 3.4 angstroms trên tạp chí Nature vào năm 1938 cùng với một số những đo lường khác. Tuy nhiên, ông không có khái niệm nào rõ ràng hơn về cấu trúc của DNA hay của

gene.

Trong đại chiến thứ hai, nhà sinh vật học Oswald Avery, lúc đó đã 67 tuổi, làm thí nghiệm với *pneumococcus* (vi khuẩn sinh bệnh viêm phổi) và đã chứng minh được rằng chính DNA, chứ không phải *protein*, có khả năng di truyền và là nguyên liệu cấu tạo *gene*. Kết quả khảo cứu của Avery được đăng trên The Journal of Experimental Medicine vào năm 1943.

Sau đại chiến, năm 1949, một nhà khoa học Áo khác ở New York, Erwin Chargaff, tiếp tục công trình khảo cứu của Avery. Ông phân tích bốn loại đơn vị hay *nucleotide* của DNA và nhận thấy tổng số hai loại *nucleotide*, *adenine* (A) và *guanine* (G), luôn luôn bằng tổng số hai loại *nucleotide* kia, *thymine* (T) và *cytosine* (C), trong mọi dạng DNA. Đây không thể là một sự tình cờ, tuy vậy, Chargaff không có lời giải đáp nào.

Đó là giới hạn hiểu biết của khoa học về DNA vào đầu thập niên 1950. Làm sao một chất buồn tẻ như DNA, với một bảng chữ cái gồm bốn mẫu tự, có thể là căn nguyên sự bảo tồn của chủng loại, động vật hay thực vật, từ con sâu, cái kiến cho đến người ta hay con cá voi khổng lồ, điều này vẫn còn là một bí mật. Có lẽ những bí mật này nằm trong cách xếp đặt của phân tử DNA! Như vừa trình bày ở trên, ta thấy DNA trải qua một lịch sử khá dài, vào năm 1953, đã được hơn 80 tuổi. Bài viết của Watson và Crick là khám phá đầu tiên không những cho biết cấu trúc của DNA mà còn gợi ý cả về phương pháp tự chép, cần thiết trong việc truyền bá di thể.

Từ đó đến nay, đúng 50 năm nữa, sự khám phá ra cấu trúc DNA đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống quanh ta, là điểm khởi đầu của những ngành học mới như sinh vật học phân tử (molecular biology) và nhất là trong lãnh vực y học. Với toàn bộ di thể nơi loài người (human genome sequence) được thiết lập (bản dự thảo có kèm phân tích đã được công bố vào tháng 2 năm 2001), y học bắt đầu đi tìm những ứng dụng trực tiếp như phương pháp trị liệu bằng *gene*. Một vài nhà khoa học còn quả quyết rằng những khám phá về di thể có thể giúp cho loài người sống tới 1200 tuổi. Không có lý do gì để ta nghi ngờ ước lượng này nhưng, cũng giống như năng lượng nguyên tử – cứu rỗi của con cháu chúng ta mai sau – và bom nguyên tử, ta rùng mình kinh hãi khi nghĩ đến chuyện con người sống lâu như ông Bành Tổ, thọ 1200 tuổi! Có lẽ đó là khía cạnh kém hấp dẫn của việc khám phá ra cấu trúc DNA.

Rosy và The Double Helix

Trong cùng số Nature ra ngày 25 tháng 4 năm 1953, còn có thêm hai bài khảo cứu khác liên hệ đến cấu trúc DNA, một bài của các tác giả M. Wilkins, A. F. Stokes và H. R. Wilson, còn bài kia của hai tác giả R. Franklin và R. Gosling.

Khám phá ra cấu trúc của DNA có lẽ là phát minh khoa học quan trọng nhất trong hậu bán thế kỷ 20. Khoa học ghi nhận tầm quan trọng của phát minh này, vì vậy, giải thưởng Nobel về Y Học và Sinh Lý năm 1962 đã được trao tặng cho James Watson, Francis Crick và Maurice Wilkins.

Năm 1968, James Watson, lúc bấy giờ đã tiếng tăm lừng lẫy, vừa là giáo sư tại trường Đại Học Harvard vừa là giám đốc một trung tâm nghiên cứu quan trọng về sinh vật học phân tử ở Cold Spring Harbor gần New York, cho xuất bản một cuốn sách có tựa là The Double Helix – Vòng Xoắn Kép, VXK. Theo tác giả, VXK là bản tường trình cá nhân về sự khám phá ra cấu trúc của DNA (A Personal Account of the Discovery of the Structure of DNA.)

Trong VXK, ta gặp một nhân vật tên là "Rosy" ngay từ chương 2. VXK cho ta biết cô là người phụ tá của Wilkins, sự có mặt của cô trong phòng thí nghiệm có mục đích duy nhất là để giúp Wilkins tiến hành nhanh chóng công việc khảo cứu. Hơn nữa,

"Tôi nghi là thoạt đầu, Maurice đã hy vọng Rosy sẽ bình thản trở lại. Tuy nhiên, chỉ cần quan sát qua thôi thì sẽ thấy cô ấy không phải là người dễ uốn. Cô không chú tâm làm nổi bật những phẩm chất nữ giới của mình. Dù vẻ mặt cô có những đường nét mạnh nhưng trông cô không phải là không quyến rũ và nếu chỉ chăm sóc tới y phục thêm một chút thì có lẽ cô đã có thể khiến cho nhiều người sững sờ. Chăm sóc tới y phục quả là điều cô không bao giờ làm. Không bao giờ cô tô son môi để tạo sự tương phản với làn tóc đen buông dài. Ở tuổi ba mươi mốt, trang phục của cô phản ảnh tất cả trí tưởng tượng của những thiếu nữ Anh Cát Lợi mới lớn, sính chữ nghĩa văn chương. Do đó, thật dễ liên tưởng cô là sản phẩm của một bà mẹ bất mãn, khăng khăng chủ trương là việc sở hữu một nghề nghiệp chuyên môn có thể cứu các cô gái thông minh khỏi phải kết hôn với những người đàn ông chán như cơm nếp nát. Nhưng đây không phải là trường hợp đó. Cuộc sống tận tụy và khắc khổ của cô không thể giải thích theo cách này được khi cô là ái nữ của một gia đình trong ngành ngân hàng, học vấn uyên

bác và đời sống hết sức thoải mái."

(I suspect that in the beginning Maurice hoped that Rosy would calm down. Yet mere inspection suggested that she would not easily bend. By choice she did not emphasize her feminine qualities. Though her features were strong, she was not unattractive and might have been quite stunning had she taken even a mild interest in clothes. This she did not. There was never lipstick to contrast with her straight black hair, while at the age of thirty-one her dresses showed all the imagination of English blue-stoking adolescents. So it was quite easy to imagine her the product of an unsatisfied mother who unduly stressed the desirability of professional careers that could save bright girls from marriages to dull men. But this was not the case. Her dedicated, austere life could not thus be explained – she was the daughter of a solidly comfortable, erudite banking family.)

(Phụ chú của người viết: **blue-stoking** = nữ sĩ, sính văn chương – một từ có tính cách hạ thể).

Đại cương, người ta đồng ý rằng những chi tiết mô tả nhân vật Rosy thiếu chính xác khi so sánh với người thật. Rõ ràng là Watson không có thiện cảm với Rosy. Không có quy luật nào về sự có thiện cảm hay không có thiện cảm với ai vì nó phụ thuộc sở thích hay cảm nghĩ của mỗi người, nhưng đến khi Watson tự hỏi Rosy sẽ trông như thế nào nếu cô chịu khó bỏ kính ra, thì Anne Sayre, một người bạn của Rosy, hết chịu đựng nổi. Nó không còn là vấn đề sở thích hay cảm nghĩ nữa. Không là một nhà khoa học, Sayre đã mất nhiều công tìm kiếm để đọc VXK và để viết cả một cuốn sách về "Rosy" và, theo bà, Watson "không thể thường thấy cô đeo kính." Lý do giản dị là cô "có thị lực của một con diều hâu" (... had the eyesight of an eagle.)

VXK đọc rất hay. Sách bán chạy như tôm tươi, nhất là sau khi The New York Times tiết lộ trên trang nhất những tranh cãi hậu trường trong quá trình xuất bản, từ việc nhà xuất bản của Đại Học Harvard từ chối không nhận in (vì ông Nathan Pusey, hiệu trưởng – president – của Harvard phủ quyết) đến những thư phản đối của nhiều nhà khoa học có trọng lượng như Crick, Wilkins, Linus Pauling (người được hai giải Nobel: Hòa Bình *và* Hóa Học), thì nó được bảo đảm để trở thành một *best seller,* được dịch ra 18 thứ tiếng.

Vậy Rosy là ai? – Rosy là Rosalind Franklin, tác giả chính của bài viết thứ ba đăng trên cùng một số Nature đã nói ở trên. Năm 1968, khi Vòng Xoắn Kép góp mặt với đời, Rosalind đã mất được 10 năm, ở tuổi 37. Rosalind có tên ngắn, thân mật, là "Ros". Chỉ có một số ít người gọi cô là "Ros" và, theo một tác giả, Watson không dám gọi Rosalind là "Rosy" khi đối diện cô.

VXK cho công chúng thấy một hình ảnh không mấy thiện cảm về Rosalind và đã gây nhiều phẫn nộ. Đương thời, chỉ một số ít đồng nghiệp biết rõ về cô cùng công trình khảo cứu của cô; mười năm sau khi chết, mía mai thay, trong hoàn cảnh rất đáng phàn nàn, người ta mới biết đến tên tuổi cùng con người của cô.

Ngoài phần mô tả con người thiếu công bằng, VXK còn viết rất thiếu chính xác – nếu không nói là hoàn toàn sai lầm – về khảo cứu của Rosalind trong suốt chiều dài cuốn sách. Về điểm này, nhiều câu hỏi có tính cách đạo đức – *ethical questions* – liên hệ đến Rosalind và vai trò của cô trong sự khám phá ra cấu trúc của DNA, đã được nêu ra. Sau cùng, người ta nhìn nhận rằng, trong việc phát minh ra cấu trúc của DNA – vòng xoắn kép – khảo cứu của Rosalind cũng đứng hàng đầu, Watson và Crick đã dùng tài liệu của Rosalind Franklin mà cô không hay biết hoặc cho phép.

Nhiều tác giả đã dùng cả những từ rất nặng như "ăn cắp" (steal) trong vụ này. Để trả lời sự cáo buộc, trong cuốn tiểu sử Watson xuất bản mới đây, năm 2003, "Watson and DNA", tác giả Victor McElheny đã trích câu biện bạch của Watson như sau, "Tôi không đi lục tìm ngăn kéo và ăn cắp. Người ta cho tôi xem và nói cho tôi biết kích thước." (I didn't go into the drawer and steal it. It was shown to me and I was told the dimensions.)

Gia đình Franklin

Rosalind Franklin

Rosalind Elsie Franklin sinh ngày 25 tháng 7 năm 1920, trong một gia đình thượng lưu Anh, gốc Do Thái, tuy không cao sang nhất và cũng không giầu có nhất nhưng chắc chắn là rất gần chóp đỉnh.

Dòng họ Franklin đến từ Breslau, Silesia (một vùng kỹ nghệ quan trọng ở Trung Âu, nay thuộc phía tây nam Ba Lan và phía bắc

Tiệp,) vào năm 1763, với cái tên Fraenkel nguyên thủy trước khi được đánh vần theo tiếng Anh, "Franklin". Benjamin Wolf Franklin vốn là giáo sĩ và thầy giáo, lập nghiệp ở Luân Đôn. Ông kết hôn với Sarah, con của gia đình Lazarus Israel đã đến từ Hamburg từ năm 1760. Benjamin và Sarah có sáu người con trước khi qua đời trong trận dịch vào năm 1785, hiện nay bia mộ hãy còn ở phía đông Luân Đôn.

Khá nhanh chóng, thị tộc Franklin làm ăn thành công, phát đạt. Từ năm 1868, gia đình đã có cơ sở tài chánh ngành ngân hàng ở Luân Đôn. A. Keyser and Co., một ngân hàng tư, là nguồn cung cấp việc làm cho nhiều con cháu dòng họ Franklin trong những thế kỷ sau. Năm 1862, họ bắt đầu dọn sang khu Do Thái trù phú Bayswater, nay là khu sang trọng Notting Hill ở phía tây Luân Đôn, ở đây, Ellis A. Franklin, cháu của người dân nhập cư đầu tiên, là một trong những người sáng lập đền thờ Do Thái ở St Petersburgh Place. Theo đúng truyền thống Do Thái, trả lại đặc quyền mang đến bởi của cải bằng cách giúp đỡ những kẻ kém may mắn, bảy người con của ông cùng các thế hệ kế tiếp đã làm rạng danh dòng họ với lòng bác ái nhiệt thành hiếm thấy, tham gia mọi hình thức từ thiện hay tổ chức giúp ích cộng đồng.

Rosalind thừa hưởng tính kiên trì, cẩn thận và tận tụy trong công việc từ bên nội, nhưng có lẽ phần trí thức, chuyên môn của cô đến từ bên ngoại. Thị tộc Waley đã đến Portsmouth, Anh Quốc, trước cả Franklin, từ năm 1740. Cụ ngoại của Rosalind, Jacob Waley, đỗ đầu về Toán và Văn Học Cổ Điển tại University College, Luân Đôn. Về sau, ông trở thành giáo sư Toán tại trường Đại Học Luân Đôn và đồng thời cũng hành nghề luật sư. Ông còn là người hoạt động thiện nguyện rất đắc lực. Một thí dụ tiêu biểu về cái mà người ta gọi là "Tình Bà Con" (The Cousinhood – mối liên hệ qua hôn nhân của những người Do Thái Anh), ông kết hôn với Matilda Salomons, cháu của cả hai Sir Montefiore và Sir David Salomons, Thị Trưởng Do Thái đầu tiên của Luân Đôn và là người Do Thái đầu tiên được bầu vào Quốc Hội.

Hôn nhân của bố mẹ Rosalind cũng là kết quả của thứ Tình Bà Con này. Ellis Franklin và Muriel Waley gặp nhau nhân một lễ đính hôn trong đại gia đình tại Porchester Terrace, Bayswater, và bắt đầu tìm hiểu nhau bằng một cuộc đi dạo dài qua Hyde Park.

Ellis Franklin là một đại úy trong Đại chiến thứ nhất. Trước chiến tranh, ông dự định theo học khoa học tại New College, Oxford. Giải ngũ năm 1918 và đã thành lập gia thất, ông thuận theo lời khuyên của gia đình, bỏ ý định đi học lại để làm việc trong ngân hàng của Keyser trong đó cha ông là một thành viên cao cấp. Ông luôn luôn tận hiến sức mình trong mọi lãnh vực, từ giải trí cho đến công việc buôn bán hay từ thiện. Kết hôn năm 1917, ba-lô trên lưng, Ellis cùng cô dâu mới sống qua những ngày trăng mật trên khắp nước Pháp và Anh. Ngay cả ở Luân Đôn, Ellis cũng thường dẫn Muriel, thân hình bé nhỏ, cố dấn bước đuổi theo chồng, đi *marathon* từ Notting Hill đến Richmond và Wimbledon.

Rosalind có một bà mẹ thật dễ thương. Muriel Franklin là một phụ nữ hòa nhã, có học và thông minh. Bà không có bằng đại học vì, theo tục lệ hồi đó, mẹ bà muốn như vậy. Là người vợ mẫu mực, Muriel phụ giúp chồng quản trị đắc lực những công việc từ thiện, về sau, bà cũng là một nhà văn tài năng hoàn hảo. Là bà mẹ mẫu mực, bà dậy con phép tắc và ý niệm cực kỳ quan trọng của lòng trung thành trong gia tộc.

Decrees titular

Để có một hình ảnh nữa về gia đình Franklin, ta nghe thêm một mẩu chuyện nhỏ. Năm 1938, sau cuộc hội nhập chính trị giữa Áo và Đức Quốc Xã (Anschluss), 10 000 trẻ em Áo đến Luân Đôn, nhiều em không có thân nhân đi cùng, gia đình Franklin, ngoài việc tổ chức, giúp đỡ, còn nhận thêm hai em về sống với họ. Evi Eisenstadter, một cô bé chín tuổi, cha đã bị gửi tới Buchenwald, sau khi vượt qua quãng đường dài quá nửa Âu Châu, đến Luân Đôn vào tối thứ sáu mùa hè năm 1938. Evi được báo tin sẽ đi về vùng quê nghỉ cuối tuần. Xe lửa đến muộn, khi tài xế lái xe đến trang trại Franklin tại Chartridge, hình ảnh đầu tiên đến trong mắt Evi là hai người đàn ông mặc lễ phục đang đi xuống cầu thang. Cô nhớ lại, "trông họ thật thanh lịch, tôi cứ ngỡ là nhà Vua". Nhưng đó chỉ là Ông Franklin và Tử Tước Samuel đang đi xuống nhà để dùng cơm tối.

Đó là hoàn cảnh gia đình và môi trường trong đó Rosalind lớn lên, một gia đình phú túc, con cái được trông nom, giáo dục chặt chẽ. Những người biết rõ Rosalind có thể mô tả cô đôi chút khác nhau về chi tiết, nhưng tuyệt nhiên không thấy hình bóng của Rosy như trong Vòng Xoắn Kép.

Theo Anne Sayre, "Cô không là một con chuột nhắt. Ít người gặp cô, dù chỉ trong chốc lát, mà

không chú ý đến cô. Ở Rosalind có "sự hiện diện" (presence), thứ hiện diện khiến người ta nghĩ cô cao hơn người thật, và cảm nhận này không đến hoàn toàn từ dáng đi đứng thẳng tắp hay sự tỏ lộ một năng lực sống động nơi cô. Nó cũng chẳng đến hoàn toàn từ vẻ đẹp có khả năng gây một ấn tượng sâu sắc của cô hay, nói cho đúng hơn, từ sự nhanh nhẹn, thanh lịch, gọn gàng mỗi khi cô di chuyển. Phẩm chất này có lẽ là bẩm sinh ..."

Nhiều tác giả đồng ý rằng "Rosalind không mấy sẵn sàng chịu đựng những anh điên!" (Rosalind would not suffer fools gladly!) Anne Sayre nói tiếp về sự đam mê, tận tụy của cô trong nghiên cứu khoa học. "Nhưng có lẽ một mô tả đúng hơn, ít lầm lẫn và dung hòa, đó là cô có một thiên hướng rất mạnh và sung sướng."

Rosalind vào trường nữ trung học St Paul's Girl's School, năm 1932. Theo Anne Piper, bạn cùng lớp của cô, hai người bao giờ cũng ở nhóm dẫn đầu về Toán, Pháp Ngữ, Latin và Khoa Học, nhưng dù điểm thi của Anne tốt thế nào chăng nữa, điểm của Rosalind cũng luôn cao hơn, "trừ một lần đặc biệt mà tôi luôn luôn nhớ!"

Quyết định theo học khoa học từ năm 15 tuổi, Rosalind thi vào Cambridge một năm sớm hơn bình thường và đỗ vào cả hai trường nữ thuộc Cambridge, Girton và Newnham. Cô chọn Newnham.

Tuy đã cho phụ nữ nhập học từ năm 1869 và Do Thái từ năm 1871, nhưng, không giống Oxford, Cambridge không chịu nhận họ là "thành viên của Đại Học". Hơn nữa, nữ sinh viên không được coi như sinh viên bình thường *"undergraduates,"* mà chỉ là "sinh viên của Girton và Newnham Colleges". Khi tốt nghiệp, họ không được cấp văn bằng mà chỉ nhận được một thứ gọi là *"decrees titular,"* thường được gọi khôi hài là "decrees tit" (tit = núm vú).

Sau khi tốt nghiệp, cô được trợ cấp nghiên cứu và đã ở lại Cambridge để làm luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Ronald Norrish. Năm 1945, luận án tiến sĩ của Rosalind được chấp nhận.

Tuy được trợ cấp để ở lại Cambridge, Rosalind chỉ lưu lại đó có một năm. Lúc đó là thời chiến tranh. Năm 1942, Rosalind được chỉ định sang làm cho Tổ Hợp Nghiên Cứu Sử Dụng Than Anh Quốc (The British Coal Utilization Research Association – BCURA), ở đây, cô khảo sát về cấu trúc của carbon và đã cho xuất bản nhiều bài khảo cứu giá trị. Cũng trong thời gian này, Rosalind đến ở để giúp quản trị một nhà tập thể (hostel) thiết lập bởi Adrienne Weill, một nữ khoa học gia tị nạn Pháp. Hai người trở thành bạn thân. Tình bạn này có ảnh hưởng lớn đến cách nhìn cuộc sống của cô. Adrienne giúp cô thoát khỏi cái vỏ cứng rắn, câu nệ của gia đình và phong cách dạy dỗ truyền thống của St Paul. Rosalind ngày càng cảm thấy khó chịu, bứt rứt về quan điểm chính trị thừa hưởng từ gia đình và sẵn sàng tiến tới lập trường có tính cách xã hội hơn. Bên cạnh một Adrienne khéo léo, sống động, Rosalind tìm thấy người bạn, người đồng hành, người hướng dẫn cần thiết và có lẽ, từ trong tiềm thức, đó là điều cô vẫn mong đợi. Với sự trợ giúp và tình bạn của Adrienne, Rosalind dần dà nhận biết rõ ràng cả ý niệm chính trị lẫn quan điểm tôn giáo của mình.

Tự do – Bình đẳng – Bác ái

Hết chiến tranh, vào mùa xuân năm 1946, Rosalind quyết định thôi làm với BCURA. Cô viết một thư ngắn cho Adrienne, lúc bấy giờ đã về làm việc tại Pháp, hỏi bà nhìn quanh xem có ai cần sự giúp đỡ của một nhà hóa học vật lý, biết "rất ít về hóa học vật lý, nhưng khá nhiều về những cái lỗ trong than." Một người bạn của Adrienne, Marcel Mathieu, một chuyên gia về tinh thể xuất sắc, đang giữ chức vụ quan trọng trong một cơ quan chính phủ có trách nhiệm trợ giúp và kiểm soát nghiên cứu khoa học của Pháp, lúc đó, cùng năm 1946, sắp đi dự một hội nghị về nghiên cứu carbon ở Luân Đôn. Ở hội nghị này, Rosalind sẽ trình bầy một bài khảo cứu của cô. Rosalind và Mathieu gặp nhau, cùng có cảm tình với nhau ngay. Rõ ràng đây là một người mà Rosalind có thể ngưỡng mộ và kính trọng, do đấy, cô cảm thấy không cần phải thủ thế. Về phía Mathieu, ông thấy Rosalind duyên dáng và ước lượng cô có tiềm năng khoa học rất cao. Rosalind được bổ nhiệm làm "nghiên cứu viên" (chercheur) tại Laboratoire Central des Services Chimiques de l'État vào tháng 2 năm 1947.

Paris, Tự do – Bình đẳng – Bác ái! Đến Paris, rất nhanh chóng, Rosalind trở thành, theo cách dùng chữ của D. H. Lawrence, *"unEnglished."* Rosalind thuê được một căn buồng trong nhà quả phụ một vị giáo sư. Quy luật trong nhà rất chặt chẽ: không gây tiếng động sau 9:30 tối, chỉ được dùng bếp sau khi cô người làm đã lo xong bữa cho bà quả phụ. Cô được phép dùng bồn tắm mỗi tuần một lần, kỳ dư, cô phải an phận với cái chậu thiếc dấu trong một góc phòng. Căn buồng đơn độc làm thành một tương phản lạ lùng với tòa

nhà rộng lớn như lâu đài, có hai mặt tiền hậu ở Pembridge Place, nơi cô lớn lên. Tuy vậy, bốn năm lưu ngụ ở Paris có lẽ là quãng đời tươi đẹp, hạnh phúc nhất của Rosalind. Sự chật hẹp của căn buồng không những đã không giới hạn mà còn giúp tăng tiến tự do cùng làm phát triển cá nhân cô.

Qua Jacques Mering, một cộng sự viên của Mathieu, Rosalind đã quán triệt được kỹ thuật khảo cứu tinh thể với cách dùng nhiễu xạ tia X. Công việc nghiên cứu tiến hành khả quan, sự đóng góp của cô được tán thưởng, đồng nghiệp sống hòa thuận và cảm phục năng lực trí tuệ khác thường cùng khả năng tập trung tư tưởng của cô trong mọi công việc cô nhúng tay vào. Ở đây không có định kiến về giới tính. Rosalind tự do sống như cô muốn, phát triển tài năng nấu nướng và hấp thụ được cái thú ăn mặc của phụ nữ Pháp.

Đám đông phòng thí nghiệm thật vui nhộn. Mỗi ngày họ đi qua sông Seine, ăn trưa ở một tiệm ăn nhỏ, Chez Solange, trông sang École de Physique et Chimie, nơi mà Pierre và Marie Curie đã khám phá ra radium. Sau bữa ăn trưa, có thể họ sẽ về phòng thí nghiệm để cử hành một thứ lễ nghi mà họ gọi là "les cafés de PC" – cà phê được chế biến trong bình thí nghiệm và uống với ly là cái đĩa thí nghiệm dùng để cho chất lỏng bốc hơi. Câu chuyện tiếp tục không ngừng, theo một trong những người trong bọn, có tinh thần "tự do, có tính cách Descartes điểm thêm thuyết vô thần và bảo vệ nhân quyền", nói cách khác, những người trí thức Pháp đang đóng vai những người trí thức Pháp! Không thiếu gì thứ để tranh luận và phụ nữ được hoàn toàn bình đẳng, không ai nhường ai.

Trong môi trường ấy, Rosalind là một thiếu nữ lành mạnh, vui vẻ, nói tiếng Pháp toàn hảo với rất ít giọng Anh và tận tụy với công việc. Đôi khi họ đi bơi ở một bể bơi gần đó. Tối đến, có thể họ đi khiêu vũ, Rosalind được đèo trên mô tô.

UnEnglished! Rosalind, cô có những giờ phút đã nhất của đời cô. Rosalind viết thư về nhà tuyên bố, rất giản dị, là cô rất yêu những dân "ngoại quốc" này!

KHÁNH HÀ

NGƯỜI ƠI

Người ơi lắng nghe mùa xuân
Đất trời rạo rực trong từng nụ hoa
Cội lê gốc táo đã già
Đâm chồi nẩy lộc hóa ra xuân thì
Nắng hôn thảm cỏ xanh rì
Bầy chim ríu rít nói gì với nhau
Gió run nhẹ cánh hoa đào
Nơi đây êm ả ngọt ngào mùa xuân
Nơi đâu sát khí bừng bừng
Mặc người khẩn thiết xin đừng giết nhau
Người ơi ở một nơi nào
Người ta chuẩn bị giết nhau không ngừng
Từng chiến hạm, những đoàn quân
Một vùng gió cát trùng trùng đạn bom
Lửa địa ngục đừng cháy lên
Đừng thiêu đốt những êm đềm mộng mơ
Người ơi nhìn đi con thơ
Rưng rưng nước mắt trong giờ biệt ly
Vợ hôn chồng, biết nói gì
Tiễn người chinh chiến ra đi, có về
Người ơi xin là cơn mê
Tỉnh ra mặt đất tràn trề mùa xuân.

Rosalind và The Double Helix

Tháng 1 năm 1951, Rosalind Franklin nhận trợ cấp nghiên cứu Turner-Newall, đến King's College Luân Đôn để bắt đầu công việc mới. Đối với cô, dùng kỹ thuật nhiễu xạ tia X mà nay cô là chuyên viên, để khảo sát những chất trong sinh vật là một thử thách cô không thể bỏ qua. King's

đang ở hàng đầu trên hướng đi này. Rosalind trở về Anh và bắt đầu từ đây, mọi việc hình như không ổn. Thí dụ như, trước hết, khi đến King's, Rosalind được biết rằng phòng sinh hoạt cho các vị có chức sắc – Senior Common Room – là chỗ đàn bà không được phép đến, mặc dù ở bất cứ địa vị nào. Đó không những là một sự lăng mạ nhân phẩm mà còn có thể gây thiệt hại lớn cho lợi ích chung bởi vì phòng sinh hoạt thường là nơi trao đổi ý kiến về những khảo cứu đang tiến hành, những khó khăn gặp phải trong việc tìm câu đáp.

Ngày 8 tháng 1, giáo sư J. T. Randall, FRS, người đứng đầu ban Vật Lý, triệu tập một buổi họp để giới thiệu Rosalind. Có mặt trong buổi họp là Raymond Gosling, một sinh viên tiến sĩ trẻ, người độc nhất ở King's biết dùng nhiễu xạ tia X, nay được cử làm phụ tá Rosalind. Cũng đồng thời có mặt là nhà Vật Lý và Toán, Alec Stokes. Randall nói ông muốn Stokes sẽ "hầu như hoàn toàn quan tâm đến vấn đề lý thuyết." Một người có mặt khác nữa là "bà Heller, người tốt nghiệp ở Syracuse." Louise Heller làm việc thiện nguyện ở King's trong khi chồng bà học ở Luân Đôn với học bổng Fulbright. Nhưng, có lẽ điều quan trọng nhất là sự vắng mặt của một người: Maurice Wilkins đang đi nghỉ hè.

Wilkins, người có quyền thay mặt Randall, phó giám đốc nhóm vật lý sinh vật, đã nghiên cứu rất nhiều về *nucleic acid* trong nhiều năm trời. Wilkins ngỡ Rosalind đến King's để làm phụ tá giúp mình. Đấy là một sự hiểu lầm đáng tiếc. Theo như thư của Randall, Rosalind hiểu rằng cô được bổ nhiệm vào chức vụ này với mục đích thiết lập và bành trướng nhóm nhiễu xạ tia X. Cô sẽ là người điều khiển nhóm nhiễu xạ tia X, hướng dẫn nghiên cứu của Gosling và khảo cứu về DNA. Nói tóm lại, về phương diện khảo cứu, Rosalind là người ngang hàng với Wilkins.

Ngày nay, bàn lại lý do tại sao, thế nào, về sự hiểu nhầm này không có lợi ích gì. Chỉ cần đọc Vòng Xoắn Kép, dù với sự thiếu chính xác của nó, ta có thể thấy được không khí ở King's ngạt thở như thế nào cho hai nhân vật chính. Ngạt thở đến độ nào? Ta có thể đọc một việc xảy ra như đã được kể lại trong VXK.

Theo VXK, giữa Cambridge và Linus Pauling ở Ca Li, có một cuộc chạy đua rất khít khao trong việc khảo cứu cấu trúc của DNA (theo Peter Pauling, con của Linus, chuyện chạy đua chỉ có ở trong đầu của Watson). Khi phòng thí nghiệm của Watson và Crick nhận được bản thảo bài viết của Linus về DNA, Watson vội chạy đến King's để nói chuyện với Wilkins. Wilkins lúc đó không rảnh, Watson đến tìm Rosalind. Việc gì đã thực sự xảy ra giữa hai người thì ta không rõ lắm, chỉ biết, theo Watson kể lại, thấy Rosalind rất giận dữ, sợ bị cô hành hung, ông vội vàng thu thập bản thảo của Pauling để chạy. Rất may mắn, Wilkins đến kịp thời cứu Watson, và vẫn theo Watson, Wilkins nói Rosalind đã từng định hành hung cả ông ta nữa (Anne Sayre phỏng vấn Wilkins về chuyện hành hung, ông trả lời Watson phóng đại, "tôi có thể tưởng tượng cô ta cho ai một cái tát, nhưng đó không là hành hung. Jim đã viết tiểu thuyết").

Việc xảy ra tiếp đó có tầm quan trọng hơn: Wilkins dẫn Watson về phòng mình, sau vài trao đổi, lấy bức ảnh số 51 mà ngày nay đã trở nên rất nổi tiếng của Rosalind, cho Watson xem. "Ngay khi nhìn thấy bức ảnh, miệng tôi há to và mạch máu tôi bắt đầu đập mạnh" (VXK). Có lẽ Wilkins cảm thấy mình đã nói quá nhiều, vì chừng một tuần sau đó Watson và Crick có trong tay bản báo cáo của Hội Đồng Nghiên Cứu Y Học (Medical Research Council, MRC) mà hai người đã hỏi xin từ Max Perutz (không thể gọi là vô tình). Có được bản báo cáo này chẳng khác gì có được cuốn mật mã của quân thù. Đoạn lược kê khảo cứu của Rosalind có tả rõ ràng sự thay đổi giữa hai dạng DNA cùng một bảng kê khai chi tiết đo lường. Dựa trên những dữ kiện này cùng với nghiên cứu của riêng họ, Watson và Crick đã thành công trong việc thiết lập một mô hình cho cấu trúc của DNA như đã loan báo trong bài viết đăng trên Nature.

Trong suốt chiều dài của cuốn sách, Watson cố chứng minh rằng Rosalind chống lại vòng xoắn (anti-helical). Sự thực không phải như vậy, trong sổ phòng thí nghiệm của Rosalind có ghi đầy đủ chi tiết, và ngay cả trong một buổi thuyết trình vào năm 1951, Watson có dự mà không chịu nghe, Rosalind cũng đã nói về cấu trúc vòng xoắn. Ngày 17 tháng 3 năm 1953, Rosalind viết một bản thảo nói về cấu trúc của dạng B của DNA gồm có có hai chuỗi xoắn, đồng trục – vòng xoắn kép – Watson và Crick cũng có cùng một kết luận và sẵn sàng công bố.

Xuất bản bài khảo cứu trở nên một việc làm rất tế nhị. Làm thế nào để chia phần giữa hai phòng thí nghiệm, Cavendish của Bragg và King's của Randall? Làm sao để ghi nhận và cảm ơn sự đóng góp của Rosalind với bức ảnh và dữ kiện trong báo cáo của MRC? Trong hậu trường, người ta mặc cả từng chữ trong bài viết và tất nhiên, có

lẽ vì cần thiết, Rosalind vẫn không hay biết gì về chuyện khảo cứu của mình bị xem trước. Ngày 25 tháng 4 năm 1953, khi ba bài khảo cứu xuất hiện trên Nature dưới nhan đề chung, Cấu Trúc Phân Tử của Nucleic Acids, ở King's có một buổi liên hoan. Trong buổi liên hoan, chuyên viên chụp ảnh Freda Ticehurst nhìn quanh và hỏi, "Rosalind đâu?" Để thay câu trả lời, người ta nhìn bà với cái nhìn khác lạ. Để cảm ơn Rosalind, lúc đó đã sang làm ở Birkbeck College, một tuần lễ trước khi ba bài viết xuất hiện, Randall gửi Rosalind một lá thư. Rất nghiêm chỉnh, Randall gọi Rosalind là "Miss Franklin," ông yêu cầu cô không những phải chấm dứt việc khảo cứu về DNA mà còn phải ngừng, đừng nghĩ về DNA nữa.

Điều kiện cần và đủ

(Có một thời, người viết bài này làm nghề dạy toán, hay được sinh viên hỏi về điều kiện cần và đủ. Những câu cắt nghĩa vòng vo dường như không thuyết phục được nhiều người. Một hôm, tình cờ trông thấy tờ vé số, thầy giáo bèn trả lời như sau: "*Điều kiện cần* để trúng số độc đắc là phải mua một vé số, còn *điều kiện đủ* là phải mua tất cả những vé số!" Nhiều sinh viên nhao nhao phản đối, "Đó không phải là điều kiện đủ mà là *điều kiện thừa!*")

Năm 1962, giải thưởng Nobel về Y Học và Sinh Lý đã được trao tặng cho James Watson, Francis Crick và Maurice Wilkins về công trình khảo cứu cấu trúc của DNA; cho Watson và Crick vì đã thành công trong việc thiết lập mô hình cho DNA, còn cho Wilkins vì những khảo cứu bằng nhiễu xạ tia X. Wilkins có khảo cứu dùng nhiễu xạ tia X cùng Gosling nhưng nhiễu xạ tia X đưa đến cấu trúc DNA thuộc Rosalind.

Vậy thì tại sao Rosalind không được giải Nobel? – Tại vì khi giải Nobel được trao tặng cho khảo cứu về DNA vào năm 1962 thì Rosalind đã qua đời từ bốn năm trước. Giải Nobel chưa bao giờ được trao tặng cho người quá cố, do đấy, *điều kiện cần* để được giải Nobel là không được chết!

Câu hỏi tiếp có thể được đặt ra là: nếu Rosalind hãy còn sống vào năm 1962, liệu đó có là *điều kiện đủ* cho cô được giải Nobel không? Câu trả lời giản dị là "chưa chắc!" Giải Nobel không được trao tặng cho quá ba người trong mỗi loại và ủy ban Nobel ở Stockholm, khi chọn lựa, phải theo một số quy ước nhất định, như sự tiến cử đưa đến từ mỗi quốc gia bởi những người trong số đó có những người đã từng được giải. Hệ thống này khuyến khích sự móc nối. Thật vậy, khi tên của Wilkins được công bố là cùng được giải, Sir Lawrence Bragg đã viết cho Max Perutz là ông rất vui sướng và ông đã nhấn mạnh trong thư tiến cử của ông. Bragg là người có ảnh hưởng rất lớn trong việc tiến cử người Anh. Nếu được thêm Randall nói vào, ta khó mà tưởng tượng được Bragg sẽ không để tên Wilkins, nhất là khi Wilkins còn thâm niên hơn Rosalind và cũng đã làm nhiều khảo cứu ở King's về DNA.

Phương danh Rosalind được ca tụng trên diễn đàn Nobel ở Stockholm nhưng không phải bởi Watson, Crick hay Wilkins. Khi ba người đọc diễn văn trong lễ trao tặng giải, chỉ có Wilkins nhắc đến tên cô và Stokes như những người đã có đóng góp trong việc phân tích tia X. Năm 1982, Aaron Klug lãnh giải Nobel về Hóa Học, ông nói một cách rất cảm động về người đồng nghiệp đã quá cố. Ông nói Rosalind Franklin là người đã đưa dẫn ông trong nghiên cứu về siêu vi khuẩn và đã nêu gương trong việc giải quyết những vấn đề lớn và khó, "nếu đời sống của cô không bị cắt ngắn một cách đáng tiếc, có lẽ cô đã đứng trên diễn đàn này sớm hơn."

03/2003

Sách Mới:

- **Đứng Ngắm Phù Vân**, tập truyện của Võ Doãn Nhẫn - 261 trang, giá 12 Mỹ kim
Liên lạc: Võ Doãn Nhẫn, 9635 Mast Blvd, Santee, CA 92071 – USA
nhan1938@hotmail.com

- **Âm Vọng**, tiểu thuyết của Lê Thị Thấm Vân
364 trang, giá 15 Mỹ kim
Liên lạc: P.O. Box 390910, Mountain View, CA 94039-0910 - USA
thamvan@sbcglobal.net

- **Hoa Cát Nóng**, dịch thơ cổ điển của thế giới Ả Rập của Lưu Văn Vịnh
63 trang, giá 6 Mỹ kim
Liên lạc: Hạ Long Thư Các, P.O. Box 122, Eldridge, CA 95431 – USA
luuvanvinh@yahoo.com

- **Người Thích Nhìn Vú**, tập truyện của Nguyễn Văn Thà
292 trang, giá 15 Mỹ kim
Liên lạc: 9702 Bolsa Ave. # 112, Westminster CA 92683 – USA
theky21@kicon.com

MỘT MẢNH SAO BĂNG

VŨ THƯ HIÊN

Một người đàn ông gày gò, mái tóc tóc bạc bù xù, nụ cười xám xịt khói thuốc, ôm chầm tôi, vỗ mạnh mấy cái vào lưng, rồi cất giọng khao khao:

- Lai đây, Đặng Phúc Lai đây. Được thông báo về mình rồi chứ? Mình đợi cậu, tin chắc thể nào cậu cũng sẽ tới. – anh nhét vào tay tôi một tập giấy - Đây là tài liệu mình mang sang cho cậu.

Đó là Đặng Phúc Lai, người được các bạn dân chủ ở trong nước báo trước cho tôi biết tôi sẽ gặp anh ở Pháp. Lai sang đây để chữa bệnh, bệnh gì anh em không nói, nhưng chắc là nan y. Tôi ở Nuremberg, cách Paris một đêm nằm tàu, anh sang hôm nào tôi cũng không hay. Chẳng ai báo cho tôi cả. Tôi vừa từ Nuremberg đi Lyon để dự cuộc gặp mặt các bạn văn quốc tế sống lưu vong ở châu Âu. Tan cuộc, tôi ra thẳng ga đi Paris. Ở Paris Mạng lưới Dân chủ tổ chức buổi tưởng niệm Trần Độ. Lúc đó là tháng 11, trời đã hơi lạnh. Anh Bùi Tín đứng bên săn sóc nhắc Lai: đừng cố gắng nói to mà mệt, nói thế nghe được rồi.

- Trông cậu không khác trong ảnh bao nhiêu. Hơi già hơn một chút. Cái ảnh là hay nịnh lắm – Lai nghiêng ngó ngắm tôi, nói qua hơi thở hổn hển – Anh em hỏi thăm cậu. Nhớ lắm.

Anh gọi lên một số tên. Tôi ôm lấy anh, thấy trong vòng tay mình một thân xác nhẹ bỗng. Thì ra Lai là thế này đây. Lời giới thiệu qua điện thoại viễn liên, vừa phải ngắn gọn, vừa phải bí mật, nên rất sơ sài, chỉ đủ để cho sự tin tưởng lẫn nhau thì Lai là "người mình đấy." Một cây viết sắc sảo với những tiểu luận chẳng bao giờ được in. Một cựu tù nhân có thâm niên hơn một giáp trong các trại tập trung. Một tiểu sử bình thường. Những cây viết không được in ở Việt Nam không phải là ít. Đám cựu tù thì đông lắm, vô số kể. Cho nên cũng chẳng thể coi là một người đặc biệt. Nhưng trong cái thời "*Giấy rách mất lề/ Tượng Phật khóc, Đức Tin lưu lạc/ Thiện Ác nhập nhằng/ Công lý nổi lênh phênh...*" (thơ Nguyễn Duy) được thêm một người còn bàn chuyện thời thế nước non, chuyện độc tài dân chủ, chuyện đấu tranh cho một xã hội xứng đáng với con người là quý. Không phải quý vừa, mà quý lắm.

Cho tới khi tôi được đọc một bài viết của Đặng Phúc Lai về Phật học, về Thiền và Vô Niệm. Bài viết của anh mang lại cho tôi nhiều hiểu biết thú vị. Nó không chỉ bổ sung cho kiến thức của tôi vào đúng chỗ tôi thiếu, ở một mặt nào đó nó còn có tính chất khai tâm. Lai có cách viết hơi lạ, với những chữ viết hoa bất tử, những dấu chấm lửng và những đoạn xuống dòng không giống ai, nhưng trong những bài viết của anh những khái niệm siêu hình mờ mịt trở nên sáng rõ trên nền hơi văn hào sảng, đây đó thỉnh thoảng pha chút hài hước.

Đến lượt Lai phát biểu. Cử toạ trong những cuộc họp như thế này bao giờ cũng gồm những người rất khác nhau. Phần đông là những người có chân trong các hội đoàn người Việt hải ngoại, họ đến để nghe các diễn giả nói về những vấn đề thời sự nóng hổi, để ủng hộ hoặc đả đảo một cái gì đó. Nhưng kìa, lạ chưa, diễn giả vừa từ trong nước ra kia dường như lại muốn nói về cái khác, không phải chuyện chính trị, là chuyện người ta cần nghe. Lai nói say sưa, không chú ý tới cử toạ ngỡ ngàng. Anh độc thoại. Ai nghe được anh thì nghe. Ai không thích nghe thì thôi. Anh nói bằng những hơi gió chạy qua những dây thanh đới bị hỏng, đã thế lại nhiều từ trừu tượng, ít nhất thì cũng cần phải sắp xếp lại những định nghĩa cho chúng. Nhưng cả hội trường im phăng phắc lắng nghe anh. Tôi không nghĩ rằng bài nói của anh được nhiều người có mặt hiểu hết. Nhưng điều quan trọng nhất mà anh muốn nói đã đến được với họ. Anh nói về một Trần Độ sản phẩm của một thời tao loạn hối hả với những lựa chọn ngẫu nhiên, không kịp cho những suy nghĩ trầm ngâm, một con người bình dị, như tôi như anh, như mọi người, với tất cả những ràng buộc thế tục phàm là con người đều phải có. Trong con người có lúc đã lên tới đỉnh cao quyền lực của chế độ độc tài có một nét vượt trội - ấy là sự trung thành với tình yêu tự do, nhờ nó mà con người cơ chế chính thống trong ông đã vượt qua được những giằng xé của ý thức được, hoặc bị, nhồi nhét vào đầu trong nhiều năm, vượt qua được bản năng, hoặc thêm cả ý thức tự bảo tồn vào đấy nữa, để sau hết, vượt qua cái tồi cái xấu của chính mình mà trở thành người đấu tranh cho tự do. Qua màn sương của những từ triết lý, người ta hiểu điều anh muốn nói: con người muốn xứng đáng là con người cần phải có trước hết là cái Tâm trong sáng.

Có cái Tâm ấy rồi, con người sẽ hành động ung dung tự tại, không phải ngó trước ngó sau, không phải làm để chiều lòng một ai.

Sau đó, chúng tôi còn gặp nhau nhiều lần nữa ở nhà anh Bùi Tín, và hai lần trong căn phòng hẹp của tôi ở Paris, nơi chúng tôi phải né tránh nhau như những người lịch sự bậc nhất để kiếm lấy một chỗ ngồi và từ đó cứ phải ngồi yên, không được đi lại, cho tới khi ra về. Những cuộc gặp gỡ này, phải kể thêm một đêm khề khà tâm sự nữa, làm cho tôi hiểu Lai thêm. Càng hiểu anh tôi càng quý anh. Để rồi sau này tiếc hùi hụi chuyện trong cõi nhân sinh hữu hạn gặp được nhau quá ít trong khi có thể gặp nhau nhiều hơn.

Lai bị ung thư vòm họng, Bùi Tín thông báo bằng giọng thì thào. Anh sang được Pháp nhờ chính quyền Hà Nội coi thường anh, và nhờ nước Pháp không hẹp hòi với anh. Chị ruột Lai, một người yêu em bằng tấm lòng người mẹ, đã lo cho anh sang để chữa bệnh. Nhưng ở Pháp không có phép lạ. Các bác sĩ chuyên ngành nổi tiếng tiên đoán Lai không còn sống lâu. Mọi người biết chuyện đều giấu Lai sự thật. Biết là thế rồi, với tất cả sự kính trọng đối với y học Pháp và châu Âu, tôi vẫn cứ cứ ngỡ ngàng nhìn Lai. Trong thâm tâm, tôi không tin, hoàn toàn không tin. Trên gương mặt rạng rỡ với đôi mắt tinh anh của Lai không có bóng dáng của thần chết. Lai và tôi là bạn đồng tuế. Năm nay anh và tôi cùng bước vào "đầu 7", theo cách nói mới ở trong nước. Chưa đến tuổi này ở làng tôi những năm xa xưa các cụ đã chuẩn bị cho mình một cỗ hậu sự. Tôi chưa nghĩ tới cái chết. Lai cũng vậy. Những người khăng khăng không chịu "chuyển hộ khẩu" vào nghĩa địa tù trong những năm dài ở các trại cải tạo đều thế cả - họ không còn nghĩ tới cái chết, hay nói cách khác, họ từ cõi chết trở về và họ sẵn sàng gặp cái chết với tâm trạng bình thản. Trong mấy lần gặp gỡ hiếm hoi chúng tôi háo hức nói với nhau về đủ loại đề tài, từ tình hình đất nước cho tới những khái niệm về dân chủ với tư cách hệ thống quản trị xã hội, những hình thái độc tài mà dân tộc có thể sẽ gặp, không trừ cả hình thái nguỵ dân chủ, thậm chí cả lĩnh vực ngoại cảm vốn bị coi là mê tín dị đoan. Lai thích thú nói về Mẫn và Tuệ với tư cách hai thành tố của "Nhân" như một điều không cần chứng minh, nhưng lại là điều nhưng chuyên gia thuần lý không có khả năng hiểu. Anh làm rõ thêm ý nghĩa tưởng chừng không cần làm rõ thêm nữa của Nhân trị và Pháp trị. Anh bốc lên khi nói về chữ "Tâm" sẽ cứu rỗi nhân loại, về cõi tâm linh bị bỏ quên, chính nó đã gây ra nhiều thảm hoạ cho loài người. Anh có thể nói hàng giờ về đề tài đó, cho tới khi từ cuống họng anh chỉ còn phát ra hơi gió thay cho tiếng nói. Tôi can anh đừng nói nữa thì anh gạt phắt, còn nói hăng hơn nữa, để chứng tỏ anh vẫn còn nói được.

Lai không kể vì sao anh bị tù. Tôi cũng không hỏi. Ở miền Bắc Việt Nam trong những thập niên cực thịnh của chính quyền xã hội chủ nghĩa chẳng ai buồn hỏi ai câu hỏi vô duyên đó, trừ những kẻ ngớ ngẩn. Người ta đi tù bởi đủ mọi lý do có thật và không có thật mà nhân loại bình thường không bao giờ hiểu được. Đó là thời gian của cái gọi là lãng mạn cách mạng, khi những lãnh tụ anh minh thành tâm (hay không thành tâm nhỉ?) tin vào nền giáo dục tốt đẹp không gì sánh bằng của những trại giam do họ xây dựng. Đi qua những trại giam ấy những công dân hư hỏng, cũng lại theo cách đánh giá của họ, sẽ trở thành những công dân mẫu mực. Những công dân mẫu mực này, tôi và Lai đều được được chứng kiến, nếu không nằm lại ở các nghĩa địa tù thì cũng trở về như những kẻ bại liệt hoặc mất trí. Với Đặng Phúc Lai da bọc xương, các lãnh tụ béo tốt và phơi phới niềm tin đã thua. Trại giam xã hội chủ nghĩa không bẻ gãy, cũng không hoán cải được Lai. Cái duy nhất mà nó làm được là để lại trong anh lối văng tục trong cả những câu chuyện hết sức tử tế của anh với những người tử tế mà anh gặp. Cái đó làm nhiều người ngỡ ngàng. Tôi trách anh,

HUỲNH LIỄU NGẠN

MẸ TÔI

sớm mai sương rụng bên thềm
trong hơi hướm mẹ con thiêm thiếp nằm
câu hò ru vọng trăm năm
tiếng rơi lạc giọng mù tăm xuống đời
năm canh mắt mẹ sáng ngời
năm thao thức suốt một đời vì con
tóc hai màu phủ xuống hồn
vai khô gánh nặng đầu thôn cuối làng
chân xiêu lạc bước qua ngàn
áo phơ phất tạt chẳng màng đường xa
mẹ về lạnh buổi chiều tà
miếng cơm pha máu bài ca đậm màu.

anh bảo: "Mình ở cái xã hội xuống cấp thì mình phải xuống cấp theo với nó, không thì nó tống ra ngoài." Cái gì vậy? Trở lại với Khổng Tử: "Thiên hạ đục ta trong làm sao được" chăng? Cái ngôn ngữ vỉa hè lên ngôi tự bao giờ để lây nhiễm vào cả những người như anh? Tôi sai chăng khi khe khắt với nó? Điều tôi thấy được, buồn rầu mà thấy được, khi quan sát một cuộc đàm thoại của Lai với trí thức trẻ từ trong nước ra, là, lạ thay, dùng cái ngôn ngữ quá quắt ấy anh truyền đạt được những tư tưởng của anh cho họ nhiều lần tốt hơn là với cái ngôn ngữ lịch sự nhưng cổ hủ của tôi.

Ai đó sẽ hỏi tôi: "Anh này phải chăng là một tác gia lớn bị bịt đi nên không ai biết, để anh phải viết về anh ta những dòng trân trọng đến thế?"

Đặng Phúc Lai có thể là một tác gia lớn. Hoặc chưa kịp trở thành lớn. Mà cũng có thể không. Cần phải đọc Lai để biết về anh. Mà anh thì chẳng có gì nhiều cho ta đọc. Không một cuốn sách được in, dù mỏng. Những độc giả bình thường chẳng biết gì về anh. Cho tới khi họ may mắn (hoặc không may mắn) được gặp anh. Cho tới khi được đọc một vài đoản văn của anh luận bàn về những lĩnh vực bị coi thường, bị bỏ quên, như con đường từ Giác, tới Tri, tới Thức, rồi tới Trí (bài "*Cùng người bạn Ngẫu nhiên..., vài ba ý Ngẫu nhiên* (?)..., *sau một lần Ngẫu nhiên*"). Trong "*Nhân Trần Độ,*" một bài khác, anh viết về ý nghĩa nhân sinh hơn là về một con người cụ thể. Lai còn viết những đoản văn về Kinh Thủ Lăng Nghiêm, về sự tương đồng giữa bất khả tri luận của Vương Dương Minh như một dạng của cái "Tri" mà ta hiểu, hoặc bàn về *tính Lưỡng cực và Bất nhất của Osho*... Nếu nói tới cái đã được in ra thì chỉ vẻn vẹn có hai bài trên tờ Thế kỷ 21 và Việt Tide ở California. Các bạn trong nước gần anh hơn cho tôi biết Lai viết nhiều hơn là chúng ta biết, những bài viết của anh chẳng được mấy người biết đến, trừ những người mà anh trao tận tay, bằng những bản photocopy. Hi vọng rồi sẽ có ai đó sưu tầm những bài viết rải rác đó lại, để chúng ta có dịp suy ngẫm cùng anh, một con người "trải mùi đời gót rỗ kỳ khu," một khối óc chẳng bao giờ ngưng suy nghĩ về ý nghĩa của tồn tại. Những ai đã đọc anh, đọc những lời bộc bạch của anh, đều yêu quý anh. Một tác gia nọ, bị Lai phê phán khá nặng nề trong một bài viết đã giấu biến bài đó đi khi được anh gửi cho đọc trước, không cho ai được ngó tới nó. Lai giận và khinh anh chàng này lắm. Buồn cười là chính anh chàng lại khoe mình là bạn thân nhất của Lai khi Lai qua đời. Nghĩa là Lai được cả những người không ưa anh, thậm chí ghét anh, lấy làm hãnh diện được xưng là bạn anh.

Tôi không rõ vào những lúc ấy Lai có biết anh không còn sống lâu nữa hay không? Thời gian sống của anh, theo những người được biết lời tiên đoán của các bác sĩ, không phải tính bằng năm mà tính bằng tháng, rất có thể bằng ngày. Thông minh như anh thì không thể không biết, dù mọi người cố tình giấu anh. Có điều Lai lúc nào cũng lạc quan. Ở anh, lạc quan không mang hình hài cặp kính màu hồng, mà chứa đựng một niềm tin vững chắc ở con người, ở cuộc đời, chứ không phải vì một cái gì đó của riêng anh. Anh phê phán không nể nang những quan điểm mà anh cho là sai, thậm chí cả với bạn bè, nhưng bao giờ cũng vậy, qua những lời đôi khi lỗ mãng của anh ai cũng thấy trong anh tình yêu bạn nồng hậu. Anh tham gia vào những việc xây dựng cái mà anh cho là tốt không rụt rè, với tất cả niềm tin rằng cái tốt nhất định thắng. Trở về Paris sau chuyến đi Hoa Kỳ, tôi được xem biên bản một cuộc họp bàn về một tờ báo sẽ ra đời, đọc những ý kiến của anh trong cuộc họp đó tôi không thể nào tin rằng một người biết mình sắp rời bỏ thế gian này lại có thể hăng say đến thế trong công việc cho ngày mai.

Đã có lần tôi viết rằng tôi đã chán ngấy cái vai MC nhà đòn. Tôi không muốn viết về cái chết của một người bạn nào nữa. Ở tuổi tôi bạn bè cứ thưa dần. Tôi buồn mỗi lần phải xoá đi trong sổ tay một địa chỉ chắc chắn chẳng còn bao giờ dùng đến. Tôi có những người bạn đã từng nổi tiếng. Và cả những người chưa từng nổi tiếng. Với những người chưa từng nổi tiếng, sự quên lãng của người đời để lại trong tôi cảm giác bất nhẫn. Không nói gì về họ, chúng ta rơi vào vị thế của kẻ vô ơn. Những người như thế không nhiều lắm, nhưng có, và có không ít đâu, ở quê hương tội nghiệp của chúng ta. Những người như thế đều chung một số phận hẩm hiu, và rồi đây lịch sử đất nước có trách nhiệm phải nhắc tới họ trong khi viết về một giai đoạn đáng xấu hổ.

Đặng Phúc Lai là một mảnh sao băng xẹt ngang bầu trời đen tối. Người xưa tin rằng nếu ai đó kịp nói lên một điều ước trước khi mảnh sao băng tắt ngấm, điều ước ấy sẽ trở thành hiện thực. Không biết Lai có nói lên điều ước nào trong một đêm nhìn lên bầu trời sao trước khi chính anh trở thành một mảnh sao băng không? Nếu anh nói kịp, chắc anh sẽ nói điều anh nói với tôi: "Tôi ước mong chế độ độc tài cộng sản này sớm kết thúc, để cho con cháu chúng ta được sống như mọi người. Không cần vẻ vang gì hết, mẹ kiếp, chỉ được sống như mọi người là tốt lắm rồi."

Paris, tháng 2.2003

TRUYỆN MỘT NGƯỜI LÍNH GƯƠNG MẪU

HOÀNG KHỞI PHONG

".. Trọng ví ta này, một tờ chứng chỉ.
Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu.
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười giờ gia hạn ở nơi đâu?..."

Cao Tần

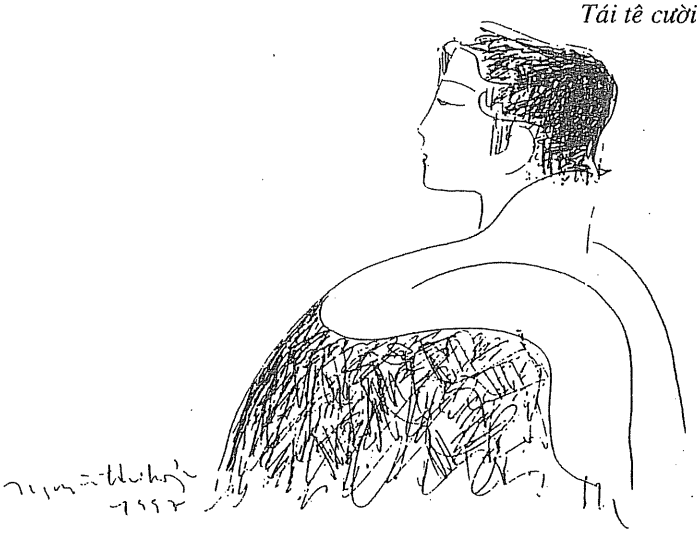

1- Có một loại văn chương tôi rất ghét, đó là loại... tán. Xin thưa đây không phải là tán gái, mặc dù đã là đàn ông thì ai cũng qua cái cầu tán này cả chục lần trước khi cuộc đời yên bề gia thất, đâu vào đấy. Và khi đời đã đâu vào đấy rồi thì khôn hồn nên có mồm thì cắp, có nắp thì đậy kẻo không rất là phiền. Cái loại văn chương... tán đây đôi khi còn gọi là văn chương suy luận và diễn giải.

Đó là những cái truyện ngắn, tùy bút hay đoản văn cứ độ một hai trang là phải có trích một câu thơ, một câu hát, hay một câu danh ngôn. Tất nhiên những câu thơ đó phải là của các thi sĩ nổi danh, trong những bài thơ tuyệt tác. Nhạc cũng vậy, không ai dại gì mà trích những câu trong các bài nhạc sến kiểu tiền lính tính liền.

Tất nhiên về danh ngôn không ai trích lời... phó Kỳ. Đó là những cái truyện hay những đoản văn hệt như một cái áo vá chằng vá đụp, mảnh nọ chồng lên mảnh kia, bất kể mầu sắc, bất kể nguyên liệu. Những cái truyện này nếu cắt bỏ hết những câu trích và phần bình luận hay gợi ý liên quan đến phần trích, thì tác giả không còn gì ngoài cái tên và những hàng chữ đầu Ngô mình Sở. Loại văn chương này tuy nhiên gây rất nhiều phấn khởi cho không ít những người đang cần một cái gì đó bên cạnh những cái nhà rất to, rất đẹp và những cái xe rất chiến.

Những cái truyện ngắn hay tùy bút loại này, là những dòng chữ rất kêu, lổn nhổn những từ ngữ. Nhưng quả thật bên trong những dòng chữ đó không có chất sống, không có hồn. Đó là những cái truyện ngắn mang đời sống của những cây tầm gửi, mà các tác giả cố viết cho đầy trang sách, nắm khư khư lấy những vạt áo của các đại thi sĩ, nhạc sĩ, các nhà văn lớn, các danh nhân và tưởng chừng như sẽ nương vào đường đi của các vị này nghênh ngang bước vào văn học hay lịch sử. Hình ảnh hệt như một cậu bé khôn lỏi, coi xi-nê cọp đi lẽo đẽo theo sau các người lớn qua mặt nhân viên xé vé.

Thế mà hôm nay tôi phải nắm vạt áo của một ông bạn văn là nhà văn Lê Tất Điều đồng thời là thi sĩ Cao Tần, mượn đỡ ông bốn câu thơ để dẫn vào cái truyện ngắn viết về một ông bạn khác của tôi. Bởi vì suốt hai mươi năm văn học miền

Nam, đặc biệt là văn nghệ quân đội, không có một ông thi sĩ nào lại bỏ phí thì giờ viết vài chữ về một anh... Quân Cảnh. Thiếu gì những người lính anh hùng mũ xanh, mũ đỏ, mũ nâu, mũ đen để mà ca tụng. Ai lại đi làm thơ về một anh chuyên môn thổi tu huýt bắt bớ người khác, mất cả vui.

Phải đợi đến khi tan hàng mà không có cơ hội... cố gắng, trong một chiều lang thang nơi xứ người mới có một thi sĩ nghĩ về quá khứ, lục ví thấy một cái căn cước, giấy chứng chỉ tại ngũ, hay là giấy phép gì đó để mà nhớ tới cái nơi phải đến để gia hạn. Cái nơi gia hạn đó chính là cái đồn Quân Cảnh, chỗ của ông bạn tôi, nhân vật chính trong truyện này.

Tôi cũng xin cẩn thận mà thưa rằng tôi cũng là Quân Cảnh, nhưng dứt khoát tôi chưa bao giờ là một người lính gương mẫu, tôi bị phạt nhòe cả người ra, và theo lời Chiến tôi là một thằng rã ngũ, kể từ nay không nên nói về quân đội, nó kỳ... Do đó truyện ngắn này dứt khoát không phải là hồi ký của tôi. Nhưng nhân vật thì có thật. Tôi có cả hình chụp ông ta và nếu có ai không tin, xin liên lạc với tôi để tôi cung cấp số điện thoại. Bạn tôi tên là Chiến, mới sang Mỹ trong chương trình H.O.

Phải đợi tới khi không còn Quân Đội nữa, trong một lúc buồn tình ông Cao Tần mới nhớ tới những hoạt động của binh chủng chúng tôi, và có lẽ đây là những câu thơ duy nhất có liên hệ tới một anh Quân Cảnh, thì còn đợi gì mà không nắm cái vạt áo của ông Cao Tần, nhà thơ tiêu biểu cho tâm trạng những người ly hương trong những năm đầu lang thang nơi xứ lạ quê người. Phải vồ gấp mấy câu thơ của ông để dẫn vào cái truyện ngắn này cho bảnh.

2- Năm 1966 Chiến hai mươi lăm tuổi, được thăng trung úy cũng y hệt mọi người sau khi đã mang thiếu uý hai năm. Anh làm Quyền Đại Đội Trưởng một Đại Đội Quân Cảnh. Thời đó là thời chiến. Nơi anh đồn trú lại là một vùng đất nhiều giao tranh cho nên tứ thời bát tiết mọi người đều mặc quân phục tác chiến, nói cho gọn là đồ trận. Nhưng trong tủ của Chiến lúc nào cũng có một bộ đồ vàng để đi phép, nếp ủi thẳng như dao cạo, mũ casquette đen, mầu mũ riêng không giống mầu mũ của bất cứ một quân binh chủng nào bỏ trong một cái bao ni-lông vì sợ bụi bặm. Bên cạnh bộ quân phục đi phép này là một bộ đồ hành sự của Quân Cảnh gồm đủ lệ bộ từ dây còi, dây danh dự, dây biểu chương, dây chiến thắng, băng tay Quân Cảnh hành sự, nịt da đánh si-ra bóng loáng, và một cái mũ nhựa có sơn hai chữ Q.C to tổ bố, mà lính tráng hay gọi đùa là nón cá lóc. Lính tráng cũng hay đọc hai chữ Q.C là quỷ chùa hay là quýnh cẳng. Thú thật là tôi chưa bao giờ mặc đầy đủ bộ đồ vía này vì tôi quê, nhưng Chiến thì thỉnh thoảng anh mặc một cách trịnh trọng những khi cần phải làm gương cho lính.

Mỗi sáng thứ hai trung úy Chiến đại đội trưởng đi duyệt đại đội nơi sân cờ. Chào cờ xong bao giờ anh cũng bỏ mười, mười lăm phút để khen ngợi những người lính tốt, la rầy may cậu ba gai, đọc nhật lệnh, huấn thị của các cấp chỉ huy tối cao trong quân đội. Chiến chỉ huy đơn vị với vẻ điềm đạm của một sĩ quan trẻ tuổi, có học.

Trong vòng sáu tháng ngắn ngủi anh làm thay đổi bộ mặt đơn vị. Trước anh đơn vị có nhiều nét của quân đội Pháp còn sót lại, giữa quan và lính là một khoảng cách xa. Chiến thực sự coi quân đội là nhà, nên những người lính của anh coi anh như là một người anh trong tình huynh đệ chi binh thực sự, chứ không phải là điều chót lưỡi đầu môi. Đời quân ngũ của Chiến đang đẹp rực rỡ thì Tết Mậu Thân nổ ra trên toàn quốc.

Năm Mậu Thân Cộng Sản tấn công và đã xâm nhập vào được thị xã có đơn vị của Chiến đồn trú. Đơn vị của Chiến vì nằm hẳn ở ngoài Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, nên phải chiến đấu đơn độc để giữ vững được vị trí. Anh giữ vững được doanh trại của anh sau vài lần bị pháo kích, đột kích cũng như tấn công. Trong ba ngày đó đại đội do Chiến chỉ huy bị chết vài người lính, và bị thương khá nhiều. Trung úy Chiến đại đội trưởng là một trong những người bị thương này. Anh là một trong số rất hiếm sĩ quan Quân Cảnh được tưởng thưởng anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc, được tuyên dương công trạng trước Sư Đoàn và cũng được cả chiến thương bội tinh trong dịp này. Nằm bệnh viện hai tháng xong anh được thăng cấp đại úy và thuyên chuyển đi đơn vị khác.

Chiến và tôi hồi nhỏ cùng học một trường, một lớp đến khi lớn đi lính cùng một khóa, rồi đến cùng ngành. Ra trường thì mỗi người một tiểu đoàn. Mãi cho tới năm Mậu Thân, Chiến mới đổi về cùng một đơn vị với tôi. Nói cho đúng ra thì đây là đơn vị thứ sáu của tôi, còn Chiến thì mới là đơn vị thứ hai sau năm năm rời khỏi quân trường Thủ Đức. Gặp lại nhau tay bắt mặt mừng, sau những thăm hỏi thường tình, tôi vẫn mày tao với Chiến thì anh nghiêm mặt lại nói:

- Hết giờ làm việc thì tao với mày là bạn,

nhưng khi nào trong giờ làm việc và trong lúc tôi mặc quân phục yêu cầu trung úy gọi tôi bằng cấp bậc.

Xém chút nữa thì tôi cho Chiến ăn một tá những của không ngon. Tôi đã từng có khá nhiều ngày phạt về tội vô lễ với các cấp chỉ huy còn lớn lon hơn Chiến và Chiến biết điều này hơn ai hết. Trong binh chủng của tôi có khá nhiều anh thượng đội hạ đạp. Tôi đã từng cho một anh thiếu tá hắc ám nhất trong ngành của tôi tức đến độ nghẹt thở, mà không làm gì được tôi hơn là thuyên chuyển tôi đi nơi khác.

Thế là trúng kế của tôi rồi. Tôi coi quân đội là chỗ để đi giang hồ. Chưa đầy năm năm đã đủ bốn vùng chiến thuật thì cái tiếng ba gai chắc là phải ăn trùm. Tôi biết rõ Chiến thế nào thì ngược lại Chiến cũng biết rõ về tôi y hệt như chỉ trong bàn tay vậy. Đợi cho tôi thở xong vài cái Chiến búa thêm một câu:

- Trung úy đừng quên là tôi với trung úy chơi với nhau đến nay là hai chục năm. Hỗn với tôi bây giờ là tôi tặng cho vài ngày trong quyền hạn phạt của tôi, rồi hết giờ làm việc nếu trung úy muốn dợt đánh bốc thì tôi cũng hầu trung úy được vài hiệp. Nhân tiện cũng thông báo cho trung úy biết trong mấy năm xa nhau, trung úy chỉ lo dê gái với làm thơ, còn phần tôi thì tôi đã có cái đai đen Thái cực đạo.

Tôi tức câu sau hơn là câu đầu vì nó nói lên hết tất cả những cái gì tôi thua Chiến. Học thì cả hai thằng như nhau, nhưng đá banh, bơi lội, bóng bàn, nhu đạo cái gì Chiến cũng bảnh hơn tôi.

Cuối năm 68, tôi cũng chó ngáp phải ruồi lên đại úy nhờ đã bị đưa ra Phú Quốc làm việc, lại giữ hai chức vụ có cấp số thiếu tá nên mới được thăng cấp đặc biệt. Tôi gửi cho Chiến một cái thư báo cho Chiến biết tôi cũng đã là... đại úy như Chiến. Tôi nhận được thư trả lời là dù thế nào, tôi vẫn phải chào trước vì Chiến thâm niên hơn tôi những chín tháng và... mười ngày lẻ.

Nhận được thư trả lời của Chiến xong, sẵn giấy ngay trên bàn lại là thư quân đội, không phải dán tem tôi gửi cho Chiến đúng một giòng gồm năm chữ C, kế đó là một câu tái bút nếu không đoán được gọi điện thoại cho tôi, tôi sẽ dịch cho nghe năm chữ C đó là cái gì. Chiến cũng chẳng thèm gọi thành thử tôi cũng không có dịp giải thích cho Chiến biết năm chữ C đó là:" Chào Cái Con Củ Cặc" Bẵng đi vài năm tôi và Chiến lại đụng nhau trong một khóa tham mưu trung cấp ở Đà Lạt. Nhận nơi ăn chốn ở xong Chiến mời tôi và hai sĩ quan Quân Cảnh khác đi uống cà phê ở quán Tùng. Anh nói với chúng tôi:

- Có tới cả trăm sĩ quan các quân binh chủng đi học khóa này, tôi yêu cầu các bạn nên giữ mầu cờ sắc áo binh chủng chúng ta cho cẩn thận.

Chiến chỉ vào mặt tôi và tiếp:

- Tôi chỉ ớn có một mình ông bạn cố tri này thôi. Tôi nói có hai ông này làm chứng, hễ mà đổ đốn ra là tôi kiếm cớ tôi khện, khện xong rồi tôi còn về tôi mách ông cụ. Ông đừng quên là nhà tôi với nhà ông liên hệ với nhau tới mấy đời.

Thế là suốt khóa đó tôi cũng mon men được liệt vào hạng những sĩ quan siêng năng chăm chỉ. Khi mãn khóa Chiến lại đỗ đầu, phần tôi đứng thứ năm trên tổng số một trăm sĩ quan thụ huấn thì cũng đáng kể là một thành tích.

Phải đợi tới dịp thụ huấn ở Đà Lạt đó tôi mới thực sự hiểu rõ về Chiến, người bạn thiếu thời thuở xưa. Trước đó chúng tôi cùng ăn, cùng học, cùng chơi thành thử có bao giờ tôi nghĩ tới tìm hiểu người bạn làm gì. Tôi với Chiến đâu có phải là cái lối bạn kiểu người ta hay nói bạn nhà binh, tình nhà thổ đâu. Lại còn cái câu: 'Bạc như dân, bất nhân như lính' đó là chỉ lính thời nào và dân ở đâu chứ trong thời chúng tôi, lính và dân tuy chưa được là cá với nước, nhưng cũng không bao giờ là cá với thớt. Chúng tôi đã cùng lớn lên, cùng đi học, cùng chơi đùa xém chút nữa thì cùng tán một mợ nhỏ học Trưng Vương, song ít có dịp trao đổi với nhau những ý nghĩ về đời sống, về quân đội, về chiến tranh cũng như về tình cảm trai gái. Một lần ngồi ngay Thủy Tạ chỉ có tôi và Chiến, anh đã nói với tôi:

- Thế là tôi với ông đã toi mất mười năm tuổi trẻ. Cái chính nghĩa thì cứ mỗi ngày mỗi teo lại. Mười năm nữa không biết tôi và ông đang làm gì, đang ở đâu? Càng lúc tôi càng cảm thấy cuộc chiến tranh này vô ích. Bên nào thắng cũng vô ích vì thật sự đây không phải là cuộc chiến cần thiết cho cả hai miền Nam và Bắc vì không phe nào có đủ chính nghĩa dân tộc.

Tôi nhìn lại Chiến thật kỹ. Tôi thấy anh có dáng mệt mỏi, đó là điều chưa bao giờ xẩy đến với Chiến, anh không bao giờ có giọng bi phẫn như thế. Anh là người lạc quan, anh là người không bao giờ đòi hỏi, thắc mắc. Anh chấp nhận mọi may rủi đến với anh trong cuộc đời.

Tôi nói với anh:

- Ông thắc mắc làm gì. Mới lấy vợ, mới có con mà sao thở ra những lời không phấn khởi như thế. Kệ mẹ đời tới đâu hay tới đó, thắc mắc chi

cho mệt.

- Tôi thèm được vô tư như ông, riêng khoản ba gai thì tôi nhường ông hết.

- Tại ông ham được lên thiếu tá nên mới phải gìn giữ cái sổ quân bạ cho nó sạch sẽ, còn tôi đâu có muốn ở lính. Giờ này mà cho giải ngũ và cho lên thiếu tá ông chọn cái nào.

- Tôi không thích cái lối nói chuyện bằng ví dụ. Mình sẽ chẳng bao giờ được chọn lựa, nếu mà được chọn thì cả tôi và ông đâu có đi lính. Ông còn nhớ ngày mãn khóa ở Thủ Đức không? Rồi còn nhớ ngày chọn đơn vị và binh chủng không? Tôi cũng chẳng hiểu sao tôi với ông lại cùng về Quân Cảnh. Nhưng nếu bây giờ mình là Nhẩy Dù hay Thủy Quân Lục Chiến thì có lẽ một là xanh cỏ hai là đỏ ngực rồi.

Khóa mình đi Biệt Động Quân mười lăm người, bây giờ chẳng còn được bao nhiêu. Đã có nhiều lúc tôi cho là mình may mắn, nhưng vài năm nay tôi nghĩ khác. Nếu bây giờ mình phải đi Thủ Đức lại khi ra trường tôi sẽ chọn tác chiến.

- Tại sao?

- Mấy năm nay ông ham chơi bời tới độ lú lẫn rồi, ông không thấy những gì đang xẩy ra chung quanh chúng ta sao? Một bầu không khí vẩn đục bao trùm từ trên xuống dưới, từ quân đội sang tới hành chánh. Ở đâu đâu cũng là chỗ mua quan bán tước, còn tệ hơn là thời Lê mạt, còn tệ hơn là thời Nguyễn Sơ.

- Thế thì ăn nhậu gì đến cái vụ phải xin đi tác chiến?

- Ăn nhậu chứ sao không. Cứ tình hình chính trị cái kiểu độc diễn với lại dân biểu gia nô này trong vài năm nữa chết không có chỗ mà chôn. Đi tác chiến để giữ thêm được ngày nào hay ngày ấy. Mai kia mốt nọ thời thế xoay vần, may ra miền Nam có được một cấp lãnh đạo đúng nghĩa thì mới có thể lèo lái con thuyền quốc gia ra khỏi cơn ba đào này.

- Mẹ kiếp ông là học trò cụ Ưu Thiên Bùi Kỷ hồi nào vậy? Chưa tới cái thứ đại úy, thiếu tá như ông lo chuyện trời sập. Đúng là hết khôn dồn đến dại. Đừng có hóa khùng mà xin ra mặt trận đó nghe cha nội.

- Trễ rồi, bệnh đã vô tới gan ruột rồi, thuốc tiên cũng vô ích mà thôi.

Mãn khóa tham mưu trung cấp xong ai về đơn vị nấy. Đầu năm 73, sau năm năm mang lon đại úy Chiến được đề nghị thăng cấp thiếu tá. Anh làm phó cho một trung tá có tiếng là vừa ngu, vừa dốt, mà lại còn hèn. Nhưng được cái ông ta rất nể Chiến. Có gì mà không nể vì công việc đổ hết lên đầu Chiến, còn ông xếp thì cứ tha hồ mà phè cùng với bắt áp phe.

Tháng tư năm 75 ập tới. Chiến giữ đơn vị tới phút chót trong khi ông xếp đã lén lút xuống tầu hải quân của một ông bạn từ cả tuần lễ trước. Rồi cũng như mọi người sĩ quan khác của QLVNCH, anh đi trình diện học tập và bị giam tất cả mười hai năm. Trong mười hai năm đó anh bị chuyển trại sáu bẩy chỗ, có lần bị giam giữ ở Phú

Quốc, nơi anh đã từng có thời gian phục vụ với chức vụ tiểu đoàn phó một tiểu đoàn Quân Cảnh canh gác tù binh Cộng Sản ở đây vào năm 1970.

3- Tôi may mắn hơn Chiến vào năm 75, lê được cái thân tàn ma dại sang Mỹ. Đôi lần nghĩ về những năm tháng cũ bao giờ trí óc tôi cũng bị ám ảnh về người bạn thuở thiếu thời.

Theo những người sang sau, đã từng cùng đi cải tạo với Chiến thì vào trong trại anh vẫn giữ nguyên vẹn con người cũ. Anh ngẩng mặt lên sống một cách thản nhiên trước những chà đạp về tinh thần cũng như thể xác của các cán bộ quản giáo. Anh không bao giờ xun xoe, khúm núm. Anh cũng không bao giờ tham dự những ngày kỷ niệm được tổ chức lén lút trong tù. Anh không bao giờ tỏ thái độ chống lại như những người đã từng chết anh hùng. Anh hùng thật sự thì trăm phần có đến chín mươi chín phần chết. Anh chỉ kiên nhẫn sống và kiên nhẫn giữ nhân cách một sĩ quan cấp tá của mình. Thỉnh thoảng có dịp nói với vài người bạn thân trong tù, anh cho họ biết anh chưa làm người hùng, nhưng không bao giờ anh hèn. Vả lại theo anh làm anh hùng đôi khi cũng dễ thôi, chẳng qua mười người anh hùng thì hết chín người do những tình cờ may mắn của số mạng. Tất nhiên cũng phải có sẵn cái chất người hùng, chứ còn trong người chỉ chẩy toàn là máu hèn, thì khi may mắn cũng chỉ là một thằng hèn được thời mà thôi.

Ngoài cái chất anh hùng hay hèn hạ ai cũng phải có, con người còn có những tiêu chuẩn khác để dựng lên nhân cách của mình. Do đó mà có những người hết sức anh hùng mà vẫn hết sức tởm, và có những người hết sức hèn yếu nhưng lại là một người có nhiều lòng nhân ái, biết sót thương người.

Chiến còn nói là trong thời gian ở tù đó anh mới tạm hiểu thế nào là những con người. Do sự thanh liêm của anh nên trong nhà chẳng có cái gì

quý giá, khi anh đi học tập vợ anh phải vất vả nuôi hai con, chống đỡ cho những khó khăn của thời sau 75, nên có khi cả hai ba năm cũng không đi thăm nuôi một lần. Nhưng không vì thế mà Chiến tỏ ra cầu cạnh những người nhờ xưa kia có cơ hội tham nhũng, mua quan bán tước, nhà lầu xe hơi để bây giờ có thừa tiền bạc, đồng hồ, máy ảnh hối lộ cho bọn quản giáo, thăm nuôi, tiếp tế. Anh cũng không bao giờ vì một miếng cơm cháy mà phải đánh nhau, vì một miếng thịt lợn mà có thể lên lớp những người bạn tù khác, trong khi phê và tự phê mỗi buổi tối.

Anh kiên nhẫn sống, gìn giữ từng hơi thở, từng cử động, từng lời nói để quản giáo không có cơ hội xúc phạm đến nhân cách của anh. Nhưng đâu có phải ai ở trong tù cũng cố gắng tu thân kiểu đó. Trong trại tù đa số là những người bình thường, cúi mặt nín thở qua sông. Nói chung người ta vẫn giữ được những tình nghĩa cũ, nhưng những người xấu không phải là hiếm. Người xấu thì mánh mung, ăng ten, nịnh bợ, ăn cắp của nhau, người xấu thì tính toán hơn thiệt to nhỏ từng miếng đường, từng quả ớt, từng câu nói, từng cử chỉ. Chiến cặm cụi sống, tuyệt không bao giờ nói tới chuyện kỷ niệm ngày thành lập binh chủng Quân Cảnh ở trong tù, không tham dự ngày Quân Lực, bởi vì chính anh đã từng nói với tôi, trong một lần cả hai phải soạn kế hoạch điều hòa lưu thông cho ngày lễ này vào năm 68, ở vùng II chiến thuật, rằng cái ngày xứng đáng để gọi là ngày quân lực phải được chọn lại. Nó có thể là kỷ niệm trận Đống Đa, trận Bạch Đằng, trận Vạn Kiếp, trận Chi Lăng hay là một trận lừng danh nào đó trong lịch sử giữ nước, chứ không phải là một ngày binh biến có tính chất nội bộ của miền Nam như hiện tại. Đã suy nghĩ như thế tất nhiên trong tù anh tránh tham gia vào những việc tổ chức các ngày kỷ niệm này.

Chiến hiểu rõ hơn ai hết người Cộng Sản sẽ chỉ thực sự kiềm chế được tinh thần của miền Nam, khi nào họ đánh vỡ được cái phong cách tiểu tư sản của những người đang nằm trong tay của họ. Ngày nào mà còn những người bo bo lo cho cái nhân cách của mình, thì ngày đó Cộng Sản còn chưa thể xoa tay tự mãn. Những hành vi anh hùng tất nhiên là đáng khâm phục, nhưng kiểu anh hùng bốc đồng chỉ là những cái cớ cho bọn quản giáo hành hạ, chà đạp toàn thể anh em trong trại.

Tất nhiên cũng là bạn tù Chiến không hề chỉ trích bất cứ ai.

Tuy nhiên anh bình tâm chiêm nghiệm về hành vi của mình cũng như của những người khác. Anh

NGUYỄN HÀ TUỆ

MÂY ƠI ĐỪNG NHỚ MONG

Ngàn sau ngàn xưa nhớ mong suông
Đừng nhớ mong
Gió thổi mặt đất bao giờ ngưng
(Tuyết Đậu: Bích Nham Lục)

Trầm như những ngọn núi
Đất nước mờ khói sương
Giá buốt mặc gió thổi
Núi ơi đừng nhớ mong

Buồn không dòng sông lạnh
Trăng xanh con đò côi
Bời bời tóc gió lộng
Đừng nhớ mong đò ơi

Rừng ơi đừng nhớ mong
Gió không ngừng lá rụng
Đêm ơi đừng nhớ mong
Ngàn sao ngàn ánh mắt
Ngàn sao ngàn giọt lệ
Sao ơi đừng nhớ mong

Cánh chim chiều xa khuất
Mây ơi
đừng nhớ mong

nghiệm được một điều con người ta thật là phức tạp, cũng một con người sao có lúc anh hùng đủ điều, mà chỉ vài ngày sau lại có thể trái ngược như nước với lửa. Phần anh, anh tự xoay trở để sống với những tháo vát của một người hướng đạo sinh, của một người lính được huấn luyện. Anh chú tâm vào để sống, sống như một con người. Nếu những người đang giam giữ anh muốn đồng hóa anh xuống như là một con vật, thì những hành vi anh hùng cũng tốt, nhưng có một cách chống trả hữu hiệu hơn, cao cả hơn là thản nhiên mà sống như một con người, âm thầm và bền bỉ sống như một con người. Chính những điều giản dị này đã làm cho người Cộng Sản đau đòn hơn, bởi vì họ hiểu được một điều là cho dù bạo tàn tới đâu con người cũng vẫn là con người.

Cho tới khi giam giữ mãi rồi thì cũng phải thả. Anh đến Mỹ chậm hơn tôi mười sáu năm, nhưng vẫn là người bạn thiếu thời của tôi không một chút thay đổi, không hờn oán, không trách cứ, không buồn phiền và cũng không hề gào lên là đã từng có thành tích trong trại cải tạo. Anh âm thầm đi làm những công việc nặng nhọc để cho con anh có thể có thêm những học cụ cần thiết nơi trường ốc mới.

4- Ngày Chiến đặt chân lên đất Mỹ, tất nhiên tôi phải đi đón. Anh không hề mất đi một chút nào con người cũ, có một điều thay đổi duy nhất là hai mươi năm đã qua, anh già đi. Bắt tay xong, anh đẩy người tôi ra xa một chút để có khoảng cách nhìn toàn bộ con người tôi, rồi mới kéo lại với một cái ôm thân ái. Chiến nói:

- Mày cũng vẫn không có gì thay đổi nhiều. Tao có được đọc mấy cái thư mày viết về nhà, hồi ông, bà cụ mày còn sống đó. Mày cũng vẫn là cái thằng ruột để ngoài da, ghét ai thì để lộ ra mặt. Tất nhiên văn chương mày có đỡ thối hơn hồi trước, ít nhất thì cũng phải thế. Cái nền văn nghệ... quân đội đó thì cũng nên thôi đi. Cái nền văn chương... chống Cộng đó cũng nên rà lại. Tất nhiên là phải chống Cộng, chống thế nào thì tao chưa biết. Nhưng cái kiểu chống Đ.M mày Cộng Sản đó không hữu hiệu.

Chiến vẫn có lối nói như vậy, thản nhiên và đi thẳng vào vấn đề, không quanh co, úp mở. Vì qua chậm nên Chiến phải chạy nước rút. Anh đi học Anh văn buổi tối, cái gì cũng tự làm, hỏi nếu không biết và không bao giờ dựa vào những giúp đỡ của các bạn cũ. Đi thi bằng lái xe, đi bác sĩ, đi học, đi làm cái gì anh cũng tự túc. Anh tập cho ba đứa con anh một điều là tự tin, chớ có tự ti. Tự ti là con đường ngắn nhất để chôn mình ngay khi còn sống. Một năm liền anh không hề đến đám đông, không hội họp, không đoàn thể, không ái hữu, không cựu này cựu nọ. Một năm sau, đúng một năm sau ngày tới Mỹ anh mời tôi tới nhà ăn cơm. Ăn cơm xong anh nói với tôi từ bây giờ trở đi anh có thể tham dự một số sinh hoạt.

Năm ngoái anh đi dự ngày 30-4 về, anh gọi điện thoại mời tôi đến nhà anh uống cà phê. Đang uống anh gằn ly cà phê xuống bàn một cái chát. Anh hỏi tôi năm 75 mày đi hồi nào. Tôi trả lời là tôi đi sau khi ông Mẫu lên đài phát thanh đuổi người Mỹ ra khỏi miền Nam, tôi vô Biệt Khu Thủ Đô không thấy một xếp nào cả, đứng lớ ngớ mãi không có ai chỉ huy tôi về, thì hôm sau ông Minh hạ lệnh buông súng.

Tôi ra bến tầu rồi nhẩy đại lên một cái tầu sắp nhổ neo.

Chiến cười khà khà rồi nói thế là mày còn khá, mày không phải là thằng đào ngũ, nhưng mày cũng chưa được ai ký giấy giải ngũ, như thế thì trong bao nhiêu năm nay trong những lần hội họp mày coi mày là loại nào?

Tôi trả lời Chiến là tôi đâu có thích hội họp. Tôi lè phè khoái mấy chỗ có không khí tươi mát chứ không thích những chỗ cứ vài phút là phải có những khẩu hiệu được gào lên. Nhất là những anh hay gào đó quay đi quay lại là y như rằng chỉ một thời gian sau là điều ong tiếng ve mù trời đất. Tôi khoái làm thật, đánh thật, nếu có vụ đó thì tôi nhào vô thật. Cái kiểu đánh võ mồm, khuynh đảo lẫn nhau, chụp mũ lẫn cho nhau, ném bùn vào mặt nhau là không có tôi.

- Nhưng mà mày cũng phải tự cho mày là một thành phần nào đó chứ?

Tất nhiên tôi tự cho tôi là đã làm đủ bổn phận với quân đội nói chung và với binh sĩ của tôi nói riêng. Tôi không có gì để thẹn với mình, nên tôi cũng có quyền tránh xa cái chỗ nào tôi không thích.

Tôi vặn lại Chiến:

- Thế mày cho mày thuộc loại nào?

Chiến trả lời ngay lập tức:

- Tao là một người lính bình thường, không anh hùng mà cũng không hèn. Tao không đào ngũ cũng không rã ngũ như cái anh trung tá nào đó đăng đàn phát biểu ngày hôm nay. Mẹ kiếp tao nghe rồi mà về nhà tới bây giờ còn lùng bùng lỗ tai.

- Đó là lý do tại sao tao không thích lại những

chỗ hội họp.

Những chỗ đó mày sẽ còn gặp nhiều kỳ nhân dị sĩ. Cỡ cái anh trung tá rã ngũ đó chỉ mới vừa phải thôi. Có những nhân vật hồi xưa khi không bị... cụt ngón tay trỏ của bàn tay phải, nghĩa là không bắn được súng, không thể đi lính bây giờ thích nói truyện đi kháng chiến. Cũng được đi lòng căm thù Cộng Sản làm cho ngón tay... mọc được ra. Cái anh mới mọc ngón tay này hô hào, mắng mỏ người khác quá mức. Có điều anh đó chỉ hô hào người khác đóng góp tiền của và nếu cần xương máu, còn anh ta thì chỉ nói xuông thôi.

- May năm nay tao nghe nói mày cũng viết lách ghê gớm lắm phải không? Chữ nghĩa của mày thì tao biết từ ngày còn đi học. Sao mày không viết về những kỳ nhân dị sĩ của mày.

- Viết không xuể, tao chỉ có một mình với hai tay mà kỳ nhân dị sĩ không một ngàn thì cũng tới tám trăm. Giả dụ có viết chăm thì mỗi tuần cũng chỉ viết được cho một vị. Đó là viết vội, tám trăm tuần lễ là mười sáu năm. Tao già rồi để tao sống thoải mái đi, viết về những anh đó thì dù muốn hay không cũng bị những thứ không thơm đó ám vào người.

- Có cách nào làm bớt được những con người dối trá, giả hình đó không?

- Theo tao thì cứ để đó rồi thì mọi chuyện cũng qua đi. Vả lại chính các dị nhân đó cũng khiến nhau kỹ lắm, trắng đen cũng chỉ một thời gian ngắn là lộ ra liền, mày bận tâm làm gì.

- Thú thật với mày trong thời gian tao bị đi tù — học tập cải tạo cái mẹ gì, tù thì gọi là tù — có lần một tên quản giáo ngồi thuyết tụi tao. Nó mắng như tát nước vào mặt. Trong một trăm câu nó chửi thì cũng có mươi câu nó chửi đúng. Vả lại cái lối chửi khơi khơi đó thì ai chửi mà không được. Mọi người cúi gằm mặt xuống vì thẹn, vì buồn, vì nhục, vì ức.

Mày biết tính tao khi nói truyện cũng như nghe truyện tao luôn nhìn thẳng vào mắt người đang nói. Chẳng hiểu khi ánh mắt giao nhau tao không nhớ là tao có cười mỉa không mà tên quản giáo gầm lên là tao không nghiêm chỉnh khi nghe quản giáo dậy dỗ. Nó bắt tao đi biệt giam, cùm chân tao trong vài ngày rồi thả. Khi thả ra vài ngày sau tao cũng bị nhốt lại vì quen tính nhìn thẳng. Trước sau năm lần khi thì vài ba ngày, khi thì năm mười ngày. Lạ lắm mày ạ khi nói thì gian dối tới đâu mày cứ chú mục nhìn thẳng vào mắt hoài là có lúc nó ngượng, và khi nó ngượng là mời cậu đưa cái chân đây. May hồi này tao thỉnh thoảng có đi sinh hoạt vớ vẩn cho vui, đôi khi mình buồn thì cũng nên đi cho giãn gân cốt thôi. Tao đã nhìn thẳng vào mặt nhiều nhân vật ở hải ngoại này. Nói thật mày nghe sao có nhiều lúc tao thấy khá nhiều cha nội ở hải ngoại này phong thái giống hệt cái mặt thằng quản giáo ngày trước quá. Có điều khác là cái ngôn ngữ ở chiều ngược lại mà thôi.

- Tao thì không biết mặt ngang mũi dọc những thằng quản giáo của mày, nhưng may cha nội ở đây thì tao kính nhi viễn chi. Hễ mà sợ bị người ta chửi cái gì là cứ y như rằng tìm một người khác gán cho cái tội đó, rồi gầm lên. Bọn mày bị tù, bị tra tấn cả tâm hồn lẫn thể xác, nên có những người bước ngang trong khi cả hàng quân đi dọc thì cũng là chuyện dễ hiểu. Nhưng ở đây thì nhiều khi chỉ là một cái danh hão, một mối lợi nhỏ, thậm chí có khi chỉ là một vụ ái tình lẩm cẩm mà người ta cũng có thể hạ đòn độc trí mạng, đến độ không thể nhìn mặt nhau được nữa. May năm đầu xa nhà, lại cô quạnh thỉnh thoảng tao cũng có đi sinh hoạt, riết rồi tao thôi, quay về viết lách vớ vẩn vui hơn. Ngay cả việc viết ở đây cũng có những khi phải lách y hệt như ngày xưa có cái phòng kiểm duyệt của Bộ Thông Tin vậy.

5- Một hôm vợ Chiến gọi điện thoại cho tôi. Trong lúc nói chuyện chị cứ ấp úng. Tôi cảm thấy có cái gì lạ nên hỏi bâng quơ:

- Ông Chiến hồi này làm gì mà bặt tăm vậy?

Vợ Chiến đột nhiên đổi giọng, từ ấp úng đến nghiêm trọng trong một chớp mắt. Chị khẩn khoản nói tôi tới nhà ngay, chị muốn chỉ cho tôi những cái kỳ cục của Chiến đang làm khổ vợ con. Chị mong tôi trong tư cách bạn thân khuyên bảo Chiến đôi điều. Tôi nghĩ thầm là chắc lại ghen tuông vớ vẩn đây. Chả là trước khi lấy vợ Chiến có một cô bạn gái, bây giờ cô bạn đó sang Mỹ đã lâu, đã ly dị và sống với hai đứa con. Từ khi biết Chiến sang cô đó hay liên lạc điện thoại. Có lần cô đó tới thăm vợ chồng Chiến. Nghĩ vậy tôi chạy lại liền, bụng bảo dạ đã mấy chục năm nay Chiến cứ đóng vai đạo mạo đứng đắn mãi. Chỉ làm bộ.

Tới nơi Chiến không có nhà. Bà vợ Chiến dẫn tôi vào phòng trong, mở một cái cánh cửa tủ sắt chỉ cho tôi một bộ đồ vàng, lon lá cẩn thận, mũ casquette đen đúng tiêu chuẩn, bảng tên nơi ngực đúng kiểu Phước Hùng. Chỉ thiếu mấy cái cuống huy chương nữa là đủ lệ bộ của một sĩ quan đi du học hồi trước 75. Vợ Chiến nói với tôi là hồi này anh hay la cà nơi chợ trời với lại những tiệm bán đồ cũ quân đội rước về những món đồ nhà binh cũ. Người ta ác ôn tham nhũng chỉ bị đi

có ba bốn năm, là sĩ quan gương mẫu làm chi để phải đi tới mười hai năm.

Sang tới đây ai cũng lo quên chuyện cũ, làm ăn, mua nhà, mua xe. Rước chi mấy bộ đồ trận đã cũ có ngày mắc bệnh truyền nhiễm. Hai đứa con Chiến thì cứ thỉnh thoảng lại bịt miệng cười mỗi khi mẹ nói về cái gàn dở của bố.

Thú thật tôi không hiểu nổi Chiến muốn gì. Ở đây nhiều người không có một ngày lính, hay là lính kiểng nhưng đã mặc đồ lính thì người ta hay mặc đồ bông cho oai, kiếm được mấy cái nón thì phải là thứ có mầu xanh, đỏ, nâu. Có nhiều người tự động thăng hai ba cấp, có người chơi bạo trung sĩ xưng là trung tá. Tất nhiên có rất nhiều người khiêm tốn trốn luôn, đại tá, trung tá xưng là hạ sĩ cho nó đỡ lôi thôi phiền phức. Ai lại thẳng ruột ngựa như ông bạn tôi. Sắm đồ thì cũng phải có lúc mặc chứ. Tôi còn đang phân vân trước bộ đồ vía của Chiến thì có tiếng Chiến đã về.

Cả hai ra ngồi phòng khách, tôi nhìn lại bạn tôi thấy anh hoàn toàn không có gì là bị tâm trí, đúng là bạn tôi con người uy vũ bất năng khuất của hai mươi năm trước.

Đột nhiên tôi nói thẳng như hồi nhỏ chúng tôi vẫn nói thẳng với nhau:

- Ông rước mấy cái đồ tập tàng đó về nhà làm gì?

- Đồ tập tàng nào?

- Thì mấy bộ quân phục lon lá cẩn thận đó, bộ ông muốn nát người ta à?

- Hà hà, cái gì cũng có nguyên nhân của nó. Tôi đâu có mù mà không thấy bà vợ tôi với lũ nhỏ cho là tôi khùng. Đã bao lâu nay tôi luôn tự nhủ hãy sống cho thực với những gì mình có, bởi vì tất cả những gì giả trá đều không sớm thì muộn sẽ lộ mặt thật, cho du mình có dấu được tất cả mọi người thì mình cũng không dấu được chính mình. May hồi này tôi hay đi sinh hoạt thấy người ta sống với những điều giả trá quá nhiều. Tôi định nhắc những người nào tôi biết tôi là thiếu tá Quân Cảnh.

- Biết ông là thiếu tá Quân Cảnh rồi ông làm gì người ta? Bộ ăn thịt người ta chắc? Bộ ông bắt người ta đem nhốt được như ngày xưa hả?

- Đúng thế, để rồi mày coi Ngày Quân Lực năm nay tao sẽ hành nghề lại. Tại sao không? Các Quân Binh Chủng ở đây ai người ta cũng thành lập Hội Ái Hữu. Mình phải hoạt động lại cho nó có vẻ đúng là một Quân Lực thật sự, kẻo không bọn Mỹ nó cười. Mày có nhớ câu "Nhìn quân phục biết tư cách" không?

- Nhớ, rồi thì làm sao?

- Trăng với sao gì. Tao sẽ chỉnh lại quân phục của các trự ăn mặc không đúng quân phong quân kỷ trong ngày Quân Lực. Hiện nay chúng ta không còn thao trường, nên cái câu "Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu" có lẽ phải đổi lại.

Tôi nhìn lại Chiến. Bạn tôi coi bộ khật khùng đến nơi. Chiến không đợi cho tôi hết ngạc nhiên. Anh bồi thêm một câu nữa tôi nghe mà chới với:

- Ở đây chúng ta chỉ có những hội trường nên tao nghĩ: "Hội Trường hăng thảo luận, chiến trường bớt đổ máu." Nghe có thuận tai không mày?

- Mày đừng có đùa, kẻo không ăn đòn hộc gạch ra thì lại khổ vợ con mà thôi.

- Đùa là thế nào. Mày cứ chong con mắt ra, đợi tới ngày Quân Lực mà coi tao xuất quân.

- Tao thấy mày nên lo đi làm, nuôi tụi nhỏ nên người là việc cần thiết nhất. Mày đã làm đủ bổn phận của mày, giờ này là lúc lo cho tụi nhỏ. Vả lại ai cho phép mày khơi khơi nói chuyện kiểm soát quân phong, quân kỷ ở đây?

- Chính là chỗ đó. Mấy người nào hay nói là chưa giải ngũ, hay chửi mắng người khác là đào ngũ hay là rã ngũ gì đó thì tao lễ phép tới hỏi chứng chỉ tại ngũ. Mấy anh chào kính không đúng điệu nhà binh là tao cũng xin phép được sửa lại một chút cơ bản thao diễn.

Mấy anh trong giờ sinh hoạt hay làm ồn, mắng mỏ người khác thì tao đề nghị để cho tao giữ trật tự. Mấy anh không phải là lính mà cứ mặc đồ lính thì tao năn nỉ về thay đồ. Ngày xưa không phải là lính mà lạm dụng quân phục là đi ở tù. Mấy anh anh hùng không gian lả lướt trên trời cao, thì tao nhã nhặn nhắc các anh ấy là mình đang ở dưới đất. Mấy anh họp bàn chuyện quan trọng, chuyện cứu nước thì tao xin phép đứng gác cửa. Phòng gian bảo mật là nghề cũ an ninh trung tâm hành quân của bọn mình phải không? Nói tóm lại tao chỉ làm cái việc cũ của chúng ta ngày trước. Tao không có tham vọng chính trị. Tao chỉ muốn tất cả chúng ta gọi mọi việc bằng đúng cái tên của nó. Chỉ đơn giản thế thôi.

- Mày đừng có phá đám chỗ người khác đang tập dượt, có ngày mày bị người ta vu oan giá họa rồi bị chửi mục mả ra. Đừng có đốc chứng ra khổ lây tới vợ con.

- Tao nghĩ kỹ rồi, muốn vu cho tao cũng đâu có dễ. Tao học tập cải tạo mười hai năm, nếu muốn kiểm chứng thì nhân chứng còn ối ra đó. Tao đã không coi những năm tù đó là thành tích để làm chính trị. Tao chỉ coi nó là thành tích đủ cho phép tao xin một cái chức khiêm tốn là gác

an ninh cho mấy anh đó làm việc lớn. Nói cho cùng tao chỉ mặc quân phục thật đàng hoàng rồi tao ngồi nhìn thật thẳng vào mặt các anh ấy. Giống như hồi xưa đi học tao hay nhìn thật thẳng vào các ông thầy.

Nhìn thật thẳng vào lòng con người ta là một nghệ thuật vì chính lòng mình cũng phải thật thẳng, chớ có cong queo. Cứ nhìn như thế sớm muộn mày cũng biết được ai thật ai giả. Bây giờ ai cũng có thể chửi người khác được thì chỉ có một cách đó để tìm người thật của thật. Tao chỉ muốn nhìn, nhìn, nhìn thật kỹ những con người của ngày mai. Chẳng lẽ vì thế mà người ta cũng có thể mang tao ra mà thóa mạ được sao? Vả lại nghe chửi thì ăn thua gì. Chửi đâu có chết ai được đâu. Phần tao, tao đã từng cách cái chết có một sợi tóc thôi. Mấy câu chửi đó ai chửi nấy nghe.

Tôi có một cảm giác bất ổn khi nghe Chiến nói. Tôi hồi hộp đợi ngày 19-6 tới. Bản thân tôi, tôi ít thích những chỗ trang nghiêm, thế mà năm nay vì những lời của Chiến đã khiến tôi phải xuất hiện nơi người ta cử hành đại lễ. Giờ khai mạc đã bắt đầu, toán hầu Quốc Kỳ và Quân Kỳ đã duyệt qua địa điểm hành lễ. Những bộ quân phục mới tinh hảo, những đôi giầy Map bóng loáng. Nhìn lá cờ rực rỡ tung bay, tôi nhớ tới những năm tháng trước khi tôi còn trẻ. Tôi ngóng mãi ra bãi đậu xe. Quái sao không thấy Chiến có mặt. Anh là ngươi nói như đinh đóng cột, anh là Hướng Đạo Sinh gạo cội có tuyên hứa. Từ bao năm nay, anh nổi tiếng là người nói một lời, thế mà hôm nay anh nuốt lời. Tự trong thâm tâm tôi, tôi hơi mừng mừng khi thấy Chiến không có mặt nơi đây, vì nếu anh thực hiện những điều anh đa nói thì thế nào cũng có chuyện.

Tan lễ tôi ra về. Tiện đường ghé qua một tiệm phở. Tôi thấy Chiến ngồi ăn với một người bạn cũ của anh. Tôi hỏi Chiến:

- Sao hồi nãy tại chỗ hành lễ không thấy ông? Té ra ông cũng là một trự nói phét.

- Mày ngu bỏ mẹ. Thật đúng là một thằng rã ngũ chưa ở tù Cộng Sản ngày nào.

Tôi không hiểu nổi Chiến. Chẳng lẽ Cộng Sản đã làm thay đổi được bản chất của bạn tôi nhiều như thế sao. Tôi hỏi kháy Chiến một câu:

- Té ra ông mua quân phục về treo trong tủ để nhát tụi nhỏ ở nhà.

- Mày nói lộn rồi, tao cho nói lại. Quân phục đó tao đích thân mang đi. Ngày đó vợ tao cự quá trời, riếc tao đủ điều. Cái quần để ở rương quần áo của con gái tao, cái áo để trong rương của thằng con trai. Cái bao vải của mũ casquette tao tháo ra cho vào túi quần khi lên máy bay. Chỉ có khung mũ không thể mang đi nên tao mua ở bên này. Đúng bộ quân phục treo trong tủ, nhưng là để nhát tao, chứ không phải nhát tụi nhỏ.

6- Cái truyện ngắn này tôi không ký bút hiệu của tôi mà ký tên là Cao Chiến Phong. Cao là Cao Tần, tên một thi sĩ mà tôi đã mượn bốn câu thơ để dẫn tới ngươi bạn cũ tên là Chiến. Phong là tên tôi. Nội cái tên bất ngờ này cũng cho mọi người thấy là tôi thua ông bạn cũ của tôi keo nữa. Nghĩa là gọi sự việc bằng đúng cái tên của nó.

Đối với nhiều người đây có thể là những truyện ấm ớ của một anh khật khùng nào đó. Nhưng nếu chẳng may nó lọt vào mắt xanh của một đàn anh chủ báo nào đăng lại, tôi chỉ yêu cầu một điều nhỏ là nên nhớ bạn tôi không được bình thường. Những năm lao tù đã làm cho bạn tôi mất đi phần nào cái tính an nhiên tự tại.

Ngày Quân Lực năm nay nếu qúy vị có gặp một người mặc quân phục rất đàng hoàng, lại có vẻ ngang ngang xin quý vị đừng để ý. Đó là con người lúc nào cũng có vẻ trật đường rầy. Anh ta hiền và vô hại với quý vị. Anh ta chỉ muốn nhìn ngắm quý vị, và thỉnh thoảng nhắc quý vị một chút nếu có những sơ sót dù nhỏ nhặt tới đâu trong phạm vi nghề nghiệp của anh ta.

Mới đây chị Chiến còn cho tôi biết là anh đang đi làm và để dành tiền để mua đấu giá một chiếc xe Jeep nhà binh cũ. Anh còn đe là sẽ thực hiện một chiếc xe Quân Cảnh thật sự để dùng trong những dịp đại lễ. Không hiểu rồi anh sẽ làm thế nào để tuyển được lính, ít nhất cũng phải bốn người ngồi cho đủ một chiếc xe tuần tiễu.

Năm nay thì chắc chắn là Chiến không kịp mang xe jeep đi dự ngày Quân Lực. Nhưng với con người kiên nhẫn và bền bỉ sống trong trại tù mười hai năm, mà lúc nào cũng giữ được nhân cách của mình đó, không sớm thì muộn anh cũng sắm được xe đấu giá. Xin đọc cái truyện ngắn này như là một lời xin lỗi trước trong trường hợp bạn tôi mạo phạm tới quý vị.

Riêng phần tôi, ngoài cái truyện ngắn ký bằng cái tên chắp vá này, tôi mong rằng tôi không bao giờ phải nắm vạt áo của một nhà thơ, nhà văn nào khác để đẻ ra những cái tên lạ hoắc nữa cho các truyện sắp tới. Tôi không thích điều này, còn Chiến người bạn mà tôi không bao giờ theo kịp đó, lúc nào cũng muốn gọi mọi sự kiện bằng đúng cái tên của nó.

Cao Chiến Phong.

GỐC RỄ VĂN HÓA PHẬT KHỔNG LÃO CỐT TỦY LUÂN LÝ BÌNH DÂN

LƯU VĂN VỊNH

Trên Thế kỷ 21 số Tết, chúng tôi có góp ý về đạo Nho, nay xin mở rộng thêm để trao đổi.

I- Truyền Thống Tam giáo

Từ đời Hậu Lê, trong lãnh vực chính trị, hành chính, Nho độc tôn, các quan chức được tuyển lựa từ cửa Khổng sân Trình, nhưng *không độc tôn triệt để* vì còn một số yếu tố ảnh hưởng không ít tới chính trị hành chính trong thời quân chủ:

1- Các **vua chúa** sáng nghiệp như Lê Lợi, Mạc Đăng Dung, Chúa Nguyễn chúa Trịnh, Nguyễn Huệ...không phải là nhà Nho, họ xuất thân áo vải, các quần thần mở nước cũng là lớp bình dân võ nghệ. Ông Lê Lợi và gia tộc Mường không mang dấu vết Khổng Mạnh.

2- Triều chính văn quan là nhà Nho, nhưng không thể quên **võ quan, hoạn quan**... chia ảnh hưởng quan trọng, ngay cả Nguyễn Trãi cũng từng cô đơn giữa đám vũ biền ít học này.

3- Ta có câu "*vua nghe vợ mất nước,*" đằng sau sân khấu chính trị, là ảnh hưởng to lớn của **phụ nữ**, hoàng hậu, phi tần, mẹ quan, vợ lớn vợ bé các quan... phụ nữ xưa hiếm ai đọc được Tứ thư Ngũ kinh như bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm... Địa vị đàn bà là "nội tướng," là người trực tiếp nuôi dưỡng con cái, "*phúc đức tại mẫu,*" "*con hư tại mẹ, cháu hư tại bà,*" mẹ, bà nội bà ngoại, **giáo dục** <u>các ông " nhà Nho" tương lai</u>, thế mà người đàn bà (kể cả bà Chúa Chè!) thì lại thường lên Chùa lên Đền cúng lễ, có khi lên đồng Thánh mẫu, cho nên truyền thụ dậy dỗ con cháu theo nền nếp Nho phong thì cũng có, nhưng không thể quên cái gốc luân lý từ Chùa, Đền... tưới tẩm thấm nhuần trong tâm địa. *Con có cha như nhà có nóc*, và con có mẹ như nhà có nền... Chính mẹ vua Lê Thánh Tông khi mang thai cũng từng ẩn trốn ở chùa Huy Văn, vua Lê không quên mái chùa che chở mẹ con mình nên sau này đã tu bổ chùa thành điện Huy Văn.

4- Từ Hậu Lê, Nho về mặt nổi, cực thịnh, nhưng **truyền thống Tam Giáo** vẫn vững bền sâu đậm trong văn hóa : *Nguyễn Trãi* có lúc xin lui về coi chùa Hun với chức Đề cử, cơm rau dưa ăn mặc " *bán sơn tăng,*" *Nguyễn Bỉnh Khiêm* thường cùng các nhà sư đi thăm Yên Tử, Đồ Sơn, *Lê Quý Đôn* để cả chương Thiền Dật bàn về Tam giáo trong Kiến Văn Tiểu Lục, *Ngô Thời Nhiệm* viết về Thiền Trúc Lâm trong Trúc Lâm Tông chỉ Nguyên thanh, *Phạm Thái* từng khoác áo tu đi khuyến phả, *Nguyễn Du* "*Kim Cương kinh đọc ngàn lần,*" *Cao Bá Quát* mang tâm sự Bồ tát " Duy Ma Cật," *Chu Mạnh Trinh* "Bầu Trời Cảnh Bụt"... chẳng có nhà Nho Việt Nam nào là "duy Nho" cả. Vị tiến sĩ khai khoa miền Nam, cụ Phan Thanh Giản, thuở nhỏ từng thụ nghiệp một nhà sư chùa Phú Ngãi, Ba Tri.

5-Lác đác **vài người bài Phật cuối đời Trần** như Trương Hán Siêu, Trần Thời Kiến... nhưng tới lúc già dặn, lại rủ nhau tu Phật , bia chùa Thiện Phúc của Lê Bá Quát, môn đệ cụ Chu Văn An, cũng thừa nhận : "*...nhà Phật lấy họa phúc động lòng người, sao lại được người ta tin theo sâu và bền như vậy*?.." (Nguyễn Đổng Chi- Việt Nam Cổ Văn Học Sử), danh Nho *Chu Văn An*, nhập thế theo đạo Nho, xuất thế từ quan về núi Phượng Hoàng, cạnh chùa Phật Sơn cách chùa Hun Côn Sơn một đoạn đường, cũng là "thoái vi Phật Lão," danh Nho đời Trần *Mạc Đĩnh Chi* viết Ngọc Tỉnh liên phú, tán dương *triết lý bất nhị* nhà Phật qua hình ảnh Hoa sen....

Những bậc đại Nho như Chu Văn An, bao giờ cũng " *kính Lão, sùng Nho chính hóa tân*" (vừa tôn trọng Lão, vừa sùng tín Nho, nên chính sự mới đổi mới tiến bộ), như lời Tư đồ Trần Nguyên Đán mừng Chu Văn An khi được vời làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Văn nghiệp của Chu Văn An bị quân Minh tiêu hủy, chỉ còn lại 12 bài thơ trong Toàn Việt thi lục, bài đề Đình Thủy Hoa cho nhà Sư Lăng Ngộ có câu "*Vốn dòng dõi con Phật, Lăng Ngộ có cao thức... ý cùng sen so đức...,*" bài Thôn Nam Sơn Tạm Nghỉ có câu "*Phật giới thanh u, trần giới viễn*" (cõi trần xa, cõi Phật thanh)... rõ ràng sở học Tam giáo đồng nguyên Chu Văn An "*cùng lý chính tâm, tịch tà cự bí,*" <u>không khi nào bài bác đạo khác</u> (***<u>công hồ dị đoan</u>***

tư hại dã dĩ) như chính lời Phu tử dậy. Bài bia Phượng Hoàng Từ, năm 1857 đời Tự Đức, *tú tài* Vũ Giai viết "*Dạy học trò cốt sao cho sáng thánh đạo, phá tà thuyết...*" tà thuyết đây không chỉ Phật giáo, mà nếu có ám chỉ Phật giáo, thì ông tú Vũ Giai, chỉ là con chim sẻ chưa thấu chí phượng hoàng! (xem Lịch Sử Tư Tưởng VN- Nguyễn Đăng Thục, tập 4, Thơ Văn Lý Trần tập III). Tấm bia cổ của *Tiến sĩ* Nguyễn Công Thái soạn từ năm 1709 ở đền thờ Phượng Hoàng, Chí Linh, chi tiết hơn, ca tụng hết mực đức độ khí tiết của thầy Chu, không có câu nào giống với bia Tú tài Vũ Giai. Vài người như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Trương Hán Siêu, muốn lấy đạo Nho làm chính đạo trong phép cai trị, có công kích đạo Phật lúc trẻ, mà cũng chỉ công kích tê đoan của nhà Chùa thế tục, sư chẳng ra sư, lợi dụng thế Chùa chiếm đất đai, ruộng vườn, xây chùa dựng tháp xa xỉ... chứ không công kích đạo đức giáo lý Phật. Trương Hán Siêu trong bài Bi ký núi Dục Thúy cũng phân định "*...nhà sư học được phép Trúc Lâm Phật tổ, tu thân khổ hạnh, cũng thật đáng khen... không phải những lũ tăng đạo tầm thường có thể sánh nổi...,*" lúc làm Giám tự chùa Quỳnh Lâm ông có vẻ sám hối :

Đời lênh đênh trước khác nay,
thân nhàn mới biết trước ngày lầm to-
Dục Thúy Sơn, Trần Văn Giáp dịch.

Vả lại chính Trương Hán Siêu cũng không phải là bậc chân Nho vẹn toàn tư cách, từng thân với bọn hoạn quan, từng gả con gái vì ham giầu, hạng tù trưởng Lạng Giang, hạng đầy tớ chùa Quỳnh Lâm, đời bấy giờ chê ông như "*người nhà quê đá cầu*" không trúng hợp lẽ phải. Sử gia Ngô Sĩ Liên phê là: *cậy tài, kiêu ngạo, vu cho người khác nhận hối lộ*, không thể so với Chu Văn An được (ĐVSK Toàn thư, Quyển VII). Lời vua Trần Nghệ Tôn mắng bọn bạch diện thư sinh, theo Nho Tầu, chưa đạt đạo mà đã đòi bỏ phép nước tổ tông, thay y phục nhạc pháp dân tộc, là rất chí lý: "*...bạch diện thư sinh dụng sự,* **bất đạt lập pháp vi ý,** *nải cử tổ tông cựu pháp*, khắp **hướng Bắc tục** thượng an bài, nhược **y phục nhạc chương** chi loại..." (ĐVSK Toàn Thư- Quyển VII- Nghệ Tông- 1370). Tiểu nhân không theo lời dạy của Thánh Khổng: **Tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri**, mới bài bác mối tư tưởng khác, còn nói chân Nho mà bài Phật hay bài Lão thì quả là *chưa từng có!*

Suốt đời Hậu Lê, Lê Trịnh, vua chúa không ngớt xây dựng tu bổ chùa chiền, có công chúa đi tu, cho đến đời Tây Sơn chùa nhiều quá vua phải ra lệnh mỗi huyện, phủ, chỉ được xây một ngôi chùa lớn! Cho chí đến thời "*thiên hạ vô quân*" mà chùa Lý Quốc Sư ở Hà Nội còn được trùng tu đẹp đẽ, hỏi ra thì ông là lãnh tụ Mác xít vô thần nhưng bà thì lại giữ gốc Phật đứng ra trùng tu chùa! Chùa nào chẳng có nhà Nho viết hoành phi câu đối, bia đá, nhà Nho ông Tú ông Cử nào mà không từng lên chùa đàm luận với sư sãi, mua hậu tự đất chùa!

6- Sử liệu Hậu Lê mấy trăm năm thiên về đất Bắc, quên việc trọng đại, là **sự hưng thịnh của Phật giáo ở đàng Trong** với chúa Nguyễn và trung tâm Phật giáo Phú Xuân -Hội An. Các Chúa Nguyễn (nhất là chúa Tiên và chúa Nguyễn Phúc Chu) và vua Nguyễn đều tôn sùng đạo Phật, gần mức đời Lý Trần, chùa Thiên Mụ xây cất quy mô vào năm 1601 (trước đó đời Mạc đã là ngôi chùa nhỏ rồi), chuông lớn đúc năm 1710, mở đầu giai đoạn phục hưng chủ đạo Phật giáo ở miền Trong, tiếp tục thế sâu rễ bền gốc, lan rộng vào đất Gia Định, lan mạnh tới tận bây giờ... cả một tông phái Phật Thầy Tây An thế kỷ XIX, Phật giáo Hòa Hảo thế kỷ XX, lại bùng nở giữa đồng ruộng dân dã miền Tây, đạo Cao Đài thờ Thiên nhãn Thích ca, khất sĩ đi chân đất mang bình bát khắp Tiền giang Hậu giang... xem thế suy ở miền Bắc thì lại thịnh ở phương Nam, cội nguồn gốc rễ Tam giáo nẩy nở không dứt. Từ đời Minh Mạng, khoa cử Nho học lại đưa Nho lên mạnh, nhưng truyện Lục Vân Tiên, phổ thông nhất miền Nam, vẫn là luân lý ác giả ác báo, Vân Tiên đến chùa nương náu, Nguyệt Nga nhảy sông tự tử được Phật Quan Âm phù hộ thoát chết... Nho học hết, Tây học tới, vẫn có ông Khái Hưng tới chùa Long Giáng Tiêu Sơn viết Hồn Bướm Mơ Tiên, Tiêu Sơn Tráng Sĩ, có nhà Sư Trạch làm vệ sĩ cho Nguyễn Thái Học, Nho học tàn lụi, thì chữ Nho chữ Nôm được bảo trì ở đâu ? -ở trong chùa chiền... ngay hiện đại, tới chùa Trấn Quốc, Thăng Long, vẫn còn có lớp dậy chữ Nho, chưa kể các trung tâm Vạn Hạnh, Bồ đề, Cao đẳng Phật học Huế, xưa và nay...

II- Phong tục, luân lý cốt tủy nghìn năm lại là đạo Phật

Phong tục luân lý dân tộc nào cũng vậy, nói về nguồn gốc, thì phải kể từ thời chưa có ngôn thuyết. Tài liệu thành văn chưa có thì cũng có cổ tích truyền thuyết. Từ đời Hùng vương, chưa có Nho, Phật, thì dân nước Văn Lang cũng đã có tôn ty vua, tôi, Lạc hầu Lạc tướng... chuyện Bánh dầy bánh chưng, Chử đồng tử, Quả dưa hấu, Phù đổng, Trầu cau... cũng phác họa được nét trọng hiền, trọng đức, tình anh em, vợ chồng, kính tổ

tiên, lòng tin Trời sinh Trời dưỡng, ăn ở tốt tất hưởng ngôi cao (Lang Liêu), khi Nho, Phật vào thì nếp cũ lại tổng hợp với những nét mới. Được trọng vọng nhất là Sĩ, nhưng Sĩ được mấy phần trăm dân số? Ảnh hưởng của Sĩ trong dân chúng lan rộng tới đâu? Có thể trong đẳng cấp sĩ, hay trí thức trung lưu thành thị sau này, ảnh hưởng Nho còn đậm, nhưng nói Tam giáo thì chính xác hơn, vì chẳng có kẻ Sĩ Việt Nam nào là duy Nho, duy Phật hay duy Lão cả. Những truyện cổ tích của ta, như Người mù sờ voi, như Tấm Cám... tràn đầy hình ảnh Tiên, Bụt hiện lên cứu độ người hiền lương, tới các truyện nôm như Bích Câu, Bạch Viên, Phan Trần, Mục liên, Phạm Công Cúc Hoa,Thị Kính, Nhị Độ Mai, Cung Oán, Kiều, tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên... thì cốt tủy đạo Phật lại càng rõ, ngay cả một nhà Nho tri hành hợp nhất như Nguyễn Công Trứ, cũng luận :

Cái hình hài chắc đã thiệt chưa
Mà lẽo đẽo khóc sầu mãi rứa?

hay: *Từ nghìn xưa cho đến nghìn sau*
kết cục lại mỗi người riêng một kiếp

như thế thì cái lõi tâm thức của cụ Trứ và bao kẻ sĩ Việt Nam vẫn là Tam giáo. Vua Lê Thánh Tông suốt 40 năm đưa Nho giáo lên cao điểm độc tôn, nhưng chưa đầy 10 năm sau khi vua mất, triều chính suy thoái khủng hoảng, chính vì cái ngọn quan chức độc tôn Nho thiếu nhựa sống sung mãn từ gốc Tam giáo quần chúng làng xã .

Mà chẳng riêng ở Việt Nam, ngay bên Tầu, Huyền Trang thỉnh kinh, Đạt Ma mở Thiền, Thiếu Lâm Tự dậy võ... bên Hàn, bên Nhật cũng vậy. Tam giáo kết hợp đẹp đẽ làm nền móng quốc gia, các sư Nhật sang Tầu đời Đường học Thiền, mang phối hợp với Thần đạo, tạo nên bản lĩnh Samurai, trong năm tôn chỉ của võ sĩ đạo (Bushido) thì hai tôn chỉ đầu rút từ Thiền môn : *Nhẫn nhịn chịu đựng* và *coi thường nguy nan sinh tử.* Khắp Á Đông ai mà không đọc Tây Du Ký, Liễu Trai, Hồng Lâu Mộng... ai mà không mang trong tâm hồn hình ảnh Bồ tát, Ngộ Không...Tam giáo đồng tôn, tam giáo đồng quy, chính là cội nguồn chung cho nền văn minh cầm đũa Viễn Đông vậy. Bây giờ sang Tầu, chỉ thấy chùa tháp cổ tự, không thấy văn miếu, chưa kể Hương Cảng, Đài Loan, Tân Gia Ba... Phật giáo sâu rễ bền gốc phát triển ngoài mức tưởng tượng.

Riêng về luân lý bình dân, cốt tủy là đạo Phật, là vì :

a- Tôn giáo bao giờ cũng sâu rộng bền chặt hơn triết lý đạo đức : Socrate, Aristote, Epicure... bàn nhiều về đạo đức, ảnh hưởng lớn, nhưng tới khi Thiên Chúa giáo lan tràn thì ảnh hưởng đức lý Ky Tô lại là tối quan trọng, lan sâu lan rộng khắp tầng lớp Âu Châu. Khổng Mạnh cũng vậy, chưa nằm ở tầm mức tôn giáo, nên dễ mờ nhạt đi, không lắng sâu vào tâm thức, hành xử, phong tục, bằng đạo Bụt được. Khổng Mạnh gắn vào khoa bảng, khoa bảng gắn vào triều chính, khi có chính quyền thì có thế mạnh, khi hết chính quyền thì "*ông nghè ông cống cũng nằm co,*" tỷ như ý thức hệ Mác xít, hết đảng thì dễ tan ra mây khói. Chuyện Thiện-Ác đạo đức luân lý nào cũng bàn tới, nhưng bình dân thì cần cụ thể hóa qua Địa ngục, Thiên Thai, Cực lạc... Trẻ con học "*nhân chi sơ, tính bản thiện*" khó hiểu ý nghĩa, nhưng đứng trước cổng chùa có tượng ông Thiện hiền từ, có tượng ông Ác dữ tợn... thì dễ nhập tâm hơn.

b- Những **quan niệm luân lý bình dân** của ta phần nhiều là từ đạo Phật: ***Phúc đức, tội nghiệp, nghề nghiệp, quả báo, ở hiền gặp lành, tu tỉnh, vô tâm, điên đảo, duyên nợ, nghiệp dĩ, ác giả ác báo, hiền như Bụt, oan oán, cởi oan giải nghiệp, không chấp trước, tham sân si, từ bi hỷ xả, bố thí, sám hối, , thương người như thể thương thân, xá tội vong nhân, " nói có Trời có Phật," kiếp người, bể khổ...*** Ngay cả những câu ca dao tục ngữ như *Nam Mô một bồ dao găm, Khẩu Phật tâm xà, Bụt chùa nhà không thiêng, Gần Chùa gọi Bụt bằng anh, Ba cô đội gạo lên Chùa..., Đi với Bụt mặc áo cà sa..."* lại càng chứng tỏ nếp sống Việt Nam là nếp sống có mái chùa quen thuộc, *có sư cụ, sư ông, sư bác, sư bà...* áo nâu áo sồng hòa mình...có chú tiểu Lan trong Hồn Bướm Mơ Tiên, có Sãi Vãi, có Oan Thị Kính, có trồng cây nêu, cờ ngũ sắc, trừ tà ma... có những nhà sư đi chân đất khất thực khắp miền Đồng Nai Cửu Long, có tụng kinh đọc sấm vang vang hàng đêm miền Thất sơn Hồng ngự... gốc rễ không vững, cốt tủy không bền, thì nghìn năm Bắc thuộc ta đã thành Nho Tầu (Tầu Nho thì *thập nữ viết vô*, nhưng Nho ta thì lại có luật Hồng đức bảo vệ nữ quyền), 80 năm Pháp thuộc ta đã thành Tây, Phật giáo đã tiêu tan rồi, nhưng sau bao trò dâu biển, Tây phá chùa, thì miền Bắc vẫn còn tới 5000 ngôi Chùa "cái Thiện của làng" còn đấy, Văn miếu lác đác mấy cái, và còn ai nhang khói cụ Khổng và tiên hiền bây giờ nữa! Gia đĩ, mẫu người quý trọng nhất của ta là mẫu người nào? Trong hai mẫu: "*hiền nhân, quân tử ai mà chẳng,*" thì mẫu quân tử của đạo Nho, còn mẫu người Hiền mới là mẫu của bình dân, đi vào tiếng nói dân gian : *hiền như Bụt, vua hiền, tôi hiền, mẹ hiền, chị hiền, dâu hiền rể thảo...* phẩm từ *hiền* nói lên cái *đức* tính được dân chúng coi

trọng, *ở hiền gặp lành*, lại vẫn là cái lý nhân quả diễn cách nôm na.

Các đức tính như *hòa nhã, lễ độ, biết lẽ phải, trọng người có học, hiếu hạnh*... chung cho cả Tam giáo, có nổi nét Nho phong, riêng thời Nho học độc tôn thì phải nói là "trọng khoa bảng" chứ không hẳn trọng "người có học," Đào Duy Từ là người có học, con nhà xướng ca, không được đi thi, nên phải vào miền đất mới lập chí. Căn bệnh trọng khoa bảng bằng cấp này, ăn sâu tới nay, thì đúng là gốc hủ Nho, không phải gốc Phật, bệnh tự tôn, trung thần, suy tôn lãnh tụ như cha già phụ quyền, đẻ ra độc tài, *điều nghiên* kỹ là từ gốc hủ Nho, chứ không hề có trong tinh thần bình đẳng dân chủ của nhà Phật.

Về thời điểm ca dao tục ngữ, truyện cổ tích, có thể suy diễn qua hai chữ Bụt và Phật: ta chỉ dùng chữ Phật từ khi nhà Minh sang đô hộ (1414-1428), trước đó đều dùng chữ Bụt, vậy những câu ca dao tục ngữ, truyện cổ tích, dùng chữ Bụt, phải có ít nhất từ trước thế kỷ XV. Thêm cả kho tài liệu thơ văn Lý Trần, Đại Việt Sử Lược, chùa chiền đời Lý còn lại, cột kinh Hoa Lư... cũng đủ để chứng minh Phật giáo có cả ngàn năm lịch sử và ảnh hưởng **toàn diện** tới văn hóa dân tộc, ảnh hưởng thấm nhuần lâu quá, đi vào lời ăn tiếng nói, thành ra tự nhiên như hơi thở, "*xả hơi*" ngẫm nghĩ cũng có thể từ gốc hỷ xả phá chấp mà ra.

III- Những nguyên tắc đạo đức, những lý tưởng triết lý đều vô dụng nếu thiếu phương pháp thực hành tu tập

Phương pháp thực hành tu tập khác với *con đường vạch ra từng bước* hay *kế hoạch đặt rõ ràng*, như Tu Tề Trị Bình, như Tiến vi quan, thoái vi sư... đó là lời khuyên, tôn chỉ, có trình tự, có chương trình, có phân tích, nhưng không dậy cách thực hiện. Nói *trung dung*, nhưng cách nào đạt tới trung dung? nói *tu thân* nhưng tu thế nào, tu cách nào, nói *biết phải trái* nhưng làm sao luyện óc phân biệt phải trái, nói *cách vật trí tri*, nhưng phải có phương pháp cách vật thì mới thực hành được... Tỷ như khuyên người *tiết dục* thì phải đưa ra phương pháp làm sao tiết dục, như định bệnh cho thuốc vậy.

Đạo Phật đưa ra nhiều **phương pháp tu tập thực hành**, đi từ bình diện thuyết lý đến bình diện thực tập, khác các tôn giáo khác vì dùng phương pháp khởi dẫn tới niềm tin chứ không đặt sẵn niềm tin mù quáng. Xin đưa vài thí dụ : muốn định tâm thì nhà Phật dùng phép thiền định, tập trung vào hơi thở ra thở vào, tâm sẽ tĩnh lặng dần... muốn diệt dục diệt tham, thì phải quán vô thường, vô ngã, phải sống thanh đạm, nên ăn chay, có nhà tu lại quán trước một đống xương để ngộ lẽ sắc sắc không không... muốn từ bi thì có thể bắt đầu bằng cách bố thí, tránh sát sinh... Đấy là nói những phương pháp cụ thể, dễ làm. Những bệnh tâm não trầm trọng, như bệnh mọt sách, bệnh kiến chấp giáo điều, thiên kinh vạn quyển mà chưa thông quán, hay tranh chấp kiến thức hơn kém, bị ngôn từ trói buộc, bệnh vọng ngôn vọng ngữ... thì Bụt lại có những *phương pháp tâm lý học thực nghiệm* cao đẳng hơn, những tỷ dụ sấm sét, những *công án*, **chuyển hóa** lòng người, đọc kinh Người Bắt Rắn, kinh Kim Cương... sẽ rõ những *phương pháp giáo dục* ấy, tương tự như những tập Đàm thoại *Dialogues* của Platon, nhưng cao siêu chấn động tâm trí hơn nhiều, ngay cả tâm lý gia Carl Jung và các bác sĩ tâm lý Âu Mỹ cũng đã và đang nghiên cứu học hỏi áp dụng. Mỗi tập kinh Phật giống như một ca chữa tâm bệnh, đức Phật là Y sư, bệnh nhân là người có vấn đề, môn đệ giống như sinh viên nội trú: *một thiên nữ không hiểu tại sao ái dục mang lại nhiều vị cay đắng hơn là vị ngọt*, vị khất sĩ mang nàng tới gặp Bụt để nghe lời dạy, Bụt đã dùng tới bốn mức giảng: ảo tưởng về ái dục, nhận chân tướng ái dục, hiểu mặc cảm *hơn, kém, bằng* và cuối cùng, vượt mặc cảm, tâm lặng, hết mong cầu, cởi bỏ được phiền não (Kinh Tuổi Trẻ và Hạnh Phúc). Đấy là phép thăm bệnh, định bệnh, trị bệnh, mà giới y khoa Mỹ hiện nay gọi tắt là SOAP (*subjective, objective, assessement, plan*). Mười bức tranh chăn trâu (*Thập ngưu đồ*) mô tả dẫn dắt công trình điều phục tâm ý, Ba mươi bảy phẩm môn tu tập (*Tam thập thất trợ đạo phẩm*) chính là 37 cách thực hành đạo lý.

Vì đạo Phật là loại triết lý **rốt ráo**, bao trùm mọi mặt, mọi trình độ, nên người bình dân **tu lối bình dân** "*thờ Phật thì ăn oản,*" lần tràng hạt, Nam Mô A Di Đà, hương hoa, cầu khẩn Bồ tát, ông Thiện ông Ác, làm điều lành để khỏi đọa Địa ngục, ăn ở tốt, hiếu hạnh, mong lên cõi Cực lạc Niết Bàn. **Trí thức, nhà Nho** mức Nguyễn Du, Cao Bá Quát, thì đọc kinh loại *luận lý học siêu đẳng* như Kim Cương, Duy Ma Cật Sở Thuyết kinh, Hoa Nghiêm.... 84000 pháp môn, vào cửa nào cho hợp với tâm mình thì thôi. Đọc Tứ thư Ngũ kinh, thì thấy kính phục, mỗi lời là một câu cách ngôn, bàn luận thấu đáo, nhưng đọc tới kinh Phật thì thấy chấn động đến tiềm thức siêu thức, như có điện rung chuyển tâm não.

Một số phong tục của ta như lễ cưới không

làm ở chùa, mà làm lễ gia tiên ở nhà, tang lễ ở vùng quê giản dị, có cầu siêu, khăn tang trắng (có người cho mầu tang trắng theo ngũ hành Kim là phương Tây, mầu trắng, tức cõi Phật, xin tồn nghi), sư tụng kinh... Lễ nghi theo Kinh Lễ, hay Chu công lục lễ... dành cho các gia tộc Nho phong khá giả, còn hàn sĩ, nông dân ngư phủ... ai theo nổi lễ nghi phiền toái ấy! Xin trích ra đây vài đoạn lễ nghi trong Kinh Lễ :

"*Cô, chị, em gái đã lấy chồng mà về nhà, anh em không được ngồi chung chiếu, và cũng không được ăn chung chén bát. Cha con không ngồi cùng chiếu... Nam nữ mà chưa có mai mối thì không được biết tên nhau...*

"Lễ dâng cơm ăn, xương đặt bên trái, thịt nạc đặt bên phải, cơm đặt bên trái, canh đặt bên phải. Những món nem thịt thái nhỏ, đặt ở bên ngoài...

"*Hầu ăn bậc trưởng giả, chủ nhân tự thân tiếp đãi, trước khi ăn phải bái... đừng nhai thành tiếng, đừng nhai chạm răng,...đừng húp canh sùm sụp, đừng cắn rau rào rạo...*" (Kinh Lễ- Khúc Lễ – Thượng- *Nguyễn Tôn Nhan* dịch)

Đám cưới, đám tang ở thành thị tân tiến khác xa ở vùng quê, đời sống thường ngày của dân quê, nhà nông không đậm nét Nho phong, hơn nữa, nhờ "*phép vua thua lệ làng, quan có vội quan lội quan đi*" mà truyền thống dân tộc từ cổ xưa, chưa Nho chưa Phật, mới còn truyền lại được. Bánh dầy bánh chưng, cúng tổ tiên, đạo nội... chính là phong tục từ đời Hùng trao truyền lại.

Nho truyền vào Việt từ đời Bắc thuộc, trung tâm Luy Lâu lúc đó Phật rất thịnh, truyền cùng lúc nhưng để lại ảnh hưởng gì, thâm hậu tới đâu, thì lại là chuyện khác, nếu gốc Nho thâm hậu thì tại sao tới đời Đinh, Lê, Lý, Trần, (chưa kể Lý Nam Đế tk VI), lại mọc lên 400 năm quân chủ Phật giáo mà không mọc lên Khổng Mạnh độc tôn như kết quả của công trình giáo hóa Sĩ Nhiếp, Tích Quang, Nhâm Diên? Phải chăng là vì Phật giáo truyền từ dưới gốc lên, còn Nho giáo lại truyền từ ngọn cai trị đô hộ Tầu xuống, nên gặp phản ứng tự nhiên của quần chúng làng mạc?

*

Hiện tại, nhìn cộng đồng di dân người Việt hải ngoại, ở Pháp có trên 50 ngôi chùa, ở Mỹ, Úc, Gia Nã Đại... chùa dựng lên rất nhiều theo nhu cầu tâm linh của dân chúng, Lễ, Tết bà con lũ lượt đi hái lộc, khấn bái..., thế thì vốn liếng văn hóa gốc Phật vẫn còn nhiều, vẫn được vun trồng, mà gốc Nho tôi sợ đã khô héo từ đời Tú Xương rồi, *tam tòng tứ đức* mấy ai nhớ, *tam cương ngũ thường, trị nước bình thiên hạ* còn ai theo, có chăng là dư âm *lễ nghĩa- quân tử- mương đạo*..., rất đẹp, rất hay, nong đầu trí thức mà thôi. Trong nước mỗi năm hội Chùa Hương cả chục vạn người chảy hội, còn Văn Miếu thì chỉ có du khách tới thăm, đấy là điều đáng tiếc cho thế chân vạc văn hóa Tam giáo của tổ tiên. Cũng có một vài người, từ thời 1960, muốn chứng minh gốc rễ văn hóa Việt là Nho chứ không phải là Phật, là vì gốc Nho khô khan thì dễ lấp vào cảnh tín ngưỡng mới như Công giáo, Tin lành, Hồi... còn gốc Phật thì không thể tiếp cành độc thần (*monothéiste*) được, có dị ứng! Có vị lại cố tách "*đạo ông bà*" ra khỏi tổng thể quốc giáo nhằm cô lập hóa Phật giáo, có vị lại mang ông Trời Việt cắm vào râu đức Chúa Trời Tây...

*

Những điều trình bày trên thật ra từ 60 năm nay, các học giả như Trần Văn Giáp, Nguyễn Đổng Chi, Phạm Quỳnh và nhất là Nguyễn Đăng Thục đã phân tích nghiên cứu cặn kẽ rồi, chúng tôi chỉ góp nhặt lại. Việc nghiên cứu văn hóa xã hội muốn chuẩn xác hơn, cần những thống kê, những khảo sát tại chỗ, việc này phải làm trong nước và không đơn giản, nói 80% dân số Việt Nam là Phật giáo cũng đúng nếu kể chung một khối Tam giáo, nói Phật giáo chỉ có 20- 30 % thì cũng đúng nếu chỉ kể Phật tử thuần thành năng lên chùa lễ bái... nhưng truyền thống dân ta, *tu tại tâm, tu tại gia*, có ai ghi danh theo đạo này đạo kia bao giờ đâu mà đếm đầu người được!

Tham Khảo

1- *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*- Tập 4- Nhà xb Thành Phố HCM 1992- *Tư Tưởng Việt Nam- Triết Học Bình Dân* (xb khoảng 1961 ở Sài Gòn, Chùa Khánh Anh - Pháp, tái bản, không ghi năm)- Nguyễn Đăng Thục, cố GS Khoa trưởng ĐH Văn Khoa SàiGòn- và Văn Khoa Vạn Hạnh.

2- *Việt Nam Thời Cổ Xưa*- Bùi Thiết- Thanh Niên xb 2000

3- *Luận Về Nền Văn Hóa Tổng Hợp Của Dân Tộc VN*- GS Khiếu Đức Long-Montreal 1993

4-*Văn Hóa Việt Nam*-GS Duyên Hạc Lê Thái Ất- Quốc Gia Hình Chánh xb 1999 Cali.

5- *Từ Ý Thức Đến Hành Động*- Lưu Văn Vịnh -Đất Sống-Sài Gòn-1964

6- *The Far Eastern Conceptions of Love and Sexuality*- Lưu Văn Vịnh- Đại Học Vạn Hạnh, SàiGòn 1973.

7- *Chân Dung Văn Hóa VN*- Tạ Ngọc Liễn-Thanh Niên xb 1999, bài Trương Hán Siêu.

8- *Về Hiện Tượng Dung Hợp Trong Văn Hóa VN*- Nguyễn Huệ Chi (trong tập Lịch Sử, Sự Thật và Sử Học-Trẻ xb 1999).

9- *Kinh Lễ*- Nguyễn Tôn Nhan, dịch và chú giải, nhà xb Văn Học, 1999

10- *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*- Nguyễn Lang- Tập I- Lá bối 1977 tái bản-Paris.

TÔI VƯỢT BIÊN

TÔ HỒNG ĐỨC

Ghi chú: Xin vội nói ngay, chữ "tôi" dùng trong câu chuyện không phải là kẻ viết bài này, mà là người đã thuật lại câu chuyện vượt biên cho tác giả.

Vừa bước vào căn nhà trọ, tôi vội cởi bỏ bộ đồ vía dạy học của tôi: chiếc áo sơ mi trắng, bộ quần tây mầu xanh nước biển, và đôi giày đen bóng loáng. Toàn thân tôi lúc đó ướt nhẹp vì bị cơn mưa rào. Tôi choàng lên người chiếc áo thung dài tay, màu đỏ mà tôi thường bận khi làm vườn sau nhà. Tôi khoác thêm chiếc áo blouson để phòng khi trời trở lạnh. Ông cậu tôi, người tổ chức vượt biên, đã căn dặn tôi phải mang cái áo len cho ấm, nhưng tôi thích mặc chiếc áo blouson vì áo này có hai túi để đựng các đồ lặt vặt như chai dầu gió, con dao, và các đồ tùy thân khác. Tôi lẹ làng xỏ chân vào đôi giày tennis há mồm tôi đã mua cách đây năm năm, khi còn đi chấm thi tú tài IBM tại Huế.

Tôi đội thêm chiếc nón nỉ rộng vành mà tôi đã tình cờ lượm được tại sân trường, trước đây 15 phút. Số là sau khi tôi phát bài thi cho học trò làm, tôi dắt xe gắn máy Honda lẻn ra cổng sau trường để tránh mặt bà Hiệu trưởng và học trò. Tôi lựa vào giờ thi để trốn đi vì muốn đánh lạc hướng sự vắng mặt của tôi. Vào lúc đó, cả học trò lẫn bà Hiệu trưởng đều biết chắc tôi đang có mặt tại trường, và không thể nào ngờ tôi có thể trốn đi được. Tôi tính đi thiệt lẹ để khỏi bị mưa và về nhà cho kịp giờ đi chui, thì tình cờ có người lái chiếc xích lô máy vào trường. Bác tài chận đầu xe tôi lại, rồi hốt hoảng hỏi phòng học của đứa con trai ông. Bác cho biết phải đón nó về nhà gấp vì có chuyện bất ngờ. Cơn gió lốc ác nghiệt thổi tới làm tôi lúng túng đánh rơi chiếc cặp sách xuống xe bác. Bác tài đã hốt hoảng lại càng hốt hoảng thêm. Tôi đang hốt hoảng thấy bác hốt hoảng, tôi lại càng hốt hoảng thêm nữa. Bác vội xuống xe giúp tôi lượm lại tập vở. Rồi như bị ma đuổi, bác rồ máy xe, hấp tấp đón đứa con trai đang làm bài thi. Bác lúng túng đến nỗi chiếc nón nỉ của bác bay ra khỏi đầu hồi nào mà Bác không hay. Báo hại tôi, tôi phải gác xe lại, đuổi theo để bắt cái nón cho bác. Bực thay, trong lúc nghiêm trọng như thế mà chiếc nón cứ như giỡn chơi. Nó lật lên, lật xuống. Tôi giơ tay để bắt thì nó bay lên khỏi mặt đất, rồi cứ theo chiều gió, nó bay thẳng. Lúc tôi giơ tay thẳng để bắt nó thì nó đổi hướng bay sang bên trái. Tôi cũng lớn tuổi rồi làm sao lanh lẹ đủ để nhảy về phía trước chặn đường bay của nó. Phải mất nhiều phút sau đó, tôi mới tóm cổ được cái nón ranh mãnh đó. Cầm chiếc nón trời đánh này, tôi tìm bác tài, thì ôi thôi, bác và đứa con trai đã biến mất sau lớp bụi mù dưới khung trời đầy sấm sét.

Lúc này đã bận xong bộ đồ chui, tôi ngồi trong nhà trọ, mỉm cười thỏa mãn, nhìn ngắm cái nón nỉ rộng vành trên đầu qua tấm gương treo trên tường:

"Cán bộ nào mà còn có thể nhận ra ông giáo này," tôi lẩm bẩm một mình.

Bỗng chốc, tôi giật mình vì sực nhớ ra còn thiếu cặp kiếng mát gẫy gọng. Mở hộc tủ, lật tấm gối, tìm trong nhà tắm, kiếm trong cặp sách, thọc tay vào túi quần... vẫn không thấy nó đâu cả. Tôi buồn, rồi thất vọng: đã lau chùi cả tháng nay; tính đem theo khi vượt biên để hy vọng che mắt công an.

"Thôi bỏ," tôi nói xõng.

Bực bội nhưng tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh, vì giờ này là giờ quan trọng. Thiếu bình tĩnh và hay quên sót sẽ làm cho công việc vượt biên thêm khó khăn.

Tôi cẩn thận tắt đèn, đóng cửa sổ, rồi ngồi chờ ông cậu tôi tới đón. Thầm ôn lại cái lý lịch giả mà cậu tôi đã cả gan dùng để làm giấy tờ cho tôi. Thuộc lý lịch thì thuộc rồi, nhưng phải nói làm sao cho tự nhiên để công an khỏi nghi ngờ.

Trong hai mươi năm dạy học, tôi lúc nào cũng là nhà giáo chân chính, luôn luôn hãnh diện về cái tên cha mẹ đặt cho lúc nằm nôi. Chẳng bao giờ nghĩ tới việc chối bỏ cái tên Việt Nam yêu

quý của mình để chấp nhận một cái tên Tàu ngoại lai. Sự thực phũ phàng lúc này là: tôi phải mang tên người Hoa để việc đi chui được dễ dàng. Không biết vì lý do nào đó, Việt Cộng cho phép người Hoa ra khỏi nước dễ dàng, đồng thời tìm cách cấm đoán người Việt ra đi. Tên Tàu ngoại lai, tuy khô khan, thiếu tình thương, nhưng cần thiết để tôi có thể rời khỏi xứ tôi một cách dễ dàng. Đau đớn thay!

Luôn luôn tôi vẫn tự hào là người Việt, sinh quán tại Quảng Nam hiền hoà, địa linh nhân kiệt, không bao giờ ngờ rằng ngày hôm nay tôi phải nhận Chợ Lớn ồn ào làm nơi chôn nhau. Gần nửa đời người làm nghề dạy học đã làm cho tôi càng thương nghề giáo và yêu mến lớp trẻ hồn nhiên. Cái đau đớn khác nữa là phải tự xưng làm nghề bán lẻ tại Ngõ Đội Có, Phú Nhuận; không dám nói tên thực của cha mẹ, và phải thay thế tên đó bằng một tên giả. Tôi vừa buồn, vừa giận, vừa lo, vừa hồi hộp... đủ thứ chuyện.

Tiếng còi xe hơi từ ngoài đường vọng lại cho biết cậu tôi đã tới đón. Tôi vội nhấc cái túi vải màu nâu đựng gạo sấy, thịt kho khô, muối, đường, hộp quẹt, thuốc cảm, chai dầu gió, củ đậu... tất cả lương khô cho đủ một tuần lễ đi đường. Củ đậu rất quan trọng, vì theo lời của cậu tôi, nó chứa nhiều nước ngọt, giữ được lâu, dễ cất...

Tiếng còi xe lại vang lên, làm tôi luýnh quýnh. Tôi đưa mắt nhìn lại lần chót cái lò ga, cái vòi nước, cái cửa sổ, và cái giường đầy kỷ niệm; mà vẫn không thấy cái kiếng mát gẫy gọng.

Từ giã căn nhà của hai mươi năm dạy học, lòng tôi se lại. Ngồi xe bên cạnh cậu tôi, tôi chẳng nói một lời. Cậu tôi cũng chẳng thèm lên tiếng. Mỗi người đều theo đuổi ý nghĩ riêng tư của mình. Chiếc xe hơi chạy được hồi lâu, rồi cậu tôi mới bất giác hỏi:

"Cháu còn quên gì không?"

"Còn thiếu cặp kiếng mát gẫy gọng," tôi trả lời một cách vu vơ.

Cậu tôi phá lên cười, vì câu trả lời thật ngu xuẩn của tôi.

"Cặp kiếng gẫy gọng mà quý dữ vậy sao?"

Tôi vội phân trần:

"Thì cháu muốn dấu mặt cho kỹ hơn một chút thôi."

Chiếc xe hơi chạy qua đường Cộng Hoà thênh thang. Có người công an ốm yếu đứng gác bên lộ. Người người đi lại đông đúc. Tôi tự hỏi đêm nay có bao nhiêu người sẽ vượt biên như tôi. Có thiệt người công an đó sẽ ở lại xứ đêm nay không, hay là ông cũng đang đóng kịch như tôi? Xa xa có lá cờ đỏ sao vàng phất phới tại bùng binh Cộng Hoà, như muốn bảo cậu tôi trực chỉ Bến xe Lục Tỉnh mà đi. Không biết vì đã tính trước hay chỉ theo linh cảm lúc đó mà thôi, cậu tôi bẻ tay lái, vun vút đi theo sự chỉ dạy của lá cờ.

Sau hơn một giờ lái, cậu tôi ngưng xe tại một căn nhà không số tại thị xã Mỹ Tho. Căn nhà này có cái gác xép, và khi tôi leo lên thì đã có một số người lố nhố bên trong. Lúc đó trời đã tối. Tất cả mọi người ngồi im lặng và có vẻ sợ sệt. Tôi tò mò nhìn xuống đường qua mấy lỗ hổng thì thấy có năm bảy công an đứng bên cạnh mấy thùng xăng. Họ lo đôn đốc nhân công đẩy thùng xăng xuống bến nước gần đó. Vào khoảng nửa đêm, có người lạ mặt lên gác kêu chúng tôi đi hàng một theo ông xuống dưới đường, và hướng về bến nước không xa lắm. Có một người công an trẻ đứng điểm danh trước khi cho phép người đi chui xuống tàu. Kêu là tàu, chứ thực ra nó là chiếc thuyền lớn có máy chạy bằng xăng.

"Đồng chí tên gì?"

Người công tay cầm súng AK, và vai mang tay nải bằng vải. Vừa nói, hắn vừa kéo vành nón nỉ của tôi lên, để nhìn cho kỹ:

"Thưa anh, em tên Vương Ôn."

Tôi phải xưng em vì cần làm vui lòng người cầm súng. Tôi trả lời mà tim hồi hộp muốn chết, mặc dù hắn mới chỉ bằng nửa tuổi tôi. Làm thầy giáo, có bao giờ nói láo đâu.

Lấy lại bình tĩnh, tôi nói thêm:

"Cha tên là Vương Mậu, má là Châu Huê. Sinh ngày 20 Tháng Tư, năm 1930."

Anh công an nhìn vào mặt tôi rất kỹ. Nhìn đi nhìn lại. Nhìn từ trái qua phải, và từ trên xuống dưới. Từ nhỏ tới lớn, chưa ai nhìn tôi kỹ như thế. Tôi bực mình lắm, nhưng vẫn cười để khỏi làm phật ý người có quyền hành. Nhìn xong, anh mở một tờ giấy ra để so tên, rồi hỏi thêm ra vẻ muốn làm khó:

"Sao không thấy tên của đồng chí trong sổ?"

Tôi hồi hộp, bất giác nhìn xuống tờ giấy mới biết anh công an cầm tờ giấy ngược chiều. Tôi vội nhẹ nhàng xoay tờ giấy lại; rồi chỉ tay vào tên của tôi, tôi nói:

"Vương Ôn."

Người công an hơi ngượng vì không biết đọc. Thấy thế, tôi sợ y làm khó, tôi vội mỉm cười tươi như hoa, và nói tiếp rất nhẹ nhàng, chỉ mình anh ta nghe thấy mà thôi:

"Em đi với anh Bảy."

Đây là mật hiệu mà cậu tôi đã cho để dùng khi bị làm khó. Anh công an ngập ngừng một giây rồi ra lệnh cho tôi xuống thuyền. Bỗng hắn kéo tay tôi trở lại, và nghiêm chỉnh nói:

"Nếu có vòng vàng trong người thì đồng chí phải trao lại cho nhà nước. Công an nhân dân sẽ khám xét rất kỹ."

"Việc xuống tàu sao mà khó khăn thế?" tôi nghĩ bụng.

Bực mình, tôi móc túi lấy ra mấy lượng vàng, rút cái nhẫn ra khỏi ngón tay, rồi trao cho hắn. Tôi yên trí bước thêm một bước nữa thì hắn ghì tay tôi lại:

"Nếu đồng chí còn tiền Việt Nam thì cũng phải trả lại cho nhân dân."

Tới đây, tôi như cái máy, dốc túi ra, và trao hết tiền cho hắn. Hắn lẹ tay nhận hết mớ tiền, bỏ vào tay nải, buộc tay nải lại, rồi vỗ tay vào miệng hầu bao mấy lần cho chắc ăn, xong hắn nở một nụ cười tươi cũng như nụ cười tươi trên môi tôi. Tôi xuống tàu một cách thư thả. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao hắn lại gắn tay nải gần khẩu súng A.K. Khẩu súng là tượng trưng cho vũ lực, và tay nải là hiện thân của kim tiền. Vũ lực và kim tiền là hiện thân của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Việc điểm danh và xuống tàu như thế kéo dài tới hai giờ sáng. Sau đó, chúng tôi hai trăm người lớn bé ngồi chật như nêm được lệnh nhổ neo. Bỗng từ trên bờ có tiếng hô lớn:

"Khoan đã. Lấy bảng số tàu ra đã!"

Người đàn ông ngồi bên tôi hốt hoảng thốt ra:

"Thôi chết. Chúng mình cũng sẽ bị bắn chết như mấy người vượt biên hôm qua."

Cả thuyền, hai trăm người như một, ngoảnh mặt về phía người đàn ông chưa quen biết để lắng nghe. Người đàn ông vội vàng giải thích:

"Công an lấy bảng số này gắn vào tàu khác để chứng minh với nhà nước rằng chiếc thuyền số 66 này không bị ăn cướp để vượt biên, và hãy còn nằm tại bến, dưới sự canh phòng cẩn mật của công an địa phương. Rồi họ bắn chìm chiếc thuyền của mình đi để phi tang, không sợ ai tố cáo những tham nhũng của họ. Họ sẽ báo cáo với nhà nước rằng họ đã canh phòng cẩn mật và khám phá kịp thời các vụ vượt biên bất hợp pháp."

Nghe tới đây, cả thuyền đều im lặng—cái im lặng chết chóc. Riêng tôi, tôi sợ toát mồ hôi. Toàn thân run lẩy bẩy chờ chết. Khi bảng số được gỡ xong, con thuyền quay mũi, bắt đầu chuyển động, và từ từ gia tăng tốc độ. Khi sắp sửa qua tới khúc sông sau mấy lùm cây thì bỗng nghe có tràng súng liên thanh nổ dòn, và có tiếng đạn bay qua ngang đầu. Mọi người thụp xuống để tránh đạn. Tôi nghe thấy có tiếng kêu:" Giê Su Maria, cứu con." Có người kêu "A di đà phật, độ mạng cho con." Rồi như có Ơn Trên cứu và độ, không ai bị trúng đạn cả, và con thuyền ra tới cửa biển an toàn.

Ngày hôm sau trời đẹp. Ánh nắng chan hòa trải dài khắp mặt biển mênh mông, báo hiệu một ngày đi biển an toàn. Tôi đưa cặp mắt tò mò nhìn từ đầu thuyền cho tới cuối thuyền. Nào đàn ông, nào đàn bà, nào con nít. Tôi chẳng thấy một ai quen biết cả. Ai nấy đều lộ vẻ mệt mỏi và lo lắng. Tình cờ, mắt tôi bắt gặp đôi mắt đầy khả nghi của một người đàn ông ngồi cuối thuyền. Ông nhìn tôi như xoi mói và có vẻ giận dữ. Tôi đoán thế. Cứ tưởng ra tới biển là an thân rồi chứ. Có ngờ đâu lại vẫn phải lo lắng. Tim tôi đập mạnh, tay run run, như không còn nhuệ khí. Tôi kéo vành nón xuống để che mặt, và mở hầu bao ra lấy lương khô ăn cho có vẻ vô tư. Tôi đảo mắt nhìn trời rộng, nhìn nước biếc, nhìn mây xanh, nhìn con thuyền nhỏ mong manh đang gồng mình chở mấy trăm người đi tìm đất dung thân. Lâu lâu, tôi liếc mắt nhìn trộm người đàn ông không thân thiện đó. Vẫn với cặp mắt khả nghi, vẫn với bộ mặt thiếu cảm tình, ông ta không lúc nào rời khỏi tôi. Cũng may là chúng tôi không ngồi gần nhau. Ông ta ngồi ở mũi thuyền, tôi ngồi đàng lái.

Tiếng máy nổ đều đều nghe thật buồn. Một ngày trôi qua. Biển rộng mênh mông, thấy mà chán. Ngày thứ hai trôi qua. Mặt biển mênh mông. Thấy mà buồn. Rồi sang ngày thứ ba, biển có sóng lớn. Thấy mà lo. Bỗng chốc có tiếng nói của người tài công vang lên cho biết đã thấy đất liền và đã thấy chiếc tàu tuần dương Mã Lai đang tiến về phía thuyền mình. Ông ra lệnh treo cờ trắng như muốn nói thuyền mình không có vũ khí.

Tàu của họ gặp thuyền của chúng tôi cách bờ không bao xa. Họ thả thang giây để đại diện của chúng tôi lên nói về lý do và ý định của chiếc thuyền nhà. Sau khi đã tham khảo với cấp trên, họ thẳng thắn bác bỏ ý định xin tỵ nạn của chúng tôi. Họ còn cho tàu tới để kéo thuyền chúng tôi đi nơi khác, mặc sức chúng tôi la ó phản đối. Tuy có vẻ khắc nghiệt, nhưng họ còn nhân đạo vì đã cung cấp nước, và thức ăn khô. Họ còn tặng la bàn, và hải đồ để dùng khi đi biển.

Lênh đênh ngoài khơi, chúng tôi không biết đi đâu. Bàn tính một hồi lâu, chúng tôi quyết định đi theo họ để vào bờ trở lại. Họ lại kéo thuyền ra khơi. Họ lại cảnh cáo. Họ lại đe dọa. Họ bắn súng chỉ thiên để làm chúng tôi nản lòng, nhưng chúng tôi cũng cứ theo họ để trở lại bờ tới lần thứ ba. Còn biết đi đâu bây giờ chứ. Đã liều chết với công an để vượt biên, chúng tôi đâu có sợ lính Mã Lai. Sau cùng, thấy chúng tôi cù nhầy, cò cưa, họ đành chịu thua và để cho chúng tôi lên bờ trước sự hò reo chiến thắng của hai trăm người tỵ nạn.

Cái vui rất hay lây. Thấy chúng tôi vui mừng nhảy múa, những người lính Mã Lai cũng múa nhảy mừng vui. Cả trăm người lính tuần dương và hải quân xếp súng lại và

lên bờ để nhảy múa chung với chúng tôi. Thấy chúng tôi hát hò, họ cũng hò hát theo.

Lạ một điều là hôm đó tôi cũng hát nữa. Xin nói cho rõ, tôi vốn là thày giáo nghiêm khắc nên không thích hát. Tôi mới hát lần chót trước đó không lâu khi phải chủ nhiệm một buổi chào cờ tại trường. Bữa đó, tôi lớn tiếng và hiên ngang cất giọng để mở đầu bản quốc ca Việt Cộng mà không thấy ai hát theo. Không biết vì sao cả ngàn học trò và cả trăm thày cô đứng dưới sân cỏ mà không ai chịu hát tiếp. Hay tại ống loa bị hư? Hay tại giọng hát thấp quá không ai theo được? Hay là tại người ta chống đối Việt Cộng? Trong tình trạng khó xử này, tôi phải tiếp tục hát chứ đâu có chạy trốn được. Sau một giây lát yên lặng lâu đủ để thầm chửi thề những người đứng dưới sân trường, tôi tiếp tục bài ca đó với

NGUYỆT-THƯ

Chữ nghĩa

Chữ nghĩa như phù thủy
khi nhỏ nhẹ mơn man,
khi như lửa địa ngục
thiêu hồn phách rụi tàn.

Chữ nghĩa như dáo mác
răng nanh dựng từng hàng,
trái tim em mềm mụp
nửa chiêu luyện chưa tròn.

Mũi tên buông khỏi nỏ
người bắn liệu có buồn,
lòng dạ em phơi mở
nên tứ bề thọ thương.

Xót xa như vết bỏng
đốt cháy thịt da non,
đau đớn như dao nhọn
xoáy sâu vào tim gan.

Tin nhau đến như vậy
sao vẫn bị hàm oan,
thương nhau đến như vậy
sao nói lời phũ phàng?

Hay là yêu chưa đủ
vượt qua chuyện đời thường,
hay là tin chưa đủ
nên lòng đầy nghi nan?

Thôi nghĩ yêu nhau quá
cắn cho bầm con tim,
trông gà hóa ra cuốc
ngộ nhận rồi sẽ quên!

Đành cố để mà hiểu
lời chẳng dấu ý riêng,
khi đường xa vạn dặm
tình gởi bằng e-mail.

cái giọng khàn khàn mấy ai có được. Tôi độc ca cho tới hết bài hát. Đổ mồ hôi hột. Về nhà ngủ bữa đó, tôi đã giơ tay thề là từ nay cho tới chết sẽ không bao giờ hát trở lại nữa. Có ngờ đâu, hôm đó tại bờ biển Mã Lai, tôi lỗi thề.

Xin trở lại câu chuyện vượt biên. Lúc tôi cùng mọi người đang nối vòng tay lớn, thì có người đàn ông đứng đàng sau vỗ vào lưng tôi mấy cái. Tôi xây mặt lại, hết hồn, nhận ra cái người đàn ông đeo kiếng mát mà tôi chưa từng quen biết. Tôi biết ngay là sắp có chuyện chẳng lành. Tôi lấy lại bình tĩnh —vì bình tĩnh như đã nói ở trên— sẽ giúp tôi giải quyết khó khăn bất ngờ. Người đàn ông đó, với dáng điệu khó hiểu, với vẻ mặt không vui, khua tay hất hàm hỏi:

"Vậy chứ, sao ông bạn dám ăn cắp cái nón nỉ rộng vành của tôi?"

Tôi còn đang lúng túng vì câu hỏi bất ngờ, người lạ mặt nói tiếp:

"Cả tháng trời đi khắp Sàigòn-Chợ Lớn mới kiếm được cái nón rộng vành để đội khi vượt biên. Đ.M. Ông bạn ăn cắp đúng món đồ tôi cần và đúng lúc tôi cần. Xin lỗi..."

Vừa nói, ổng vừa giơ tay phải ra để tính bợp tai tôi. Tôi tuy lớn tuổi mà cũng đã học được một miếng võ karate hay nhu đạo gì đó, khi đi học lớp quân sự chín tuần lễ. Hôm nay tôi vô tình đem miếng đó ra xử dụng. Tôi lanh lẹ giơ tay trái ra đỡ đòn, rồi phân vua:

"Khoan tay đã."

Nhác trông thấy cặp kiếng mát gẫy gọng trên tay người lạ mặt, tôi làm bộ nghiêm:

"Sao ông bạn dám ăn cắp cặp kiếng mát gẫy gọng của tôi. Đi khắp Sàigòn-Chợ Lớn cả tháng mới kiếm được cặp kiếng này để mang khi vượt biên. Đ.M, ăn cắp đúng món đồ tao cần, và đúng lúc tao cần nó."

Thấy tôi đối đáp ngon lành và mạnh dạn, người lạ mặt bất ngờ sựng lại vì ở trong thế yếu. Ông hạ giọng giải thích:

"Tôi mà ăn cắp của ai. Làm nghề bác sĩ, nhưng giả làm nghề chạy xích lô để vượt biên cho dễ. Hôm đó, đón thằng nhỏ ở trường về tình cờ thấy cặp kiếng này trong xe. Biết của ai mà trả. Đành mang theo cho tiện."

À ra thế. Lúc trốn cơn giông tôi làm rớt cặp sách. Cái kiếng rơi ra mà tôi đâu có hay.

Tôi cũng hạ giọng giải thích:

"Tôi mà ăn cắp của ai. Làm thầy dạy học, nhưng giả làm nghề bán lẻ ở Ngõ Đội Có, Phú Nhuận, để vượt biên cho dễ. Hôm đó gặp ông và gặp cơn giông, thấy cái nón nỉ bay ra khỏi đầu ông mà ông đâu có hay. Báo hại tôi. Tôi phải chạy theo cái nón đó để lượm lại cho ông, nhưng khi ngoái cổ lại để trả cho ông thì ông và đứa nhỏ đã biến mất dạng sau lớp bụi mù. Biết trả cho ai. Đành mang theo cho tiện."

Tôi bèn cầm nón tính trả lại cho người phu xích lô giả hiệu, và người này cũng tính trả cặp kiếng mát gẫy gọng cho người Tàu bán lẻ tại Ngõ Đội Có. Tuy nhiên, lúc đó cả mấy trăm người Mã và Việt đang ca hát và nhảy múa vui quá, sao tôi có thể làm ngơ được. Tôi giơ cao cái nón nỉ. Người phu xe cũng giơ cao cặp kiếng. Cả hai chúng tôi cũng nhảy múa theo vũ điệu tự do, rồi biến mất trong đám đông trên cái sàn nhảy lớn nhất thế giới —bãi biển Mã Lai mênh mông.

Người ta mang thức ăn khô từ trên tàu xuống. Lính Mã Lai đem rượu từ bên tàu tuần dương qua. Tất cả Mã -Việt đều ăn mừng ngày đại hội. Nhiều tràng súng liên thanh chỉ thiên từ chiếc tàu tuần dương nổ dòn chung vui, nghe như tiếng pháo giao thừa của một mùa xuân tự do.

Sau khi đại hội mừng xuân chấm dứt, tôi và bác phu xe xích lô ra ngồi nghỉ mệt trên tảng đá lớn để nhìn về phía Việt nam với cặp mắt đăm chiêu. Không ai nói với ai. Mỗi người như âm thầm ôn lại cuốn phim vượt biên hy hữu vừa qua, mà chính mình là những tài tử sống động nhất. Sau một hồi lâu, bác phu xe lên tiếng phá tan sự yên lặng:

"Phía bên kia có công an, chúng mình ghét. Phía bên này có lính, chúng mình thương. Phía bên kia bắn súng, chúng mình sợ. Phía bên này bắn súng chúng mình vui. Bên ấy mời người ta ở lại, mọi người bỏ ra đi. Bên này đuổi chúng mình đi, chúng mình trở lại. Bên ấy công an thu vòng vàng của nhân dân để làm giàu, bên này lính lấy thực phẩm của nhân dân để nuôi người tỵ nạn không quen biết. Anh nghĩ sao?"

"Bao giờ bên ấy bằng bên này!" tôi trả lời.

Hai chúng tôi lại ngồi yên lặng để suy tư, trước làn sóng biển bạc đầu, cho tới khi thằng nhỏ con bác phu xe chạy tới:

"Thầy ơi! Thầy chấm bài thi của con xong chưa?"

Đêm hôm đó, tuy mệt nhưng tôi ngủ không được vì cứ nghe văng vẳng bên tai:

Bên ấy... bên này; bên ấy...bên này...; bên ấy... bên này./.

VÀI KHÍA CẠNH VỀ Y HỌC TRONG XÓM BÌNH KHANG ĐỜI MINH BÊN TRUNG QUỐC

LÊ VĂN LÂN

1. Mạng lưới buôn người vào đời Minh

Truyện Kiều xảy vào đời nhà Minh, xuyên qua truyện này chúng ta thấy rằng mạng lưới mua con gái đem vào chốn lầu xanh giăng bủa khắp nơi như tên Mã Giám sinh đi mua Kiều: *Dạo tìm khắp chợ thì quê, Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi!* khiến cho nàng phải lưu lạc từ Bắc Kinh qua Lâm Truy rồi xuống Vô tích ở vùng GiangNam. Giang Nam nói chung là phần đất đai nằm ở phía nam sông Tràng giang, Dương tử, từ nhiều triều đại đã nổi danh là trù phú thịnh vượng, nhất là từ thời Nam Tống. Giang Nam là nơi thu hút những đế vương tìm xuống để du hí hành lạc, ví dụ như chuyện Càn Long du Giang Nam. Đại Vận Hà chính là con đường thủy đạo nối liền hai miền bắc và nam Trung Hoa, rất tiện cho sự thông thương. Từ thế kỷ 15, 16, Giang Nam lại thêm trù phú với sự tăng cường hoạt động của các hải cảng dọc duyên hải miền Nam, nền ngoại thương về các hàng hóa tơ lụa và những vật liệu khác được trao đổi rất nhộn nhịp ở đây. Đây cũng là nơi nạn buôn lậu hoành hành, rồi nạn hải khấu cũng phát sinh, mà sự nổi dậy của Từ Hải là một hình ảnh. Cũng từ đó, mới có sự gặp gỡ giữa tướng cướp này với Thúy Kiều tại nhà điếm ở Châu Thai vùng Triết giang.

2. Những xóm Bình Khang vùng Giang Nam

Nam Kinh, kinh đô nhà Minh ở Giang Nam, là một thành phố nổi danh có nhiều ổ điếm, nhất là ở bến Tần Hoài trên Đại Vận hà với những chiếc thuyền sơn sặc sỡ, kết hoa treo đèn gọi là Hoa phường, trên đó người ta ăn chơi hành lạc thâu đêm. Có nhiều cây bút ghi chép lại những việc xảy ra trong chốn thanh lâu vào triều Minh ở Nam Kinh, Tô Châu, Dương Châu như *Bản Kiều tạp ký* của Dư Hoài, *Tần Hoài sĩ nữ biểu* của Tào Đại Chương v.v... Qua những tạp ký trên, người ta thấy những xóm bình khang đã ảnh hưởng mạnh về văn hóa vùng Giang Nam vì đây là nơi lai vãng chơi bời của giới học giả, văn thi và nghệ sĩ khiến cho vùng này nổi tiếng lịch lãm về sắc đẹp và tài nghệ của những kỹ nữ, nhiều khúc hát cũng như bản tấu khúc đã được sáng tác ở đây và còn lưu truyền đến thời nay. Thúy Kiều chính là một trong những mẫu người tài sắc trong đám kỹ nữ Giang Nam vậy. Tuy nhiên, cuộc đời hoa phấn trong rượu ngon và hát ngọt cũng có những khía cạnh đen tối của nó.

Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình sót xa!

Nghề kỹ nữ là một nghề phải chiều chuộng và chung đụng thân xác với biết bao người mà mình không thích, nếu từ chối tránh sao cho khỏi roi vọt của Tú bà:

....
Hoa tươi bảo chắp cành khô
Mỹ nhân sánh với côn đồ cũng ưng.
Gặp thối miệng vổ răng khôn tránh,
Lở ghẻ hay bệnh tật chẳng nề.
Hễ mà hơi tỏ ý chê,
Ra tay đánh mắng tức thì chẳng sai.
Sống làm vợ muôn người chưa đủ,
Thác đi mồ vô chủ ai hay

(Bài" Khóc trời" thơ của Tô Nam dịch bài "Khốc Hoàng thiên" trong nguyên tác)

Vấn đề huấn luyện để chiều chuộng khách trong giới bình khang là một chuyện ly kỳ do nhiều kinh nghiệm tích lũy nhiều đời của những Tú bà lão luyện truyền lại [về sau được gom lại thành một bí kíp như cuốn *Thượng hải phụ nữ nghiệp kính đài* nằm trong bộ sưu tập *Trung Hoa Đồ thư ký thành biên tập sách* (1918)]. Tôi xin nói kỹ trong một bài sau. Một kỹ nữ muốn thành công phải hội đủ về

1) *Sắc* : Đẹp tự nhiên thì hiếm nên phải dựa vào cái đẹp nhân tạo như dung dáng, bộ tịch, lời ăn tiếng nói

2) *Nghệ:* Mánh lới cầm giữ khách

3) *Tình:* chơi đòn tâm lý giả thực nan phân về tình cảm với khách

4) *Biến thái*: Biết linh động biến hóa khôn lường để lừa bịp khách không thương tiếc.

Cũng nên nhắc đến một kỹ nữ danh tiếng cận

đại Kang SuZhen (Khang Tú chân?) đã viết hồi ký đời mình qua cuốn *Ngã đích Kỹ nữ Sinh hoạt* (Đời kỹ nữ của tôi) và cuốn *Thanh lâu hận* phô bày những khía cạnh bi thảm của đời mình. Nàng đã tố cáo những tú bà đã cho những gái của mình uống thuốc để tuyệt đường sanh sản để cầm chân họ không thoát khỏi nghiệp gái giang hồ, khỏi toan tính chuyện hoàn lương , lấy chồng và sinh con đẻ cái nữa .

3. Hệ lụy về y khoa trong đời những kỹ nữ

Những hệ lụy của cuộc đời kỹ nữ là ngoài sự bạc đãi của những Tú Bà là sự rủi ro mang thai và những bịnh phong tình.

a) Hệ lụy mang thai

Thai nghén là một tai nạn nghề nghiệp mà những kỹ nữ rất quan tâm cố tránh. Vào đời Minh, đàn ông đã dùng những bao bọc dương vật để ngừa thai gọi là *âm giáp* (yin chia) theo Van Gulik nhưng không mô tả hình thức và chất liệu ra sao . Trong chốn thanh lâu, như ta thấy, kỹ nữ thường dùng những toa thuốc hành huyết như Tú Bà đã cho Thúy Kiều uống để điều hòa kinh nguyệt (emmenagogic).

Theo sách Tàu những thứ này dùng mạnh cho phụ nữ có thai sẽ trở thành xảo thai (abortifacient), nhưng thực tế ra sao không thấy thư tịch y khoa nào xác nhận. Kinh nghiệm dân gian đôi lúc lại nói đến một vài thứ cây quen thuộc như rau răm (Polygonum odoratum), hột Mãng cầu (Annona squamosa), hột đu đủ (Carica papaya), lá và trái Bồ quân (Flacourtia cataphracha)... mà những phụ nữ có thai cấm dùng.

Tuy nhiên, Trung Hoa lục địa có lẽ là quốc gia duy nhất hiện nay đang muốn nghiên cứu và áp dụng những kinh nghiệm cổ truyền dùng thảo mộc trong chương trình kế hoạch sinh sản trên bình diện đại qui mô cho cả nước. Trong cuốn *Xích cước Y-sinh Thủ sách* của Ủy ban Y tế cách mạng tỉnh Hồ Nam (bản dịch Anh ngữ là A Barefoot Doctor's Manual – Cloudburst Press of America Inc. 1977) có chỉ dẫn cho những thầy thuốc nông thôn (đi chân đất) vài toa thuốc dùng trong kế hoạch sanh sản nhưng chỉ dùng làm phương tiện phụ trợ thứ yếu sau thuốc viên, vòng xoắn... vì kết quả và *công hiệu hạn chế đến một mức nào thôi* (effective to a certain extent!). Trong sách có đề ra nhiều toa ngừa thai như dùng các thứ cây sau: mã-vĩ tùng (Pinus Massoniana), tánh huyết liên (Coniogramme japonica), bát giác liên (Dysosma auranticcaulis), thất diệp nhất chi hoa (Paris polyphylle), trái tông thụ (Trachycarpus excelsa)... công dụng ngừa thai đến một năm(?); lại có vài toa uống để tuyệt sản (?) với các cây như tông thụ (nói trên), mãn thiên tinh (Hydrocotyle rotundifolia), kim oạt nhĩ (Carpesium divaricatum). Tôi chưa kiếm ra thư tịch y khoa về sự lượng giá những thảo mộc trên về lâm sàng và thí nghiệm trên loài vật. Có lẽ vì vậy mà cuốn thủ sách y-sinh trên vẫn chủ trương dùng những phương pháp hiện đại như thuốc viên, vòng xoắn làm phương tiện chính yếu! (3)

[*Chú thích số 3*: Về những khảo sát thí nghiệm hiện đại, một vài thứ đã gây chú ý đặc biệt như cây *Dâm bụt hay Bông bụp (Hibiscus rosa sinensis Linn.)* được Pételot và nhiều tác giả ghi nhận về công hiệu điều kinh: ở Nam Dương, dâm bụt tăng cường với hột đu đủ ghi nhận làm trụy thai (Burkill). Thí nghiệm của Kholkute và Udupa (1976) dùng trích ly của hoa dâm bụt trên các chuột bạch cái có thai từ 1 đến 10 ngày chứng minh dâm bụt đã ức chế sự đậu trứng (nidation) hay chống lại sự bám trứng vào thành tử cung (anti-implantation). Kholkute (1977) lại thí nghiệm dâm bụt trên chuột bạch đực chứng minh dâm bụt có tính chống nhất thời trên sự sản xuất tinh khí (anti-spermatogenic effect). Ngoài ra còn có những thí nghiệm có kết quả đáng tin với hoạt lực chống sinh sản của *cây sầu đâu (Azadirachta indica), cam thảo dây (Abrus precatorius), cây đuôi công trắng (Plumbago zeylanica).*]

b) Hệ lụy bệnh Phong tình

Bệnh phong tình trong ngôn ngữ Pháp là cú đá của thần Ái tình còn tiếngTrung Hoa gọi là "Phong Lưu bệnh" vì phần lớn là bệnh của những người phong lưu lăn lóc vào chơi trong chốn nguyệt hoa gồm những chứng lậu mủ, hạ cam và dương mai.

Về bịnh phong tình trong xóm bình khang, R.H. Van Gulik trong cuốn Sexual life in Ancient China viết trong chương Triều đại Minh như sau: *Trong những thời đại trước, sự chung chạ tính giao với những kỹ nữ và gái điếm không bị rủi ro mắc phải chứng bệnh phong tình. Như đã nói ở chương VII trước, vài thể bệnh lậu mủ đã có thể xảy vào những thời xưa. Nhưng cho đến những năm cuối triều đại Minh, sự truyền nhiễm các chứng này không gây ra một tỷ số làm hoảng hốt. Những cơ hội nhiễm trùng bị giảm thiểu vì thói quen sạch sẽ mà dân Tầu thường có trong sự tính giao. Đọc những tiểu thuyết dâm tình đời Minh, ta thấy đàn ông và đàn bà quen rửa bộ phận kín trước và sau khi giao cấu, nhiều chất nhờn làm cho trơn (lubricants) như chất thạch agar- agar (su soa rau câu) bôi lên những vết thương nhỏ hay trầy da trên bộ phận kín đã ngừa nhiễm trùng. Đàn ông tùy lúc thường dùng một bọc phủ đầu bộ phận*

của mình, gọi là âm giáp nói là để ngừa thai hơn là vì lý do vệ sinh. Tuy nhiên, vào khoảng đầu thế kỷ 16, một trận dịch giang mai đã phủ một màn đen trên cuộc sống vô tư lự này.

Sự khởi đầu và lan tràn của chứng bịnh phong tình đáng sợ này có thể lưu dấu trong một số sách y khoa đương thời. Lương y Du Biên trong phần tục biên của cuốn trước tác Y thuyết (in năm 1545 đã bàn luận về đặc tính trị liệu của cây sarsaparilla và nhận xét rằng: "Vào những năm cuối đời Hoằng trị (1488 – 1505), dân gian bị tàn phá vì chứng bịnh ngoài da ác liệt khởi phát từ vùng Quảng Đông. Vì người dân của trung nguyên Trung Quốc không quen với bịnh này nên gọi nó là Quảng sang hay cũng gọi là Dương Mai sang vì những chỗ lở hình dáng giống hoa dương mai." Lương y này đã tả chính xác những vết lở dương mai và những triệu chứng đi kèm và thêm rằng cây Sarsaparilla và thủy ngân trị liệu mau chóng cho các bệnh nhân. Những nhận xét của ông được xác nhận trong những trước tác y khoa khác đương thời, một số còn thêm những truờng hợp lâm sàng đủ chi tiết.

Một trận dịch thứ hai xảy vào năm 1630 và được miêu tả chi tiết trong sách Mai sang bí lục do lương y Trần Tự Thành in vào năm 1632. Tất cả những nguồn thư tịch này gọi chứng bị là Quảng sang hay Dương mai sang. [Theo Van Gulik, chữ Mai viết là hoa mai, nhưng cũng có sách viết là Môi là loại nấm. Hiện nay danh từ **Mai độc** hay Môi độc vẫn còn dùng ở Tầu và Nhật bản (bai-doku)]. Nhân chữ Quảng Sang, tôi xin nói về nguồn gốc của bệnh dương mai trên toàn thế giới. Các học giả một thời đã bàn cãi về chuyện dương mai nguyên từ trước chỉ phát khởi và giới hạn ở vùng Hispaniola hay đảo Haiti, nhưng nhà thám hiểm Christopher Columbus đem đoàn thủy thủ khởi hành từ Seville vào tháng 8 năm 1492 qua Tân Thế giới (Mỹ châu) lần thứ hai ghé đảo Haiti rồi trở về Tây Ban Nha vào tháng ba năm 1493. Chính đám thủy thủ này đã đem dương mai mà truyền khắp Âu châu, rồi sau đó truyền khắp thế giới trong đó có Trung Hoa với hải cảng Quảng Đông, nên do đó mới có tên Quảng sang! Nhưng một số học giả khác tin ngược là dương mai đã hiện diện ở Cựu Thế giới từ xa xưa rồi. Thành ra về bàn luận về nguồn gốc bệnh dương mai có hai thuyết phái: phái hậu - Columbus và phái tiền - Columbus.

Dựa vào tờ hôn thư viết vào ngày 15 tháng 4 năm Gia tĩnh thứ 11 (tương đương năm 1533 dương lịch) khi Thúy Kiều bán mình để làm tiểu thiếp của Mã Giám sinh, thì ta thấy nàng đã bắt đầu hành nghề kỹ nữ trong thời gian mà bệnh hoa liễu có thể mới sơ phát ở Trung Quốc vài thập niên trước cuốn Y thuyết của Du Biên vào năm 1545. Thúy Kiều là kỹ nữ hạng thượng lưu kén khách trong đám vương tôn công tử và biết cẩn thận giữ vệ sinh dùng thuốc rửa nên không bị nhiều rủi ro bị bệnh như nhóm những gái mãi dâm (gọi là Phiêu) của xóm bình khang hạng bét như hồi ký của Gaspar da Cruz người Bồ Đào Nha đến Quảng Đông năm 1556. [Dựa vào những tiểu thuyết dâm tình của vài văn thi sĩ Tầu vào cuối đời Minh, một điều đáng để ý là tuy có tả nhiều chi tiết kỹ và rẻ tiền về sự tính giao, nhưng lại không nói đến những thác loạn bệnh lý như chứng cuồng dâm hay khổ dâm như dùng roi quất và chứng đồng tính luyến ái].

Nói thêm về sự vệ sinh và trị bệnh phụ khoa, một toa thuốc cổ truyền (herbal washes) cho phụ nữ bơm trong rửa ngoài âm đạo gồm xà sàng tử, hoàng bá, khổ luyện tử, câu kỷ tử sắc lên pha với hàn the (bạch phàn hay minh phàn — aluminium potassium sulfate). Còn thuốc mỡ thoa thì pha dầu mè đen, đương qui, tử thảo với sáp ong vàng và mỡ heo để thoa trên những vết trầy hay thương tích, ngứa mẩn.

Trung Hoa đã dùng thủy ngân sống và muối thủy ngân như Calomel (Mercurous chloride) gọi là *Thủy ngân phấn* hay *Khinh Phấn* để trị hoa liễu. Tuy nhiên những thứ này rất độc mà chỉ có hiệu quả chận đứng nhẹ vì không diệt nổi Spirochaeta pallida và còn gây nhiều vết da mẩn nên bị thay thế bằng những *thuốc có muối thạch tín (Arsenic trioxide)* — Arsenic được người Tàu gọi là Thạch Tín vì phần lớn đá này nguyên được khai thác ở tỉnh Tín Châu (Trung quốc). Theo sách Belles de Shanghai – Prostitution et sexualité en Chine aux Dix-neuvième et Vingtième siècles — Christian Henriot , 1997, hai thứ thuốc dùng thạch tín như "606" (six-cent-six) và "914" (neuf-cent-quatorze) còn được dùng đến mãi năm 1945 khi mới áp dụng thuốc trụ sinh.

Về cây *Sarsaparilla* dùng trị hoa liễu, thì tôi tra cứu những sách y dược Trung Hoa không thấy nói đến, nhưng Tổng hợp Anh Hán Đại Từ điển chú âm tên này là "Tán nhĩ sa" — đọc là Xan–ơ-xa) dùng để trị liệu thấp khớp do bệnh Mai-độc; tự điển Larousse chú là cây này gốc ở Mễ và Á Châu. Giáo sư Phạm Hoàng Hộ nói người Pháp nhập cây này vào Việt Nam làm nước giải khát quen gọi là nước Xá xị (Mỹ là root beer).

Còn bệnh lậu mủ, trước khi dùng trụ sinh, tôi

thấy trong cuốn *Chinese Herbs* của John D. Keys có sưu tầm một toa Trung y gồm những thứ sau: Ích mẫu hoa, Cỏ tranh, Sậy, Tim bấc, Mã đề, Thạch tùng, Bồ công anh, Quắc mạch, Địa vị tử, Khổ sâm, sắc lên uống. Hiệu quả ra sao thì không rõ, nhưng tôi kể ra làm tài liệu của y học Trung Hoa đã quan tâm điều trị bệnh này.

Qua cuốn Belles de Shanghai (Những kiều nữ đất Thượng hải) của Christian Henriot về nạn mãi dâm tại Trung Quốc vào hai thế kỷ XIX và XX, ta thấy rằng sự điều trị bệnh phong tình đã phần lớn chuyển qua thuốc Tây y với các thuốc dùng Arsenic và Bismuth trước thời đại cùng kháng sinh và trụ sinh. và nạn mãi dâm ở Trung Quốc lục địa vẫn tồn tại, ngay dù sau năm 1949, một cách lén lút..

Tài liệu tham khảo

- *Bản thảo cương mục* - Lý Thời Trân (bằng Hán ngữ) - Thương vụ Ấn thư quán 1979
- *Giáo phường ký - Bắc lý chí- Thanh lâu tập* Thư viện Gest của Princeton University New Jersey (số mục 5207/5607(1:8)
- *Chinese Healing Herbs* - Daniel Reid – Barnes&Noble 1999
- *Chinese Materia Medica* by Bernard E. Read - Southern Materials Center, Inc Tapei 1985
- *Chinese Herbal Medicine Formulas and Strategies* - Compiled and Translated by Dan Bensky & Randall Barolet - Eastland Press Inc.
_ *How to treat yourself with Chinese Herbs* by Dr Hong-Yen Hsu - Kears Publishing Inc. 1993
_ *Kim Vân Kiều* (Hán ngữ) của Thanh Tâm Tài Nhân - Lý Chánh Trung hiệu điểm - Xuân Phong Văn nghệ xuất bản xã
_ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Tử bản dịch Việt ngữ của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm (Văn Hóa tùng thư – Nha Văn Hóa, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc –trách Văn-Hóa xuất bản 1971)
_ *Lịch sử ngành Dược Việt Nam* của DS Trương Xuân Nam- Nhà Xuất bản Y học 1985
_ *Medicinal Plants of China* by James A.Duke and Edward S. Ayensu _ Refernce Publication
_ *Medicinal Plants of VietNam, Cambodia and Laos* - Nguyễn Văn Dương 1993
_ *Oriental Materia Medica* by Hong-Yen Hsu - Keats Publishing 1986
_ *Sexual Life in Ancient China* by R. H. Van Gulik Barnes &Noble, Inc 1996
_ *Syphilis a synopsis* - Public Health Service Publication 1968
_ *The Illustrated Chinese Materia Medica crude and prepared* by Kun-Ying Yen - SMC Publishing Inc. Tapei
_ *Tổng hợp Anh Hán ngữ Đại từ điển* - Thương vụ ấn thư quán phát hành, Shanghai China

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Nhà văn ĐẶNG TRẦN HUÂN

Đã qua đời ngày 21 tháng Ba, 2003
tại West Covina, California

Hưởng thọ 75 tuổi

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng chị Đặng Trần Huân, các cháu, cùng tang quyến. Thành kính cầu chúc hương hồn Nhà Văn được an nghỉ nơi cõi Vĩnh Hằng.

Tạp chí THẾ KỶ 21 - Nhật báo NGƯỜI VIỆT
Đài phát thanh VNCR - Hội VAALA

CHUNG CƯ

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Gửi anh Đàm Quang Hưng

"Hi!" Tôi chào người bạn láng giềng ở ngay tầng dưới tôi trong chung cư khi khoảng cách giữa anh và tôi trong hành lang đã quá nhỏ, không còn tránh nhau được nữa. Anh cũng chào lại, "hi!" nhưng đáng lẽ để câu chào hỏi xã giao lấy lệ chấm dứt ở đó, anh dừng lại chìa tay ra bắt và tự giới thiệu tên anh là John. Câu chuyện trong hành lang kéo dài chừng mươi phút, tôi biết John là dân miền nam Ca Li.

Thật ra John chẳng cần phải nói tôi cũng đoán được phần nào. Nước da mịn rất đẹp, hơi xạm nắng trông thật khỏe mạnh, hẳn là kết quả của một tuổi trẻ tiêu bừa bãi, cưỡi sóng bể - surfing - trên những bãi bể dài dài của miền nam Ca Li. Giọng nói cùng cử chỉ cởi mở, vồn vã của anh hãy còn dấu tích của mấy cậu sinh viên cử nhân Đại Học California ở Los Angeles - UCLA. Tôi được biết thêm John sang miền giữa nội địa của nước Mỹ này để học thêm và anh cũng sắp trở về lại Ca Li.

"Bữa nào rỗi anh xuống tôi chơi. Tôi với anh và April, mình sẽ gọi cái *pizza* lớn, ngồi nói chuyện chơi hay xem đá bóng," John mời tôi trước khi mỗi người đi để tiếp tục công việc của mình.

A, những sinh vật sống chen chúc trong chung cư! Hay đó là những cù lao, tuy đắp lũy xây thành để bảo vệ những thế giới riêng tư, nhưng không quên rình mò, xoi mói một cách tự nhiên hình như không cần đến cố gắng nào đặc biệt để thu nhặt tin tức, tài liệu phòng khi cần đến. Chỉ những khi có án mạng xẩy ra hay khi chồng hành hung vợ, người ta mới thấy láng giềng có thể cung cấp cho cơ quan hữu trách những chi tiết thật bất ngờ.

Tôi dọn đến chung cư này đã được ba tháng và đến thành phố này cũng đã được chín tháng, vậy mà đấy là lần đầu tiên tôi thực sự nói chuyện với một người khác nhiều hơn một vài câu trao đổi hời hợt.

Phải chờ thêm một tháng nữa tôi mới lại có dịp nói chuyện với một sinh vật khác, một người đàn bà có sắc đẹp vừa phải nhưng có cặp mắt khó quên, hay nói cho đúng hơn gợi lại trong tôi một cặp mắt khó quên.

Lần đầu tiên trông thấy cô ở cuối hành lang, cô nhìn tôi, đầu khẽ gật như phác họa một câu chào. Tối hôm sau tôi gặp lại cô ở trong buồng giặt. Khi tôi bỏ quần áo vào máy xấy cô nhanh nhẩu nhắc tôi phải bấm nút cho quần áo bông vì nếu không, máy sẽ không đủ nóng vì đã quá cũ. Câu chuyện bắt đầu, tôi biết cô mới ra trường, đang làm tạm thời dưới phố để chờ một việc khác, tốt và thích hợp hơn. Qua giọng nói, tôi nhận xét cô không phải là người vùng này, cô cười,

"Anh tinh lắm, tôi cứ nghĩ không ai để ý biết giọng nói có chút miền Nam của tôi. Bố mẹ tôi dọn đến đây từ Atlanta năm 1980 khi tôi vừa học xong tiểu học."

"A, thảo nào! Những trái đào của Georgia!" (1) Tôi tính nhẩm một cách máy móc trong đầu rồi nói tiếp, "và như vậy trái đào này mới có hai mươi sáu tuổi."

"Hơi sai một chút! Thôi, chào anh!"

Không những cô không tỏ vẻ khó chịu về cách nói xoi bói của tôi mà còn nheo mắt nhìn, cười nụ cười đầu tiên chào rồi cắp rổ quần áo đi ra.

Tưởng cũng nên nói thêm tôi sẽ phải ở đây ba tháng nữa. Lẽ ra tôi phải ở đây cho đủ hai năm, nhưng ông chủ biết tôi ghét cái thành phố trời đánh này ông dỗ,

"Thôi chịu khó ở đó một năm rồi tôi sẽ đổi anh đến tỉnh như ý anh. Anh biết hợp đồng này cấp bách và công ty hiện thiếu người, không kiếm được người thích ứng để làm công việc đó."

Vì vậy tôi vác va-li đến đây. Chung cư tôi ở khang trang, sạch sẽ. Trông ra ngoài cửa sổ, xa xa ở phía bên kia là một tòa nhà đối xứng với tòa nhà tôi ở, ở giữa là sân cỏ nhỏ được cắt xén gọn gàng phân chia con đường cùng chỗ đậu xe bằng bê tông. Sở dĩ tôi để ý tỉ mỉ như vậy là vì chừng ba tháng sau khi tôi đến đây, bạn tôi gửi điện thư đến nói mùa này cây đã bắt đầu thay lá và hỏi lá cây nơi tôi ở đã đổi màu gì. Nhìn qua cửa sổ chỉ thấy toàn bê tông, tôi bèn trả lời "nói ra thì buồn cười, thật tình tôi không biết lá cây ở đây đã đổi màu gì," nhưng nếu việc lá cây đổi màu đối với cô là điều quan trọng thì tôi sẽ cố gắng điều tra

và trả lời trong một thư sau.

Đối với thành phố, tôi sống như một thứ ký sinh trùng, không biết việc xảy ra ở chung quanh ngoài những gì trực thuộc. Mấy tháng đầu tôi còn đọc báo; tôi biết người ta hay đâm chém, bắn giết nhau ở phía bên kia thành phố, cách khu tôi ở đến cả mười mấy dặm. Sau đó tôi ngừng mua báo, tôi cũng chẳng có cả máy truyền hình. Để có tin tức hàng ngày tôi đọc tin tức hoặc nghe mấy buổi phát thanh qua Internet.

Thành phố này thật ra không tệ. Vì lý do nào đó tôi có ác cảm với nó, có lẽ vì tự nhiên phải dọn đi khỏi một nơi đang sống thoải mái, thân thuộc. Hay vì những ấn tượng đầu tiên. Vì thói quen, mấy tháng đầu tôi thường đi làm bằng xe buýt. Tôi nhận thấy hành khách xe buýt nhìn tôi bằng con mắt khác lạ như thể tôi đến từ một hành tinh xa xăm nào, nhất là khi thấy tôi xuống xe ở một địa chỉ có uy tín ở dưới phố. Hình như người ta không quen với sự việc này.

"Người ta" đây là những người đàn bà khổng lồ vì đa số hành khách trên xe buýt là đàn bà, mà toàn là những người khổng lồ, mỗi người ngồi chiếm hai ghế trên xe buýt. Thổ sản của vùng này là bắp với những ruộng bắp thẳng cánh cò bay. Có lẽ giữa bắp và phái nữ ở đây có một quan hệ sinh lý rất mật thiết vì hiện tượng "những người đàn bà khổng lồ" này rất phổ quát. Ngay trong công ty tôi làm, cả một tầng lầu có đến cả trăm người, vậy mà từ chỗ tôi ngồi nhìn ra khu lối đi chung tôi thường chỉ thấy những xê dịch bì bạch, nặng nề như của một đàn *penguins* có mầu sặc sỡ.

Những lý do đó khiến tôi để ý đến cô láng giềng ở buồng giặt. Tôi biết cô ở tầng dưới nhưng không biết trong đơn vị - apartment - nào, vì mỗi tầng có đến sáu đơn vị. Lần thứ nhì tôi gặp lại cô cũng ở trong buồng giặt. Khi tôi hỏi cô đã có việc mới chưa, cô cho biết cô đã có việc mới tại công ty ABC.

"A ha, vậy mình làm cùng một công ty. Cô làm ở tòa nhà nào, và có ở cùng khu dưới phố không? Nếu cùng ở một khu, thỉnh thoảng cô phải đi ăn trưa với tôi. Cho thay đổi phong cảnh!"

"Được lắm, thỉnh thoảng mình có thể đi ăn trưa. Anh có giọng thật *sexist*."

Cô láng giềng hiểu rất chính xác tôi định nói gì với mấy chữ "thay đổi phong cảnh" khi cô nói tôi *sexist*, rồi cô lại nheo mắt cười với tôi nụ cười bữa trước.

*

Trong giấc ngủ, đôi mắt của cô láng giềng sẽ đem tôi về với Claudine.

Sau khi ra trường tôi cũng có ý định đi làm kiếm tiền như các bạn tôi, nhiều người kiếm cả "tấn" tiền. Nhưng khi ngỏ lời với bạn tôi về chuyện này, tôi thấy bạn tôi lúng túng. Một người ngắm nhìn tôi một lúc, rồi lắc đầu nói,

"Toa không có tướng làm tiền. Tại sao toa không đi ngoại quốc?"

Tuy nói vậy, người bạn cũng kiếm cho tôi một việc nhàng nhàng, đủ sống. Sau vài tháng kiếm ăn, và sau khi đi ăn cưới làm phù rể cho bạn tôi (ôi, những đám cưới con nhà danh gia như thế này, có lẽ đó mới là điều bí mật mà tôi thường mong ước) tôi đi ngoại quốc như bạn tôi khuyên. Và đêm nay, tôi ngồi đây với Claudine, trên bãi cát vắng vẻ của mũi bể Eilat, dang tay với rộng ra ta có thể chạm hai nước láng giềng Jordan và Ai Cập, xa hơn một chút là Saudi Arabia.

Mới tháng trước, khi du lịch chưa thịnh hành như bây giờ, tôi hãy còn lang thang ở miền Nam nước Ý, quê hương của nhà văn G. Guareschi mà tôi yêu thích. Ở đây nắng chiếu chói chan khiến cho đầu người ta cứng như gang thép mà theo như nhà văn, đây là nơi người ta có thể cầm gậy phang vào đầu nhau mà không hề có ác ý.

Rồi tôi đến đảo Capri. "Hãy đến Capri rồi chết," ai đã nói như vậy? Les amants de Capri. Claudine cười khích khích khi cô phải ngửa người cho đầu khỏi chạm thành cửa đá trong lúc thuyền chui vào Blue Grotto. Ánh đèn xanh phản chiếu từ sóng nước, từ vách của động đá lung linh trên ngực, trên mặt Claudine mờ mờ huyền ảo. Tôi chỉ cảm phục vừa vừa; tôi bảo nếu Claudine ngoan, một ngày nào đó tôi sẽ dẫn Claudine về Việt Nam đi chơi Chùa Hương và Vịnh Hạ Long. Tôi biết cũng như những lần khác, mỗi khi nghe chữ lạ tai cô sẽ hỏi lại, "thế nào là ngoan?"

Trăng đầu tháng trên nền trời cao trong của mũi bể Eilat, thỉnh thoảng một đám mây lẻ loi bay qua che khuất, khi tỏ khi mờ, Claudine chậm chạp bước lên từ dưới nước như trong bức tranh Sự Ra Đời của Venus - The Birth of Venus - của Botticelli, vết chân và nước rỏ dài làm thành một chuỗi sao in trên nền cát. Cô gái mặc dầu ít tuổi đã có những hiểu biết hiếm thấy. Nàng có thể nói cho tôi nghe về hội họa. Nàng sẽ chỉ cho tôi nghe bản nhạc Bolero của Ravel.

Nàng bảo, này nhé, anh hãy tưởng tượng một trưa hè Tây Ban Nha lười biếng, oi ả và nóng bức. Tuyệt đối im lặng, rồi có một chút xao động

gợi ý một cái gì nghiêm trọng sắp xẩy ra. Những âm thanh khẩn trương, cấp bách mỗi lúc một to. Một chấm nhỏ lớn dần, lớn dần. Đó là một con thú hung hãn chân đập trên mặt cát đang xầm xập chạy đến, dũng mãnh, rạo rực. Nó đã đến nơi. Anh đấu bò đang đứng chờ nó, tư thế thanh lịch, áo choàng đỏ bay tròn một bên. Tiếng chũm chọe vang lừng bao chùm không gian, choán hết chỗ của tất cả những thanh âm khác.

Ô hay, sao nốt ruồi son đỏ xinh xinh giữa triền ngực bên trái của Claudine mà có thể trông như áo choàng đỏ của người *matador!*

Claudine lấy khăn tắm lau bớt nước rồi cuộn lên người để sửa soạn đi vào. Đêm nay cô sẽ phải đi ngủ sớm để còn lấy sức qua sa mạc Negev sớm ngày hôm sau, trước khi mặt trời mọc.

Ngày cuối cùng chúng tôi ở vùng Biển Chết. Con đường hẹp đầy đá dăm chênh vênh đi lên đỉnh Masada (2) không phải dành cho những người yếu tim. Không khí nặng trĩu lịch sử, phảng phất một chút gì ma quái, chết chóc. Người Ả Rập gọi chỗ này là Núi Nguyền Rủa - As-Sabba (The Accursed). Đó là một núi đá cao hơn bốn trăm thước, đỉnh phẳng rộng vài chục mẫu. Những sự việc xẩy ra ở đây giúp định nghĩa những quan niệm hiện đại như quốc gia, dân tộc. Nhìn cho kỹ, chúng cũng giúp định nghĩa sự điên rồ. Bởi vì đây là nơi ở giữa không nơi nào - *in the middle of nowhere* - mà cách đây chừng hai nghìn năm hơn một nghìn người *zealots*, kể cả đàn bà và trẻ con, kéo nhau đến lợi dụng địa dư của nơi chốn để chống lại mười lăm ngàn quân La Mã. Và những người La Mã ấy, trong hai năm trời, dùng kỹ thuật tân tiến nhất của thời đại bao vây núi nhằm tiêu diệt những người *zealots*. Cuối cùng quân La Mã thành công, những người *zealots* tự tử chết, chỉ còn hai người đàn bà và năm đứa trẻ sống sót để kể lại câu chuyện.

Đi xuống suối Ein Gedi từ Masada là một thay đổi thoải mái. Nếu theo tiêu chuẩn bình thường thì đó chỉ là một "ngọn suối chẳng thông dòng." Nhưng thôi, ở đây tầm vóc nhỏ bé, ta sung sướng chấp nhận những gì ta có. Tôi đến từ một nơi mà hàng ngày đàn ông thì cạo râu còn đàn bà thì cạo... lông chân. Ở đây, có thú vị bất ngờ khác. Vì lông chân không cạo nên da thịt mượt mà mát dịu sờ vào không như chạm phải giấy giáp số 2!

Đàn bà ở đây cũng không cạo cả lông nách. Khi chúng tôi chui vào chỗ suối Ein Gedi này thì đã có mấy người ở đó. Đứng ở trên cao bên cạnh suối, một tay chống ngang sườn, một tay dơ cao

SƯƠNG MAI

Con Diều, Em

Kể từ khi yêu anh,
Em trở thành con diều non tội nghiệp
Có khi bay cao chót vót trời xanh
Có khi la đà trên ngọn, trên cành
Khi rơi bẹp xuống vùng cỏ dại
Cũng có khi ngang tàng trên đỉnh núi
Rồi có khi cao ngạo chốn biển xanh...

Và cũng kể từ lúc yêu anh
Con diều bay hân hoan, phơi phới
Con diều bay chưa hề biết mỏi
Mà sợi dây
Anh còn nắm giữ không?

Gió, gió lên...
Gió mạnh đến bão bùng
Sợi dây đứt,
Con diều rơi thảng thốt
Anh, anh hỡi! con diều đang chết ngột
Giữa biển khơi, trong vực thẳm mù xa...

Mà sao anh
Chỉ là người khách lạ đi qua?

04-04-02

tư thế của người chiến thắng, là một thiếu nữ mặc bikini trông như Brigitte Bardot, chân đi ủng, đầu đội mũ cói cao bồi Texas đang cười rất tươi. Mấy người chụp ảnh, tôi cũng chụp ảnh. Cô nán lại thêm vài phút mặc dầu bạn cô dục đi. Một cột nắng nhỏ chiếu vào nách cô, cô cũng vừa đi xuống từ đỉnh Masada, mấy giọt mồ hôi nho nhỏ rung rinh, phản chiếu lại ánh nắng...

"Chắc chắn là không mong manh như tơ trời!"

Tôi nói tiếng Việt một mình mỗi khi gặp khó khăn với ngoại ngữ, Claudine nhìn chờ tôi cắt nghĩa. Tôi nghĩ đó là câu mấy nhà văn Việt tả một sợi tơ nhện đơn côi, đeo nặng vài giọt sương buổi sáng lóng lánh trong nắng mai, đang bay phất phơ trước gió. Mong manh và tơ trời là những ý tưởng đến về sau vì nếu không có mấy giọt sương chắc không thể nhìn thấy tơ nhện. Trong khi tôi nói Claudine mải nghe, không để ý, nhưng sau đó nàng nhận ra tôi đã luồn tay dưới áo từ lúc nào, đang nghịch với đám lông nách rất dầy, rất mượt ướt đẫm mồ hôi, Claudine kêu rú lên và đẩy tôi xuýt nữa đâm đầu xuống suối,

"Tân, anh là một tên mọi rợ!"

Rồi nàng đứng cười, đôi mắt nhỏ lại long lanh. Ngắm nhìn cô cười, một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu tôi buột miệng kêu,

"Ối chao, trông mắt Claudine đĩ quá!"

"Anh nói gì?"

Đó không phải là chữ của tôi. Người nhà tôi bảo, "lớn lên mà cứ cười tít mắt như vậy thì khi mở mắt ra gái nó chạy hết!" Còn bạn tôi bảo, "moa còn nhớ mỗi khi toa cười, trông mắt toa đĩ quá." Những nhận xét đó không hẳn là những câu chê, nhưng từ đó tôi chú ý mở mắt mỗi khi cười thành ra cũng chẳng hiểu mắt tôi đĩ như thế nào. Cho đến hôm ấy tôi nhìn Claudine đứng cười, đầu hơi nghiêng một bên, gò má hồng đỏ vì nắng, trán và mũi lấm tấm những giọt mồ hôi... một sắc đẹp thô sơ nguyên thủy, và câu nói đi ra trước khi tôi kịp nghĩ. Claudine đi xát vào tôi, khuỷu tay khẽ hích,

"Mắt em có thật đĩ không? - Cảm ơn nghìn lần."

Ôi, Claudine, liệu có *còn tuổi nào cho em?* Không, không còn tuổi nào cho em nữa. Bởi vì nụ cười, đôi mắt của Claudine, cũng như không khí nóng bỏng của sa mạc đã bay lên thành tầng thành lớp, để rồi thăng hoa biến thành những hư ảnh.

*

Lần thứ nhì và cũng là lần sau cùng tôi gặp John khi anh mời tôi xuống ăn *pizza*. Một chiều thứ sáu đi làm về tôi thấy có tờ thư nhỏ dán trên cửa hẹn tôi xuống chơi, ăn *pizza* chiều hôm sau. Tôi bèn ra đầu phố mua hai lít kem về để dành trước khi xuống.

"Đây là April, và đây là Tân," John giới thiệu khi tôi bước vào trong phòng.

"Ô..." tôi ngạc nhiên kêu vì April chính là cô gái tôi đã gặp ở buồng giặt.

"Chúng tôi đã có gặp," April đưa tay ra bắt, rồi cười nói tiếp, "Tân là người đàn ông đầu tiên tôi biết, và có lẽ cũng là người đàn ông cuối cùng rủ tôi đi ăn trưa mà không hề hỏi tên tôi..."

Tôi lúng búng nói nếu tôi biết April là bạn gái của John thì tôi đã không sỗ sàng đến như vậy. John cười xua tay,

"Không, không sao, April là bạn tôi và cũng là bạn anh, và là một cô gái, thế thôi! Tôi nghe nói April và anh bây giờ làm cùng một công ty."

Chúng tôi ngồi ăn *pizza*, nói chuyện giông dài về những ngày hãy còn phiêu bạt. Chuyện của John quanh quẩn ở miền tây, những phiêu lưu trên bãi bể và bãi bể, thỉnh thoảng có điểm một trận đấu bóng ở Rose Bowl khó quên. Còn chuyện của tôi thuộc miền đông được tô điểm thêm chút rồng phượng; tôi kể chuyện lái xe trên những giải đất dọc bờ biển từ Nam Carolina lên Cape Cod, nhiều lúc phải đi phà, khi đào trai nấu cháo, khi ra biển câu cá.

Chỉ còn April ở giữa nội địa là chưa đi đâu. Tôi đề nghị,

"Hay là thế này, vùng này đầy hang động của những nhân vật của Marc Twain: Tom Sawyer, Huck Finn... Hôm nào cuối tuần mình đi thăm mấy hang động đó; nếu John chịu khó cố phơi nắng thêm một chút, ta có thể cho John làm Joe Da Đỏ!"

"Rất tiếc, không có tôi. Anh hãy hỏi April!" John lắc đầu nói. Thấy vẻ mặt thắc mắc không hiểu của tôi, John cắt nghĩa,

"Trong vòng hai hay ba tuần lễ nữa tôi sẽ dọn về lại Ca Li."

"Nhưng nhà không có vẻ gì là sắp dọn cả?" Tôi hỏi, nhìn quanh phòng thấy đồ đạc bầy biện vẫn trang nhã, gọn ghẽ.

"Không, chỉ mình tôi đi. Đồ đạc này của April." Rồi John nói thêm, tôi không biết anh đùa cợt hay đứng đắn, "April đang cần có *roommate* để chia bớt tiền nhà, anh dọn xuống đây ở có khi April sẽ bằng lòng lắm. April nấu ăn rất giỏi, anh

chỉ phải rửa bát và đổ rác. Rất lợi!"

"Ô... Một đề nghị rất hấp dẫn ta sẽ phải xét đến, rửa bát là nghề của tôi." Tôi trả lời nửa đùa nửa thật, nhìn April chỉ thấy nàng cười, "trong khi chờ đợi, tạm thời tôi đề nghị mời April đi thăm Joe Da Đỏ một cuối tuần nào đó!"

Khi tôi ra về John hẹn sẽ gọi điện thoại để nói từ biệt trước khi đi. Còn tôi, tôi bảo nếu John cần giúp gì cứ nói cho tôi biết.

Có thể kể đó là tóm tắt về chiều sâu trong việc giao tế của những người sống ở chung cư; trong trường hợp của chúng tôi, tương đối thâm hậu hơn bình thường. Tôi cũng để ý thấy một hôm có ai để ở trước cửa apartment, cho họ một lọ hoa *muguets* trắng nhỏ rất đẹp. Rồi thôi! Bẵng đi gần một tháng tôi chẳng thấy điện thoại mà cũng chẳng thấy John hay April.

Rồi tôi được đổi đi thành phố khác. Tôi quyết định xuống gõ cửa nói chuyện, báo tin cho họ hay. Sau vài phút đứng chờ, Hank, người láng giềng của John và April, đi về trông thấy; anh cho tôi biết John bị tai nạn xe hơi đã chết gần bốn tuần nay, còn April vẫn phải nằm nhà thương. Đấy là lần đầu tiên tôi nói chuyện với Hank.

Vào nhà thương vừa để thăm vừa để từ biệt April, tôi phải chờ nhiều phút vì bác sĩ và y tá đang săn sóc cho nàng. Một cô y tá kể cho tôi nghe đấy là một tai nạn kinh hoàng. John, mới có hai mươi chín tuổi, chết tại chỗ. Những người lính cứu hỏa cần nhiều tiếng đồng hồ mới lấy được anh ra. Còn April, nàng bị nội thương nặng, chân và xương sống bị gẫy. Bác sĩ nói nàng sẽ sống nhưng sẽ vĩnh viễn suốt đời phải ngồi xe của người tàn tật.

April nằm trên giường trông như củ khoai tây khổng lồ mới nhập cảng từ đảo Hoàng Tử Edward, tua tủa mọc mầm với những ống plastic, một chân treo cao. Mắt nàng lim dim như đang ngủ. Tôi khẽ gọi,

"April!"

April mở mắt nhìn tôi, lộ vẻ mừng rỡ.

"Tôi rất tiếc chỉ đến tối hôm qua tôi mới được biết tin John và April bị tai nạn, và John đã chết. April có còn đau nhiều không?"

Câu hỏi có lẽ thừa. April nhìn tôi không nói, hay không thể nói. Tìm được bàn tay của nàng, tôi ủ bàn tay giá lạnh trong lòng hai bàn tay, cố truyền một chút hơi ấm, đầu óc mung lung nghĩ đến những bất hạnh có thể xẩy ra, đến sự lẻ loi cô độc của một số người sống ở chung cư. Tôi nghĩ đến tương lai đen tối của người đàn bà tuổi mới ngoài hai mươi lăm này, đến cái chết tức tưởi của người thanh niên, ai may mắn hơn ai? Tôi nghĩ đến dự định chưa thành hình về việc April và tôi sẽ đi thăm viếng những hang động của Marc Twain. Rồi còn cái nghi vấn về câu chuyện roommate!

"April, tôi đến thăm và cũng để chào April, ngày mai tôi sẽ dọn lên miền bắc."

Nghe tôi chào từ biệt, mắt April thoáng vẻ hốt hoảng bất an. Nàng đã nằm đây nhiều tuần lễ và sẽ còn phải nằm đây thêm nhiều tuần lễ. Những viếng thăm này là những niềm vui nhỏ nhoi độc nhất cuối cùng. Chúng sẽ thưa dần.

April nhắm mắt lại. Chỉ còn đôi mắt để chứng minh sự sống của April; đôi mắt hiền lành và dịu dàng. Và không còn đĩ nữa.

LÝ NGUYỄN THIÊN QUÝ

YÊU EM

Như mây
Phiêu lãng lưng trời
Ngất ngây tóc mượt
Ngọt lời môi thơm
Đồi non
Trắng rợn tay ôm
Cỏ mươn mướt biếc
Chiều hôm dập dờn
Khe sâu
Nước rỉ đường trơn
Bừng đôi mắt lạc
Thần hồn đi hoang
Triều dâng
Sóng vỗ thiên đàng
Yêu em
Mấy giấc son vàng buông lung
Mốc meo
Cái mộng anh hùng.

Chú thích:

(1) Georgia peaches - chỉ đàn bà miền Nam, vẫn được tiếng là đẹp. Scarlett O'Hara của Cuốn Theo Chiều Gió!

(2) Bây giờ người ta có cả máy bay để chở du khách đến, và có cả cable car để đi lên đỉnh núi.

RƠI TRÁI ẤU THƠ

AN PHÚ VANG

Nguyên một khu đất rộng mọc toàn cỏ lau. Bên này là đường Nguyễn Du, bên kia Lý Thường Kiệt. Nơi đường Đống Đa, dọc theo đường rầy xe lửa người ta họp lại mua bán và biến thành chợ từ lúc nào. Buổi sáng có những gánh hàng rong, gánh chè, xôi bắp, bún mắm. Khoảng gần chín giờ sáng, những người bán cá biển mới đánh về mang đến những cá những tôm còn tươi rói lên từ hải cảng. Bốn năm giờ lại có cá chợ chiều. Thế đó chợ họp suốt ngày. Thế đó chợ có tên là chợ Đống Đa từ hồi nào.

Nhà ba mẹ tôi ở xóm Thuận Lập B, gồm những gia đình nằm trong khu vực bao bởi đường Nguyễn Du, Đống Đa, Gia Long, và Lê Lợi. Vào trong xóm có mấy con hẽm, nối liền đường này với đường kia. Hẽm lại chia những ngõ cụt. Nhà bác tôi ở cuối cùng một ngõ cụt như thế bên cạnh nhà ba mẹ tôi.

Có hôm đang học bài, bác bảo chị Út sang kêu tôi ra giúp ai đó. Tôi đi ra thì bác chỉ hai cô nhỏ, mặc áo dài trắng, đang cố nổ máy chiếc xe Honda. Hai cô đi lộn đường nên dính vào cái ngõ cụt. Chiếc xe gắn máy không thương lại dở chứng. Thế là hết cô này đến cô kia thay nhau mà trị chiếc xe.

Bác tôi chỉ hai người đó, nói tôi ra giúp. Tôi đâu biết gì về xe với cộ nên gọi tôi làm cho chiếc xe nổ máy là trật đường rầy. Tôi đứng ngó hai cô. Họ đứng ngó tôi. Tuổi mới lớn tôi cù lần thế đó.

Một lần ai đó chạy xe sang nhà tôi. Cũng xe gắn máy nhưng chiếc xe này ngoan. Nó không nằm vạ làm khổ chủ nhân. Chủ nhân đây là cô nhỏ có mái tóc demi-garcon, từ lớp sáu đã nổi tiếng xinh. Hôm nay người đã học lớp chín. Người dừng xe trước sân, hỏi có em người sang chơi. Tôi ngu như gì. Gặp người mừng lắm nên quên hết mỗi ngày mình vẫn chạy ngang con đường nhà người ở để mong gặp mặt. Dì tôi thấy tôi đứng ngớ ra, nhắc nhỏ con mời bạn vào chơi. Tôi bỏ vở bước ra hiên nhà. Vừa đi vừa trả lời câu hỏi của người: "Cu không có ở đây." Nghe xong người cám ơn rồi quay đầu xe đi về.

Tôi đứng ngó theo mong sao cho xe tắt máy như chiếc Honda của hai cô nhỏ đi lạc. Nhưng không, xe của người chạy ngon ơ. Mới vài phút đã khuất khỏi căn nhà cuối ngõ cụt.

"Ai vậy con ?"

Dì tôi hỏi dò.

"Dạ bạn con."

"Dễ thương quá hí."

Điều này tôi biết mà. Đi học trên trường tôi nghe tụi nó to nhỏ hoài.

Thuở trung học miệng tôi như bị ai dán băng keo. Thường ngày tôi vốn ít nói nay lại càng nói ít những khi có dịp gặp cô nhỏ. Tôi biết người học lớp nào, biết thời khóa biểu, và biết để không có cảm tình mấy với những tên học lớp lớn hơn vẫn theo người. Tôi cù lần tập tễnh làm thơ, phải vần phải luật loạn cả lên nhưng chẳng là gì cả. Những bài thơ mà nay đọc lại chính tôi cũng chẳng hiểu nổi tôi muốn nói gì lúc đó. Cũng may tôi không ở trong thi văn đoàn nào để bạn bè xúm lại khen nhau. Nghe khen mãi rồi tưởng thật để coi trời bằng cái cốc cà phê! Thuở đó nếu tôi dám gởi cho người đọc những gì viết nắn nót trên giấy mà chữ không được đẹp, không biết số phận những bài thơ quờ quạng đó cũng như tác giả sẽ đi về đâu. Đi về đâu cũng được nhưng lạy trời đừng bị chuyền tay đám con gái trong lớp học. Tụi nó mà đọc rồi ghi chú là tôi hết đường "đi vào văn học sử." Mà vào đó để làm gì mà sao người ta quan trọng đến thế.

Nơi tôi sinh ra: "*Thành phố có con sông không chạy vòng mà thẳng. Có nắng đoản hậu mùa hè, gió bấc lạnh thấu... mùa đông. Đạp xe vòng vòng mười lăm phút hết. Nhưng anh theo em về xưa cũng mệt quá chừng. Em đạp xe mini chiều đi đâu chỡ gió. Cho áo lộng đôi tà thiên hạ rớt xa xa. Em tóc demi-garcon của thời anh rất lạ...*" giờ chắc đổi rồi như trường trên đường Lê Lợi, trường bên kia Thống Nhất.

Thuở đó người đâu biết người là số một. Kết quả bầu cử ngầm của đám mới lớn. Thế nào đó tụi trường nam biết rồi chuyền tai nhau. Tôi nghe và biết đường mình theo dài cả dặm. Số một ở trường nữ kéo sau lưng thêm những hàng dài áo trắng. Số một đúng nghĩa chứ không phải số một mà đàng sau chẳng có ai là số hai!

Thi lục cá nguyệt xong, thầy giao cho đứa đứng đầu đem kết quả về làm vị thứ. Tôi bị dính. Thằng nhỏ trịnh trọng mang xấp bài thi Lý Hóa của thầy Nguyễn Tòng cùng Thành Tích Biểu cả lớp về nhà. Trước khi sắp hạng tôi sẽ khoe với mẹ và dì tôi để vòi tiền thưởng. Rạp Kinh Đô đang chiếu Đường Sơn Đại Huynh. Được tiền tôi sẽ rủ bạn bè đi coi thằng Lý Tiểu Long. Có "chai mặt" lắm

tôi cũng không dám mở miệng hỏi người vì đối với đám con gái, lúc đó Lý Tiểu Long hay Lý Tam Cước đâu là cái quái gì. Ham chơi bóng rổ tôi gởi thằng Cu em người xấp học bạ và bài thi của lớp. Nó có cái cặp to chứa không hết đồ lẩm ca lẩm cẩm của tuổi mới lớn. Không biết sao thằng này lại khoái để trái cây dầm chua và ô mai trong cặp. Chắc chắn không dành cho nó rồi mà để cho người nào đó. Mục này tôi chưa biết vì... của mình chưa đến mức đó. Đi học về mới thấy bóng dáng người bên kia đường là tôi mừng. Mừng lắm! Chuyện khác... thằng nhỏ chưa dám nghĩ đến. Tôi lại ngại nhờ bạn bè thân làm quân sư. Biết đâu có thằng cũng thương thầm trộm nhớ người thì "ô hô ai tai."

Chơi xong bóng rổ thằng em người quên gởi lại tôi xấp học bạ. Nó mang luôn về nhà. Thế đó có người tò mò coi thử cái lớp này nó ra sao? Kéo nhau đi đánh lộn thì bên Phan Chu Trinh thầy giám thị đã nhẵn mặt. Thôi để coi hình, coi vị thứ và coi luôn lời phê của giáo sư phụ trách môn học. Cái hình chụp từ những ngày bắt đầu thi đệ thất tôi còn dùng cho bốn niên học sau! Tôi nhìn thấy ngố lắm nhưng kệ miễn sao thầy phê ngon lành trong thành tích biểu là ăn tiền... của mẹ và dì! Tiểu sử học đường của đám lớp tôi và những tên hay qua lại trước ngõ nhà người vì thế được soi dưới kiếng hiển vi của đôi mắt đẹp. Có đứa con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi và không giỏi. Có đứa "thông minh" nhưng không chăm chỉ. Có đứa sao nhìn hình không giống bên ngoài. Hy vọng tôi không bị phán "hấn hay theo... hoài".

Về sau tôi để ý đến Việt Văn hơn toán. Tên người bắt đầu bằng chữ B. Tên tôi là A. Ngày nào tôi viết được thư, trong đó có đoạn "a cọng b bình phương thành... [$(a + b)^2 = a^2 + 2ab + b^2$] có lẽ tôi chọn ban văn chương khi lên trung học đệ nhị cấp. Tôi sẽ gởi bài cho Tuổi Hoa hay Tuổi Ngọc rồi thừa thắng xông lên lập luôn thi văn đoàn xóm nhỏ! Cũng may, thầy dạy Việt Văn của lớp, một nhà thơ nhà văn có bài đăng ở các tạp chí Sài Gòn đã "dìm" tôi xuống, để hôm nay tôi mới "nổi" lên được với cái truyện chẳng ra đầu ra đuôi này! Thầy cũ của tôi mà đọc được bài viết hôm nay chắc tôi ăn hai con "trứng vịt" tròn vo.

Miền Trung đã có những tháng mưa dầm mưa dề. Đứng dưới mái hiên lợp bằng tôn, nghe mưa dồn dập tôi chẳng muốn đi đâu; chẳng muốn làm gì mà cầu sao cho mưa ướt hết đầu tóc được hớt ba phân để làm ... thi sĩ. "*Chiều mưa bay nghiêng chút niềm riêng đây đó...*" hay "*Có con chim sẻ trên đầu ngọn cây. Vỗ cánh chim bay qua cái nóc nhà. Mái thấp lợp tôn mưa ồn thức giấc. Có gì tràn đầy như đất nước xa...*" Qua nhà người tìm mượn cuốn tập chỉ là cái cớ. Tôi đứng dưới mái hiên nhìn mưa và nói gì đâu. "Mưa Sài gòn, Mưa Hà Nội" không biết sao chứ mưa thành phố tôi lúc đó vui lắm. Ít ra khi mưa trúng ngay bữa lang thang mà không biết đi đâu. Qua lại con đường quen, tìm cớ ghé vào để mong gặp mặt... Em người cho mượn cái áo che mưa của ai đó trong gia đình. Cái áo màu trắng, chắc chắn không phải

TRƯƠNG NGHĨA KỲ

NGƯỜI LÍNH THIÊN THU

Tháng Tư! Khôn cầm nước mắt
Mới mà hăm bảy năm qua!
Mịt mờ cuối trời Tổ Quốc
Quê người, trước mặt: mùa hoa...

Nước người ta sao đẹp thế
Quê mình thì mãi âm u
Ai bày ra cơn dâu bể?
Hỏi ai? Ai bạn? Ai thù?

Tượng người Lính ngồi cúi mặt
Hăm bảy năm rồi đi đâu?
Nằm ở chỗ nào có khóc?
Hay buông súng để ôm đầu?

Tôi đứng nhìn trời mây trắng
Tưởng hồn lính chiến đang bay
Những người không hề cúi mặt
Mà đời quên lãng, vì ai?

Cúi đầu... vì thương tiếc bạn?
Cúi đầu... chấp nhận thua đau?
Cúi đầu... nhìn nhang khói tản?
Cúi đầu... đời là chiêm bao?

Ôi một nồi kê chưa chín
Đun hoài chỉ uổng lửa rơm!
Bao giờ dựng lên người Lính
Hiên ngang đứng giữ biên cương?

của nó vì tôi bận vào ngắn trên đầu gối, hai tay áo bám sát lấy tay mình. Áo của con gái rồi. Về đến nhà cởi ra mới biết áo của người. Tôi mừng run, mất ăn mất ngủ rồi nấn ná không muốn mang trả áo sớm như dự định. Đến khi em người sang đòi áo "để chị đi học" tôi định nói mất rồi. Để mua đền cái khác nghe! Cái áo đó có gì đâu mà theo tôi đi gần hết vòng trái đất sau này dầu rời trường rời lớp rời thành phố chưa lần trở lại. Có gì mà khi "*Áo ai cho mượn không đủ che hạt nước trời nên rét lạnh ngày sau.*"

Chiến trận đã xoay chiều. Lệnh đồn quân được thông báo hàng ngày trên đài phát thanh. Tôi gần đi rồi. Đi lính! Lần cuối qua thăm người đứng ở cửa sau hỏi nhỏ."... Học như rứa mà răng phải đi!" Thì ra người biết hết. Thằng Cu là gián điệp. Học bạ gởi nó ngày nào là bằng chứng. Tự nhiên tôi nghe nao nao trong lòng. Tôi đứng nhìn con bé. Ánh điện vàng phía sau không soi rõ mặt nó nhưng tôi tìm được đôi mắt sáng, đẹp nhưng buồn. Tôi không trả lời được câu hỏi. Xa xa là cánh đồng cỏ lau tôi từng lăn lộn những ngày ấu thời. Khi đó người còn ở đâu ngoài Huế, chưa thả những giọt nắng vàng nhẹ xuống hồn tôi. "*Gọi em là mưa trên đầu ngọn núi. Nước mắt lòng khe uống nhé yêu thương. Gọi trên Trường Sơn tên trong trí tưởng. Nay núi mai rừng đi giữ quê hương...*"

Thằng bạn còn ở nhà báo tin người chết! Thư còn nhiều nữa những trách móc thân tình nhưng tôi không can đảm đọc hết. Đôi lần có phép trở lại thành phố cũ, ở tuổi mười chín, tôi thấy mình lạ hẳn với đời sống. Gia đình còn lại của người cũng xuôi về Nam. Mấy đứa trong đám bạn càng ngày càng xa. Tôi ở tác chiến chỉ có một đường về như thơ của người thầy dạy Việt Văn: "*Thưa me, thưa me con đã trở về. Nằm trên xe lăn từng vòng xót xa. Thưa me, thưa me con đã về gần. Dầu chẳng còn đôi chân. Thưa me, thưa me con đã về thăm. Xin giữa quê hương một chỗ yên nằm. Xin một bóng cây lên trên phần mộ. Một lần là trăm năm.*" * Cũng may không chết.

Thôi chào xa thành phố thân yêu chào xa nơi người yên nghỉ. Ngày em đi xe tang chạy ngang đường Thống Nhất, chết máy trước cổng trường. Người ta nói em nuối thầy cô bạn cũ. Em đâu biết tôi nuối em những ngày nắng núi mưa rừng. Những tối nhìn xa xa thấy đèn vàng thành phố. Những lần bâng khuâng nghe ai nhắc đến Nam Ô. "*Đà Nẵng nhớ về thấp thoáng có người hỏi lần cuối bên hiên. Sao bỏ mà đi, bỏ lớp, bỏ trường, bỏ ngày nắng mới.*"

Thôi chào căn nhà có ai tóc ngắn nơi tôi một lần rơi trái ấu thơ.

Tháng Giêng, 2001

HAPPY CAR RENTAL
TRUNG TÂM CHO THUÊ XE

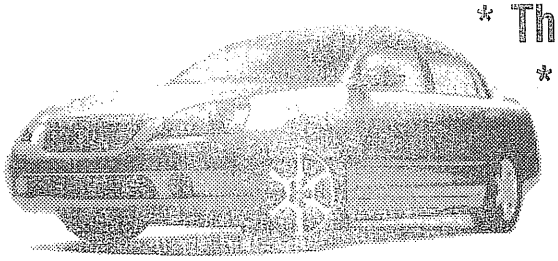

* Thành thật * Phục vụ vui vẻ
* Bảo đảm giá rẻ nhất cho quý đồng hương

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới

8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng
* Detail cho các loại xe

* Có phục vụ mướn xe miễn phí trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

ĐỌC CON NỮ CỦA ĐỖ QUỲNH DAO

BÙI BÍCH HÀ

Sách dày 186 trang, trình bày trang nhã với hai màu nâu đậm nhạt, do nhà Văn Mới Nam Cali in và phát hành cuối năm 2002. Nhớ là Đỗ Quỳnh Dao xuất hiện trên văn đàn cách nay khá lâu (nhân đọc bài Từ Nguyên phỏng vấn tác giả vừa đăng trên Thế Kỷ 21 số 167, mới biết chắc thời điểm bà bắt đầu sáng tác là khi tạp chí Hợp Lưu ra mắt ở Âu châu) nhưng suốt một chiều dài hơn mười năm, khởi đi từ 1991, người đọc chỉ có cơ hội đọc bà rất thưa thớt. Điều này không lạ khi chúng ta biết bà đang làm một công việc chuyên môn có những đòi hỏi khá gay gắt về thời gian, hơn nữa, vốn sẵn cái bén nhậy của một người cầm bút, bà thú nhận là thường *"bị níu kéo bởi rất nhiều những cái bên cạnh thật hấp dẫn,"* viết là tùy hứng và sự thuận tiện thôi. Bà nói thế, độc giả hình dung ra như lời bà tâm sự nhưng khi đã đọc truyện bà viết rồi, chúng ta hiểu thêm rằng trái ngược với bút pháp nhanh nhẹn của bà, Đỗ Quỳnh Dao thai nghén tác phẩm hết sức khó nhọc và thận trọng. "Những cái bên cạnh thật hấp dẫn" ấy, trong một chớp mắt kỳ diệu của số phận, thâm nhập tình cờ và khắc họa trong tâm cảm bà, ẩn náu ở đó, nói như nhà văn Nguyễn Mộng Giác khi viết về Đỗ Quỳnh Dao, đợi qua thời gian cất ủ để lên men.

Mười truyện ngắn trong Con Nữ đều lấy đề tài từ những mảnh đời có thật với rất nhiều trăn trở, gãy vỡ, dập vùi, sự thiệt thòi nằm trong thân phận bất ưng của người phụ nữ trước hoàn cảnh và trong bàn tay thô bạo của những người đàn ông mang bộ mặt của một thứ định mệnh tàn nhẫn đến mức phi lý. Ngoại trừ hai nhân vật nam, trẻ tuổi, "trong trắng ngoài vàng," như quả chuối, (Con Nữ và Xó Tối), tự cấu xé, dằn vặt, đầy đọa mình vì một lẽ riêng, ngoại trừ người đàn ông trong Sợi Tình, mỗi buổi chiều tan sở đi mua hồng sâm và khổ qua cho vợ, buổi tối ngồi viết thơ cho Việt Nam nhờ tìm mua rễ cây nhãn lồng nghe đồn là tiên dược chữa khỏi bệnh của vợ (tiếc thay, cái giá người đàn bà trong truyện phải trả để có người đàn ông tốt lành này trong đời là căn bệnh nan y như bản án tử hình đang chờ đợi bà ở góc đường), kỳ dư, các nhân vật nam còn lại trong cả tập truyện hoặc họ bỏ chạy (Lisa, Thỏ Mười Sáu: *"Pa thấy mệt, Pa đi nằm trước. Ông thất thểu bước về phòng, lưng khòm mệt nhọc," "may mà Man về kịp đưa đi nhà thương súc ruột, chậm tý nữa là hai anh em mình mồ côi cha rồi."* Phải Chi : *nó ngồi yên năm đầu, ba mẹ khắng khít. Nó ngồi yên năm thứ hai, ba mẹ xô xát. Nó ngồi yên năm thứ ba, ba nó bỏ đi.)*; hoặc họ say sưa, nôn mửa sau bữa nhậu để *vợ hầu hạ, chùi dọn, hứng tình bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu: mẹ nằm sấp trên bàn, hai tay giang thập tự bên cạnh mớ cà rốt khoai tây gọt dở, ba đứng sau mắt đỏ ngầu.* Người đàn ông này, *khi men calva luồn lỗi trong máu,* hiện nguyên hình một *con đực lom lom nhìn con cái*; hoặc họ là tên tội phạm man rợ, tùng xẻo người đàn bà không những đã tàn phế bởi sự độc ác của chính nó mà nó còn thừa biết rằng nay người đàn bà đó không còn có thể làm gì để chống cự lại, để đòi hỏi công lý, để tự vệ, để sống đàng hoàng nếu không là tức nước vỡ bờ, nhúng tay vào máu và cũng đồng thời đánh mất vĩnh viễn đời mình (Nói Một Mình); hoặc họ là anh chàng Don Juan luôn luôn thấy mình là mặt trời, *không biết yêu một người đàn bà nào cả, bất cứ người đàn bà nào cũng chỉ là sân ga cho anh ghé, bến đò cho anh đậu;* hoặc họ là người chồng sẵn sàng chê bai, đay nghiến vợ để chứng tỏ uy quyền tuyệt đối, *không hằn học lên giọng, chỉ lơ lửng gió thổi mây bay và từng lời nhả ra như viên đạn đục xoáy tim. Sự tàn nhẫn sao lại dễ dàng như thế?* (Đối Gương). Những nhân vật nữ của Đỗ Q. Dao dường như được sinh ra chỉ để một đời lam lũ, hứng chịu khổ đau và bất hạnh. Có lẽ đất trời thần kinh thơ mộng và nền văn hóa với những tập quán khe khắt của xứ Huế đã tác động cùng một cách trên tâm hồn các nhà văn nữ trải qua tuổi thơ và lớn lên ở nơi này (hoặc thậm chí chỉ có ít nhiều liên hệ xa gần, địa dư hay huyết thống). Gần nửa thế kỷ cách khoảng giữa Túy Hồng, Nhã Ca và Đỗ Q. Dao đi kèm với cả một bán cầu ngăn chia trong không gian nhưng khí hậu văn chương của cả ba có cùng cái ngời ngời băng giá của nước mắt đông cứng thành đá, long lanh, ngũ sắc, cái mai mỉa thâm trầm, sắc sảo, chua cay, như một thái độ phản kháng tiêu cực mà thanh lịch, chống lại sự chà đạp từ ngoại giới một mặt làm bầm giập cuộc đời các nhân vật của họ, mặt kia, cho những nhân vật ấy khả năng thăng hoa, bay lượn, thoát thân. *Rời Việt Nam vào thời điểm đất nước có những biến cố đã làm chủ đề cho một tiểu thuyết của nhà văn Nhã Ca* (như bà trả lời phỏng vấn Từ Nguyên), cách nói vòng vo, bóng bẩy này, vô tình nhưng cụ thể, cho những độc giả của bà nhìn thấy dấu mốc thời gian, gồm con người và sự việc, đã để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm khảm bà, nếu không là những vết thương sớm sủa, đau nhức lâu dài, trong tấm lòng mẫn cảm của cô Đỗ Q. Dao bỡ ngỡ vào đời, chia sẻ, lãnh nhận giùm thế hệ những người

phụ nữ sống trước cô và cô nhìn thấy họ khắp xung quanh, thì là những thước phim không ngớt chiếu đi chiếu lại theo với tháng năm, ngày càng đậm nét, đến một lúc chính bà nhìn thấy những thước phim ấy trở thành dương bản, cho dù ở một phương trời khác, một thời điểm khác, với những nhân vật khác nhưng hình ảnh chúng đưa ra chập vào nhau ở những bộ mặt khóc cười có cùng một thân phận. Cùng khai thác một chủ đề đồng tính luyến ái, Bruno trong Xó Tối chỉ băn khoăn làm sao bước ra ánh sáng để có thể công khai, thoải mái, sắp đặt, tổ chức tính dục của mình trong khi Con Nữ, mặc lấy thân tâm con gái bên sau cái vỏ con trai, lập tức trở thành *cái xác tươi*, gánh vác bi kịch đời nó dưới sức nặng của mối tình tuyệt vọng với một người tình duy nhất trong mộng mị và trong thực tế dường như lúc nào cũng là con đường cụt cho người đàn bà. Với cái khung luận lý có vẻ chật chội, cố định ấy, ngòi bút tài hoa, nặng ngàn cân của Đỗ Q. Dao như những đường gươm uất ức, quyết liệt, loang loáng đẽo, đục, cắt, gọt, hình thành những kích thước nhiều lần to lớn hơn, nếu không thể làm gì để thay đổi hay xóa bỏ cái khung ấy thì ít nhất cũng mở ra những cánh cửa mới, thoáng đãng, cho bay hết *mùi ẩm mốc, khắm thủm* của thịt xương những sinh linh mỹ miều, vùi chôn oan khuất nơi đó.

Tôi đặc biệt ngạc nhiên thấy một người sinh sống ở nước ngoài nhiều năm như Đỗ Q. Dao mà vẫn còn sở hữu tiếng Việt ở mức độ phong phú, nhuần nhuyễn, hiệu quả, không những tràn trề theo kịp luồng tư tưởng trong sáng tạo của bà mà còn chắp cánh cho những tư tưởng ấy bay trên một đường bay chói chang, thiêu đốt, làm nhớ những mùa hè nắng nung người ở cái thành phố Huế bé tí tẹo giờ đã thật xa xôi. Với cách hành văn biền ngẫu, vế trước cân xứng đối chọi hay mượt mà đuổi vế sau, chữ nghĩa phăng phăng tuôn chảy dưới bàn tay Đỗ Q. Dao như phún thạch tuôn trào từ núi lửa, như sỏi đá vỡ ra từ địa chấn, lúc ngọt ngào, thơm tho, lúc tanh tưởi, bén nhọn, gợi nhắc Túy Hồng với hơn mười tác phẩm mang nhãn hiệu riêng biệt cho văn nghiệp của bà những thập niên 60 – 70 ở Sàigòn. Người đọc thích thú với những nhận định khá bất ngờ của Đỗ Q. Dao *"Chỉ có cái tử cung của mình mà không quản lý nổi thì còn làm gì được nữa?"* Bà không cần tới nét cọ, màu mực để vẽ chân dung người chồng quái dị trong Đối Gương. Độc giả nhìn thấy ông ta rõ đến ghê người trong ánh mắt sắc cạnh nhưng đượm đầy hài hước của tác giả. Để mô tả sự đê tiện, vô luân đến độ dã man của một người, diễn đạt của Đỗ Q. Dao, với tôi, là tuyệt chiêu. Ở những chỗ khác, bà có cái châm biếm khác, hồn hậu và thương cảm: *"Chị uể oải trở vô nhà, rùng mình nghĩ đến chiếc tủ đá sắp bước vào, chiếc tủ đá lạnh ngắt có đục khung cửa sổ treo màn vải ca rô hồng."*

Trả lời câu hỏi của Từ Nguyên, muốn biết bà có ở trong số các nhà văn thường bắt đầu sự nghiệp cầm bút bằng cách viết tự truyện hay không, Đỗ Q. Dao đã nói: *"Nếu hiểu tự truyện là lấy đời sống nghề nghiệp làm chất liệu thì câu trả lời là: có. Nhưng nếu hiểu tự truyện là giãi bày thân phận của tác giả thì tôi xin thưa: không."* Có lẽ đây vừa là ưu điểm vừa là nhược điểm của tác giả Con Nữ, nó cho người đọc thấy, xuyên suốt tác phẩm, nổi bật phong cách một người kể chuyện chuyên nghiệp, rạch ròi, một thầy thuốc tay nghề cao, đứng bên ngoài lắng nghe, nhìn vào, chẩn đoán những con bệnh (*những thân hình phơi trần ra trên đi văng khám)* đến trong tầm tay, tầm mắt, với sự tỉnh táo, khách quan đến lạnh lùng. Tự chủ hay tiết chế trong các thể hiện nghệ thuật là một đức tính nhưng cảm xúc, rung động là phần hồn, là sức sống của những thể hiện ấy, làm tan chảy ranh giới giữa sáng tạo và đời thật, giữa nhân vật và tác giả, nếu không thế, người đạo diễn sẽ lồ lộ giữa sân khấu dàn dựng, kỹ thuật càng tinh vi càng ngăn trở nguồn giao cảm nơi người thưởng ngoạn, có khi cắt đứt niềm tin vào tác phẩm. Một vài ví dụ, đoạn *"Lisa bẻ gập đầu con thỏ bông... mày đi đi"* tr. 56", phần độc thoại gượng ép, mang dấu ấn tác giả nhiều hơn là xuất phát từ cô bé; đoạn *"Mấy hôm sau, Ba hỏi tôi... không một tiếng nấc hay rên" tr. 66 & 67*(đoạn này làm liên tưởng một cảnh tôi từng xem trong phim Ya Ya Sisterhood mà ấn tượng ông bố đánh đập bà mẹ khi bắt gặp ánh mắt phản đối của bà vì ông đã cho con gái một chiếc nhẫn quí, vẫn còn bám mãi trong ký ức tôi) ; đoạn " *Trên cành anh đào... Trái tim..."* tr. 109 & 110, tính cách thần thoại đưa vào thật bất ngờ, gần như lạc điệu, làm loãng vị đắng cay trong lòng người đàn bà bằng xương bằng thịt vừa biết mình bị tình phụ.

Cũng như mọi tác phẩm lấy đề tài từ những cảnh đời có thật, Con Nữ của Đỗ Q. Dao là một ghi nhận phong phú, sắc sảo, nhân dáng và tâm thế một lượng khá lớn những con người Việt Nam, cuối thế kỷ hai mươi, phải giã từ dòng sông nhỏ theo sóng trôi ra đại dương mênh mông, chưa gội rửa được hết những vết chàm trên thân thể đã thấy mình nhuộm màu từ con nước mới không kém phần lạ lẫm, chua xót và nhọc nhằn. Ngoài tính cách văn chương, tập truyện sẽ còn được đón nhận lâu về sau như một tài liệu xã hội hiện thực phản chiếu vài khía cạnh nhân sinh đã thật sự góp phần làm nên màu sắc đặc thù, hi hữu của cộng đồng người Việt di tản khắp nơi sau thời điểm 30/4/75.

Sau hết, xin có một đề nghị với nhà xuất bản: nên có người đọc lại toàn bộ các tác phẩm giá trị trước khi đưa lên máy in để hoàn chỉnh chính tả.

3/03

Đọc sách:

HÀNH TRÌNH CỦA MỘT KINH TẾ GIA

BÙI VĂN PHÚ

[*Hành Trình Của Một Kinh Tế Gia Việt* (Tâm Bút)
của Phạm Đỗ Chí. 158 trang. Nhà Xuất Bản Trẻ. Sài-gòn, 2003]

Trong vài năm qua đã có những sơ sở xuất bản trong nước cho in và phát hành một số tác phẩm của người Việt hải ngoại. Vì thế tôi không ngạc nhiên khi được đọc tập sách nhỏ Hành Trình Của Một Kinh Tế Gia Việt (Tâm Bút) của tiến sĩ Phạm Đỗ Chí, một người Mỹ gốc Việt hiện giảng dạy tại American University ở thủ đô Washington.

Đây không phải là tác phẩm đầu tiên của Phạm Đỗ Chí. Ông từng viết cho các báo Việt ngữ tại hải ngoại với bút hiệu Phạm Đỗ Thăng Long và đã cho ra đời một tập bút ký khoảng mười năm trước. Hai năm trở lại đây ông cùng với một nhà kinh tế Việt khác ở Úc đứng làm chủ biên hai quyển sách bàn về kinh tế Việt Nam (*) đã được xuất bản trong nước.

Tâm Bút gồm những bút ký và một số bài phân tích tình hình kinh tế Việt Nam, Trung Quốc và thế giới sau biến cố 11 tháng 9. Nếu hai tập sách đã xuất bản mang nặng chất xám và nghiêng hẳn về nghiên cứu kinh tế thì Tâm Bút, như ý của tiểu tựa tập sách, chứa đựng những suy nghĩ và ước vọng tiềm ẩn trong tim, mà nói theo ngôn từ bình dân là tấm lòng của tác giả đối với một quê hương Việt Nam còn lạc hậu, kém phát triển đến mủi lòng khiến tác giả cảm thấy niềm tự hào Con Rồng Cháu Tiên của người Việt chưa được đặt đúng chỗ: "Chúng ta chưa xứng đáng xưng danh Con Rồng Cháu Tiên khi nào đất nước mình còn nghèo và tụt hậu so với các nước láng giềng châu Á."

Việt Nam không chỉ kém mở mang so với lân bang. "Vị trí tụt hậu của Việt Nam, có lẽ chỉ khá hơn vài nước châu Phi trên bản đồ thế giới" là so sánh với những gì tác giả đã tiếp cận ở Niger hay Mauritania, những nơi ông đã có dịp dừng chân tham dự hội nghị về kinh tế và phát triển trong thời gian ba năm làm đại diện thường trực của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế tại Togo, một nước ở phía tây châu Phi (không phải trung Phi như trong sách đã ghi). Niềm tủi hổ ấy còn dấy lên mạnh mẽ khi tác giả nghe các chuyên gia kinh tế hết lời ca ngợi những con rồng của châu Á là Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản tại những hội nghị.

Gần gũi quê nhà hơn, ông làm đại diện cho cùng một cơ quan tài chính quốc tế tại Lào vì thế những quan sát và nỗi dày vò trong tim của tác giả khi nhìn về quê hương có những giá trị thực tế. Ông kể chuyện gặp gỡ, bàn luận với Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Lào về kinh tế hơn mười năm trước đây xem ra cũng giống như hai ba năm trước cựu tổng bí thư Đỗ Mười, trong ban cố vấn tối cao của đảng, đã hỏi cặn kẽ những chuyên viên kinh tế Việt về từng điều khoản trong bản hiệp định thương mại Mỹ-Việt để rồi, vì không đủ kiến thức kinh tế, nên các nhà lãnh đạo Việt Nam đã quyết định đình hoãn việc ký hiệp định đến hơn cả năm. Vì lãnh đạo thiếu kiến thức và một phần còn mang những nghi ngờ, đặc biệt đối với người Mỹ, nên tác giả cũng như nhiều Việt kiều khác muốn mang tài năng đóng góp cho đất nước nhưng cảm nhận mình như là "người lạ" trong môi trường làm việc ở Việt Nam.

Để đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng phát triển lừng khừng, theo tác giả nhà nước cần quyết tâm thúc đẩy đổi mới kinh tế mạnh mẽ hơn bằng việc giảm khu vực quốc doanh, nâng cấp các hoạt động tư doanh, vì ông đã chính mắt nhìn thấy ở nhiều quốc gia kém mở mang những đầu tư do chính phủ thực hiện thường là lãng phí, bị tham nhũng đục khoét và kém hiệu quả, tự do kinh doanh và sản xuất sẽ giúp kinh tế tăng trưởng; cải tiến thủ tục hành chính rườm rà, bớt việc kiểm soát, gây

khó dễ để thu hút đầu tư nước ngoài trở lại; cải tổ hệ thống luật pháp hầu đem đến một xã hội công dân, pháp trị kẻo không sẽ dẫn đến một nền kinh tế "tư bản rừng" như có người đang lo ngại.

Đó cũng chính là những đề nghị mà những nhà kinh tế, đại diện những định chế tài chánh quốc tế có mặt tại Việt Nam đã khuyến cáo từ chục năm qua. Nhưng liệu những nhà lãnh đạo Việt Nam có nhìn ra không? Theo tác giả, tương lai kinh tế Việt Nam tùy thuộc vào "tấm lòng" của những người lãnh đạo để họ "cởi trói" nền kinh tế một lần nữa và tấm lòng của mọi người Việt, kể cả người Việt hải ngoại, muốn góp phần xây dựng đất nước. Về những cố gắng đóng góp của người Việt hải ngoại, tác giả nhận xét Trung Quốc và Do Thái thành công trong việc mời gọi con dân của họ về giúp nước, còn Việt kiều về nước làm ăn vẫn chưa được tin tưởng và còn bị coi như người xa lạ.

Hành trình trong đời của giáo sư Phạm Đỗ Chí và sự ra đời của Tầm Bút bắt đầu từ những ngày tác giả còn ở bậc trung học đệ nhị cấp tại trường Chu Văn An, Sài-gòn, với ham mê làm báo học trò, và khi những hoài bão của tuổi trẻ về quê hương bắt đầu nảy sinh dù trong một đất nước khói lửa chiến tranh là những ước mơ góp phần xây dựng. Sau tú tài 2, tác giả đã học y khoa một năm ở Sài-gòn, nhưng lại đổi ý và theo đuổi ngành kinh tế tại một đại học Canada, rồi qua Mỹ học thạc sĩ (ngày xưa gọi là cao học) và tiến sĩ kinh tế ở Wharton School, Đại Học Pennsylvania.

Tầm Bút ghi nhận những điều rất thực, từ những trận bão cát ở vùng sa mạc Sahara, những cơn mưa rào trên đất Togo hay con sông Mekong ở khúc phân chia hai xứ Lào-Thái sao nhỏ hẹp làm tác giả ước mình được thành chiếc thuyền mong manh xuôi nguồn về cố hương, rồi những nỗi niềm riêng của tác giả trong ngày 11 tháng 9 kinh hoàng năm nào khi đang trên đường trở về đất Mỹ từ Paris. Người đọc cũng thoáng thấy nếp sống, những nét văn hóa của người Việt ở trong và ngoài nước, thấy cuộc sống quá khứ trung lưu của gia đình tác giả, thấy tình cảm, cách làm việc của con người thay đổi theo hoàn cảnh sống. Nhưng Tầm Bút thiếu cái hình ảnh của đa số con người Việt Nam còn nghèo khó hiện tại, chẳng hạn như cảnh thôn nghèo hay những đứa trẻ lam lũ kiếm ăn, những người ăn xin hay những bác đạp xích lô trên đường phố ở Hà Nội, Đà Nẵng, Sài-gòn dù tác giả đã ghi lại nhiều chi tiết khác ở những nơi đó.

Với Tầm Bút, tiến sĩ Phạm Đỗ Chí muốn trả một món nợ tinh thần đối với người viết cuốn sách Nói Với Tuổi Hai Mươi - của Thích Nhất Hạnh, nhưng tên thầy không được nhắc đến - được xuất bản cách đây gần 40 năm cho thanh niên của Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội Sài-gòn. Cuốn sách này, kể từ khi bắt gặp lần đầu ở tuổi 15, 16 đã được tác giả dùng làm sách dẫn đường trong cuộc sống có nhiều vô thường: học cho hết mình mà vui chơi cũng trọn nghĩa ân tình với thân nhân, bạn bè; vào đời thì đam mê với công việc và đem hết khả năng ra giúp đời.

Đã thành tài, từng bôn ba nhiều chân trời góc biển, nay tác giả muốn truyền lại ít nhiều kiến thức, kinh nghiệm và một tấm lòng rộng mở có thể nói như là "nước tuôn ra bể lại mưa về nguồn" cho những thế hệ sau mà người đọc tìm thấy trong Tầm Bút.

(*) Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên (2001) và Những Vấn Đề Kinh Tế Việt Nam: Thử Thách và Hội Nhập (2002)
Cả hai quyển đều do Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình chủ biên và do NXB Thời Báo Kinh Tế Sài-gòn in.

(20 tháng 2, 2003)

TRẦN CÔNG NGHỊ

KHÚC CUỐI

em đi rồi nắng tắt bên kia sông
cây dương cao cất tiếng lạnh lùng
và gió bay mang hương đi thật xa

tiếng chân êm như ru xóa nhòa trên cát
biển âm thầm vỗ về hôn vết chân ai
gót tình sầu vắng lặng tiễn người đi vào tàn phai

khi em đi rồi còn gì để nói
đêm mênh mông lạnh biển không lời
giọt nắng phôi pha lúc hoàng hôn còn đọng lại
cũng tàn đi rồi buốt giá căm căm

không còn gì chỉ còn ta ngồi lại
không gương soi dấu linh hồn vì đêm
đêm mênh mông

12.2002

QUẬN CAM

Tự Tình Khúc của VAALA

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức một chiều nhạc thính phòng đầy tính chất nghệ thuật để gây quỹ tổ chức Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế(ViFF) tại rạp hát La Mirada, Nam California, vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng 9 tháng Ba năm 2003 đã tạo được nhiều thích thú trong giới thưởng ngoạn.

Chương trình nhạc thính phòng chủ đề Tự Tình Khúc là một chương trình đầy ắp một số bản tình ca lãng mạn, nồng nàn của nhiều thập niên và được nhiều người Việt ái mộ từ thời nhạc tiền chiến tại Việt Nam cho đến những sáng tác mới của một số nhạc sĩ trẻ tại hải ngoại.

Nhạc phẩm mở đầu Và Con Tim Đã Vui Trở Lại của nhạc sĩ Đức Huy do ba tiếng hát Trần Thái Hòa, Diễm Liên và Nguyên Khang, với hòa âm mới mẻ và phong cách trình diễn không theo lối sáo mòn đã tạo một cảm giác hưng phấn rộn rã trong lòng người xem. Từ đó chương trình chiều nhạc thính phòng tiếp diễn trong những tình khúc với các ca sĩ trẻ: Ý Lan, Thanh Hà, Quang Tuấn, Trần Thái Hòa, Nguyên Khang và Diễm Liên mang đến cho giới thưởng ngoạn một chương trình nhạc đầy nghệ thuật cùng với ban nhạc cũng do những người trẻ thực hiện: Nguyễn Vương Hương, (piano), Nguyễn Luân Vũ (viloin), Đặng Trần Thiện (violin), Nguyễn Thị Hậu (cello), Lê Ngọc (guitar), Sỹ Dự (keyboard) Duy Luân (bass), Nguyễn Huy (trống). Phần hòa âm phần lớn trong chương trình là do Vương Hương, Sỹ Dự và Lê Ngọc.

Khán giả đã thích thú theo dõi từng tiếng hát của từng ca sĩ, mỗi người đều có nét riêng biệt của mình. Một Nguyên Khang với tiếng hát khỏe, vạm vỡ mang đầy cá tánh của đàn ông gây rung cảm trầm lắng khi hát những bản nhạc tình đầy lãng mạn.

Ý Lan, ái nữ của danh ca Thái Thanh, một trong những giọng ca đắt giá nhất hiện nay trong thế giới âm thanh Việt Nam tại hải ngoại, có tiếng hát mang những âm điệu đài các của một phụ nữ kiêu sa. Cô cho biết hát lại bản Người Đi Qua Đời Tôi để tặng lại cho mẹ cũng có mặt chiều nay như một lời cảm ơn của một người con.

Trần Thái Hòa mới xuất hiện trong thời gian mấy năm gần đây rất thích hợp với những tình khúc, với một giọng ca trầm ấm vững chãi. Tôi Đưa Em Sang Sông của Nhật Ngân đến Vết Sâu Ngậm Ngùi của Sỹ Dự do Trần Thái Hòa đã mang đến người nghe những âm hưởng ngọt ngào.

Từ trái: Quỳnh Hương, Y Sa, Hoàng Trọng Thụy đang trao bức tranh cho vị khán giả thắng cuộc trong buổi đấu giá.

Thanh Hà với Tuổi Xa Người của Từ Công Phụng cùng hát với Trần Thái Hòa và Nỗi Niềm của Tuấn Khanh, tiếng hát của Thanh Hà như nức nở, như uất nghẹn trong giọng nhạc tràn đầy những khắc khoải.

Qua bản Tà Áo Xanh của Đoàn Chuẩn và Từ Linh và một số tình khúc khác, Quang Tuấn đã thật sự chiếm được cảm tình có thể nói là cao nhất của khán giả chiều nay. Với dáng điệu hơi "cứng" Quang Tuấn hát trầm tĩnh, lời chữ rõ ràng và giọng hát như mang

một hấp lực trùm lấp cảm xúc người nghe.

Diễm Liên xuất hiện trẻ trung như một cô nữ sinh, giọng hát rất hào sảng như muốn mang tặng hiến nó cho tất cả khách yêu nhạc, như một cô gái con nhà giàu muốn chia tài sản của mình cho mọi người.

Tất cả sáu giọng hát và sáu người chơi đàn cùng phối âm phối khí trẻ có mặt trong chương trình nhạc chiều nay đã khiến cho giới thưởng ngoạn tin tưởng vào sự thừa kế của thế hệ thứ hai trong âm nhạc Việt Nam hải ngoại. Họ thừa kế lớp người đi trước nhưng không theo lối mòn đã cũ, buổi trình diễn nhạc chiều nay xác nhận rõ điều đó. Vẫn những bản tình ca mà nhiều thế hệ trước họ đã trình diễn, họ có cách riêng của họ để khán thính giả ngày nay cảm nhận vẫn cái hay cái đẹp ấy, nhưng theo tâm tình và không khí nghệ thuật của đầu thế kỷ 21. Họ chứng tỏ họ có khả năng, trình độ và rất bản lãnh.

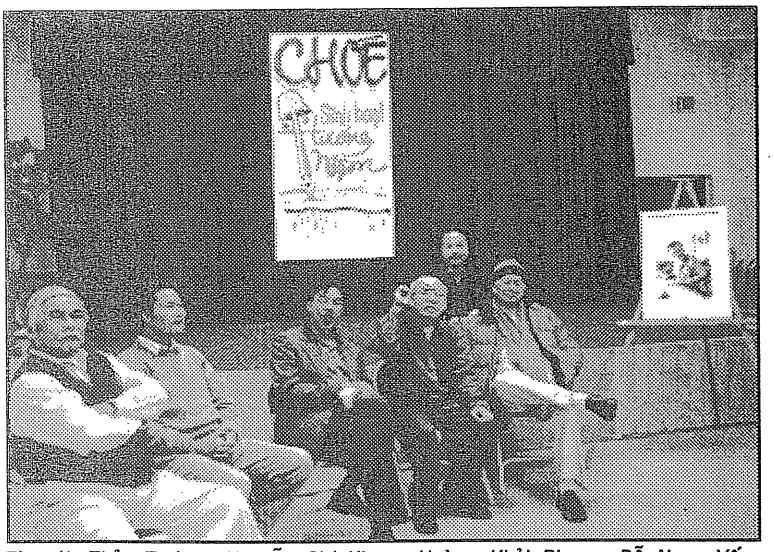

Từ trái: Thảo Trường, Nguyễn Chí Kham, Hoàng Khởi Phong, Đỗ Ngọc Yến, Etcetera (đứng), Phạm Duy trong buổi tưởng niệm Chóe.

Trong buổi chiều nhạc thính phòng này, một số trích đoạn phim của đạo diễn Việt Nam đã được trình chiếu để giới thiệu Đại Hội Điện Ảnh sắp tới do VAALA tổ chức. Cũng trong mục đích gây quỹ, trong buổi này còn có một cuộc bán đấu giá thầm lặng (silent auction) bức tranh của họa sĩ Nguyễn Quỳnh có tựa đề "Việt Nam, Tổ Quốc và Cưng." Người trả giá cao nhất, 3,500 đô-la, là ông bà Frank và Chi Hàng đã sở hữu bức tranh đặc biệt này.

Nhà văn Đặng Trần Huân qua đời

Nhà văn Đặng Trần Huân đã trút hơi thở cuối cùng trên giường bệnh bên cạnh những người thân trong gia đình vào sáng ngày 22 tháng Ba năm 2003 tại thành phố West Covina, Nam California, hưởng thọ 75 tuổi.

Nhà văn Đặng Trần Huân sanh trưởng ở miền Bắc Việt Nam, vào Nam sau Hiệp Định Giơ Neo năm 1954 và đã gia nhập vào Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc sau cùng là Thiếu Tá. Ông từng du học ở Hoa Kỳ và ông đã đảm nhận chức vụ Tổng Thư Ký Tòa Soạn Chiến Sĩ Cộng Hòa từ năm 1966 cho đến ngày 30 tháng Tư 1975, kiêm Trưởng Phòng Báo Chí Cục tâm Lý Chiến, Tổng Cục Chiến Tranh Chánh Trị.

Ông nổi tiếng với cuốn "Chuyện Cấm Đàn Bà" đã tái bản nhiều lần trong khoảng thời gian cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970.

Các tác phẩm khác của ông: *Ngày Vui*, truyện ngắn, 1962; *Hải Đảo Thần Tiên*, truyện dịch, 1963, *Chuyện Vợ Chồng*, chuyện Vui,1970; *Thành Phố Buồn Thiu*, bút ký, năm 1970;

Ông đi định cư ở Hoa Kỳ cùng với gia đình đầu thập niên 1990.

Tại đây, nhà văn Đặng Trần Huân đã xuất bản: *Hành Trình Một H.O*, một bút ký ông nói về những chặng đường gian nan của những cựu tù cải tạo Cộng Sản, *Chữ Nghĩa Bề Bề* để làm sáng tỏ một số nghi vấn liên quan đến văn học cũng như ngôn ngữ Việt Nam...

Qua Mỹ một thời gian ông bị nhiều thứ bệnh và đã qua vài lần giải phẫu. Sức khỏe tuy yếu dần nhưng ông vẫn viết rất đều cho các báo. Ông bị ngã bệnh nặng trở lại cách đây chừng non một tháng và vừa ra đi trong sự thương tiếc của gia đình và bằng hữu.

Tưởng niệm họa sĩ Chóe

Một số văn nghệ sĩ thân hữu đã tham dự đêm Tưởng Niệm Họa Sĩ Chóe vừa tạ thế tại Miền Đông Hoa Kỳ vào tối ngày Chủ Nhật 16 tháng Ba năm 2003.

Các thân hữu và văn nghệ sĩ như Phạm Duy, Thảo Trường, Đỗ Ngọc Yến, Ngọc Hoài Phương, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Chí Kham... đã nhắc lại nhiều kỷ niệm lúc sinh thời của Họa Sĩ Chóe, nhất là những sinh hoạt của ông trên lãnh vực

tranh biếm họa và các hoạt động văn học nghệ thuật khác.

Họa Sĩ Chóe tên thật là Nguyễn Hải Chí, sanh ở Long An đã có biệt tài về biếm họa và tác phẩm của ông đã được các báo chí quốc tế khen ngợi và được in lại ở ngoại quốc. Họa sĩ Chóe đã lãnh nhiều hậu quả "tai hại," kể cả tù đày, vì tài biếm họa của ông, trước và cả sau 1975.

Thời gian sau này ông bị bệnh tiểu đường khá nặng làm ảnh hưởng đến thị giác của ông. Cuối năm 2002, các nghệ sĩ Trần Lãng Minh và Nga Mi đã vận động bán tranh của ông để ông có tiền sang Hoa Kỳ chữa trị. Tháng rồi ông mới sang được Hoa Kỳ nhưng mọi việc đã trễ. Ông sang trị bệnh tại vùng Virginia và đã từ trần vào tuần qua thọ 61 tuổi. Họa sĩ Chóe sẽ được an táng tại quê nhà.

PHÁP QUỐC

'CON NỮ' CỦA ĐỖ QUỲNH DAO RA MẮT TẠI PARIS

Chiều thứ bảy ngày 22 tháng 3 vừa qua với cái nắng êm ái đầu xuân, Đỗ Quỳnh Dao đã cho Con Nữ, đứa con tinh thần đầu lòng, ra chào bà con bè bạn.

Phòng khánh tiết tòa Thị sảnh Sceaux, một thành phố tại ngoại ô nam Paris, chứa 200 người không còn ghế trống, ai cũng ngạc nhiên: ra mắt sách mà sao đông người đến vậy! Tác giả «Con Nữ » chào và cám ơn quan khách, xong nhường lời cho Mai Ninh giới thiệu tác phẩm với những nhận xét vừa tinh tế của một nhà phê bình văn học, vừa cảm tính của một độc giả và cuối cùng bày tỏ nỗi ngạc nhiên thú vị của một người bạn thời dành nhau ăn me chua cùng khăn gói du học bên Tây.

Người ta thường đặt câu hỏi «viết cái gì, viết cho ai, vì sao mà viết». Với Đỗ Quỳnh Dao câu trả lời chỉ giản dị: chỉ là, và phải là... *''do xúc động trước một cái gì.* » Cái gì đó có khi đơn sơ «một hình ảnh, một câu nói, một thở than » đến rắc rối nhiêu khê hơn «một tâm sự, hay một mẩu đời...Viết với tất cả tấm lòng của mình, không rào đón ý tưởng, không đóng khung cảm xúc... *trọn vẹn và chí tình...* » (Đỗ Quỳnh Dao trả lời Thụy Khuê trong chương trình văn học giới thiệu Con nữ ngày 01-03-03 trên đài phát thanh RFI). Thụy Khuê đã nhận định rằng Đỗ Quỳnh Dao có «... *cái nhìn nhân bản của người thầy thuốc. Chị vừa muốn băng bó những vết thương thể xác của người bệnh, lại muốn an ủi niềm đau tinh thần của những con người lành mạnh không bệnh tật, nhưng có những vết thương tâm hồn...* »

Nếu người viết càng lúc càng ngắn gọn nói phớt qua từng diễn biến, thì khi đọc Con Nữ, Văn Ngọc đã nói: « Đỗ Quỳnh Dao có một phong cách viết, thoạt nhìn tưởng như khá cổ điển. *Ít nhà văn nào ngày nay mà còn có can đảm và kiên nhẫn để miêu tả hàng trang, hàng trang, cái khung cảnh vật chất trong đó một câu chuyện xảy ra.*»

Các truyện của Đỗ Quỳnh Dao đã được Từ Trì chia làm bốn chủ đề: 1. Cô đơn đau khổ; 2. Tình người; 3. Nhẫn nhục chịu đựng; 4. Giá trị đời sống; và Từ Trì đã gọi "Con nữ là một bộ họa phẩm xã hội" (*Tin Văn*, số tháng 4-2003). Nếu bốn chủ đề này ít nhà văn nào đào sâu khai phá thì Đỗ Quỳnh Dao đã làm điều đó, nếu nỗi đau hồn xác chỉ được mô tả qua tâm cảm nhân sinh người viết, thì Đỗ Quỳnh Dao đã nhìn bịnh nhân sắp xa mình xa người xa đời với tâm trạng của một lương y rồi diễn ra với một bút pháp "có tài chuyển đổi từ giọng văn nhẹ nhàng bồng bềnh như nước sông Hương sang một ngôn ngữ dập dồn của con sông dậy sóng..." (Mai Ninh).

Đây là tập truyện ngắn đầu tay viết trong vòng vài năm, Đỗ Quỳnh Dao đã được độc giả đón chào nồng nhiệt và dành ngay cho Con Nữ một chỗ đứng. Nếu tìm cách để chê thì ngay cả những đại tác giả lừng danh vẫn còn có chỗ. Nên dù về mặt ngôn từ hay cú pháp không phải là toàn mỹ, những gì Đỗ Quỳnh Dao viết đều rất thật, rất chuyên chở, và "*cách lý giải về chuyện bình thường lại có cái gì vượt thường*" (Nguyễn Mộng Giác).

Một cách viết rất Đỗ Quỳnh Dao. Ngay cả người bạn thời thơ trẻ Mai Ninh cũng xác nhận rất ngạc nhiên vì "*có những điều thâm trầm ẩn khuất mà mình không biết đến.*"

Phần hai là mục văn nghệ khá dồi dào qua lời giới thiệu vui vẻ duyên dáng của Mạch Nha. Các bạn văn đã đến mừng Con Nữ như Thụy Khanh, Đặng Mai Lan, Phạm Trọng Luật, Mạch Nha, Mai Ninh, Miêng, Y Nguyên, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Trần Thị Diệu Tâm, Liễu Trương, Phan Thị Trọng Tuyến, Nam Dao, Trần Thanh Hiệp, Cổ Ngư, Trần Công Sung, Trần Vũ và nhà soạn nhạc Tôn Thất Tiết... Ngoài ra có sự hiện diện của ông Thị trưởng Sceaux và dù không hiểu tiếng Việt, ông vẫn thích thú ngồi thưởng thức văn nghệ tới khi vãn vào lúc 18g30, thay vì chỉ năm mười phút như dự định./.

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Happy New Year 2003

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY

Little Saigon
8860 Bolsa Ave., Ste A
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 899-3825
(Góc Bolsa & Magnolia, kế bên Bank of America)

San Jose
1716 Tully Road
San Jose, CA 95122
Tel.: (408) 528-9860
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)

San Gabriel
120 E. Valley Blvd., Ste. H
San Gabriel, CA 91776
Tel.: (626) 571-8707
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Hawaii, kế bên Phở Số 1)

El Monte
9611 E. Garvey Ave., #118
S. El Monte, CA 91733
Tel.: (626) 444-5588
(Khu Garvey Center, gần nhà hàng Mỹ Hạnh)

TIỀN 100 DOLLAR MỚI
GIAO TẬN NHÀ

LỆ PHÍ THẤP

San Diego
4654 El Cajon Blvd.
San Diego, CA 92115
Tel.: (619) 283-8700
(Góc El Cajon và Menlo Ave.)

Dallas
3347 W. Walnut St. #129A
Garland, TX 75042
Tel.: (972) 494-9496
(Trong khu Hiệp Thái Plaza)

Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang. Đại Lý cho Kim Phú sẽ được làm giấy tờ hợp pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ.

1 (888) 546-7489
www.kimphu.com

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim